TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Mã số DN: 0100106440

Số: 224./2025/LICOGI-CBTT

(V/v CBTT Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 và tài liệu đại hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 và các tài liệu đại hội.

(Có Biên bản họp, Nghị quyết và các tài liệu kèm theo)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào ngày 20/06/2025 tại đường dẫn: http://www.licogi.com.vn/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGĐ (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP

TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP

Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80./2025/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP
(Theo hình thức họp trực tuyến)

Tên đơn vị: TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: Nhà G1, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Mã số doanh nghiệp số: 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 27/2/2025, cấp đổi lần thứ 10

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 15 phút ngày 19/6/2025, tại Trụ sở Tổng công ty LICOGI - CTCP, Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") năm 2025 (theo hình thức Đại hội trực tuyến) của Tổng công ty LICOGI - CTCP (Sau đây gọi tắt là "**Đại hội**"), cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Cổ đông của Tổng công ty LICOGI - CTCP ("Tổng công ty LICOGI") tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội;
- Tham dự Đại hội còn có các Ông/bà là Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Phụ trách một số phòng của Tổng công ty có liên quan;
- Đại diện Công ty Kiểm toán quốc tế (ICPA) - Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024;
- Một số cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ của Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTs) - đơn vị tư vấn Đại hội đồng cổ đông trực tuyến năm 2025.

B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành

Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Trọng Thanh,** Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty LICOGI tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội là 519 cổ đông, với số cổ phần là 90.000.000 cổ phần (Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội theo danh sách được Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - VSDC cung cấp, chốt ngày 21/5/2025).

- Tổng số cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm khai mạc Đại hội vào hồi 8 giờ 15 phút ngày 19/6/2025 là 9 cổ đông, đại diện cho 88.270.479 cổ phần, tương ứng tổng số cổ phiếu biểu quyết là 88.270.479 phiếu biểu quyết, chiếm 98.0783% tổng số cổ phần của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Tổng công ty LICOGI (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/6/2021, Đại hội đồng cổ đông năm 2025 của Tổng công ty LICOGI với thành phần tham dự như trên là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

2. Khai mạc Đại hội

Ban tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do;

- Giới thiệu khách mời tham dự;

Ban tổ chức tiến hành bầu Đoàn chủ tịch, bầu Ban kiểm phiếu, chỉ định Ban thư ký, thông qua Chương trình đại hội, Quy chế tổ chức đại hội và Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị bằng hệ thống bỏ phiếu điện tử, cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự họp: 14 người, đại diện cho 88.289.579 cổ phần, tương ứng tổng số cổ phiếu biểu quyết là 88.289.579 phiếu biểu quyết, chiếm 98,0995% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;

Tổng số tờ phiếu phát ra: 14 đại diện cho 88.289.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Tổng số tờ phiếu thu về: 11 đại diện cho 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9880% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Tổng số tờ phiếu không thu về: 3 đại diện cho 10.600 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0120% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

2.1. Bầu Đoàn Chủ tịch

Sau khi nghe Ban tổ chức thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ về số lượng và giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến của Đoàn Chủ tịch là 03 thành viên gồm các Ông/bà có tên sau đây:

- Ông Đinh Việt Tùng, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa;

- Ông Phan Thanh Hải, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty;

- Ông Nguyễn Danh Quân, Thành viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông đã biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 11 đại diện cho: 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Đoàn chủ tịch đã được thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

2.2. Bầu Ban kiểm phiếu và chỉ định Ban thư ký

a) Bầu Ban kiểm phiếu: Để giúp Đại hội thực hiện công tác bầu cử, kiểm phiếu, Đại hội đã nghe Hội đồng quản trị giới thiệu số lượng và danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu là 03 thành viên, bao gồm các Ông/bà có tên dưới đây:

- Ông Nguyễn Trọng Thanh, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ là Trưởng ban;

- Ông Nguyễn Công Nghị, Phó chủ tịch Công đoàn Tổng công ty là thành viên;

- Ông Đinh Hải Ninh, Trưởng phòng Thanh tra pháp chế là thành viên.

Cổ đông đã biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 11 đại diện cho: 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm

0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Ban kiểm phiếu đã được thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

b) Ban thư ký: Ban Thư ký do Đoàn chủ tịch chỉ định, có nhiệm vụ giúp Chủ tọa ghi chép diễn biến của Đại hội, lập biên bản Đại hội và dự thảo Nghị quyết của Đại hội, gồm 02 thành viên có tên dưới đây:

- Bà Nguyễn Thị Oanh, Chánh Văn phòng HĐQT, Thư ký Tổng công ty là Trưởng ban;

- Ông Phạm Kim Ngọc, Thư ký Tổng giám đốc là thành viên.

3. Thông qua chương trình Đại hội

Sau khi nghe Ban tổ chức công bố chương trình Đại hội; Đại hội đã thảo luận và thông qua Chương trình Đại hội với kết quả:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 11 đại diện cho: 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Chương trình Đại hội đã được thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

4. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội

Sau khi nghe Ban tổ chức công bố Quy chế làm việc; Đại hội đã thảo luận và thông qua Quy chế Đại hội với kết quả:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 11 đại diện cho: 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm

100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Quy chế Đại hội đã được thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

5. Thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi nghe Ban tổ chức công bố Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội; Đại hội đã thảo luận và thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị với kết quả:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 11 đại diện cho: 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT đã được thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

6. Nội dung chính của Đại hội

Đại hội đã nghe các báo cáo và tờ trình về các nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 do Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày;

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 do Ông Phan Hải Triều - Trưởng ban Kiểm soát trình bày;

- Báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025 do Ông Phan Thanh Hải - Tổng giám đốc trình bày;

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán do Ông Nguyễn Anh Dũng - Phó Tổng giám đốc trình bày.

- Các Tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát do Ông Phan Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị trình bày, bao gồm:

+ Tờ trình số 73/2025/TTr - HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024; Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2025;

+ Tờ trình số 74/2025/TTr - HĐQT về thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

+ Tờ trình số 75/2025/TTr - HĐQT về thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty LICOGI – CTCP;

+ Tờ trình số 76/2025/TTr - HĐQT về Tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại doanh nghiệp khác;

+ Tờ trình số 77/2025/TTr - HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025;

+ Tờ trình số 78/2025/TTr - HĐQT về quyết toán chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025;

+ Tờ trình số 01/2025/TTr - BKS về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;

+ Tờ trình số 79/2025/TTr - HĐQT về miễn nhiệm, bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

C. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN

Ban Thư ký ghi nhận câu hỏi của cổ đông gửi đến Đoàn chủ tịch và ý kiến trả lời của đại diện Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành như sau:

1. Câu hỏi của cổ đông Hoàng Vân Linh với nội dung:

Câu hỏi 1: Hiện nay Chủ trương đầu tư dự án KĐT Thịnh Liệt đã hết hạn? Rủi ro pháp lý trong trường hợp TP HN thu hồi chủ trương đầu tư KĐTM Thịnh Liệt không, Ban lãnh đạo đánh giá như thế nào?

Câu hỏi 2: Cho tôi được biết kế hoạch triển khai pháp lý của dự án KĐT Thịnh Liệt, cụ thể,

- Đến hiện nay Công ty đã nộp khoản 348 tỷ theo Kết luân thanh tra theo kế hoạch của công ty đưa ra chưa?

-Chủ trương phê duyệt của KĐT Thịnh Liệt đã triển khai như thế nào? Điều chỉnh chủ trương hay phê duyệt lại chủ trương?

- Về việc tăng vốn chủ sở hữu để đáp ứng theo yêu cầu pháp luật để đáp ứng phê duyệt chủ trương hoặc điều chỉnh chủ trương, công ty có kế hoạch cụ thể theo phương án nào, có cần phải tăng vốn chủ sở hữu không?

- Dự kiến trong năm nay kế hoạch giải phóng mặt bằng phần còn lại như thế nào, giá trị đền bù đã ước tính bao nhiêu?

- Công ty đã có sơ bộ tiền chuyển đổi sử dụng đất nộp cho Nhà Nước là bao nhiêu?

Câu hỏi 3: 01/01/2026 không còn là công ty Đại Chúng, Ban Lãnh đạo có phương hướng khắc phục không?

2. Câu hỏi của cổ đông Nguyễn Hữu Hải với nội dung:

Câu hỏi 1: Dự kiến thời gian triển khai dự án Thịnh Liệt? Các nội dung đã thực hiện được và các nội dung còn phải thực hiện để triển khai Dự án?

Câu hỏi 2: Dự kiến tổng mức đầu tư KĐT Thịnh Liệt theo chủ trương mới, tiền sử dụng đất dự kiến phải nộp và công ty có kế hoạch huy động vốn để triển khai như thế nào?

Câu hỏi 3: Trong BCTC quý 1 năm 2025 so với BCTC năm 2024, có khoảng 180 tỷ công ty sử dụng cho dự án Thịnh Liệt, đề nghị công ty cho tôi biết khoản này dùng vào việc gì?

3. Câu hỏi của cổ đông Nguyễn Công Minh với nội dung:

Câu hỏi 1: Nhà nước có ý định thoái vốn tại LIC không ?

Câu hỏi 2: Công ty có kế hoạch tăng vốn phát hành cho cổ đông hiện hữu để triển khai dự án Thịnh Liệt không ? Vốn chủ sở hữu LIC quá nhỏ so với quy mô dự án thì triển khai kiểu gì?

Câu hỏi 3: Tiền sử dụng đất dự án Thịnh Liệt đã đóng được bao nhiêu và còn thiếu bao nhiêu?

Câu hỏi 4: Ước tính chi phí để GPMB nốt 15% còn lại của dự án Thịnh Liệt là bao nhiêu?

4. Câu hỏi của cổ đông Phạm Thị Sương với nội dung: Năm nay khu đô thị Thịnh Liệt có triển khai kế hoạch gì tiếp theo không, các dự án khác ngoài Thịnh Liệt thì sao? Các công ty con CKD, L14, BHA có thoái hết vốn năm nay không, dự kiến khi nào SCIC thoái hết vốn (có trong năm nay không)?

5. Câu hỏi của cổ đông Đào Thị Liên Hợp với nội dung: Tôi hỏi việc huỷ niêm yết của Công ty có vi phạm luật quản lý vốn Nhà Nước mới sửa đổi không?

Các câu hỏi của các cổ đông tập trung chủ yếu vào một số nội dung như thoái vốn Nhà Nước tại LICOGI, thoái vốn tại công ty con, công ty liên kết, các nội dung liên quan đến Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt và việc LICOGI không còn là Công ty đại chúng từ 01/01/2026. Với các nội dung trên, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc LICOGI xin trả lời như sau:

1. Về nội dung thoái vốn Nhà nước tại LICOGI: Từ trước đến nay, LICOGI luôn nằm trong danh mục các Công ty Nhà nước thực hiện thoái vốn. Tuy nhiên, theo văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ, việc thoái vốn chỉ được thực hiện sau khi khắc phục hết các tồn tại từ thời điểm cổ phần hóa. Đến thời điểm hiện tại, về cơ bản các tồn tại đã được khắc phục, LICOGI đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước giá trị tạm nộp chi phí cơ hội của Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt theo kết luận của Thanh tra Chính phủ vào tháng 4 vừa qua. Vì vậy, cổ đông SCIC đã báo cáo cấp có thẩm quyền và sẽ triển khai thoái vốn trong năm 2025 và 2026 sau khi được phê duyệt.

2. Về nội dung thoái vốn tại công ty con, công ty liên kết: Hội đồng quản trị đã có Tờ trình trình ĐHĐCĐ thoái vốn tại 08 Công ty liên kết, trong đó L14, BHA sẽ thuộc diện thoái vốn trong năm 2025-2026. LICOGI sẽ thực hiện thoái vốn vào thời điểm thích hợp, đảm bảo lợi ích của cổ đông. Đối với CKDA, không thuộc diện thoái vốn trong năm 2025-2026.

3. Về nội dung liên quan đến Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt:

- Thời gian vừa qua, việc gia hạn chủ trương đầu tư bị chậm là do UBND TP Hà Nội yêu cầu LICOGI thực hiện nộp khoản tiền chi phí cơ hội của Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt vào Ngân sách Nhà nước theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Đến nay LICOGI đã thu xếp tài chính và hoàn thành nghĩa vụ nộp NSNN nêu trên, đồng thời LICOGI đang tích cực làm việc với các Sở, Ban, Ngành, hoàn thiện các hồ sơ gia hạn chủ trương đầu tư để trình UBND TP Hà Nội xem xét, phê duyệt.

- LICOGI đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 với diện tích là 298.504,9 m2 đất, đạt 85% trên tổng diện tích 351.618 m2 đất của dự án, với số tiền đã chi trả là 514.523 triệu đồng. Sau khi được UBND TP Hà Nội phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, LICOGI sẽ tiếp tục đền bù giải phóng mặt bằng giai

đoạn 2, giá đền bù sẽ do UBND TP Hà Nội quyết định. Sau khi đền bù giải phóng mặt bằng xong, UBND TP Hà Nội sẽ có quyết định tiền sử dụng dất dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt làm cơ sở để LICOGI nộp tiền sử dụng đất.

- Tổng mức đầu tư của dự án không thay đổi. LICOGI chỉ điều chỉnh tiến độ dự án, hoàn thành vào quý III/2029. Tuy nhiên, trong thời gian tới, do biến động của giá đất, sự thay đổi của cơ chế chính sách, Cơ quan Nhà nước có thể yêu cầu thay đổi tổng mức đầu tư.

- Theo báo cáo của Hội đồng quản trị, trong thời gian tới LICOGI sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ của LICCOGI vào thời điểm thích hợp, đảm bảo nguồn vốn triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

4. Về nội dung LICOGI sẽ không còn là công ty đại chúng từ 01/01/2026: Theo quy định của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, từ 01/01/2026, LICOGI sẽ không còn là công ty đại chúng nếu không đủ 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ. Trong trường hợp không phải là công ty đại chúng nhưng LICOGI vẫn sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ với cổ đông thông qua việc công bố thông tin kịp thời, công khai, minh bạch trên Website của Tổng công ty để cổ đông có thể theo dõi, nắm bắt toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

D. BIỂU QUYẾT CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

Đại hội đã tiến hành biểu quyết tại cuộc họp để thông qua các báo cáo, các tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự họp: 16 người, đại diện cho 88.291.180 cổ phần tương ứng tổng số phiếu biểu quyết là 88.291.180 phiếu biểu quyết, chiếm 98,1013% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;

Tổng số tờ phiếu phát ra: 16 đại diện cho 88.291.180 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9880% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Tổng số tờ phiếu không thu về: 4 đại diện cho 10.601 phiếu biểu quyết, chiếm

0,0120%% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

4. Thông qua tờ trình về Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu

quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

5. Thông qua tờ trình về báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

6. Thông qua tờ trình về chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty LICOGI - CTCP.

Đại hội đã biểu quyết thông qua về chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty LICOGI - CTCP với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

7. Thông qua tờ trình về Tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại doanh nghiệp khác.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại doanh nghiệp khác với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

8. Thông qua tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2025 với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong

đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

9. Thông qua tờ trình về quyết toán chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua quyết toán chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

10. Thông qua tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Đại hội đã biểu quyết thông qua về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 với kết quả như sau:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

11. Thông qua tờ trình về miễn nhiệm, bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Đại hội đã biểu quyết thông qua miễn nhiệm, bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị với kết quả:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 12 đại diện cho 88.280.579 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: 11 đại diện cho 88.278.579 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy, nội dung trên đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

E. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2021-2026

Sau khi nghe Đoàn chủ tịch báo cáo, ngoài danh sách đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử theo quy định tại khoản 3, Điều 21 Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước ngày khai mạc, Đại hội đã thực hiện quyền ứng cử, đề cử trực tiếp tại Đại hội. Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách đề cử và tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP và Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, kết quả như sau:

Tổng số cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự họp: 17 người, đại diện cho 88.331.080 cổ phần, tương ứng 88.331.080 phiếu biểu quyết, chiếm 98,1456% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;

Tổng số tờ phiếu phát ra: 17 đại diện cho 88.331.080 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Tổng số tờ phiếu thu về: 13 đại diện cho 88.320.479 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9880% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Tổng số tờ phiếu không thu về: 4 đại diện cho 10.601 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0120% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 13 đại diện cho 88.320.479 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 (bầu dồn phiếu):

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (% tính trên số CP của cổ đông tham dự và biểu quyết)
1	Vũ Đình Chiến	13	100

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty LICOGI và Quy chế Bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ông Vũ Đình Chiến, sinh ngày 30/4/1973, CCCD số 001073033168 do

Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2023, Kỹ sư xây dựng, Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường đã trúng cử thành viên HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP nhiệm kỳ 2021-2026.

F. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Sau khi nghe Bà Nguyễn Thị Oanh, Trưởng ban Thư ký trình bày toàn văn Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội. Đoàn Chủ tịch đã điều hành để Đại hội biểu quyết tại cuộc họp để thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự họp: 18 người, đại diện cho 88.331.580 cổ phần tương ứng tổng số phiếu biểu quyết là 88.331.580 phiếu biểu quyết, chiếm 98,1462% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;

Tổng số tờ phiếu phát ra: 18 đại diện cho 88.331.580 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Tổng số tờ phiếu thu về: 13 đại diện cho 88.320.479 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9874% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Tổng số tờ phiếu không thu về: 5 đại diện cho 11.101 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0126% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Kết quả biểu quyết cụ thể:

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 13 đại diện cho 88.320.479 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành 12 đại diện cho 88.318.479 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không tán thành 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến 1 đại diện cho 2.000 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0023% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

Như vậy, Biên bản và Nghị quyết đại hội đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Biên bản này được ghi lại đầy đủ, trung thực và lập vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 19/6/2025 ngay sau khi Đại hội kết thúc chương trình làm việc.

Biên bản này được lập thành 09 (Chín) bản, có giá trị pháp lý như nhau, một (01) bản gửi Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), một (01) bản gửi Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, một (01) bản gửi Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường; một (01) bản gửi Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, 01 bản gửi UBCK Nhà nước, 01 bản gửi Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, 03 (ba) bản lưu tại trụ sở chính của Tổng công ty LICOGI - CTCP và được đăng tải trên Website của Tổng công ty LICOGI - CTCP.

TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI **TRƯỞNG BAN**	**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI** **CHỦ TỌA**
Nguyễn Thị Oanh	**Đinh Việt Tùng**

Tài liệu kèm theo:

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;
2. Chương trình ĐHĐCĐ;
3. Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ;
4. Các báo cáo của: HĐQT, BKS và Báo cáo SXKD;
5. Các tờ trình;
6. Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;
7. Biên bản kiểm phiếu biểu quyết;
8. Danh sách cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp với số cổ phần tương ứng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban kiểm tra tư cách cổ đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Tổng Công ty Licogi - CTCP

Vào hồi 08 giờ 15 phút ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường tầng 2, Số 491 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm:

Ông: Nguyễn Trọng Thanh Chức vụ: Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Theo qui định của Pháp luật, Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với kết quả như sau:

Số lượng cổ đông tham gia: **9**
Số lượng cổ đông ủy quyền: **3**
Đại diện cho: **88.270.479** phiếu biểu quyết chiếm **98,0783%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật hiện hành và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2025 Tổng Công ty Licogi - CTCP với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông được lập hồi 08 giờ 15 phút ngày 19 tháng 6 năm 2025 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025
BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trọng Thanh

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP (Trực tuyến)

Thời gian tổ chức: **Ngày 19 tháng 6 năm 2025**

Thời gian	Nội dung
7h30 - 8h00	Cổ đông đăng ký tham dự; lập danh sách các cổ đông có mặt dự họp.
8h00 - 8h15	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Khai mạc Đại hội: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
	Bầu Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm phiếu và chỉ định Ban thư ký,
	NỘI DUNG ĐẠI HỘI
8h15 – 10h00	- Thông qua Chương trình làm việc; - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội;
	- Thông qua Quy chế bầu bổ sung Thành viên HĐQT;
	- Báo cáo hoạt động của HĐQT
	- Báo cáo hoạt động của BKS
	- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024; Kế hoạch kinh doanh năm 2025
	- Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
	Thông qua các Tờ trình của HĐQT, BKS: - Tờ trình về kết quả kinh doanh năm 2024; Kế hoạch kinh doanh năm 2025 - Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. - Tờ trình về Chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh Tổng công ty LICOGI - CTCP. - Tờ trình về Tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty LICOGI – CTCP tại các doanh nghiệp khác; - Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2025. - Tờ trình về chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và dự kiến tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025. - Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. - Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT; - Các Tờ trình khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (Nếu có)
10h00 – 10h20	**Phát biểu thảo luận của cổ đông**
10h20 – 10h30	**Cổ đông biểu quyết, Ban Kiểm phiếu kiểm phiếu và Công bố kết quả kiểm phiếu**
10h30 - 10h45	**Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.**
10h45 - 11h00	**Bế mạc Đại hội**

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

TỔNG CÔNG TY LICOGI- CTCP

Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025 CỦA TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2025 vào ngày 19/6/2025 (Sau đây gọi là Đại hội) của Tổng công ty LICOGI - CTCP (Tổng công ty).

2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2021

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *"Đại hội đồng cổ đông trực tuyến"* là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức dưới hình thức đại hội trực tuyến để thực hiện các quyền biểu quyết của mình.

2. *"Bỏ phiếu điện tử"* là việc cổ đông/người đại diện theo ủy quyền kết nối Internet và thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Tổng công ty quy định và thông báo.

3. *"Hệ thống bỏ phiếu điện tử"* là hệ thống cung cấp cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dư Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. *"Yếu tố định danh"* là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.

5. *"Xác thực"* là để kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.

6. ***Bầu cử***

- *"Bầu dồn đều"* là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dồn số phiếu bầu cho 01 hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.

-*"Bầu ghi số"* là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng hoặc nhỏ hơn tổng số phiếu bầu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện.

7. *"Sự kiện bất khả kháng"* là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập Đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

Là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội (ngày 21/5/2025).

Điều 5. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

Trường hợp cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự Đại hội. Việc ủy quyền phải tuân thủ các quy định về ủy quyền dự họp của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Quyền của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Tổng công ty;

b) Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung Chương trình Đại hội;

2. Nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Việc đăng ký dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được Tổng công ty hướng dẫn cụ thể trong thông báo mời họp;

b) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi

âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa cho phép;

c) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Hội đồng quản trị quyết định trước ngày khai mạc Đại hội để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của Giấy ủy quyền của cổ đông;

2. Kiểm tra tư cách cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và tình hình cổ đông/người đại diện cổ đông dự họp;

3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do HĐQT hoặc Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
- Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đại hội khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Báo cáo trước ĐH về kết quả kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký

1. Đoàn Chủ tịch do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội;

2. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Đoàn Chủ tịch tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

4. Đoàn Chủ tịch có quyền hoãn họp Đại hội đồng cổ đông khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

a) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

5. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tịch.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 11. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra trong ngày 19/6/2025.

2. Hình thức đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử thông qua Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định cụ thể trong ***Quy chế hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử*** tại Phụ lục Quy chế này.

3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 12. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì thông báo mời họp Đại hội lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Đại hội lần hai được tiến hành khi có số cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp Đại hội lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp.

Chương IV

NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Điều 13. Nguyên tắc biểu quyết

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến cổ đông của tất cả cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp Đại hội. Mỗi vấn đề biểu quyết có số phiếu biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà cổ đông sở hữu/người đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Cách thức biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) các vấn đề trong chương trình nghị sự tại Đại hội thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Tổng công ty quy định và thông báo.

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân thủ theo quy định tại ***Hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử*** tại Phụ lục Quy chế này.

Điều 15. Thể lệ biểu quyết và điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Mỗi cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đại diện được đại diện tham dự họp theo đăng ký tham dự Đại hội.

a) Các vấn đề cần biểu quyết tại cuộc họp Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ các vấn đề về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu Tổ chức quản lý Tổng công ty;
- Dự án Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

b) Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên HĐQT sẽ thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi của loại đó trở lên tán thành.

3. Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Chương V

NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là 01 thành viên.

Điều 17. Nguyên tắc bầu

1. Đúng luật, đúng Điều lệ Tổng công ty và bỏ phiếu kín.

2. Mỗi lần bầu, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu ghi nhận số cổ phần có quyền biểu quyết cửa cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tương ứng của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó.

3. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 18. Phương thức bầu cử

1. Danh sách ứng cử viên bầu vào HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC ... theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện theo ủy quyền nhân với số thành viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên. Tổng số phiếu bầu đối với các ứng cử viên phải tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó.

Điều 19. Nguyên tắc trúng cử

1. Người trúng cử được xác định theo tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt tỷ lệ phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lần hai để chọn lấy một người trong số những ứng cử viên này. Nếu kết quả bầu lần hai vẫn bằng nhau, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Đoàn Chủ tịch lựa chọn người trúng cử theo thứ tự ưu tiên A,B,C .... tên trên phiếu bầu.

Chương VI

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Biên bản họp Đại hội

Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành Biên bản theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Tổng công ty. Biên bản họp Đại hội phải làm xong, được đọc và thông qua trước khi bế mạc họp Đại hội. Biên bản có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa và Thư ký từ chối ký biên bản thì Biên bản họp ĐHĐCĐ có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 34 Điều lệ Tổng công ty. Biên bản họp ghi rõ Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp Đại hội là cơ sở để ban hành các Nghị quyết của Đại hội.

Chương VII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 Chương, 21 Điều, 01 Phụ lục và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 biểu quyết thông qua.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này./.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Đinh Việt Tùng

PHỤ LỤC: HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2025 của Tổng Công ty LICOGI - CTCP)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2025 của Tổng công ty LICOGI - CTCP (Tổng công ty).

Điều 2. Điều kiện, cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham dự:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo thông báo của Tổng công ty hoặc được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp;

- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thiết bị điện tử có kết nối được mạng Internet bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được Internet.

2. Cách thức tham dự:

- Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty được cung cấp một và chỉ một tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Tổng công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

- Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Tổng công ty. Đồng thời để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Tổng công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc) đối với cá nhân; và Số ĐKKD, Số điện thoại liên hệ, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức. Tổng công ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết như đã đề cập tại Điều 3 Hướng dẫn này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.

- Cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành. Theo đó, với người đại diện được ủy quyền, sau khi nhận được ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền có xác nhận hợp lệ, Tổng công ty sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên nhận ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực

hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Tổng công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền theo thông tin ủy quyền do cổ đông cung cấp và được thực hiện như hình thức gửi thông báo mời họp cho các cổ đông (thông qua thư mời/ hòm thư điện tử/ số điện thoại). Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về Tổng công ty.

Điều 3. Cung cấp thông tin đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Tổng công ty quy định). Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Tổng công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại.

3. Tổng công ty khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả bỏ phiếu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

3. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Tổng công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Tổng công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời

điểm Tổng công ty nhận được thông báo của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nếu như nguyên nhân là do Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

Điều 5. Cách thức ghi nhận Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được tính là dự họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức tham dự trực tuyến tại thời điểm Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông báo cáo kết quả công khai tại Đại hội là Cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông đã "Đăng ký tham dự" và gửi "Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông" về hệ thống bỏ phiếu điện tử của Tổng công ty quy định tại quy chế này.

- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng nhập sau khi đã khai mạc vẫn có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng nhập; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội cho cổ đông/ người đại diện cho cổ đông đăng nhập muộn và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 6. Thực hiện ủy quyền

1. Cổ đông có thể ủy quyền theo quy định tại Điều 5 Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025 của Tổng công ty quy định về ủy quyền tham dự Đại hội.

2. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của Tổng công ty.

- Giấy ủy quyền theo mẫu ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Tổng công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã được phê duyệt ủy quyền: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Tổng công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Tổng công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

4. Hủy bỏ ủy quyền không có hiệu lực nếu người đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết với bất kỳ vấn đề nào của nội dung trong Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Đoàn Chủ tịch điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đối với Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và các đại diện được ủy quyền có thể đặt câu hỏi trực tiếp hoặc gửi câu hỏi về Tổng công ty thông qua kênh trực tuyến mà Tổng công ty lựa chọn để tổ chức Đại hội hoặc hình thức khác được Tổng công ty hướng dẫn trong Thông báo mời họp. Ban Thư ký có trách nhiệm lưu lại tên Cổ đông/người đại

diện theo ủy quyền của cổ đông, mã Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) và nội dung câu hỏi.

Điều 8. Nguyên tắc và cách thức thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Kể từ thời điểm nhận được tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền truy cập và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Kết thúc thời gian bỏ phiếu quy định trên thông báo của hệ thống bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

2. **Biểu quyết:** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" trên Phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhấn "**Biểu quyết**" để gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.

3. **Bầu cử:** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện bầu cử bằng cách đánh dấu X vào ô trống tại cột "Bầu dồn đều" hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô trống tại cột "Bầu dồn ghi số" tương ứng với tên ứng viên được bầu cử. Sau khi hoàn tất nội dung bầu cử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhấn "**Bầu cử**" để gửi kết quả bầu cử về hệ thống.

4. Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể tiến hành biểu quyết bổ sung. Nếu các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không tiến hành biểu quyết bổ sung thì được coi là không biểu quyết với những nội dung này.

5. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu điện tử

1. **Biểu quyết:** Phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều được hệ thống ghi nhận theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến.

2. **Bầu cử:** Hệ thống ghi nhận số phiếu bầu cử cho từng ứng cử viên của các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia bỏ phiếu.

Điều 10. Các sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty như thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền Internet hoặc các sự cố kỹ thuật khác, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác… Tổng công ty huy động tối đa mọi nguồn lực để khắc phục các sự cố và Đại hội có thể tiếp tục diễn ra, nhưng không quá 60 phút kể từ thời điểm gặp sự cố.

2. Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

QUY CHẾ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP, NHIỆM KỲ 2021 - 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty LICOGI - CTCP (Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;

Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty LICOGI - CTCP (Tổng công ty) nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025 được thực hiện như sau:

I. SỐ LƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026 là 01 (Một) thành viên;

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật;

d) Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty nhưng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không quá năm (05) công ty khác;

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.

II. QUYỀN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Quyền đề cử Thành viên Hội đồng quản trị.

1.1. Việc đề cử ứng cử viên bầu làm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử theo quy định tại khoản 2, Điều 36 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể: "cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền để cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị".

1.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

2. Quy định khác liên quan đến quyền đề cử thành viên HĐQT.

Việc đề cử phải bằng văn bản; văn bản đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, nhóm cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, nhóm cổ đông; tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử.

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

III. HỒ SƠ ĐỀ CỬ BẦU VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hồ sơ đề cử bầu vào Hội đồng quản trị bao gồm:

- Đơn đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai (theo mẫu);

- Bản sao CCCD, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp và các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ….

- Đối với trường hợp người tham gia đề cử là người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông phải nộp kèm theo Giấy uỷ quyền (Có chữ ký của cổ đông và xác nhận của UBND phường, xã hoặc tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp cổ đông uỷ quyền là cá nhân; có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu xác nhận trong trường hợp cổ đông uỷ quyền là tổ chức), trong đó có các nội dung bao gồm: uỷ quyền/cho phép sử dụng số cổ phần được uỷ quyền để đề cử, gộp số cổ phần với các cổ đông khác để đề cử các ứng cử viên bầu vào HĐQT.

IV. NGUYÊN TẮC BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (sau đây viết tắt là cổ đông/đại diện cổ đông) có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị; cổ đông/ đại diện cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Danh sách ứng cử viên bầu Thành viên Hội đồng quản trị được xếp theo thứ tự

A,B,C… theo tên; được ghi đầy đủ họ và tên trong phiếu bầu.

3. Cổ đông/đại diện cổ đông bầu cho ứng cử viên nào thì ghi số phiếu bầu vào cột "Số phiếu bầu" hoặc đánh dấu "X" vào cột "Bầu dồn phiếu" cho ứng cử viên tương ứng.

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông/đại diện cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện cổ đông đó.

5. Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên bầu theo quy định.

- Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang nhau cho thành viên cuối cùng của kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó để chọn một hoặc một số ứng cử viên có phiếu bầu cao hơn vào Hội đồng quản trị cho đủ số lượng cần bầu.

- Nếu kết quả bầu lần hai vẫn bằng nhau, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Đoàn Chủ tịch lựa chọn người trúng cử theo thứ tự ưu tiên A,B,C ....trên phiếu bầu.

V. LẬP VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU CỬ

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội; tổng số cổ đông/đại diện cổ đông tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị; Danh sách những người trúng cử vào Hội đồng quản trị.

- Toàn văn biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

2. Kết quả bầu cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội.

VI. HIỆU LỰC

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 biểu quyết thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty LICOGI – CTCP nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100104420 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Đinh Việt Tùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....@.....

....., ngày ..... tháng .... năm 2025

ĐƠN ĐỀ CỬ

Bầu thành viên HĐQT Tổng công ty LICOGI – CTCP nhiệm kỳ 2021 -2026

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2025 Tổng công ty LICOGI - CTCP

Cổ đông (nhóm cổ đông) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP, nắm giữ ..... cổ phần (*Bằng chữ:* .....), chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của LICOGI, có tên dưới đây:

STT	Tên cổ đông là tổ chức/cá nhân	Số CMND, CCCD, hộ chiếu /ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
1					
2					

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ của Tổng công ty LICOGI - CTCP và sau khi nghiên cứu Dự thảo Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT; cổ đông (nhóm cổ đông) đã tự nguyện họp và đồng ý đề cử Ông/Bà có tên trong danh sách sau đây tham gia bầu là thành viên HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP, nhiệm kỳ 2021 - 2026:

STT	Họ và tên	CMND, CCCD, HC, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Trình độ học vấn	Ghi chú
1					
2					

Cổ đông (nhóm cổ đông) hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử nêu trên và cam kết không khiếu kiện LICOGI, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật./.

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(*Ký, ghi rõ họ, tên*)

Lưu ý: - Đơn đề cử xin vui lòng gửi đến HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP **trước 16 giờ, ngày 13/6/2025** để công bố thông tin, theo địa chỉ sau: Văn phòng HĐQT Tổng công ty LICOGI – CTCP, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội, Fax (0243) 8542655; nếu fax thì đồng thời gửi chuyển phát nhanh bản chính cho HĐQT LICOGI.

Ảnh 4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh *(Viết chữ in hoa):* .....
- Họ và tên thường gọi: .....
- Bí danh: ....
- Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Nơi sinh (xã, huyện, tỉnh): ....
- Quốc tịch: .....
- Địa chỉ thường trú (theo CMND, CCCD): .....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- CMND/CCCD/hộ chiếu số:....., do ....., cấp ngày ...../...../.....
-Tên/địa chỉ của tổ chức ủy quyền đại diện (nếu có): .....

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông: .....
- Chuyên môn, nghiệp vụ: .....
- Học hàm, học vị: .....

3. Quá trình công tác *(ghi rõ quá trình công tác và các chức vụ quản lý)*

- Từ tháng - tháng: .....
- Từ tháng - tháng: .....
- Từ tháng - tháng: .....

4. Quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh	Nghề nghiệp, đơn vị công tác

5. Lợi ích có liên quan tới LICOGI và các bên có liên quan của LICOGI: .....

6. Cam kết

Tôi cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty LICOGI – CTCP; cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin tại bản khai này.

(Chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật, hoặc xác nhận của UBND xã/phường nơi cư trú, hoặc xác nhận của tổ chức đề cử)

....., ngày tháng 6 năm 2025

Người khai

(Ký, ghi rõ họ, tên)

***Ghi chú**: - Kèm theo sơ yếu lý lịch có bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ.*

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 84-4-38542365 Fax: 84-4-38542655 Email: info@licogi.vn Webstie: www.licogi.com.vn

Mã số DN: 0100106440

Hà Nội, ngày 28. tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Đặc điểm tình hình.

- Ngày 21 tháng 6 năm 2024, Tổng công ty đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; Đại hội đã thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT, báo cáo hoạt động của BKS, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và một số nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty. Đại hội cũng đã miễn nhiệm một thành viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân và bầu bổ sung một thành viên HĐQT đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Sau ĐHĐCĐ thường niên 2024, HĐQT đã kịp thời phân công lại nhiệm vụ của các thành viên HĐQT cho phù hợp, phát huy năng lực, trí tuệ và tính độc lập, sáng tạo của từng thành viên.

- Nhân sự Ban điều hành có sự thay đổi, cụ thể như sau:

+ Tháng 8/2024, HĐQT đã miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty đối với Ông Vũ Nguyên Vũ theo nguyện vọng cá nhân và bổ nhiệm Ông Phan Thanh Hải, Phó Chủ tịch HĐQT giữ chức Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;

+ Tháng 9/2024, HĐQT đã miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty với ông Phùng Quang Minh theo nguyện vọng cá nhân và bổ nhiệm bà Lê Thị Thanh Nội giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty.

+ Tháng 10/2024, HĐQT đã miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Thanh Hợp theo nguyện vọng cá nhân để ông Nguyễn Thanh Hợp thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐQT chuyên trách nhằm đảm bảo hoạt động độc lập, khách quan của thành viên HĐQT.

Việc miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện theo đúng quy chế bổ nhiệm cán bộ của Tổng công ty.

- Năm 2024 là năm đầu tiên Tổng công ty triển khai thực hiện định hướng tái cấu trúc Tổng công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ((1) Tái cấu trúc doanh nghiệp/ngành kinh doanh chính; (2) Tái cấu trúc về tài chính; (3) Tái cấu trúc về tổ chức). Theo đó sản

xuất kinh doanh tập trung vào lĩnh vực đầu tư tài chính, bất động sản, nhà ở đô thị và chỉ thi công xây lắp các công trình của cổ đông lớn, của đối tác chiến lược với quy mô nhỏ phù hợp với năng lực của Tổng công ty với vai trò là nhà thầu chính và phải đảm bảo có hiệu quả.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

a) Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

- HĐQT hoạt động theo đúng Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, phát huy năng lực, trí tuệ và tính độc lập của từng thành viên HĐQT. Tập thể HĐQT luôn đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động; trong cuộc họp có tranh luận, trao đổi, thảo luận về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để đi đến thống nhất.

- HĐQT đã chuẩn bị đầy đủ chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2024 và hồ sơ, tài liệu trình ĐHĐCĐ lần này.

- HĐQT đã bám sát các nội dung để triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 và quyết liệt chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai thực hiện, đặc biệt là giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính và đầu tư;

- Để hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được quyết đáp nhanh chóng, không bỏ lỡ thời cơ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản trị độc lập, thận trọng, các thành viên HĐQT đã chủ động, trách nhiệm, tăng cường giải quyết công việc thông qua hội ý, trao đổi, xin ý kiến bằng văn bản và thư điện tử, họp ngoài giờ làm việc .... Năm qua, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp (tăng 04 cuộc họp so với năm 2023) và đã ban hành 65 nghị quyết. Việc ban hành các nghị quyết đảm bảo đúng các trình tự, thủ tục theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Tất cả các Nghị quyết, quyết định được ban hành đều có sự nhất trí của tất cả các thành viên HĐQT.

- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã phê duyệt nội dung hồ sơ lựa chọn, thành lập tổ xét thầu, phê duyệt kết quả xét thầu và đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024, bao gồm cả việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty mẹ và hợp nhất Công ty mẹ - công ty con thuộc 1 trong 3 công ty kiểm toán đã được ĐHĐCĐ phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật.

- Về công tác quản trị doanh nghiệp: HĐQT đã thực hiện quản trị Tổng công ty theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các Quy chế, quy định khác đảm bảo lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi để Tổng giám đốc chủ động trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh song vẫn đảm bảo sự quản lý, chỉ đạo, giám sát, thận trọng của HĐQT.

- Về hợp đồng giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng có liên quan: Năm 2024, Tổng công ty đã ký 24 hợp đồng vay vốn và gia hạn hợp đồng vay vốn với cổ

đông sở hữu 35% vốn Điều lệ của Tổng công ty là Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông để phục vụ sản xuất kinh doanh, với tổng giá trị 55,870 tỷ đồng; thông qua 05 hợp đồng giao dịch về xây lắp, mua bán hàng hóa, vật tư, vay vốn với các công ty mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty đã và đang là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (giám đốc) là: LICOGI 17; Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI và Công ty CP Đầu tư Xây lắp và VLXD Đông Anh. Tất cả các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 59 Điều lệ của Tổng công ty. Trong năm không phát sinh bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào được ký kết với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người có liên quan của những người này.

- Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT có liên quan tích cực tham gia các cuộc họp của Ban điều hành với người đại diện vốn và lãnh đạo các công ty con về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 để nắm bắt kịp thời thực trạng từng doanh nghiệp, làm cơ sở để HĐQT có định hướng cụ thể đối với từng doanh nghiệp trước khi các doanh nghiệp này tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Thường xuyên quan tâm chỉ đạo Ban điều hành thực hiện sắp xếp lại tổ chức, lao động, tiết giảm chi phí quản lý, khai thác triệt để trang thiết bị, trụ sở văn phòng và đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, nhất là các khoản nợ lâu năm, nợ khó đòi.

- Về công tác đầu tư:

+ HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành làm việc với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan, thu xếp nguồn vốn và đã nộp về ngân sách nhà nước tiền chi phí cơ hội đối với quyền phát triển Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (tạm tính) là 348.885 triệu đồng theo Kết luận số 1229/KL-TTCP ngày 30/5/2023 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện sắp xếp lại, cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Xây dựng. Đây là cơ sở để Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI hoàn thiện hồ sơ trình UBND TP Hà Nội xin điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

+ Chỉ đạo Ban điều hành làm việc với các sở, ban ngành của TP Hà Nội và đã thu hồi toàn bộ số tiền mà Tổng công ty nộp đặt cọc từ tháng 01/2007 (8,450 tỷ đồng) để nghiên cứu lập dự án đầu tư Trụ sở Tổng công ty tại ô đất 07- E7, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội nhưng đến nay UBND thành phố Hà Nội chấm dứt giao chủ đầu tư nghiên cứu lập dự án đầu tư theo Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 (do đất nằm trong quy hoạch đất quốc phòng an ninh, đất do cơ quan, tổ chức Nhà nước quản lý, thuộc trường hợp thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai).

- Về thực hiện chủ trương tái cấu trúc Tổng công ty.

Trên cơ sở định hướng tái cấu trúc Tổng công ty đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng Đề án tái cấu trúc trình HĐQT phê duyệt để triển khai thực hiện. Năm 2024, Tổng công ty đã thực hiện sắp xếp lại lao động, tinh gọn bộ máy phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh, đã giảm từ 121 người

xuống còn 57 người, đảm bảo bộ máy hoạt động có hiệu quả, góp phần tiết giảm chi phí bộ máy quản lý. Về sản xuất kinh doanh, Tổng công ty tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư tài chính, bất động sản, nhà ở đô thị. Lĩnh vực xây lắp tập trung khai thác thiết bị hiện có về khoan nhồi và làm nhà thầu chính các công trình của các đối tác truyền thống cũng như của các cổ đông lớn đã ký trước đây phù hợp với năng lực của Tổng công ty theo đúng định hướng ĐHĐCĐ năm 2024 đề ra. Đã tiến hành cơ cấu lại các khoản vay, mối quan hệ giữa Tổng công ty với các tổ chức tín dụng, ngân hàng đã được cải thiện đáng kể.

- Về thực hiện chủ trương thoái vốn tại 8 doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty giai đoạn 2023 – 2025 đã được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.

HĐQT đã ban hành Nghị quyết về thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Thuỷ điện Bắc Hà và đã triển khai thuê đơn vị tư vấn định giá, thuê đơn vị tư vấn thoái vốn, song do tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty Thuỷ điện Bắc Hà trên 30% nên để hoàn thành thủ tục mất rất nhiều thời gian theo quy định và chỉ thoái 2.000 CP trong năm 2024. Ở một số công ty liên kết khác cũng chỉ thoái số lượng nhỏ như Công ty CP LICOGI 13: 1.000.000 CP; Công ty CP LICOGI 14: 150.000 CP; Công ty CP Đầu tư và xây dựng số 18 (LICOGI 18): 89.700 CP bằng hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán HNX.

Năm 2024, thị trường chứng khoán biến động theo chiều hướng đi xuống, giá cổ phiếu tại hầu hết các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty còn lại thuộc diện thoái vốn biến động theo chiều hướng đi xuống, giá giao dịch thấp hơn giá đơn vị tư vấn định giá, thậm chí giá cổ phiếu của một số doanh nghiệp xuống dưới mệnh giá hoặc không có giao dịch nên HĐQT quyết định chưa thoái vốn tại các doanh nghiệp này theo Nghị quyết ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư của Tổng công ty.

b) Hoạt động của HĐQT và mối quan hệ công tác của HĐQT.

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Các thành viên HĐQT đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng, trách nhiệm, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin kịp thời về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công. Thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính đã chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách.

- Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ để triển khai thực hiện, ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, tùy theo nội dung cuộc họp, HĐQT đều mời Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng ban có liên quan và người đại diện vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp có vốn góp tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến để HĐQT xem xét quyết định.

- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, đảm bảo tính độc lập hoạt động của Ban kiểm soát. Mời họp và gửi các tài liệu cuộc họp HĐQT đến các kiểm soát viên

theo đúng quy định như đối với thành viên HĐQT, tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Kiểm soát viên tham dự cuộc họp của HĐQT.

3. Hạn chế còn tồn tại

- Về kết quả kinh doanh: Năm 2024 là năm khó khăn đối với các đơn vị trong ngành Xây dựng nói chung cũng như các đơn vị trong hệ thống LICOGI nói riêng. Mặc dù HĐQT, Ban điều hành đã hết sức nỗ lực, cố gắng, song một số các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và hợp nhất công ty mẹ - Công ty con vẫn không đạt kế hoạch đề ra: Doanh thu của Công ty Mẹ đạt 334,631 tỷ đồng bằng 96,4%KH, Lợi nhuận trước thuế của Công ty Mẹ đạt 5,329 tỷ đồng bằng 44,7%KH, Doanh thu hợp nhất đạt 2.432,414 tỷ đồng bằng 95,09%KH; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 85,023 tỷ đồng bằng 160,81 %KH.

- Mặc dù đã tổ chức nhiều cuộc họp với Ban điều hành và đề ra các giải pháp tháo gỡ, song tình hình tài chính của Tổng công ty vẫn ở tình trạng khó khăn, mất cân đối trầm trọng; dư nợ vay ngân hàng, các tổ chức, cá nhân và chi phí lãi vay đã giảm so với năm 2023 song vẫn còn lớn làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh (Chi phí lãi vay năm 2023 là 100,028 tỷ; năm 2024 là 87,320 tỷ). Vốn chủ sở hữu những năm gần đây đã được cải thiện, song vẫn ở mức thấp do lỗ lũy kế những năm đầu sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Hiệu quả đầu tư vốn tại một số công ty con, công ty liên kết còn thấp, thậm chí còn có một số công ty con thua lỗ, tạm dừng hoạt động hoặc có lãi nhưng do lỗ luỹ kế nên không có cổ tức như: LICOGI 10, LICOGI 15, LICOGI 17, LICOGI 20, Lắp máy điện nước, Licogi Quảng Ngãi .v.v. Tiềm ẩn rủi ro của Công ty TNHH Một thành viên LICOGI 2 về đầu tư dự án Khu đô thị Nam ga Hạ Long còn rất lớn, chưa được giải quyết triệt để ngay được do địa phương chưa ban hành tiền sử dụng đất chính thức.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc

HĐQT đã thực hiện ban hành nghị quyết, quyết định, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT cũng như các quy chế, quy định quản trị nội bộ có liên quan khác của Tổng công ty. Công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc cơ bản đã đảm bảo đúng các quy định của pháp luật và các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc đã bám sát Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và định hướng tái cấu trúc Tổng công ty để chủ động điều hành hoạt động kinh doanh, quyết liệt trong việc sắp xếp, tinh giản bộ máy quản lý, triệt để tiết kiệm, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp từ 30,731 tỷ năm 2023 xuống còn 21,266 tỷ năm 2024; chủ động đề xuất các biện pháp, giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, song chưa đề xuất được các giải pháp tổng thể lâu dài, đặc biệt về tài chính nên nhiều khi còn bị động. Công tác đầu tư dự án về khu đô thị, nhà ở, khai thác thiết bị, trụ sở văn phòng hiện có còn có những hạn chế do nguyên nhân khách quan, chủ quan đã được trình bày trong báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, vấn đề này, yêu cầu Ban Tổng giám đốc cần quan tâm và có biện pháp mạnh mẽ hơn nữa.

Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán một số công trình do Tổng công ty thi công còn chậm, chưa thật sự quyết liệt nhất là các khoản nợ lâu năm, khó đòi.

5. Về tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tiền lương của Tổng giám đốc và người điều hành khác.

Tiền lương, thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của Tổng giám đốc và người điều hành khác, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở tổng tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua, Tổng công ty đã tiến hành chi trả tiền lương, thù lao cho từng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên có tính đến thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách.

+ Tổng thù lao, tiền lương của HĐQT chi trả năm 2024 là 1.381.936.000 đồng (Bình quân 23.032.267 đồng/tháng/1 thành viên), bằng 92,9% tổng thù lao được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua.

+ Tổng thù lao, tiền lương của BKS chi trả năm 2024 là 502.028.000 đồng (Bình quân 13.945.222 đồng/tháng/1 thành viên), bằng 87,1 % tổng thù lao được ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua.

- Tiền lương của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được chi trả theo quy chế trả lương của Tổng công ty.

Nhìn chung tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đều giảm hơn so với năm 2023, đảm bảo tiết kiệm.

(Có phụ lục tiền lương, thù lao của từng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng kèm theo)

- Các chi phí khác cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên như phương tiện làm việc, đi lại, điện thoại,.. theo đúng quy định của Tổng công ty, đảm bảo tiết kiệm tối đa. Ngoài ra HĐQT, BKS không có bất kỳ các khoản chi phí nào phát sinh.

PHẦN II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Năm 2025, sản xuất kinh doanh, đầu tư dự báo còn nhiều khó khăn, thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản còn tiềm ẩn rủi ro, lĩnh vực xây dựng ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Đối với Tổng công ty, được dự báo là năm vẫn còn có nhiều khó khăn, mất cân đối tài chính, dư nợ vay còn lớn, đặc biệt là dư nợ vay quá hạn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng, chi phí tài chính còn cao, tình trạng một số đơn vị phụ thuộc nợ ngân hàng, nợ thuế, nợ BHXH, nợ lương từ hơn 10 năm qua gây tiềm ẩn rủi ro đối với Tổng công ty. Năm 2025 là năm kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT 5 năm 2021 - 2026, HĐQT Tổng công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của Tổng công ty là tập trung đầu tư Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt, tái cấu trúc lại các khoản vay để giảm số dư nợ vay tại tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, đồng thời đẩy mạnh tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính, thu hồi công nợ, tăng cường công tác quản lý, tiết giảm chi phí quản lý góp

phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh những khó khăn trên, Tổng công ty cũng có nhiều thuận lợi, quan hệ tín dụng với các ngân hàng, tổ chức được cải thiện, sự đồng hành, hỗ trợ, quyết tâm của các cổ đông lớn.

Từ thuận lợi và khó khăn trên, HĐQT Tổng công ty đề ra các mục tiêu, định hướng và giải pháp cụ thể như sau:

1. Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của HĐQT: Với chức năng là cơ quan quản lý Tổng công ty, HĐQT sẽ thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty cũng như Nghị quyết ĐHĐCĐ, vì lợi ích của Tổng công ty và cổ đông. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, đồng thời ban hành các Nghị quyết, quyết định kịp thời, linh hoạt để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện; chỉ đạo quyết liệt hơn nữa và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định đó.

2. Về công tác quản trị

- Tiếp tục rà soát để xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của Tổng công ty làm cơ sở cho công tác quản trị, quản lý, điều hành được chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp. Nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật, thực hiện triệt để phân cấp, phân quyền đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc song vẫn đảm bảo sự kiểm soát của HĐQT trên nguyên tắc "Cấp nào quyết định thì cấp đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước ĐHĐCĐ". Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong sản xuất kinh doanh hàng tháng cũng như hàng quý, phấn đấu đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Về sản xuất kinh doanh: Trên cơ sở định hướng tái cấu trúc Tổng công ty và các nguồn lực hiện có; năm 2025, Công ty mẹ vẫn tập trung vào lĩnh vực đầu tư tài chính, Bất động sản, nhà ở đô thị. Lĩnh vực xây lắp chủ yếu tập trung khai thác thiết bị hiện có về khoan cọc nhồi, tường vây và làm nhà thầu chính các công trình, dự án của Tổng công ty, của các công ty con, của các cổ đông lớn và của đối tác truyền thống có quy mô vừa và nhỏ, có nguồn vốn rõ ràng đảm bảo phù hợp với năng lực thực tế của Tổng công ty và có hiệu quả.

Tập trung chỉ đạo điều hành, chủ động, linh hoạt, hiệu quả. Bám sát tình hình thực tiễn, phản ứng kịp thời, phù hợp, nhất là những vấn đề cấp bách phát sinh.

4. Về đầu tư khu đô thị, nhà ở

- Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt đã giải phóng mặt bằng trên 90% diện tích của Dự án, Tổng công ty đã nộp về ngân sách nhà nước tiền chi phí cơ hội đối với quyền phát triển Dự án (tạm tính) theo Kết luận số 1229/KL-TTCP ngày 30/5/2023 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện sắp xếp lại, cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Xây dựng đáp ứng yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội nay là Sở Tài chính TP Hà Nội tại Thông báo số 2322/TB-KH&ĐT ngày 19/12/2023 và yêu cầu

của Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hà Nội tại Thông báo số 992/STNMT-TTr ngày 12/02/2025. Tổng công ty sẽ chỉ đạo Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để trình UBND TP Hà Nội xin điều chỉnh chủ trương đầu tư. Sau khi được UBND TP Hà Nội có quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng phần còn lại, đồng thời liên hệ với các Sở, ngành của TP Hà Nội để xác định tiền sử dụng đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính, giao nhận đất tại thực địa.

- Bên cạnh việc đầu tư Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Tổng công ty tiếp tục tìm kiếm cơ hội để đầu tư các dự án khu đô thị mới với quy mô vừa và nhỏ, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế suất ở một số tỉnh, thành phố có các khu công nghiệp lớn.. phù hợp với năng lực tài chính của Tổng công ty.

5. Công tác tài chính

- Tiếp tục theo dõi, bám sát chủ trương của Chính phủ để chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đối tác cho vay về tái cơ cấu các khoản vay.

- Có giải pháp tổng thể về tài chính, chủ động thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Đề án tái cấu trúc Tổng công ty để cơ cấu lại các khoản vay, giảm dư nợ vay tại các ngân hàng, đối tác vào thời điểm thích hợp. Để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trả nợ vay của một số tổ chức tín dụng, ngân hàng đã đến hạn, năm 2025, Tổng công ty phải khẩn trương, quyết liệt triển khai thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Thuỷ điện Bắc Hà thông qua hình thức đấu giá theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả tối đa.

- Để đáp ứng nhu cầu vốn của Chủ đầu tư Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt theo các quy định của pháp luật cũng như vốn triển khai Dự án, trong thời gian tới, Tổng công ty sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua về việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của Tổng công ty vào thời điểm thích hợp.

- Quyết liệt hơn nữa trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán; có giải pháp cụ thể trong công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ lâu năm tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 8, Công ty CP Thuỷ điện Đăkđrinh, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 578 .v.v.; đối với những khoản nợ khó đòi cần củng cố hồ sơ pháp lý đề nghị các cơ quan pháp luật can thiệp.

- Khai thác các nguồn lực hiện có về thiết bị, trụ sở văn phòng, kết hợp với giảm tối đa các chi phí tại Văn phòng Tổng công ty.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính, tăng cường quản lý, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

- Thường xuyên rà soát tình hình tài chính để cân đối thu – chi, chủ động về tài chính.

- Chỉ đạo người đại diện vốn của Tổng công ty đôn đốc doanh nghiệp có vốn góp nộp tiền cổ tức năm 2024 và những năm trước về Tổng công ty.

6. Công tác tổ chức, sắp xếp lại lao động

Thực hiện tái cấu trúc về tổ chức, giảm đầu mối phòng, ban chức năng, đơn vị

phụ thuộc; chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh và một số đơn vị phụ thuộc không còn hoạt động khi có đủ điều kiện. Tiếp tục sàng lọc, tinh giản, bố trí lao động hợp lý.

7. Mối quan hệ với các cổ đông

- Từ 01/01/2026, Tổng công ty sẽ không còn là công ty đại chúng theo quy định của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 do không đủ 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ. Tuy không phải là công ty đại chúng nhưng Tổng công ty vẫn sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ với cổ đông thông qua việc công bố thông tin kịp thời, công khai, minh bạch trên Website của Tổng công ty để cổ đông có thể theo dõi, nắm bắt toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- Thường xuyên trao đổi giữa Lãnh đạo Tổng công ty với đại diện các cổ đông lớn để thống nhất về định hướng phát triển, giải quyết những việc cấp bách và tranh thủ sự hỗ trợ của cổ đông lớn về tài chính, việc làm.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025. Với truyền thống 65 năm xây dựng và phát triển, 10 năm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và tinh thần đoàn kết nhất trí, ý chí vượt khó, HĐQT tin tưởng rằng Tổng công ty LICOGI sẽ sớm vượt qua khó khăn thách thức, từng bước phát triển.

HĐQT mong nhận được ý kiến đóng góp của các cổ đông để HĐQT và lãnh đạo Tổng công ty hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

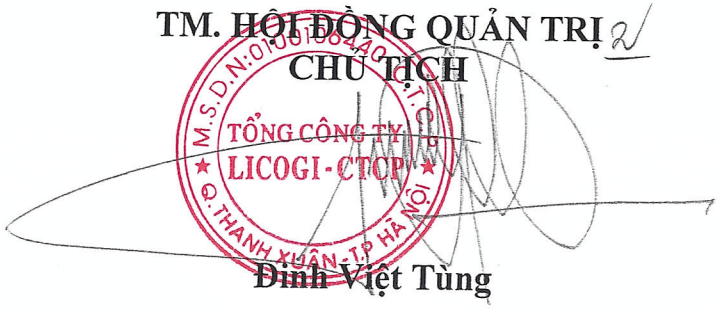

Đinh Việt Tùng

Phụ lục

TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG NĂM 2024

1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chế độ làm việc	Tiền lương, thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	Kiêm nhiệm	133.000.000	
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	376.032.000	
3	Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	Kiêm nhiệm	42.300.000	Từ tháng 01 đến tháng 21/6/2024
4	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên	Chuyên trách	118.548.000	Từ tháng 22/6 đến tháng 12/2024
5	Ưng Tiến Đỗ	Thành viên	Chuyên trách	356.028.000	
6	Nguyễn Danh Quân	Thành viên	Chuyên trách	356.028.000	
	Cộng			**1.381.936.000**	

2. Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chế độ làm việc	Tiền lương, thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Phan Hải Triều	Trưởng ban	Chuyên trách	356.028.000	
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên	Kiêm nhiệm	73.000.000	
3	Dương Thị Phượng	Thành viên	Kiêm nhiệm	73.000.000	
	Cộng			**502.028.000**	

3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Vũ Nguyên Vũ	Tổng giám đốc	228.948.364	Từ tháng 1 đến 15/8/2024
2	Phan Thanh Hải	Tổng giám đốc	139.743.636	Từ 16/8 đến tháng 12/2024
3	Nguyễn Thanh Hợp	Phó Tổng giám đốc	263.680.000	Từ tháng 1 đến tháng 9/2024
4	Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng giám đốc	342.397.067	
5	Phùng Quang Minh	Kế toán trưởng	209.075.909	Từ tháng 1 đến tháng 11/9/2024
6	Lê Thị Thanh Nội	Kế toán trưởng	121.404.667	Từ tháng 11/9 đến tháng 12/2024
	Cộng		**1.305.249.643**	

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 84-4-38542365 Fax: 84-4-38542655 Email: info@licogi.vn Webstie: www.licogi.com.vn

Mã số DN: 0100106440

Hà Nội, ngày 28.. tháng .5. năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kính trình: **Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty LICOGI – CTCP**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty LICOGI - CTCP ("LICOGI"), Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty LICOGI - CTCP ("BKS"),

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty LICOGI - CTCP kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Tổng Công ty LICOGI – CTCP trong năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 theo nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Phan Hải Triều	Trưởng BKS
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS
3	Dương Thị Phượng	Thành viên BKS

2. Thù lao của Ban kiểm soát

Thù lao Ban kiểm soát năm 2024 được trả đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, BKS đã thực hiện 04 cuộc họp với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra, các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi các công việc qua điện thoại, email… để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc phát sinh.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do vắng mặt
1	Phan Hải Triều	Trưởng BKS	04/04	-
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	04/04	-
3	Dương Thị Phượng	Thành viên BKS	04/04	-

4. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty trong việc quản

lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc, cụ thể như sau:

- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc; đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng Công ty;

- Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC riêng, hợp nhất năm 2024 của Tổng công ty trên cơ sở danh sách công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.

- Thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán của Tổng công ty năm 2023; thẩm định báo cáo tài chính bán niên 2024 được soát xét;

- Theo dõi việc công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với công ty đại chúng;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 của Tổng Công ty;

- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

5. Kết quả rà soát giao dịch giữa Tổng Công ty với bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan được báo cáo và kiểm soát; không phát hiện bất thường đối với các giao dịch bên liên quan.

6. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

6.1. Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm giao

Ngày 26/06/2024, LICOGI đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên (năm 2024) và đã ban hành Nghị quyết số 76/2024/NQ-ĐHĐCĐ quyết nghị 11 nội dung, trong đó uỷ quyền và giao HĐQT chỉ đạo thực hiện một số nội dung công việc. Theo đó, đa số các nội dung công việc được giao tại Nghị quyết đã được HĐQT bám sát và chỉ đạo sát sao; Ban Tổng Giám đốc cũng đã hết sức nỗ lực để triển khai thực hiện.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp, ban hành 82 Nghị quyết và Quyết định. Các cuộc họp đều được triệu tập và tổ chức hợp lệ, được ghi biên bản đầy đủ. Các nghị quyết và quyết định được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của LICOGI.

6.1.1. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2024 (bao gồm Báo cáo riêng và hợp nhất) và soát xét BCTC (riêng và hợp nhất) bán niên năm 2024 của LICOGI

ĐHĐCĐ thường niên 2024 đã thông qua Tờ trình đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán năm 2024 và uỷ quyền HĐQT tổ chức triển khai thực hiện. Theo đó LICOGI đã thành lập Tổ xét thầu gồm các thành viên từ các đơn vị nghiệp vụ và thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (gửi thư mời thầu, mở thầu, chấm thầu và đàm phán giảm giá hợp đồng) đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật và của LICOGI.

Kết quả sau chấm thầu: Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA) đã trúng thầu và chính thức là đơn vị kiểm toán cho LICOGI năm 2024.

6.1.2. Về việc thực hiện tái cấu trúc Tổng công ty

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua định hướng Tái cấu trúc Tổng công ty và giao cho Hội đồng quản trị phê duyệt chi tiết Đề án tái cấu trúc, chịu trách nhiệm việc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng mục đích, yêu cầu và lộ trình đề ra.

Trong năm 2024, HĐQT cũng như Ban điều hành đang thực hiện theo đúng định hướng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, bao gồm: LICOGI dần thu hẹp hoạt động xây lắp, triển khai theo hướng giảm tối đa hoạt động thi công trực tiếp không hiệu quả tại Tổng công ty, đẩy mạnh việc kết hợp với các đơn vị thành viên có năng lực tốt hơn để thi công, chỉ thu phí quản lý, tạo dòng tiền nhằm tiếp tục duy trì hạn mức tín dụng tại ngân hàng. Bên cạnh đó, LICOGI đẩy mạnh thanh lý các tài sản hết khấu hao không sử dụng được, đối với các tài sản còn khả năng sử dụng thì tiến hành cho thuê khai thác bù đắp khấu hao, đem lại dòng tiền cho doanh nghiệp.LICOGI thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức quản lý và tổ chức lại lực lượng lao động đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, tập trung trọng điểm cho bộ phận chức năng nhằm đáp ứng yêu cầu của phương án tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh, tối thiểu hóa chi phí vận hành, phù hợp với tình hình tài chính hiện nay (số lượng lao động của LICOGI tại thời điểm hiện nay chỉ còn 57 người, giảm 64 người so với thời điểm đầu năm).

6.1.3. Về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của LICOGI

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty LICOGI-CTCP cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của LICOGI và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán quốc tế (iCPA). Các vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh được nêu chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán.

Số liệu tổng hợp về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của LICOGI như sau:

TT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất			Báo cáo tài chính riêng		
		Năm 2024	Năm 2023	Tăng trưởng 2024/2023	Năm 2024	Năm 2023	Tăng trưởng 2024/2023
A	**Tình hình tài chính**						
I	**Tổng tài sản**	**4.616.642**	**4.314.314**	**7,0%**	**2.651.275**	**2.607.359**	**1,7%**
1	Tài sản ngắn hạn	2.164.614	1.941.655	11,5%	853.161	784.088	**8,8%**
2	Tài sản dài hạn	2.452.029	2.372.659	3,3%	1.798.114	1.823.271	**-1,4%**
II	**Tổng nguồn vốn**	**4.616.642**	**4.314.314**	**7,0%**	**2.651.275**	**2.607.359**	**1,7%**
1	Vốn chủ sở hữu	489.932	434.259	**12,8%**	544.131	538.803	**1,0%**
2	Nợ phải trả	4.126.710	3.880.055	**6,4%**	2.107.143	2.068.557	**1,9%**
2a	*Nợ phải trả ngắn hạn*	3.436.553	3.276.692	***4,9%***	*1.678.150*	*1.650.708*	***1,7%***
2b	*Nợ phải trả dài hạn*	690.158	603.364		*428.994*	*417.849*	
	Tài sản ngắn hạn trừ Nợ ngắn hạn	-1.271.939	-1.335.037		*-824.989*	*-866.620*	
	Tỷ trọng Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	89,4%	89,9%	**-0,5%**	79,48%	79,34%	**0,14%**

B	Kết quả kinh doanh						
1	Doanh thu thuần	2.249.694	2.035.854	**10,50%**	208.297	306.522	**-32%**
2	Lợi nhuận trước thuế	85.023	15.719	**441%**	5.329	6.129	**-13%**
3	Lợi nhuận sau thuế	73.352	6.795	**979%**	5.329	6.129	**-13%**

(Đơn vị tính: triệu đồng)

- Về kết quả kinh doanh:

+ Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ không đạt kế hoạch đề ra: Doanh thu đạt 334,63 tỷ đồng bằng 96,4%KH, Lợi nhuận trước thuế đạt 5,329 tỷ đồng bằng 44,7%KH. Trong đó, doanh thu chỉ đạt 96,4%KH là do rà soát hoạt động xây lắp thu hẹp theo định hướng tái cấu trúc ngành nghề (doanh thu hoạt động xây dựng giảm mạnh từ 124 tỷ trong năm 2023 xuống còn 43 tỷ trong năm 2024). Mặt khác, việc triển khai bán vốn tại 08 doanh nghiệp được ĐHĐCĐ phê duyệt chưa hoàn thành do điều kiện thị trường chứng khoán không thuận lợi, đã ảnh hưởng lớn đến kết quả lợi nhuận năm 2024.

+ Kết quả kinh doanh Hợp nhất đạt kết quả khả quan: Doanh thu hợp nhất đạt 2.432,414 tỷ đồng bằng 95,09%KH; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 85,023 tỷ đồng bằng 160,81%KH. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt 2.249,694 tỷ đồng, tăng so với năm 2023 là 213,8 tỷ đồng (tương ứng tăng 11%). Doanh thu 2024 tăng so với năm 2023 chủ yếu từ hoạt động kinh doanh hàng hóa và vật liệu xây dựng tại các Công ty con nhưng mảng xây dựng giảm nhẹ so với năm 2023 do khó khăn chung của thị trường. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (gồm cả lợi ích Cổ đông không kiểm soát) đạt 73,352 tỷ đồng, tăng 66,556 tỷ đồng so với năm 2023. Trong đó, lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty là lãi 59,67 tỷ (so với năm 2023 là lỗ 1,288 tỷ) cho thấy hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đang được cải thiện đáng kể so với năm 2023.

- Về cơ cấu tài sản, nguồn vốn: Cơ cấu nguồn vốn của Tổng Công ty không có sự thay đổi nhiều so năm 2023, tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn cuối năm 89,4%, giảm 0,5% so với đầu năm.

+ Tại ngày 31/12/2024, Tổng tài sản đạt trên 4.616 tỷ đồng tăng 302,3 tỷ đồng so với 01/01/2024 (tương ứng tăng 7%). Trong đó tỷ lệ tài sản ngắn hạn/dài hạn là 46,9%/53,1% mất cân đối nghiêm trọng so với cơ cấu nguồn vốn ngắn hạn/dài hạn là 74,4%/25,6%. Tại ngày 31/12/2024, Tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn số tiền gần 1.272 tỷ đồng, tại ngày 01/01/2024 tổng nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn số tiền 1.335 tỷ đồng. Số liệu chênh lệch nợ ngắn hạn – Tài sản ngắn hạn có sự cải thiện, tuy nhiên cần có giải pháp then chốt để cơ cấu năng lực tài chính của LICOGI

+ Nguồn vốn, Nợ phải trả cuối năm 2024 tăng 246,655 tỷ đồng (tương ứng tăng 6,4%) so với đầu năm. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn tăng 159,861 tỷ đồng, nợ dài hạn tăng 86,794 tỷ đồng.

- Về chỉ số tài chính thời điểm 31/12/2024: các chỉ số hệ số thanh toán đều thể hiện việc mất cân đối trong thanh toán ngắn hạn tại Tổng Công ty: Hệ số thanh toán tổng quát 1,119; Hệ số thanh toán ngắn hạn 0,630; Hệ số thanh toán bằng tiền 0,14. Điều này là do cơ cấu tài sản và nguồn tài trợ đang bị chênh lệch, cụ thể tài sản của Tổng công ty chủ yếu là các tài sản dài hạn, trong khi nguồn tài trợ lại chủ yếu là các nguồn vốn ngắn hạn là các khoản nợ vay, các khoản phải trả có kỳ hạn dưới 1 năm. Tuy nhiên, tình trạng

mất cân đối đã có dấu hiệu cải thiện hơn so với đầu năm thể hiện qua các chỉ số thanh toán đã được cải thiện hơn.

6.1.4. Về công tác triển khai thoái vốn tại 08 doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty trong thời gian từ năm 2023 đến năm 2025

ĐHĐCĐ thường niên 2023 giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện bao gồm: Quyết định phương án và hình thức thoái vốn, xác định thời điểm thoái vốn, giá bán sau khi đã thuê đơn vị tư vấn định giá xác định giá/1 cổ phần, đảm bảo minh bạch, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2024, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn một phần tại các doanh nghiệp có vốn góp như sau:

STT	*Tên doanh nghiệp*	*Số lượng cổ phần thoái trong năm 2024 (CP)*
1	Công ty cổ phần Licogi 13	1.000.000
2	Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà	2.000
3	Công ty cổ phần Licogi 14	150.000
4	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18	89.700

Việc thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty khác chưa được triển khai do tác động từ kinh tế vĩ mô cũng như ảnh hưởng đi xuống của thị trường chứng khoán dẫn tới khó khăn trong việc tìm kiếm các đối tác đầu tư tiềm năng.

6.2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai kịp thời và nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, vì lợi ích của Tổng công ty, chủ động trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

- Các quyết định của Ban Tổng giám đốc được ban hành đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và LICOGI.

7. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, cụ thể:

Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến đối với các vấn đề nêu tại cuộc họp, nghiên cứu, tham gia ý kiến (nếu cần) đối với các Tờ trình, Phiếu xin ý kiến Hội đồng Quản trị của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty. BKS cũng thường xuyên nhận email, tài liệu được gửi tới HĐQT để nắm bắt công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tối ưu cho các cổ đông. Trong năm 2024, BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tổng công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc;

Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

II. KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

1. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Qua quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ LICOGI, BKS đánh giá về tổng thể HĐQT đã quyết liệt đưa ra các định hướng, chỉ đạo tới Ban TGĐ và các cấp lãnh đạo điều hành LICOGI; Ban TGĐ đã nỗ lực triển khai các nhiệm vụ được HĐQT giao.

Tuy nhiên, Ban kiểm soát xin đưa ra các kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc LICOGI như sau:

- Tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn, tiếp tục rà soát và cắt giảm các chi phí gián tiếp, không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động, quản lý, điều hành của Tổng Công ty;

- Tập trung mọi nguồn lực, xử lý vướng mắc pháp lý, nhanh chóng có các giải pháp về nguồn vốn, đẩy nhanh tiến độ Dự án KĐT mới Thịnh Liệt để sớm đưa vào kinh doanh, khai thác, vận hành.

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, thu hồi vốn đầu tư và đưa ra những biện pháp quyết liệt, hiệu quả đặc biệt với những khoản nợ đọng lâu năm, kéo dài để sớm cải thiện tình hình tài chính và tình trạng mất cân đối nguồn vốn như hiện nay.

- Tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn trả; Lập kế hoạch trả nợ cụ thể và cân đối nguồn trả nợ tránh phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn. Tăng cường tìm kiếm nguồn vốn vay với lãi suất thấp để giảm chi phí lãi vay và áp lực tài chính cho LICOGI.

- Dòng tiền của Tổng Công ty đang chủ yếu dựa vào hoạt động đầu tư tài chính, tuy nhiên hoạt động này cũng đang có những yếu tố không chắc chắn và tiềm ẩn nhiều rủi ro biến động từ thị trường chứng khoán cũng như từ biến động thị trường của các đơn vị thành viên. Đề nghị Ban điều hành đẩy mạnh công tác quản trị tại các đơn vị thành viên mà Tổng Công ty đang nắm quyền kiểm soát để gia tăng hiệu quả vốn đầu tư tại các đơn vị này.

- Tái cơ cấu danh mục đầu tư của LICOGI, đặc biệt là tại các công ty hoạt động kém hiệu quả, LICOGI sở hữu vốn ít để tạo vốn đầu tư dự án, tăng năng lực tài chính của công ty mẹ.

- Cần tích cực đề xuất, triển khai các giải pháp hiệu quả để quản trị, bảo toàn vốn tại các đơn vị kinh doanh thua lỗ kéo dài (LICOGI 10, LICOGI 15, LICOGI 17, LICOGI 20, Lắp máy điện nước, Licogi Quảng Ngãi); Tiềm ẩn rủi ro của Công ty TNHH Một thành viên LICOGI 2 về đầu tư dự án Khu đô thị Nam ga Hạ Long còn rất lớn, chưa được giải quyết triệt để ngay được do địa phương chưa ban hành tiền sử dụng đất chính thức.

2. Phương hướng hoạt động năm 2025

Năm 2025, Ban kiểm soát tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Theo dõi và giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội

đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty;

- Tiếp tục phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc xem xét tái cấu trúc về tổ chức của Tổng công ty để xây dựng hoàn thiện cấu trúc tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hệ thống quy trình, quy chế quản lý nội bộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với hoạt động thực tiễn của Tổng công ty;

- Giám sát việc tổ chức, triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đúng quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổng công ty. Các nội dung trong cuộc họp HĐQT được báo cáo, thảo luận và đánh giá minh bạch, công khai và cẩn trọng.

- Định kỳ thẩm tra tính trung thực của báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty;

- Tăng cường giám sát việc quản lý vốn đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư của Tổng công ty vào doanh nghiệp khác, cụ thể: tổ chức chương trình kiểm tra, giám sát hoạt động tại một số Công ty con có vốn góp lớn, chịu sự chi phối của Tổng công ty;

- Tư vấn cho Hội đồng quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản, tiết kiệm chi phí của Tổng công ty;

- Đưa ra chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông;

- Trình phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm của Tổng Công ty, nhằm đảm bảo việc tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập hiệu quả về chất lượng và chi phí;

- Tổ chức các buổi thảo luận trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của các Kiểm soát viên;

- Duy trì sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Ban kiểm soát xin cảm ơn toàn thể quý vị Cổ đông đã tin tưởng giao nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của LICOGI trong thời gian qua cho chúng tôi, xin cảm ơn Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã tạo điều kiện, hỗ trợ cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

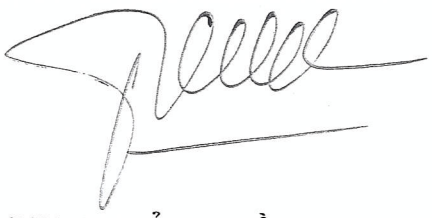

PHAN HẢI TRIỀU

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84-4-38542365 Fax: 84-4-38542655 Email: info@licogi.vn Webstie: www.licogi.com.vn
Mã số DN: 0100106440

Hà Nội, ngày 28.. tháng .5.. năm 2025

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2024 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2025

Căn cứ số liệu báo cáo thực hiện năm 2024 và tình hình thực tế triển khai công việc của Công ty mẹ và các công ty con, Tổng giám đốc Tổng công ty LICOGI - CTCP xin báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty như sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024 của Công ty Mẹ

Năm 2024 là năm khó khăn đối với các đơn vị trong ngành Xây dựng nói chung cũng như các đơn vị trong hệ thống LICOGI nói riêng. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nỗ lực song kết quả SXKD của Tổng công ty vẫn không đạt được kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2024 đề ra, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % TH2024/ KH2024
I	**Công ty Mẹ**				
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	900,000	900,000	100,0
2	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	234,708	210,374	89,6
3	Doanh thu	Tỷ đồng	346,978	334,631	96,4
4	LN trước thuế	Tỷ đồng	11,912	5,329	44,7
5	LN sau thuế	Tỷ đồng		5,329	
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,400	5,734	409,6
7	Cổ tức (%)	%	0	0	100,0
8	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	0,520	0,100	19,2
II	**Hợp nhất Mẹ Con**				
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.321,591	2.554,130	110,0
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.558,054	2.432,414	95,1
3	LN trước thuế	Tỷ đồng	52,871	85,023	160,8
4	LN sau thuế	Tỷ đồng		73,352	
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	99,682	153,988	154,5
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	335,760	56,597	16,9

- Sản lượng, doanh thu Công ty mẹ đạt thấp do công trình Bảo tàng lịch sử Quân sự Việt Nam triển khai nhưng vướng mặt bằng Nhà thầu Tổng công ty Thành An chưa bàn giao được, dẫn đến tiến độ và sản lượng và doanh thu không đạt theo yêu cầu. Các công

trình đã thi công xong như tuyến số 3- ĐHQG, Công trình Parahill Hoà Bình, KCN Liên Hà Thái - Thái Bình đều chưa quyết toán được. Tình hình tài chính, máy móc thiết bị Tổng công ty không đảm bảo cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư nên hạn chế trong việc tìm kiếm, ký kết các các công trình mới.

1.2. Tình hình thực hiện các công trình đang thi công:

- Các *công trình Tổng công ty giao cho thầu phụ là các công ty con trong hệ thống:* Thi công hạ tầng kỹ thuật Tuyến phố thương mại cặp đường 3/2 nối dài thị trấn Hậu Nghĩa; Thi công công viên giải trí, trường học và tổ hợp nhà ở, TMDV Golden Palace (TMO); Công trình KĐT nghỉ dưỡng Khoáng nóng tại Quảng Xương- Hạng mục thi công cống hộp khu Shophouse đều cơ bản đáp ứng yêu cầu của đối tác, ngoại trừ những yếu tố khách quan dẫn đến tiến độ bị kéo dài.

- Các *công trình Tổng công ty trực tiếp tổ chức thi công*: Trong năm 2024 tập trung thi công công trình bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam; Các công trình còn lại đều tập trung để quyết toán.

2.Tình hình tài chính Công ty Mẹ:

2.1. Khả năng thanh toán;

- Năm 2024, tình hình tài chính của Công ty Mẹ vẫn ở trong tình trạng khó khăn, mất cân đối nghiêm trọng. Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 824,98 tỷ đồng tuy đã giảm so với thời điểm đầu năm 41,6 tỷ đồng (đầu năm 2024 là 866,6 tỷ đồng). Dư nợ vay của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2024 là 1.197 tỷ đồng, chủ yếu là nợ vay ngắn hạn chiếm 69,26% trong tổng cơ cấu nợ, gây áp lực lãi vay lớn. Tình trạng thiếu hụt vốn, mất cân đối nguồn vốn ảnh hưởng lớn đến khả năng cân đối nguồn trả các khoản nợ gốc và lãi đến hạn.

2.2. Công nợ phải thu- phải trả

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty Mẹ là 789,8 tỷ đồng trong đó: Nợ phải thu khách hàng là 183,5 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn khác 432 tỷ đồng (trong 432 tỷ đồng phải thu khác chủ yếu là phải thu lãi vay Công ty TNHH MTV Nhà Ở và Đô Thị Licogi là 209,3 tỷ đồng và vốn hóa dự án Thịnh Liệt 113 tỷ đồng); phải thu về cho vay ngắn hạn 196,9 tỷ đồng; Trả trước cho người bán 83,3 tỷ đồng. Công ty Mẹ đã trích lập dự phòng phải thu số tiền 106,3 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2024, các khoản công nợ phải trả của Công ty Mẹ chủ yếu là nợ phải trả các nhà cung cấp, thầu phụ số tiền 224,6 tỷ đồng; Nợ vay ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng, các tổ chức và cá nhân là 829,1 tỷ đồng; Nợ vay dài hạn số tiền 368,6 tỷ đồng. Số dư nợ thuế và bảo hiểm còn cao do nợ của các Chi nhánh Licogi 1, Chi nhánh Licogi 6 từ nhiều năm qua vẫn chưa được giải quyết.

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn, công trình dự án không còn nhiều, số dư nợ vay lớn, đa phần là vay ngắn hạn, năm 2024 Tổng công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác cân đối nguồn để đảm bảo vốn cho hoạt động cũng như trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn và duy trì hạn mức tín dụng.

2.3. Tình hình đầu tư tài chính và thu cổ tức tại các công ty con, công ty liên kết:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2024 :1.820,004 tỷ đồng

Trong đó:

+ Đầu tư vào công ty con : 1.448,580 tỷ đồng;
+ Đầu tư vào công ty liên kết : 321,547tỷ đồng;
+ Đầu tư khác : 49,876 tỷ đồng;

- Thu cổ tức: Cổ tức được chia năm 2024 là 84,392 tỷ đồng, trong đó một số khoản đầu tư tài chính mang lại hiệu quả: Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (24,36 tỷ đồng); Công ty Cổ phần VLXD Đông Anh (2,1 tỷ đồng); Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh (52,46 tỷ đồng); Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrink (0,687 tỷ đồng); Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (0,374 tỷ đồng) và Công ty cổ phần LICOGI 14 (2,853 tỷ đồng).

Một số khoản đầu vào Công ty con trong suốt thời gian qua không mang lại hiệu quả; Công ty thua lỗ kéo dài, nợ ngân hàng không có khả năng thanh toán, ngân hàng phát mại tài sản để thu nợ, nợ thuế - cơ quan thuế cưỡng chế, phong tỏa hóa đơn, một số đơn vị hầu như ngừng hoạt động, lỗ lũy kế và các ý kiến ngoài trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty hầu như đến từ báo cáo tài chính của các công ty này, bao gồm: Công ty Licogi Quảng Ngãi, Công ty LICOGI 10, Công ty LICOGI 15, LICOGI 20, Công ty Lắp máy điện nước. Cụ thể:

- Công ty Licogi Quảng Ngãi: Vốn đầu tư của Tổng công ty: 16,855 tỷ đồng (sở hữu: 1.226.400 cổ phần tương ứng tỉ lệ 64,77% VĐL), lỗ lũy kế: 38,441 tỷ đồng. Nợ phải trả: 83,937 tỷ đồng (Trong đó: Nợ gốc BIDV Quảng Ngãi: 15 tỷ đồng, nợ thuế: 11,5 tỷ đồng; nợ bảo hiểm: 7,941 tỷ đồng). Hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay chủ yếu tập trung khai thác mỏ đá, tuy nhiên chỉ đủ nguồn trang trải kinh phí duy trì hoạt động các tồn tại cũ vẫn tiếp tục phát sinh và chưa được xử lý. Nếu các tồn tại cũ về thuế, bảo hiểm, nợ vay ngân hàng không được xử lý sớm việc bị phát mại tài sản nhà đất, máy móc thiết bị và mất khả năng hoạt động, trong khi các tài sản khác như mỏ đá đã được khai thác hết là hiện hữu.

- Công ty LICOGI 10: Vốn đầu tư của Tổng công ty: 10,110 tỷ đồng (sở hữu: 675.240 cổ phần tương ứng tỉ lệ 57,71% VĐL), lỗ lũy kế:17,288 tỷ đồng. Nợ phải trả: 204,530 tỷ đồng (Trong đó: Nợ gốc BIDV Đà Nẵng: 36,925 tỷ đồng, nợ thuế: 7,7 tỷ đồng). Công ty LICOGI 10 hầu như không hoạt động do Ngân hàng BIDV Đà nẵng đã kiện và đang làm các thủ tục phát mại tài sản, trụ sở chính tại Núi Thành- Đà Nẵng không ký được hợp đồng thuê đất với Nhà nước có nguy cơ bị thu hồi, tài sản trên đất đang bị ngân hàng làm phát mại, cơ quan thuế cưỡng chế hóa đơn, đơn vị không thể xuất được hóa đơn để hoạt động.

- Công ty LICOGI 15: Vốn đầu tư của Tổng công ty: 6,593 tỷ đồng (sở hữu: 659.380 cổ phần tương ứng tỉ lệ 64,65% VĐL), lỗ lũy kế: 109,353 tỷ đồng. Nợ phải trả: 147,693 tỷ đồng (Trong đó: Nợ gốc BIDV Bỉm Sơn: 6,3 tỷ đồng, nợ thuế: 12,575 tỷ đồng, nợ bảo hiểm: 11,759 tỷ đồng). LICOGI 15 cũng hầu như không còn hoạt động, trụ sở Công ty đã bị Ngân hàng BIDV Bỉm Sơn phát mại để thu nợ, số nợ gốc còn lại sau khi phát mại tài sản

là 6,3 tỷ đồng, thuế và cơ quan bảo hiểm đang thực hiện các biện pháp cưỡng chế với đơn vị.

- Công ty LICOGI 20: Vốn đầu tư của Tổng công ty: 22,571 tỷ đồng (sở hữu: 2.257.150 cổ phần tương ứng tỉ lệ 92,58% VĐL), lỗ lũy kế:128,445 tỷ đồng. Nợ phải trả: 227,839 tỷ đồng (Trong đó: Nợ gốc BIDV Tây Hồ : 20,497 tỷ đồng; Nợ gốc Agribank Tây Hà Nội: 18,829 tỷ đồng, nợ thuế: 78,184 tỷ đồng, nợ bảo hiểm: 5,198 tỷ đồng). Hiện nay, đơn vị không còn hoạt động, ngân hàng đã phát mại tài sản để thu nợ, số nợ gốc còn nợ sau khi phát mại là 39 tỷ đồng, trụ sở làm việc đang tranh chấp với đơn vị khác, thuế và bảo hiểm đều đang bị cưỡng chế.

- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước LICOGI: Vốn đầu tư của Tổng công ty: 10,277 tỷ đồng (sở hữu: 1.027.750 cổ phần tương ứng tỉ lệ 89,92% VĐL), lỗ lũy kế: 78,241 tỷ đồng. Nợ phải trả: 125,271 tỷ đồng (Trong đó: Nợ gốc Agribank Tây Hà Nội: 4,9 tỷ đồng, nợ thuế: 16,378 tỷ đồng, nợ bảo hiểm: 12,011 tỷ đồng). Hoạt động chủ yếu của Công ty hiện nay là khai thác mặt bằng xưởng tại kho 382 Đông anh, nguồn thu chỉ đủ duy trì một số hoạt động chủ yếu, không có khả năng xử lý các tồn đọng cũ về nợ Ngân hàng, nợ thuế và bảo hiểm.

2.4 Kết quả thực hiện thoái vốn tại các đơn vị năm 2024:

Năm 2024, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn của một số khoản đầu tư tài chính cụ thể như sau: Công ty CP Thủy điện Bắc hà: 2.000 CP; Công ty CP LICOGI 14: 150.000 CP; Công ty CP LICOGI 13: 1.000.000 CP; Công ty Đầu tư và Xây dựng số 18 (LICOGI 18): 89.700 CP.

So với danh mục thoái vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua, kết quả thực hiện năm 2024 còn hạn chế do tình hình thị trường tài chính, cũng như chưa tìm kiếm được các nhà đầu tư đối với các khoản đầu tư có giá trị lớn như khoản đầu tư tại Công ty CP thủy điện Bắc Hà.

Mặc dù kết quả thực hiện còn hạn chế, xong việc thu được một khoản tiền từ hoạt động thoái vốn giúp Tổng công ty phần nào tháo gỡ được khó khăn về nguồn thanh toán nợ gốc và lãi vay Ngân hàng trong tháng 12/2024 và trả bớt một phần nợ gốc cho chủ nợ đã cho Tổng công ty vay.

Với tình hình tài chính mất cân đối trầm trọng như hiện tại, việc tiếp tục tái cấu trúc tài chính, cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính trong năm 2025 là thực sự cấp thiết đối với hoạt động của Tổng công ty. Ngoài ra, với thực trạng một số công ty con hoạt động không hiệu quả như đã nêu ở trên ảnh hưởng lớn đến Tổng công ty cũng cần được tái cấu trúc và đề xuất thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con này để xử lý triệt để ngoài vấn đề về nguồn thu thì còn khắc phục được các ý kiến ngoại trừ, giảm bớt số lỗ lũy kế lớn trên BCTC Hợp nhất của Tổng công ty.

3. Tình hình thực hiện các dự án của Tổng công ty:

3.1 Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Tổng công ty LICOGI tại ô đất 07-E7 khu đô thị mới Cầu Giấy:

Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Tổng công ty LICOGI tại ô đất 07-E7 khu đô thị mới Cầu Giấy: Theo QĐ số 4982/QĐ-UBND của UBND Thành phố HN về việc chấm dứt việc giao làm chủ đầu tư nghiên cứu lập dự án tại 11 ô đất tại Khu trụ sở các Tổng công ty thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy. Ngày 14/10/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội có thông báo số 2029/TB-KH&ĐT gửi 11 Nhà đầu tư (trong đó có Tổng công ty LICOGI - CTCP) về nội dung chấm dứt việc giao làm chủ đầu tư tại ô đất 07-E7 khu đô thị mới Cầu Giấy.

Trên cơ sở quyết định của UBND Thành phố Hà Nội. Tổng công ty đã và làm việc với các Sở, ngành của UBND Thành phố Hà Nội để thực hiện quy trình bồi thường, hỗ trợ và thu hồi các chi phí chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành thể hiện.

Và đến nay, sau khi Tổng công ty LICOGI – CTCP có văn bản số 121/2025/CV-LICOGI gửi Sở Tài Chính Hà Nội về việc hoàn trả tiền cọc để xây dựng Trụ sở Tổng Công ty tại Khu đô thị mới Cầu Giấy và đã thu hồi được số tiền cọc là: 8.450.000.000 đồng. Kết thúc thủ tục thu hồi chi phí chuẩn bị đầu tư, chính thức chấm dứt thực hiện dự án.

3.2 Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt:

- Quy mô sử dụng đất: 351.618m^2 tại các phường Thịnh Liệt, Tương Mai, Hoàng Văn Thụ - quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội.

- Các công việc đã thực hiện trong năm 2024:

* Khó khăn vướng mắc gặp phải:

+ Về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng: Do nguồn gốc sử dụng đất của các hộ dân phức tạp; do thay đổi chính sách quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Đơn thư khiếu nại; Phương án di chuyển quy tập mồ mả... nên tiến độ giải phóng mặt bằng còn chậm; Gặp nhiều khó khăn khi thực hiện.

+ Về điều chỉnh chủ trương đầu tư: Trong năm 2024, chủ trương đầu tư của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt đã hết hạn theo quyết định phê duyệt số 6429/QĐ-UBND ngày 15/09/2017 của UBND Thành phố Hà Nội. Mặc dù Tổng Công ty LICOGI, Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI đã nỗ lực làm việc với UBND Thành phố Hà Nội và các Sở, Ban ngành liên quan nhằm hoàn tất thủ tục để được phê duyệt gia hạn chủ trương đầu tư; Nhưng đến nay, việc hoàn tất thủ tục chưa được thực hiện.

Nguyên nhân vướng mắc chính là do UBND Thành phố Hà Nội, cụ thể là tại Thông báo số 2322/TB-KHĐT ngày 19/12/2023 của Sở Kế hoạch đầu tư yêu cầu Tổng Công ty LICOGI và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI thực hiện: (1) các nội dung kiến nghị tại Kết luận thanh tra số 1229/KL-TTCP ngày 30/5/2023 của Thanh tra Chính phủ; (2) liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường – cơ quan được UBND Thành phố giao chủ trì để kiểm tra, rà soát việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy định. Như vậy, vấn đề lớn nhất cần giải quyết là phải thực hiện kết luận của Thanh tra chính phủ số 1229/KL-TTCP ngày 30/05/2023, mới đủ điều kiện để triển khai các thủ tục phê duyệt gia hạn chủ trương đầu tư và các bước tiếp theo.

* Kết quả thực hiện:

+ Diện tích đã hoàn thành công tác GPMB: 298.504,9 m2. Đạt 85% trên tổng diện tích 351.618 m2 đất của dự án, với số tiền đã chi trả là 514.523 triệu đồng. Phần diện tích này là liên tục và không có tình trạng xen kẽ các khu đất chưa giải phóng mặt bằng, đã phá dỡ toàn bộ công trình trên đất, san nền chống tái lấn chiếm, xây dựng hàng rào tôn và thuê đơn vị bảo vệ;

+ Đã làm việc với Đoàn kiểm tra liên ngành của Thành phố Hà Nội *(theo Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 10/07/2024 của UBND Thành phố)*. Ngày 23/01/2025, Đoàn kiểm tra đã có Báo cáo số 685/BC-ĐKTrLN về kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai tại Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt; Kết quả là trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Dự án không có sai phạm theo các quy định về việc chấp hành Luật đất đai.

+ Đã hoàn thành việc thu nộp khoản chi phí cơ hội của dự án là 348.885.000.000 VNĐ (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm tám mươi lăm triệu đồng) vào Ngân sách Nhà nước theo các nội dung kiến nghị tại Kết luận thanh tra số 1229/KL-TTCP ngày 30/5/2023 của Thanh tra Chính phủ;

Như vậy, với những kết quả đạt được nêu trên, dự án đã đủ cơ cở để UBND Thành phố Hà Nội xem xét hoàn thiện thủ tục tiếp theo để gia hạn chủ trương đầu tư.

4. Tình hình đầu tư, quản lý máy móc thiết bị năm 2024:

- *Đầu tư và sửa chữa bảo dưỡng*: Do không có nhu cầu nên năm 2024, Tổng công ty không đầu tư thêm máy móc thiết bị nhằm sử dụng hiệu quả vốn mà chỉ tập trung sửa chữa, bảo trì xe máy, thiết bị chủ yếu với số tiền là: **100.000.000** đồng.

- *Công tác đầu tư xe máy thiết bị*: Trong năm 2024 ĐHĐCĐ đã thông qua một số chương trình thanh lý như tài sản tại Kho Đông Anh, Kho Đồng Nai. Hiện nay do tài sản đã thế chấp tại các ngân hàng, Tổng Công ty chưa thể giải chấp được hết, mới thực hiện thanh lý một số công cụ dụng cụ cũ không còn khả năng sử dụng và không thế chấp tại các ngân hàng.

- *Khai thác tài sản*: Công tác khai thác máy móc thiết bị của LICOGI có khởi sắc khi ký kết hợp đồng cho thuê khai thác bù đắp khấu hao, đem lại dòng tiền cho doanh nghiệp: Cần trục DH650-5 hiện đang cho Công ty cổ phần Licogi 15 thuê làm công trình thủy điện Nậm Sum 1A tại huyện Sầm Tớ, tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào từ 19/12/2021 đến 31/10/2024. Máy đào PC450 hiện đang cho Công ty cổ phần Licogi 17 thuê. Máy khoan KH180; ED5500 và công cụ dụng cụ cho Công ty cổ phần Licogi 18 thuê.

5. Công tác tổ chức cán bộ, tình hình sắp xếp đổi mới doanh nghiệp; Tình hình sử dụng lao động, việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động:

- Trong năm 2024, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Tổng công ty LICOGI - CTCP ngày 26/6/2024 về việc thông qua Định hướng Tái cấu trúc Tổng công ty, Tổng công ty đã tiến hành rà soát và thực hiện các giải pháp phù hợp với quy định của pháp luật lao động để tinh gọn nhân lực làm việc tại các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Tại thời điểm 01/01/2024, số lao động tại các phòng ban, đơn vị Tổng công ty là: 121 người, số lao động tham gia chế độ bảo hiểm xã hội là: 81 người. Đến ngày 31/12/2024, số

lao động còn lại tại các phòng ban, đơn vị Tổng công ty là 57 người, giảm 64 người (trong đó có 63 người hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động và 01 người tạm hoãn hợp đồng lao động), số lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn 49 người.

Đối với những lao động đã nghỉ việc theo hình thức chấm dứt hợp đồng lao động, tạm hoãn hợp đồng lao động được Tổng công ty chi trả lương, trợ cấp thôi việc và chốt sổ bảo hiểm xã hội kịp thời để người lao động đăng ký hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Số lao động 57 người còn lại hiện đang là những nhân sự chủ chốt làm việc tại Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Tổng công ty và Công đoàn Cơ quan Tổng công ty để giải quyết các công việc chuyên môn nghiệp vụ theo từng lĩnh vực của Tổng công ty, thực hiện nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ chăm lo bảo vệ quyền lợi của người lao động Tổng công ty.

Bên cạnh đó, Tổng giám đốc đã yêu cầu cần rà soát, đánh giá, đề xuất việc sắp xếp lại bộ máy các phòng ban chức năng và các chi nhánh, văn phòng đại diện. Trước mắt, qua rà soát, Tổng công ty nhận thấy, Văn phòng đại diện Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ tháng 9/2012 với nhiệm vụ chính: làm đầu mối giao dịch tìm kiếm công việc, khai thác thị trường; trực tiếp chỉ đạo, điều phối giữa các đơn vị của Tổng công ty; tham gia thi công xây lắp các công trình, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Nhưng đến nay, các công trình thi công đã bàn giao cho chủ đầu tư, việc quyết toán, thu hồi vốn cơ bản hoàn thành. Trước mắt và trong tương lai gần, Tổng công ty chưa triển khai thi công các công trình ở phía Nam thì việc duy trì hoạt động của Văn phòng đại diện là không cần thiết, tiếp tục phát sinh chi phí thuê văn phòng, trả lương và các chi phí khác có liên quan. Do đó, để giảm bớt đầu mối cấp trung gian, tiết giảm chi phí, Tổng giám đốc kiến nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra để quản lý, bảo toàn và phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, Trong năm 2024 Tổng công ty còn giao nhiệm vụ (ủy quyền) cho một số nhân sự đảm nhận nhiệm vụ Người đại diện quản lý phần vốn, kiểm soát viên; cũng như đề cử, giới thiệu nhân sự tham gia công tác quản trị, điều hành, kiểm soát tại 13 Công ty con, 10 Công ty liên kết và các công ty có vốn đầu tư.

II. Định hướng sản xuất kinh doanh 2025

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025:

Năm 2025 là năm có rất nhiều khó khăn đối với Tổng công ty, đặc biệt là khó khăn về tài chính, một số khoản nợ quá hạn tiềm ẩn rủi ro sẽ ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh như nợ tại Ngân hàng Agribank- Chi nhánh Tây Hà Nội (khoản nợ vay của Chi nhánh Licogi số 1), nợ Công ty CP JUPITER, nợ thuế, BHXH và nợ khác của chi nhánh LICOGI số 1...

Từ thực tế tài chính, công việc sản xuất kinh doanh hiện nay, Tổng công ty đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH 2025/TH 2024
I	**Công ty Mẹ**				
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	900,000	900,000	100,0
2	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	210,374	286,960	136,4
3	Doanh thu	Tỷ đồng	334,631	430,745	128,7
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,329	6,699	125,7
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,734	348,885	6.084,5
6	Cổ tức (%)	%	0	0	
7	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	0,100	0,616	616,0
II	**Hợp nhất Mẹ - Con**				
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.554,130	2.178,059	85,3
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.432,414	2.427,674	99,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	85,023	52,107	61,3
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	153,988	513,917	333,7
5	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	56,597	490,786	867,2

2. Các biện pháp tổ chức triển khai thực hiện:

2.1. Tiếp tục tổ chức triển khai ngay đề án Tái cấu trúc Tổng công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 cũng như các Nghị quyết của HĐQT:

- Định hướng Tổng công ty LICOGI - CTCP là Tổng thầu thi công xây dựng; Trong đó các Công ty con là đơn vị thi công trực tiếp.

- Tiếp tục rà soát các thiết bị đã quá cũ để thanh lý, tận dụng các thiết bị khoan tường vây và khoan cọc nhồi cho thuê thiết bị. Xử lý toàn bộ tài sản hiện nay đang thế chấp tại ngân hàng để tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết thanh lý theo lộ trình và đúng với quy định pháp luật hiện hành. Công tác đầu tư các thiết bị chỉ thực hiện khi thực sự cần thiết theo nhu cầu công việc và thanh lý, hoán đổi hoặc nhượng bán được các thiết bị hiện có.

- Cơ cấu tài chính để từng bước ổn định và đáp ứng yêu cầu có nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD cũng như triển khai các dự án của LICOGI. Tiếp tục triển khai thoái vốn tại các doanh nghiệp đã được Đại hội đồng cổ đông 2023 phê duyệt để cơ cấu lại tình hình tài chính, giảm gánh năng nợ vay. Đối với các khoản thoái vốn có giá trị lớn như khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (mã CK:BHA) trong năm 2025, tiếp tục làm việc với đơn vị tư vấn để ra kết quả chứng thư thẩm định giá, làm các thủ tục tiếp theo liên quan đến việc lựa chọn nhà đầu tư, thực hiện việc chào bán công khai ra thị trường chứng khoán.

Đồng thời kiến nghị bổ sung các đơn vị gồm: Công ty CP Lắp máy điện nước Licogi; Công ty CP LICOGI 10; Công ty CP LICOGI 15; Công ty CP Kỹ thuật và nền móng 20 và Công ty CP LICOGI Quảng Ngãi vào danh mục thoái vốn trong thời gian tới; Thời điểm đề xuất thoái vốn các đơn vị này sẽ trình ĐHĐCĐ bằng văn bản.

- Về công tác tổ chức, nhân sự: Tiếp tục thực hiện việc rà soát, đánh giá và đề xuất giải thể, chấm dứt hoạt động với một số chi nhánh trực thuộc Tổng công ty hoạt động kém hiệu quả; sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban chức năng, đảm bảo hợp lý, tinh gọn, hiệu quả, đồng thời có thể tuyển dụng bổ sung thêm một số nhân sự chất lượng cao phục vụ nhu cầu,

định hướng phát triển của Tổng công ty, tối ưu hoá nguồn nhân lực, giảm chi phí vận hành, tăng khả năng thích ứng với thị trường và môi trường kinh doanh đang thay đổi. Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc của người lao động và bảng mô tả công việc; cập nhật quy chế trả lương; cập nhật các quy định mới của Bộ luật Lao động và các quy định khác có liên quan để soạn thảo, ban hành mẫu hợp đồng lao động mới và tiến hành ký lại hợp đồng lao động đối với số lao động hiện có tại Tổng công ty.

- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của Tổng Công ty LICOGI tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Đối với Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt.

- Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện các hồ sơ pháp lý trình các Sở, Ban ngành, UBND Thành phố Hà Nội gia hạn chủ trương đầu tư trong năm 2025.

- Phấn đấu trong năm 2025 có phương án phê duyệt tiền sử dụng đất; phương án giao đất giai đoạn 1.

- Tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng giai đoạn 2.

Do các quy định hiện tại về Luật đất đai, về Luật kinh doanh Bất động sản... cũng như quy định về bảng giá đất tại Hà Nội đã có nhiều thay đổi.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty kiến nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thống nhất việc tăng vốn Điều lệ Tổng công ty LICOGI trong thời gian tới để luôn đảm bảo đáp ứng đủ điều kiện làm chủ đầu tư Dự án theo quy định.

Trên đây là báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình thực hiện 2024 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2025.

Trân trọng!

Nơi nhận:
HĐQT, BKS (để báo cáo)
Các phòng/ban TCT
Lưu VT

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY
LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72 /2025/TTr-HĐQT	Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu, chỉ định Ban Thư ký ĐHĐCĐ năm 2025 của Tổng công ty LICOGI - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty LICOGI – CTCP (Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/6/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐQT ngày 29/4/2025 của HĐQT Tổng công ty về việc: Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18./06./2025 về việc thông qua nội dung, chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025,

HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP kính trình ĐHĐCĐ thông qua số lượng, danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu, chỉ định Ban Thư ký ĐHĐCĐ 2025 như sau:

1. Đoàn Chủ tịch có 3 thành viên, gồm:
- Ông Đinh Việt Tùng, Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa;
- Ông Phan Thanh Hải, Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc là thành viên.
- Ông Nguyễn Danh Quân, Thành viên HĐQT là thành viên;

2. Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm:
- Ông Nguyễn Trọng Thanh, Trưởng phòng TCCB là Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Công Nghị, Phó Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty là thành viên.
- Ông Đinh Hải Ninh, Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế là thành viên.

Giúp việc cho Ban Kiểm phiếu có 1 số nhân viên của Công ty CP Chứng khoán FPT- Đơn vị tư vấn ĐHĐCĐ trực tuyến.

3. Ban Thư ký có 02 thành viên, gồm:
- Bà Nguyễn Thị Oanh, Chánh Văn phòng HĐQT, Thư ký Công ty là Trưởng Ban;
- Ông Phạm Kim Ngọc, Thư ký Tổng giám đốc là thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100106440 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số: 73 /2025/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty LICOGI - CTCP (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA ban hành ngày 30/3/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA ban hành ngày 30/3/2025;

- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18/6/2025 về việc thông qua các nội dung, chương trình ĐHĐCĐ năm 2025,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025, với các chỉ tiêu cơ bản dưới đây:

I. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % TH2024/ KH2024
I	**Công ty Mẹ**				
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	900,000	900,000	100,0
2	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	234,708	210,374	89,6
3	Doanh thu	Tỷ đồng	346,978	334,631	96,4
4	LN trước thuế	Tỷ đồng	11,912	5,329	44,7
5	LN sau thuế	Tỷ đồng		5,329	
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,400	5,734	409,6
7	Cổ tức (%)	%	0	0	100,0
8	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	0,520	0,100	19,2
II	**Hợp nhất Mẹ Con**				
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.321,591	2.554,130	110,0
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.558,054	2.432,414	95,1
3	LN trước thuế	Tỷ đồng	52,871	85,023	160,8
4	LN sau thuế	Tỷ đồng		73,351	
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	99,682	153,988	154,5
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	335,760	56,597	16,9

2. Về kết quả đầu tư:

2.1. Giá trị các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2024: 1.820,004 tỷ đồng

Trong đó: + Đầu tư vào công ty con : 1.448,580 tỷ đồng;

+ Đầu tư vào công ty liên kết : 321,547 tỷ đồng;

+ Đầu tư khác : 49,876 tỷ đồng;

(Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính : 117,400 tỷ đồng).

2.2. Tổng giá trị đầu tư năm 2024 là : 0,100 tỷ đồng

Trong đó: + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thi công : 0,100 tỷ đồng

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH 2025/TH 2024
I	**Công ty Mẹ**				
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	900,000	900,000	100,0
2	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	210,374	286,960	136,4
3	Doanh thu	Tỷ đồng	334,631	430,745	128,7
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,329	6,699	125,7
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,734	348,885	6.084,5
6	Cổ tức (%)	%	0	0	
7	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	0,100	0,616	616,0
II	**Hợp nhất Mẹ - Con**				
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.554,130	2.178,059	85,3
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.432,414	2.427,674	99,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	85,023	52,107	61,3
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	153,988	513,917	333,7
5	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	56,597	490,786	867,2

2. Danh mục đầu tư của Công ty mẹ năm 2025:

Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng và sửa chữa:

Tổng mức đầu tư dự kiến : 0,616 tỷ đồng

Trong đó: + Đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị là : 0,616 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua, giao và uỷ quyền cho HĐQT Tổng Công ty LICOGI chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD - Đầu tư như trên bao gồm cả việc điều chỉnh giá trị các hạng mục đầu tư nếu thấy cần thiết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 74 /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;

- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18/6/2025 về việc thông qua nội dung, chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (Bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất) của Tổng công ty LICOGI- CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế iCPA.

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Tổng Công ty (www.licogi.vn), bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2024
4. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/ 2024
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
1	Tổng tài sản	4.616.642	2.651.274
2	Tổng doanh thu	2.432.414	334.631
3	Tổng (Lỗ/Lãi) Lợi nhuận trước thuế	85.023	5.329
4	Tổng (Lỗ/lãi) Lợi nhuận sau thuế	73.352	5.329
5	Tổng (Lỗ/Lãi) Lợi nhuận phân bổ cho công ty Mẹ	59.671	5.329

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75 /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty LICOGI - CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty LICOGI - CTCP (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;
- Căn cứ Điều 4, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Tổng công ty LICOGI - CTCP số 76/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2024 về việc thông qua Định hướng Tái cấu trúc Tổng công ty;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18./.6../2025 về việc thông qua nội dung, chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025,

HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty LICOGI - CTCP;

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT tổ chức triển khai thực hiện việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty LICOGI - CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số: 76 /2025/TTr - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại doanh nghiệp khác

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty LICOGI - CTCP (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Căn cứ Báo cáo của Tổng giám đốc Tổng công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- Căn cứ thực trạng tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18/6/2025 về việc thông qua các nội dung, chương trình ĐHĐCĐ năm 2025,

Hội đồng quản trị Tổng Công ty LICOGI - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tái cấu trúc danh mục đầu tư tài chính của Tổng Công ty LICOGI – CTCP tại doanh nghiệp khác như sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện việc thoái vốn tại 08 đơn vị có góp vốn của Tổng Công ty LICOGI đã thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 đến năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện bao gồm: quyết định phương án và hình thức thoái vốn đầu tư tài chính của Tổng Công ty tại các Doanh nghiệp trên, xác định thời điểm thoái vốn, giá bán, đảm bảo lợi ích cao nhất của Tổng Công ty và phù hợp với quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100106... C.T.C.P TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Số: 77 /2025/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty LICOCI - CTCP (Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế ICPA;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 18/6/2025 về việc thông qua nội dung, chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Năm 2024, lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ - Tổng công ty LICOGI – CTCP lãi 5.328.792.411 đồng, nhưng do lỗ lũy kế các năm 2016, 2017 nên Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ là 0% theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024.

2. Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025.

Năm 2025 dự kiến lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 6,699 tỷ đồng nhưng chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế nên tỷ lệ chi trả cổ tức kế hoạch năm 2025 là 0%.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100150619 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78 /2025/TTr-HĐQT	Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty LICOGI – CTCP (Sửa đổi và bổ sung lần thứ hai) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 18./.6./2025 về việc thông qua các nội dung, chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025,

HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và phê duyệt kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

1. Chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Năm 2024, Tổng công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên phù hợp với từng đối tượng làm việc chuyên trách, kiêm nhiệm tại LICOGI. Cụ thể như sau:

- Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (số lượng 5 thành viên) được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua là 1.488.000.000 đồng/năm;

Tổng tiền lương, thù lao thực tế chi trả của Hội đồng quản trị là 1.381.936.000 đồng, bằng 92,9% kế hoạch; bình quân 23.032.267 đồng/người/tháng.

- Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát (số lượng 3 thành viên) được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua là 576.000.000 đồng/năm;

Tổng tiền lương, thù lao thực tế chi trả của Ban kiểm soát là 502.028.000 đồng, bằng 87,1 % kế hoạch; bình quân 13.945.222 đồng/người/tháng.

Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2024: Thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ, Quy chế tài chính của Tổng công ty đã ban hành.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

**** Tiền lương, thù lao cho thành viên HĐQT:***

STT	Chức vụ	Chế độ làm việc	
		Làm việc chuyên trách (đồng/tháng)	Làm việc kiêm nhiệm (đồng/tháng)
1	Chủ tịch	35.000.000	10.000.000
2	Phó Chủ tịch	30.000.000	9.000.000
3	Thành viên HĐQT	28.000.000	7.000.000

**** Tiền lương, thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát:***

STT	Chức vụ	Chế độ làm việc	
		Làm việc chuyên trách (đồng/tháng)	Làm việc kiêm nhiệm (đồng/tháng)
1	Trưởng BKS	28.000.000	7.000.000
2	Thành viên BKS	15.000.000	5.000.000

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (số lượng 5 thành viên) dự kiến: 1.488.000.000 đồng/năm (*Một tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu đồng chẵn*);
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát (số lượng 3 thành viên) dự kiến: 576.000.000 đồng/năm (*Năm trăm bẩy mươi sáu triệu đồng chẵn*).

Ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS (Chi phí đi lại, ăn ở, chi phí hợp lý khác): sẽ chi trả theo phát sinh thực tế và nằm trong kế hoạch ngân sách hoạt động chung của LICOGI được xác định trong kế hoạch tài chính năm 2025, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP, Quy chế tài chính và các chế độ, định mức chi tiêu nội bộ của LICOGI.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh mức tiền lương, thù lao cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng không vượt quá tổng mức tiền lương, thù lao được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100106... TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2025/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/v: Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP (Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được ĐHĐCĐ Tổng công ty LICOGI - CTCP thông qua ngày 24/6/2021.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty LICOGI – CTCP (Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) đã được ĐHĐCĐ Tổng công ty LICOGI-CTCP thông qua ngày 24/6/2021
- Căn cứ Danh sách công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố ngày 19/11/2024;
- Căn cứ Biên bản họp Ban kiểm soát,

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng Công ty LICOGI - CTCP (LICOGI) như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt nam, được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;

- Là đơn vị có các chuyên gia và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các báo cáo tài chính, theo các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho LICOGI;

- Đáp ứng yêu cầu của Tổng Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có mức phí dịch vụ phù hợp và cạnh tranh.

2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập lựa chọn và phương án chọn

Căn cứ vào các tiêu chí nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của LICOGI và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

Trường hợp không chọn được một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên, kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng được tiêu chí đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Tổng Công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phan Hải Triều

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79 /2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty LICOGI - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty LICOGI - CTCP, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/6/2021;

- Căn cứ đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT của ông Ưng Tiến Đỗ,

HĐQT Tổng công ty LICOGI - CTCP đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2025 miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với Ông Ưng Tiến Đỗ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 40 Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP;

- Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Đinh Việt Tùng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 60

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2024)
4. Ông Nguyễn Trường Sơn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2024)
5. Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
6. Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Vũ Nguyên Vũ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2024)
2. Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2024)
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024)
4. Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Ông Phan Hải Triều	Trưởng ban
2. Bà Dương Thị Phượng	Thành viên
3. Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

1. Ông Vũ Nguyên Vũ	Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 16 tháng 08 năm 2024)
2. Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 08 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

iCPA since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
T 024. 666 42 777 E contact@icpa.vn W www.icpa.vn

Số: 033108/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Licogi - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 8 đến trang 60 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2024, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 396,8 tỷ đồng. Trong năm 2024, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện vốn hóa lãi vay vào "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" là 41 tỷ đồng. Theo đó, tổng giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 437,8 tỷ đồng. Vì dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2024, các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu mà kiểm toán viên không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như không đánh giá được tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi (Tiếp theo)

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 77,45 tỷ đồng và 76,06 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 5,5 tỷ đồng và 3,4 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 87,36 tỷ đồng và 98,18 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi: 24,78 tỷ đồng và 9,63 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần Licogi 10: tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 34,6 tỷ đồng.

Hàng tồn kho

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các Công ty con của Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 11,4 tỷ đồng và 12,2 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 10,3 tỷ đồng và 10,3 tỷ đồng ;
- Công ty Cổ phần Licogi 10: tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 90,1 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2024, tại các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả, nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau :

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 99,05 tỷ đồng và 98,62 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 6,7 tỷ đồng và 7 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 82,67 tỷ đồng và 79,54 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi: 20,98 tỷ đồng và 17,4 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần Licogi 10 tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 68,6 tỷ đồng.

Một số vấn đề khác

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Licogi 10 được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số liệu của công ty con này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 hay không, cụ thể như sau:

- Tài sản ngắn hạn: 195,61 tỷ đồng;
- Tài sản dài hạn: 8,15 tỷ đồng;
- Nợ ngắn hạn: 204,53 tỷ đồng;
- Vốn chủ sở hữu: âm 0,81 tỷ đồng;
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024: 72,06 tỷ đồng;
- Giá vốn hàng bán năm 2024: 71,81 tỷ đồng;
- Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 6,7 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Licogi 15 (công ty con của Tổng Công ty) chưa ghi nhận chi phí lãi vay theo thông báo nợ quá hạn, tổng dư nợ lãi và dư lãi phạt của Công ty con này tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bỉm Sơn lần lượt là 12,06 tỷ đồng và 1,86 tỷ đồng. Đối với các khoản vay khác, do chúng tôi không thu thập được các hợp đồng vay phát sinh từ các năm trước và vẫn còn số dư cho đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 nên chúng tôi không thể ước tính đầy đủ tiền lãi vay Công ty con này cần phải ghi nhận nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 550,94 tỷ đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 575,94 tỷ đồng), nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.271,94 tỷ đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1.335,07 tỷ đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào việc triển khai kế hoạch kinh doanh, và sự hỗ trợ tài chính của các tổ chức tín dụng. Các sự kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.4 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Bản án phúc thẩm số 01/2025/KDTM-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con), từ năm 2011 đến năm 2023, Công ty đã ghi nhận chi phí lãi vay theo lãi suất được thỏa thuận tại các giấy nhận nợ từ 15% - 19%/năm. Theo bản án nêu trên, lãi suất được điều chỉnh xuống còn 4,86%/năm, không tính lãi phạt quá hạn. Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con) đã điều chỉnh hồi tố số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Vì vậy, một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định kế toán hiện hành để phù hợp với việc so sánh số liệu năm nay của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.

M.S.D.N: 0101177123 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Kiều Mạnh Long
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5727-2023-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.164.613.683.754**	**1.941.654.611.781**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**481.377.341.513**	**119.289.679.144**
1. Tiền	111		197.356.629.184	56.289.679.144
2. Các khoản tương đương tiền	112		284.020.712.329	63.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**62.300.000.000**	**54.185.007.431**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	62.300.000.000	54.185.007.431
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.108.046.090.109**	**1.129.865.686.552**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	908.246.173.489	989.279.058.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	163.180.631.286	92.191.866.847
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.291.160.010	7.241.160.010
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7a	417.724.074.353	416.910.008.228
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(388.890.346.744)	(376.250.805.106)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		494.397.715	494.397.715
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.9**	**479.379.168.966**	**603.665.931.773**
1. Hàng tồn kho	141		501.951.713.836	624.914.301.622
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.572.544.870)	(21.248.369.849)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**33.511.083.166**	**34.648.306.881**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	3.768.598.247	4.436.210.938
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.450.679.328	27.552.273.467
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	4.291.805.591	2.659.822.476

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.452.028.605.201**	**2.372.659.293.362**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**2.316.653.354**	**1.808.648.034**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	2.316.653.354	1.808.648.034
II. Tài sản cố định	**220**		**236.951.239.111**	**253.508.897.023**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	205.410.245.818	221.267.662.042
- Nguyên giá	*222*		*1.265.155.218.612*	*1.317.049.997.332*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.059.744.972.794)*	*(1.095.782.335.290)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	5.494.154.374	5.907.137.410
- Nguyên giá	*225*		*7.725.170.910*	*6.879.716.365*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(2.231.016.536)*	*(972.578.955)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	26.046.838.919	26.334.097.571
- Nguyên giá	*228*		*30.131.669.806*	*30.131.669.806*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(4.084.830.887)*	*(3.797.572.235)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.14**	**4.020.667.916**	**4.020.667.916**
- Nguyên giá	*231*		*4.102.505.616*	*4.102.505.616*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*232*		*(81.837.700)*	*(81.837.700)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**V.15**	**1.378.638.451.947**	**1.337.367.772.726**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.355.580.005.015	1.308.718.438.654
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.058.446.932	28.649.334.072
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**796.376.091.476**	**746.447.994.576**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.16	763.700.633.868	705.218.498.228
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.17	49.876.625.400	59.260.545.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(17.201.167.792)	(19.531.049.052)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**33.725.501.397**	**29.505.313.087**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	32.214.865.237	28.003.767.837
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.510.636.160	1.501.545.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**4.616.642.288.955**	**4.314.313.905.143**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.126.710.245.541**	**3.880.055.141.680**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.436.552.705.995**	**3.276.691.518.474**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18	729.872.570.544	690.313.542.942
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.19a	171.551.024.537	154.688.996.148
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	259.390.124.840	251.386.635.634
4. Phải trả người lao động	314		106.167.991.962	70.738.281.338
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	273.944.236.780	324.180.028.360
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		350.000.000	391.363.635
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	212.658.800.216	222.693.291.505
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	1.659.493.543.635	1.532.528.456.742
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.132.604.247	8.499.697.350
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.991.809.234	21.271.224.820
II. Nợ dài hạn	**330**		**690.157.539.546**	**603.363.623.206**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.19b	133.687.377.644	132.778.286.735
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		367.186.667	577.610.353
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	68.639.046.075	68.744.046.075
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	480.823.582.880	397.574.529.050
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.935.547.053	1.937.671.432
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.704.799.227	1.751.479.561
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**489.932.043.414**	**434.258.763.463**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.23**	**489.932.043.414**	**434.258.763.463**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.558.651	117.558.651
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(89.169.818.319)	(89.169.818.319)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		143.948.227.766	116.707.388.783
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.083.295.470	2.083.295.470
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(550.940.633.893)	(575.942.612.450)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(610.611.367.924)*	*(574.653.913.688)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*59.670.734.031*	*(1.288.698.762)*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		83.893.413.739	80.462.951.328
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**4.616.642.288.955**	**4.314.313.905.143**

Đặng Thu Oanh	**Lê Thị Thanh Nội**	**Phan Thanh Hải**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.250.355.273.122	2.035.962.622.006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	660.982.911	108.879.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.249.694.290.211	2.035.853.742.894
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.998.928.693.494	1.857.597.058.922
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		250.765.596.717	178.256.683.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	122.049.744.915	146.413.437.587
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	122.017.306.564	135.069.639.377
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*119.151.969.698*	*136.271.756.795*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		60.670.020.611	22.930.751.383
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	52.160.834.222	42.521.230.361
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	163.902.735.188	140.632.746.464
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.404.486.269	29.377.256.740
12. Thu nhập khác	31	VI.7	21.646.340.072	9.834.690.147
13. Chi phí khác	32	VI.8	32.027.571.830	23.493.372.510
14. Lợi nhuận khác	40		(10.381.231.758)	(13.658.682.363)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85.023.254.511	15.718.574.377
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	11.682.771.675	9.696.248.097
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(11.215.289)	(773.026.201)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		73.351.698.125	6.795.352.481
- Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty	61		59.670.734.031	(1.288.698.762)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		13.680.964.094	8.084.051.243
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	663	(119)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	663	(119)

Đặng Thu Oanh	**Lê Thị Thanh Nội**	**Phan Thanh Hải**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**85.023.254.511**	**15.718.574.377**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	41.520.955.185	46.673.429.179
Các khoản dự phòng	03	13.220.061.962	(100.600.173)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(437.138.095)	(12.979.711)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(186.977.558.331)	(150.943.732.307)
Chi phí lãi vay	06	119.151.969.698	136.271.756.795
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**71.501.544.930**	**47.606.448.160**
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(7.863.907.071)	(280.812.030.445)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	122.962.587.786	4.216.792.353
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	104.728.002.585	82.472.713.759
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.543.484.709)	1.494.270.725
Tiền lãi vay đã trả	14	(232.129.743.084)	(157.469.798.589)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.721.960.802)	(5.938.273.891)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(16.230.527.288)	(12.003.694.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**21.702.512.347**	**(320.433.572.416)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.729.352.184)	(14.393.783.470)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	19.263.591.327	5.227.231.497
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(59.300.000.000)	(92.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	61.450.000.000	227.216.306.884
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	10.425.266.000	6.803.822.730
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	117.624.366.061	152.267.543.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**129.733.871.204**	**284.921.121.308**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.198.569.953.490	1.968.301.400.989
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.987.018.534.567)	(1.893.960.910.119)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.337.278.200)	(920.648.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**210.214.140.723**	**73.419.842.370**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**361.650.524.274**	**37.907.391.262**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**119.289.679.144**	**81.369.308.171**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	437.138.095	12.979.711
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**481.377.341.513**	**119.289.679.144**

Đặng Thu Oanh	**Lê Thị Thanh Nội**	**Phan Thanh Hải**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 02 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;

- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;

- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về Công ty con (sở hữu trực tiếp) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp LICOGI	Hà Nội	100,00%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động

Công ty con cấp 2

Tổng Công ty có các công ty con cấp 2 (sở hữu gián tiếp) được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)*	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	41,01%	41,01%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	18,49%	18,49%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long *(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)*	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 *(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Hưng Yên	25,27%	48,73%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long *(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)*	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam *(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)*	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lí tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính, Bộ xây dựng và các cơ quan quản lý khác và hướng dẫn của Bộ tài chính, Bộ xây dựng và các cơ quan quản lý khác. Tổng Công ty - Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 550,94 tỷ đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 575,94 tỷ đồng), nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.271,94 tỷ đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1.335,07 tỷ đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa kiểm toán của Công ty Cổ phần Licogi 10. Với số liệu của Công ty con này trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. cụ thể như sau:

- Tài sản ngắn hạn: 195,61 tỷ đồng;
- Tài sản dài hạn: 8,15 tỷ đồng;
- Nợ ngắn hạn: 204,53 tỷ đồng;
- Vốn chủ sở hữu: âm 0,81 tỷ đồng;
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024 : 72,06 tỷ đồng;
- Giá vốn hàng bán năm 2024: 71,81 tỷ đồng;
- Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 6,7 tỷ đồng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 10 sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có liên quan đến vấn đề này.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư tại Tổng Công ty là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, tiền thuê đất, sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho Công ty trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
(d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.776.524.923	4.195.567.376
Tiền gửi ngân hàng	194.580.104.261	52.094.111.768
Các khoản tương đương tiền (i)	284.020.712.329	63.000.000.000
Cộng	**481.377.341.513**	**119.289.679.144**

(i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	**62.300.000.000**	**54.185.007.431**
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	62.300.000.000	54.185.007.431
b) Dài hạn	**-**	**1.500.000.000**
Trái phiếu	-	1.500.000.000
Cộng	**62.300.000.000**	**55.685.007.431**

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Cổ phần Vinhomes	150.902.438.160	63.141.020.678
Ban quản lý dự án Điện 2 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	71.693.737.255	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Thái Bình Dương	44.598.299.566	43.035.960.028
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và PT Lĩnh Phong - C.O.N.I.C	29.493.292.374	30.000.000.000
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	25.971.260.268	8.673.591.895
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	23.885.940.003	17.409.874.008
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty Cổ phần đầu tư Xuân Cầu	19.671.857.448	25.499.784.609
PROESMMA SA DE CV	19.131.202.332	-
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Phải thu khách hàng khác	485.973.824.848	764.594.506.405
Cộng	**908.246.173.489**	**989.279.058.858**
b) Phải thu khách hàng là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**30.954.019.246**	**13.643.596.369**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp Công Tiến	16.482.898.187	-
DISA (Changzhou) Machinery Limited	8.292.241.620	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	6.829.116.000	6.829.116.000
Wuyangbc (Tsingdao) Intelligent Equipment Co.,LTD	5.226.121.891	-
Công ty TNHH SX cầu trục và kết cấu công nghiệp VNC	3.640.388.677	3.485.348.840
Đối tượng khác	122.709.864.911	81.877.402.007
Cộng	**163.180.631.286**	**92.191.866.847**
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**3.695.789.577**	**3.695.789.577**

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu về cho vay		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 8 (i)	4.291.160.010	5.041.160.010
Công ty Cổ phần 19/5 Đoan Hùng (ii)	3.000.000.000	2.200.000.000
Cộng	**7.291.160.010**	**7.241.160.010**
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**4.291.160.010**	**5.041.160.010**

(i) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (công ty con) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 (Công ty liên kết). Khoản cho vay theo hình thức tín chấp, với thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm.

(ii) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (công ty con) và Công ty Cổ phần 19/5 Đoan Hùng. Khoản cho vay theo hình thức tín chấp, với thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 4%/năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.399.123.622	3.576.503.877
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	177.131.866	521.301.412
Các khoản khác	192.342.759	338.405.649
Cộng	**3.768.598.247**	**4.436.210.938**
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.774.436.687	10.313.467.557
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	8.549.000.179	5.660.214.871
Tiền thuê đất	4.059.213.189	4.169.663.841
Các khoản khác	10.832.215.182	7.860.421.568
Cộng	**32.214.865.237**	**28.003.767.837**

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	3.628.215.586
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	688.890.250	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.146.258.288	1.361.798.362
Phải thu người lao động	2.672.948.504	2.778.279.854
Tạm ứng	144.097.519.146	148.718.264.613
Ký quỹ ký cược	99.467.946	792.663.000
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (i)	55.901.636.652	55.955.500.572
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	25.496.220.371	25.496.220.371
Phải thu BĐH Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu của UBND thành phố Hạ Long tiền hỗ trợ GPMB DA KĐT mới Nam Ga Hạ Long (ii)	59.891.340.790	59.891.340.790
Phải thu khác	98.608.172.871	92.794.321.131
Cộng	**417.724.074.353**	**416.910.008.228**
b) Phải thu dài hạn khác		
Cầm cố ký quỹ ký cược dài hạn	2.316.653.354	1.808.648.034
Cộng	**2.316.653.354**	**1.808.648.034**
c) Các khoản phải thu khác là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**3.795.964.577**	**4.456.010.455**

(i) Đây là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng gần như 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(ii) Đây là khoản tiền giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị mới Nam Ga Hạ Long tại Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 đã trả thay UBND thành phố Hạ Long.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	-	21.261.594.839	(21.261.594.839)	-
Công ty CP Thực phẩm miền Bắc	15.662.726.396	(15.662.726.396)	-	15.662.726.396	(15.662.726.396)	-
Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	(12.572.632.461)	-	12.572.632.461	(12.572.632.461)	-
Ban điều hành Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	-	25.493.403.949	(25.493.403.949)	-
Phải thu BQL dự án KĐT Thịnh Liệt	55.901.636.652	(54.986.617.577)	915.019.075	55.899.448.572	(54.986.617.577)	912.830.995
Các khoản phải thu được chuyển giao khi sáp nhập COMETCO vào công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	39.052.111.083	(39.052.111.083)	-	39.052.111.083	(39.052.111.083)	-
Các khoản khác	228.846.283.238	(219.861.260.439)	8.985.022.799	220.627.881.722	(207.221.718.801)	13.406.162.921
Cộng	**398.790.388.618**	**(388.890.346.744)**	**9.900.041.874**	**390.569.799.022**	**(376.250.805.106)**	**14.318.993.916**

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.003.277.789	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	137.641.045.587	(8.341.458.545)	102.899.085.760	(6.705.765.503)
Công cụ, dụng cụ	6.928.461.770	-	5.421.988.509	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	334.176.097.156	(12.273.040.670)	470.121.942.053	(13.259.325.313)
Thành phẩm nhập kho	21.132.725.297	(1.958.045.655)	43.033.762.829	-
Hàng hoá	2.556.329	-	2.795.720.000	(1.283.279.033)
Hàng gửi bán	1.067.549.908	-	641.802.471	-
Cộng	**501.951.713.836**	**(22.572.544.870)**	**624.914.301.622**	**(21.248.369.849)**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	4.247.010.497	34.964.387.742	36.620.174.458	2.591.223.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.677.315	11.513.597	-	17.190.912
Thuế thu nhập cá nhân	38.919.965	-	3.285.364	35.634.601
Các loại thuế khác	197.814	36.660.214	21.084.846	15.773.182
Cộng	**4.291.805.591**	**35.012.561.553**	**36.644.544.668**	**2.659.822.476**
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	64.650.165.859	113.447.361.621	108.631.873.851	59.834.678.089
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.740.958.160	11.671.258.078	17.721.960.802	22.791.660.884
Thuế thu nhập cá nhân	2.607.241.022	4.925.088.064	4.194.969.799	1.877.122.757
Thuế tài nguyên	1.547.705.593	2.104.524.025	3.777.154.333	3.220.335.901
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	61.607.571.033	4.782.830.140	4.706.968.213	61.531.709.106
Thuế xuất nhập khẩu	-	66.790.558	66.790.558	-
Phí, lệ phí khác phải nộp Nhà nước	108.693.748.069	16.067.902.958	5.541.139.670	98.166.984.781
Các loại thuế khác	3.542.735.104	921.287.318	1.342.696.330	3.964.144.116
Cộng	**259.390.124.840**	**153.987.042.762**	**145.983.553.556**	**251.386.635.634**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	**246.195.838.702**	**910.456.171.493**	**150.932.614.080**	**9.465.373.057**	**1.317.049.997.332**
Mua trong năm	2.254.630.497	5.296.068.242	16.748.557.805	332.231.298	24.631.487.842
Đầu tư XDCB hoàn thành	688.751.482	-	-	-	688.751.482
Thanh lý tài sản cố định	(1.320.572.666)	(61.871.646.410)	(13.887.198.968)	(135.600.000)	(77.215.018.044)
Phân loại lại	(775.733.130)	111.000.000	664.733.130	-	-
Tại ngày cuối năm	**247.042.914.885**	**853.991.593.325**	**154.458.706.047**	**9.662.004.355**	**1.265.155.218.612**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	**180.695.125.311**	**762.961.744.344**	**143.829.848.343**	**8.295.617.292**	**1.095.782.335.290**
Khấu hao trong năm	7.782.834.044	25.743.965.114	6.056.855.601	391.604.193	39.975.258.952
Thanh lý tài sản cố định	(1.176.407.088)	(61.297.671.021)	(13.402.943.339)	(135.600.000)	(76.012.621.448)
Phân loại lại	(194.902.178)	69.470.298	125.431.880	-	-
Tại ngày cuối năm	**187.106.650.089**	**727.477.508.735**	**136.609.192.485**	**8.551.621.485**	**1.059.744.972.794**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**65.500.713.391**	**147.494.427.149**	**7.102.765.737**	**1.169.755.765**	**221.267.662.042**
Tại ngày cuối năm	**59.936.264.796**	**126.514.084.590**	**17.849.513.562**	**1.110.382.870**	**205.410.245.818**

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 640.740.196.146 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 722.907.290.952 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 132.464.783.485 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 139.951.756.113 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị xây dựng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**6.879.716.365**	**-**	**6.879.716.365**
Tăng trong năm	-	845.454.545	845.454.545
Số dư cuối năm	**6.879.716.365**	**845.454.545**	**7.725.170.910**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**972.578.955**	**-**	**972.578.955**
Khấu hao trong năm	1.146.619.400	111.818.181	1.258.437.581
Số dư cuối năm	**2.119.198.355**	**111.818.181**	**2.231.016.536**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	**5.907.137.410**	**-**	**5.907.137.410**
Số dư cuối năm	**4.760.518.010**	**733.636.364**	**5.494.154.374**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	**28.769.669.806**	**1.362.000.000**	**30.131.669.806**
Tại ngày cuối năm	**28.769.669.806**	**1.362.000.000**	**30.131.669.806**
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	**2.839.935.394**	**957.636.841**	**3.797.572.235**
Khấu hao trong năm	132.558.648	154.700.004	287.258.652
Tại ngày cuối năm	**2.972.494.042**	**1.112.336.845**	**4.084.830.887**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**25.929.734.412**	**404.363.159**	**26.334.097.571**
Tại ngày cuối năm	**25.797.175.764**	**249.663.155**	**26.046.838.919**

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.197.261.635 đồng.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty dừng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015. Trong năm 2021, nguyên giá Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tăng trong năm là một căn hộ tại ngõ 91, đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với mục đích chờ tăng giá để bán nguyên giá là 1.357.365.162 đồng và Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao.

Theo quy định chuẩn mực kế toán 05, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này Tổng Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập để đánh giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại Tổng Công ty chưa thuê được Công ty tư vấn phù hợp để thực hiện việc này.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTM Thịnh Liệt (i)	1.181.947.946.672	1.181.947.946.672	1.130.760.497.467	1.130.760.497.467
Dự án xây thô các căn hộ KĐT Nam Ga	63.852.056.634	63.852.056.634	63.802.802.683	63.802.802.683
Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long (Phía Bắc quốc lộ 18)	14.366.350.728	14.366.350.728	14.225.825.585	14.225.825.585
Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long (Phía Nam quốc lộ 18)	59.496.170.458	59.496.170.458	59.422.261.082	59.422.261.082
Dự án khu đô thị Đông Hưng, Thái Bình	24.612.242.114	24.612.242.114	24.612.242.114	24.612.242.114
Dự án khu đô thị cột 5	11.230.909.091	11.230.909.091	11.230.909.091	11.230.909.091
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	-	4.589.571.314	4.589.571.314
Dự án khác	74.329.318	74.329.318	74.329.318	74.329.318
Cộng	**1.360.169.576.329**	**1.355.580.005.015**	**1.308.718.438.654**	**1.308.718.438.654**

(i) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m2 có chức năng chính là các khu nhà ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở: thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.
- Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại.

Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

b. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp - Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh (i)	7.084.709.941	7.570.359.144
Trụ sở làm việc và Văn phòng cho thuê tại Lô E7, đường Phạm Hùng (ii)	9.671.801.536	9.671.801.536
Khác	6.301.935.455	11.407.173.392
Cộng	**23.058.446.932**	**28.649.334.072**

(i) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m^2 tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng).

(ii) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m2) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất cho Sở tài chính Hà Nội số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m2 cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2006.

Ngày 10 tháng 08 năm 2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m2) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008.

Ngày 10 tháng 07 năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã thông báo số 320/TB-VP về việc kết quả kiểm tra, rà soát thực hiện các dự án vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm triển khai trên địa bàn quận Cầu Giấy. Theo đó, UBND Thành phố chủ trương dừng thực hiện các nội dung đã chấp thuận trước đây về đầu tư dự án tại các ô đất nêu trên để thực hiện việc quyết định chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đấu thầu, đầu tư, đất đai theo quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thông báo số 78/TB-VP về báo cáo, đề xuất phương án giải quyết tồn tại với 20 dự án đầu tư chưa được Nhà nước giao/cho thuê tại Khu trụ sở các Tổng Công ty thuộc Khu đô thị mới Cầu Giấy, thành Phố Hà Nội. Theo đó, UBND Thành Phố thống nhất phương án đề xuất làm thủ tục chấm dứt thực hiện Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 để thực hiện quy trình thu hồi, làm cơ sở tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai và giao Sở tài chính chủ trì, tham mưu cho UBND Thành phố xem xét giải quyết quyền lợi của các chủ thể có liên quan.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các cơ quan ban ngành để thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan và thu hồi các khoản chi phí mà Tổng Công ty đã bỏ ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp VCSH	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp VCSH
			VND	VND			VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết			**347.833.631.645**	**523.566.757.964**			**348.874.977.645**	**485.913.601.869**
Công ty CP Licogi 14	18,49%	18,49%	38.822.653.946	80.884.973.567	18,98%	18,98%	39.843.253.946	83.502.060.352
Công ty CP Licogi 19	22,62%	22,62%	1.999.068.969	2.035.503.987	22,62%	22,62%	1.999.068.969	2.034.308.990
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	20,40%	40,00%	16.540.000.000	18.244.569.801	20,40%	40,00%	16.540.000.000	18.244.569.801
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	44,01%	44,01%	280.725.828.730	416.752.385.728	44,01%	44,01%	280.746.574.730	374.940.671.661
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	25,27%	48,73%	9.746.080.000	5.649.324.881	25,27%	48,73%	9.746.080.000	7.191.991.065
Đầu tư vào công ty liên doanh			**159.842.351.743**	**240.133.875.904**			**159.842.351.743**	**219.304.896.359**
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	37,41%	42,00%	159.253.337.143	240.133.875.904	37,41%	42,00%	159.253.337.143	219.304.896.359
Công ty Liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam (i)	48,48%	48,48%	589.014.600	-	48,48%	48,48%	589.014.600	-
Cộng			**507.675.983.388**	**763.700.633.868**			**508.717.329.388**	**705.218.498.228**

(i) Công ty liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam đã ngừng hoạt động nên giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào Công ty này được Tổng Công ty xác định là 0 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	(5.221.852.192)	596.700	7.895.068.192	(5.132.347.192)
Công ty CP Licogi 13	1.853.452	16.239.671.600	(10.679.315.600)	2.853.452	25.001.671.600	(13.098.701.860)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.429.050	9.908.080.000	-	1.518.750	10.530.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	1.375.381	13.753.805.608	-
Công ty CP Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	300.000	780.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(300.000.000)	30.000	300.000.000	(300.000.000)
Cộng		**49.876.625.400**	**(17.201.167.792)**		**59.260.545.400**	**(19.531.049.052)**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	24.784.410.896	24.784.410.896	29.885.086.701	29.885.086.701
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	16.430.964.213	16.430.964.213	16.430.964.213	16.430.964.213
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	15.928.014.655	15.928.014.655	15.928.014.655	15.928.014.655
Công ty TNHH xây dựng Tự Lập	12.199.881.282	12.199.881.282	-	-
Công ty CP vận tải và vật tư công nghiệp Việt - Hàn	11.726.816.857	11.726.816.857	5.068.162.068	5.068.162.068
Công ty CP Licogi 16	11.424.415.535	11.424.415.535	11.424.415.535	11.424.415.535
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Tuấn Minh	10.823.683.429	10.823.683.429	11.747.838.958	11.747.838.958
Công ty CP Cơ khí xây lắp TM Minh Cường	10.818.197.534	10.818.197.534	57.227.500	57.227.500
Công ty CP Licogi 13	9.208.541.819	9.208.541.819	29.508.541.819	29.508.541.819
Phải trả các đối tượng khác	606.527.644.324	606.527.644.324	570.263.291.493	570.263.291.493
Cộng	**729.872.570.544**	**729.872.570.544**	**690.313.542.942**	**690.313.542.942**
b) Phải trả người bán là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**-**	**-**	**1.022.280.000**	**1.022.280.000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH DV và PT bất động sản Bài hát yêu thích	32.295.760.000	32.295.760.000	32.295.760.000	32.295.760.000
Công ty CP Xây dựng Đầu tư và PT Lĩnh Phong - C.O.N.I.C	31.306.444.867	31.306.444.867	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Green i-Park	17.789.739.995	17.789.739.995	21.221.433.428	21.221.433.428
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	9.431.631.744	9.431.631.744	9.431.631.744	9.431.631.744
Công ty Cổ phần Beru Group	7.473.037.601	7.473.037.601	7.473.037.601	7.473.037.601
Các đối tượng khác	73.254.410.330	73.254.410.330	74.267.133.375	74.267.133.375
Cộng	**171.551.024.537**	**171.551.024.537**	**154.688.996.148**	**154.688.996.148**
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
Khách hàng trả tiền trước dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long (phía Nam)	73.195.124.455	73.195.124.455	73.195.124.455	73.195.124.455
Khách hàng trả tiền trước dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long (phía Bắc)	32.089.293.126	32.089.293.126	32.089.293.126	32.089.293.126
Khách hàng trả tiền trước dự án Xây thô căn hộ bám đường 18A DA Nam Ga Hạ Long	2.774.836.363	2.774.836.363	1.865.745.454	1.865.745.454
Khách hàng trả tiền trước dự án khu đô thị Đông Hưng, Thái Bình	25.628.123.700	25.628.123.700	25.628.123.700	25.628.123.700
Cộng	**133.687.377.644**	**133.687.377.644**	**132.778.286.735**	**132.778.286.735**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	169.662.042.078	242.489.974.561
Chi phí phải trả các công trình xây dựng và các khoản khác	104.282.194.702	81.690.053.799
- Công trình Thủy điện Suối Chăn 2	*26.794.598.660*	*26.794.598.660*
- Công trình đại học quốc gia	*4.704.207.944*	*4.704.207.944*
- Công trình thủy điện Bản Chát	*7.343.716.979*	*7.343.716.979*
- Dự án 20 Cộng Hòa	*6.823.705.099*	*6.823.705.099*
- Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	*58.615.966.020*	*36.023.825.117*
Cộng	**273.944.236.780**	**324.180.028.360**

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	6.407.570.336	5.272.553.807
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	38.555.778.987	37.774.909.830
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.413.655.619	5.591.134.240
Lãi vay phải trả Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.213.386.075	7.213.386.075
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	6.470.625.000	8.627.500.000
Công ty CP đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	2.356.712.329	794.109.590
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	144.672.357.445	154.850.983.538
Cộng	**212.658.800.216**	**222.693.291.505**
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (i)	60.000.000.000	60.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.080.000.000	1.185.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.559.046.075	7.559.046.075
Cộng	**68.639.046.075**	**68.744.046.075**
c) Phải trả khác là các bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**66.470.625.000**	**68.627.500.000**

(i) Ngày 25 tháng 09 năm 2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn		**1.655.481.015.435**	**1.655.481.015.435**	**2.113.634.871.460**	**1.986.774.934.567**	**1.528.621.078.542**	**1.528.621.078.542**
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	(i)	785.591.545.963	785.591.545.963	684.860.437.983	638.620.064.946	739.351.172.926	739.351.172.926
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	(ii)	55.500.085.198	55.500.085.198	183.164.659.778	181.340.049.521	53.675.474.941	53.675.474.941
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	(iii)	401.716.016.112	401.716.016.112	789.291.472.116	715.072.582.665	327.497.126.661	327.497.126.661
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	(iv)	182.043.773.682	182.043.773.682	243.431.164.869	232.034.380.506	170.646.989.319	170.646.989.319
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	(v)	22.076.054.333	22.076.054.333	3.005.567.182	8.934.772.757	28.005.259.908	28.005.259.908
Công ty Cổ phần Licogi 10	(vi)	44.593.411.024	44.593.411.024	-	20.000.000	44.613.411.024	44.613.411.024
Công ty Cổ phần Licogi 17	(vii)	48.271.301.548	48.271.301.548	125.354.550.518	117.354.565.347	40.271.316.377	40.271.316.377
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	(viii)	2.014.147.000	2.014.147.000	-	-	2.014.147.000	2.014.147.000
Công ty Cổ phần Licogi 15	(ix)	20.606.916.768	20.606.916.768	-	10.825.965.121	31.432.881.889	31.432.881.889
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và XD 20	(x)	39.327.309.923	39.327.309.923	-	-	39.327.309.923	39.327.309.923
Công ty CP Lắp máy Điện nước	(xi)	9.951.874.884	9.951.874.884	107.897.214	5.000.000	9.848.977.670	9.848.977.670
Công ty TNHH MTV ĐT và XD Licogi số 2	(xii)	43.788.579.000	43.788.579.000	84.419.121.800	82.567.553.704	41.937.010.904	41.937.010.904
Nợ dài hạn đến hạn trả		**4.012.528.200**	**4.012.528.200**			**3.907.378.200**	**3.907.378.200**
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi		986.000.000	986.000.000			986.000.000	986.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9		1.453.528.200	1.453.528.200			1.348.378.200	1.348.378.200
Công ty Cổ phần Licogi 10		1.573.000.000	1.573.000.000			1.573.000.000	1.573.000.000
Cộng		**1.659.493.543.635**	**1.659.493.543.635**			**1.532.528.456.742**	**1.532.528.456.742**
Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)		**109.322.197.156**	**109.322.197.156**			**64.137.197.156**	**64.137.197.156**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25 tháng 12 năm 2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (Phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự đổ, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25 tháng 12 năm 2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.444.167.616 đồng.

  Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10 năm 2022. Trường hợp thực hiện xong việc thoái vốn trước tháng 10 năm 2022, Tổng Công ty cam kết tất toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thoái vốn. Đến nay, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc thoái vốn.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/134627/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng là 276 tỷ đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 226 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2025. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tổng Công ty sử dụng một số máy móc thiết bị và tài sản cố phiếu (1.050.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 100.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà) thuộc sở hữu của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 220.507.431.987 đồng.

- Khoản vay theo Hợp đồng mua bán nợ số 10/HĐMBN/CLUB M-JUPITER ngày 19 tháng 08 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Club M và Công ty Cổ phần MBN Jupiter. Theo đó, Công ty Cổ phần Club M đã chuyển giao toàn bộ khoản nợ của Tổng Công ty cho Công ty cổ phần MBN Jupiter, lãi suất vay là 14%/ năm. Tài sản đảm bảo là 26.600.627 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 4.137.112 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 1.853.451 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 311.673.802.687 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Tài sản đảm bảo là 1.226.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi, 596.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 12 và 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn. Khoản vay hiện tại đã quá hạn thanh toán. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8.400.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi. Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay vốn số 09/2023/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU ngày 30 tháng 12 năm 2023 gia hạn thời hạn vay từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 85.000.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)

- Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Cụ thể:

  - Hợp đồng vay số 01/HĐCV/TG-LICOGI ngày 12 tháng 05 năm 2021 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐCV/TG-LICOGI ngày 10 tháng 05 năm 2022 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần TERRA GOLD với số tiền là 4.100.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của bên vay phù hợp với pháp luật và không gây ảnh hưởng đến các lợi ích của bên cho vay. Lãi suất vay là 5%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tổng Công ty sử dụng các khoản phải thu Tổng Công ty phát sinh theo Hợp đồng thi công thầu phụ số 05/LICOGI/ISG/2016 ngày 10 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Hòa Bình và Tổng Công ty Licogi - CTCP và các phụ lục đính kèm để đảm bảo cho khoản vay này. Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 8.334.349.353 đồng. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.100.000.000 đồng.

  - Các khoản vay cá nhân chủ yếu là các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 7,5-10%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 39.122.211.113 đồng.

- Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 109.322.197.156 đồng.

(ii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/153707/HĐTD ngày 24 tháng 09 năm 2024. Hạn mức tín dụng tối đa là 145.000.000.000 đồng trong đó, hạn mức vay vốn lưu động là 85.000.000.000 đồng, hạn mức thấu chi là 5.000.000.000 đồng. Hạn mức bảo lãnh không bao gồm bảo lãnh thanh toán tối đa là 60.000.000.000 đồng. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2025. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là tài sản của Công ty bao gồm Hợp đồng tiền gửi, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 21.793.990.516 đồng.

- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng hạn mức 25/2024-HDDCDHM/NHCT144-DOMATCO ngày 02 tháng 05 năm 2024. Hạn mức vay không quá là 30.000.000.000 đồng. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 02 tháng 05 năm 2025. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Biện pháp đảm bảo là phương tiện vận tải, tiền gửi có kỳ hạn của Công ty theo các hợp đồng thế chấp. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 29.851.080.482 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (Tiếp theo)

- Các khoản vay cá nhân với lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ, mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 3.855.014.200 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 16/2022-HĐCVHM/NHCT144-CKĐA với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh tháng 10 năm 2022 và hợp đồng tín dụng, sửa đổi bổ sung số 20/2024-HĐCVHM/NHCT144-CKĐA ngày 18 tháng 07 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng: 415.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 18 tháng 07 năm 2025. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, được xác định trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp quyền phải thu theo Hợp đồng thế chấp quyền phải thu số 31/2016/HĐTCQPT/NHCT144-CKĐA ký ngày 20 tháng 06 năm 2016 và thế chấp hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 11/2-2-HĐTCHTK/NHCT144-CKĐA ký ngày 30 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung ký ngày 18 tháng 07 năm 2024. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 170.524.402.075 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/153720/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2022, hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 02/2022/153720/HĐTD ngày 19 tháng 09 năm 2023 và hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 01/2024/153720/HĐTD ngày 15 tháng 10 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng 200.000.000.000 đồng (Trong đó, vay ngắn hạn: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn của hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2025. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp bằng hàng tồn kho 81 tỷ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/15720/HĐBĐ ngày 09/10/2018. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 25.963.499.572 đồng.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 34/23/CTD/VCBCD-CKĐA với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương ngày 19 tháng 04 năm 2023; hợp đồng cho vay hạn mức sửa đổi, bổ sung số 91/24/CTD/VCBCD-CKĐA ngày 23 tháng 08 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng là 200.000.000.000 đồng (Trong đó, vay ngắn hạn: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bao gồm phục vụ đầu tư các tài sản cố định. Thời hạn của hợp đồng từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 22 tháng 08 năm 2025. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Các hình thức đảm bảo tiền vay là các tài sản cố định theo các biện pháp bảo đảm và hợp đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 101.815.222.895 đồng.

- Bản sửa đổi thỏa thuận chung về tiện ích số 05 ngày 20 tháng 05 năm 2021 với Ngân Hàng TNHH MTV HSBC – Chi nhánh Hà Nội căn cứ vào thỏa thuận chung về tiện ích số VHN 162141. Tổng hạn mức tiện ích là 164.000.000.000 VNĐ hoặc USD tương đương. Mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại. Thời hạn của tiện ích là 12 tháng kể từ ngày của Thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Lãi suất tiện ích là lãi suất được điều chỉnh cụ thể theo thông báo của Ngân hàng. Các hình thức bảo đảm tiền vay là Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số VHN100481/MR bản sửa đổi lần thứ 5; Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho số VHN100481/MS bản sửa đổi lần thứ 6; Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN100481/DUL bản sửa đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 05 năm 2021. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 103.412.891.570 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 61/2024/378369/HĐTD ngày 03 tháng 10 năm 2024, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 34 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay là 27,9 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 6 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 08 năm 2025. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 32.046.733.814 đồng.

- Khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1439-01 ngày 17 tháng 11 năm 2023. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng bao gồm hạn mức vay và hạn mức cấp bảo lãnh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh để phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Thời hạn vay của từng khoản nợ được quy định trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 11 tháng. Biện pháp bảo đảm khoản vay là ký quỹ, cầm cố 8.009.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - CTCP và thế chấp phần vốn góp của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Công ty. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 54.000.000.000 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200-020/24/VAB/HĐTD ngày 11 tháng 07 năm 2024. Hạn mức được cấp với giá trị tối đa là 120 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng. Mục đích, thời hạn, lãi suất từng khoản vay được quy định cụ thể trong các Văn bản cấp tín dụng khi giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp các quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty địa chỉ tại phường An Phú, Quận 2, TP HCM với giá trị 87,464 tỷ đồng; Quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ Công trình xây dựng trên đất tại các thửa đất nêu trên với giá trị 30,182 tỷ đồng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 94.094.921.868 đồng.

- Khoản vay bà Nguyễn Huỳnh Ngọc Hương tại Công ty Cổ phần LICOGI 9.2 (Công ty con) theo các hợp đồng vay thời hạn 12 tháng. Tiền vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất áp dụng lãi suất ngân hàng BIDV - CN Nam Đồng Nai tại từng thời điểm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 802.118.000 đồng.

- Khoản vay tiền với bà Hán Thị Phương Hà theo 02 hợp đồng. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.100.000.000 đồng, cụ thể:

  • Hợp đồng vay tiền ngày 15 tháng 05 năm 2024. Số tiền vay là 600.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng, từ ngày 15 tháng 05 năm 2024 đến ngày 15 tháng 11 năm 2024. Lãi suất của khoản vay là 12%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

  • Hợp đồng vay tiền ngày 31 tháng 07 năm 2024. Số tiền vay là 500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng, từ ngày 31 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 03 năm 2025. Lãi suất của khoản vay là 12%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(v) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/711559/HĐTD ngày 06 tháng 12 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 38.036.000.000 đồng, trong đó hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán tối đa là 22.036.000.000 đồng với hạn mức xây lắp là 18.982.000.000 đồng, hạn mức thương mại (gạch, đá) là 3.054.000.000 đồng; hạn mức bảo lãnh tối đa là 16.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 6 tháng 12 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023, thời hạn vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể/ L/C được phát hành. Trong năm 2024, theo thông báo số 1257/CĐ-BIDV.QN ngày 05 tháng 07 năm 2024, Ngân hàng tiến hành cho vay bắt buộc số tiền 3.005.567.182 đồng, lãi suất 10,65%/năm. Tài sản đảm bảo là thế chấp, cầm cố bất động sản, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai theo các hợp đồng thế chấp ký giữa Công ty và Ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15.843.723.008 đồng.
- Bao gồm các hợp đồng vay cán bộ công nhân viên, thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 5%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.232.331.325 đồng.

(vi) Công ty Cổ phần Licogi 10

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/256773/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2020 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Công ty được vay với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 77 tỷ đồng, trong đó: vay vốn ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán tối đa là 27 tỷ đồng. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn duy trì hạn mức là 08 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo bao gồm: thế chấp máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất lô 06-07, khu dân cư Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 36.925.017.536 đồng.
- Các khoản vay cá nhân ngắn hạn có thời hạn từ 03 - 12 tháng và tái tục khi hết hạn hợp đồng, lãi suất 8,5%/năm, mục đích là bổ sung vốn lưu động, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.668.393.488 đồng.

(vii) Công ty Cổ phần Licogi 17

- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024/219065/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 70.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được quy định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, tài sản đảm bảo được quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 47.241.301.548 đồng.
- Vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất được điều chỉnh tăng/giảm theo từng thời điểm so với lãi suất cho vay thực tế của ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.030.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(viii) Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi

- Vay ông Nguyễn Thành Nhơn theo hợp đồng số 55A/2017/HĐVV ngày 08 tháng 11 năm 2017 và phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay số 05 ngày 09 tháng 05 năm 2024, mục đích vay để thực hiện các hoạt động giải phóng mặt bằng, lãi suất 10%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.014.147.000 đồng.

(ix) Công ty Cổ phần Licogi 15

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bỉm Sơn. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.319.623.592 đồng.

- Vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14.287.293.176 đồng.

(x) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số 1480LAV201800186 với hạn mức tối đa 36.500.000.000 đồng, hạn mức vay vốn 19.500.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 17.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8,5%/năm (lãi suất cố định). Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.829.494.431 đồng.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo Hợp đồng vay số 01/2018/134624/HĐTD với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa 78.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán và mở LC (trừ phần ký quỹ) tối đa 38.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được quy định tai từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay vốn là bổ sung lưu động, bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 20.497.815.492 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(xi) Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước

- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201200231/HĐTD ngày 15/06/2012 với hạn mức tối đa là 12 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình. Lãi suất 4,86%/năm. Lãi suất này được điều chỉnh theo Quyết định số 12333/NHNo-TD ngày 29/12/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và theo Bản án phúc thẩm số 01/2025/KDTM-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo bản án phúc thẩm nêu trên. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.900.956.630 đồng.

- Vay Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 16%/năm. Quá thời hạn vay nếu không thanh toán hết khoản vay thì lãi suất là 24%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng các giá trị đã thi công tại công trình Dự án thủy điện Nậm Phàng B chưa được nghiệm thu thanh toán tương ứng với giá trị vay cùng tiền lãi khi đến hạn thanh toán. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.850.000.000 đồng.

- Các khoản vay cá nhân là các hợp đồng vay thời hạn dưới 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 9,5%/năm, lãi nhập gốc. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.200.918.254 đồng.

(xii) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng vay số BCLC-2342-01 ngày 23 tháng 03 năm 2024, số tiền vay là 38.208.579.000 đồng, thời hạn vay tối đa 11 tháng, mục đích vay vốn là để tạm ứng theo Hợp đồng Thi công xây dựng công trình số 1212/2023/HĐ-XD/Licogi 2 ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc thi công công trình hồ chứa nước sạch và hồ thải quặng đuôi - Dự án Tổ hợp Công nghiệp Bauxit Alumin Dakchung giữa Công ty và Tổng Công ty LICOGI – CTCP. Lãi suất vay trong hạn là 9%/năm tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay này sẽ được Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần thanh toán thay cho Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2. Các biện pháp bảo đảm cho khoản vay gồm: Thế chấp bằng cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi (mã cổ phiếu CKD) thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần; thế chấp bằng vốn góp của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.208.579.000 đồng.

- Khoản vay cá nhân với mục đích phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, lãi suất từ 8,5-9%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.580.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn		**484.836.111.080**	**484.836.111.080**	**84.935.082.030**	**1.580.878.200**	**401.481.907.250**	**401.481.907.250**
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	(i)	368.675.000.000	368.675.000.000	11.355.000.000	-	357.320.000.000	357.320.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	(ii)	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	(iii)	882.582.030	882.582.030	882.582.030	-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	(iv)	3.952.803.050	3.952.803.050	697.500.000	1.580.878.200	4.836.181.250	4.836.181.250
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	(v)	986.000.000	986.000.000	-	-	986.000.000	986.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 10	(vi)	1.573.000.000	1.573.000.000	-	-	1.573.000.000	1.573.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	(vii)	25.359.726.000	25.359.726.000	-	-	25.359.726.000	25.359.726.000
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	(viii)	11.407.000.000	11.407.000.000	-	-	11.407.000.000	11.407.000.000
Cộng		**484.836.111.080**	**484.836.111.080**			**401.481.907.250**	**401.481.907.250**
Nợ dài hạn đến hạn trả		**(4.012.528.200)**	**(4.012.528.200)**			**(3.907.378.200)**	**(3.907.378.200)**
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng		**480.823.582.880**	**480.823.582.880**			**397.574.529.050**	**397.574.529.050**
Vay và nợ dài hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)		**203.675.000.000**	**203.675.000.000**			**192.320.000.000**	**192.320.000.000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)

- Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2023. Trong trường hợp hết thời hạn vay sẽ được hai bên thống nhất với nhau bằng văn bản. Sau thời hạn nêu trên, nếu hai bên không có sự thỏa thuận bằng văn bản nào khác thì hợp đồng tự động tái tục thêm kỳ hạn với các điều khoản tương đương, với số lần tự động gia hạn không bị hạn chế sau đó. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 203.675.000.000 đồng.

- Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo biên bản thỏa thuận chuyển đổi nghĩa vụ hoàn trả tiền thành khoản vay ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền là 165 tỷ đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 0%/năm. Gốc vay được Thanh toán khi kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 165.000.000.000 đồng. Khoản vay sẽ đến hạn trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, tuy nhiên Tổng Công ty chưa thực hiện phân loại khoản vay dài hạn đến hạn trả này.

(ii) Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cho vay số BCLC-3970-01 ngày 29 tháng 11 năm 2024, giá trị khoản vay là 72.000.000.000 đồng, lãi suất 10,8%/năm, thời gian vay là 24 tháng. Khoản vay nằm mục đích tài trợ tiền tạm ứng theo hợp đồng thi công xây dựng số 06/2024/HĐXD-LICOGI ngày 14/11/2024 giữa Công ty và Tổng Công ty Licogi-CTCP; gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (không bao gồm hạng mục cải tạo hạ ngầm đường dây 35kV và 110kV, phần hiện trạng đi qua khu đô thị mới Thịnh Liệt thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt). Tài sản đảm bảo là 300.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18, bất động sản tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 38, Phường Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh; 51% phần vốn góp của Tổng công ty LICOGI tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI và toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Dự án KĐT mới Thịnh Liệt. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 72.000.000.000 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 02/2024/153720/HDTD ngày 05 tháng 12 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 81.000.000.000 đồng.Mục đích vay là tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất phân xưởng Đúc. Thời hạn của hợp đồng là tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày cấp tín dụng đầu tiên. Lãi suất cho vay là 6,8%/năm cố định trong 02 năm đầu tiên; sau thời gian hưởng ưu đãi này lãi suất áp dụng thả nổi, 06 tháng điều chỉnh một lần cụ thể trên từng giấy nhận nợ.Các hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp bằng toàn bộ các tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 01/2024/153720/HĐTC ký ngày 05 tháng 12 năm 2024. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 882.582.030 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B230219901 ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa công ty cơ giới và xây lắp số 9 và Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease. Giá trị cho thuê là: 5.513.229.750 đồng. Thời hạn cho thuê trong 60 tháng. Lãi suất thuê áp dụng lãi suất thả nổi, và sẽ thông báo cho bên thuê. Tài sản cho thuê là 05 Ô tô tải tự đổ. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.487.803.050 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21824000202/HĐCTTC ngày 19 tháng 04 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 và Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST. Giá trị cho thuê là 697.500.000 đồng, thời hạn cho thuê trong 24 tháng, lãi suất cho thuê hiện tại 4,7%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần với biên độ 3,5%/năm. Tài sản cho thuê là Xe lu rung Model JCB116D đã qua sử dụng. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 465.000.000 đồng.

(v) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng số 03/2015/711559/HĐTD ngày 07 tháng 10 năm 2015, số tiền vay là 22.900.000.000 đồng. Mục đích vay đầu tư dự án đầu tư khai thác mỏ đá núi Cà Tỳ, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn vay 07 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian ân hạn khoản vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 10%/năm từ ngày 07/10/2015 đến 31/03/2015, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng/lần theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm Hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản số 01/2015/711559/HĐBĐ ngày 01/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo hợp đồng trên (nếu có). Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 986.000.000 đồng.

(vi) Công ty Cổ phần Licogi 10

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Nam Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 16441.17.307.2669135.TD ngày 22 tháng 08 năm 2017, hạn mức cho vay 8.844.500.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng thời điểm theo khế ước nhận nợ. Mục đích vay là mua 1 máy đào hầm không nổ mìn hiệu Changlin. Khoản vay được thế chấp bằng động sản là Máy khai thác kiểu rung. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.573.000.000 đồng.

(vii) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

- Khoản vay các cá nhân với mục đích huy động vốn để Công ty triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - khu đô thị Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, bên cho vay sẽ được đảm bảo quyền mua căn hộ của dự án. Thời hạn vay đến khi Công ty hoàn tất thủ tục lập hợp đồng mua bán căn hộ cho khách hàng tại dự án, lãi suất vay được tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hạ Long. Toàn bộ Chi phí lãi vay phát sinh trong năm của Các hợp đồng vay cá nhân này, Công ty đang vốn hóa vào Dự án chung cư CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt, Hà Nội. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 25.359.726.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(viii) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1480-LAV-201700292 ngày 15/11/2017, số tiền vay 13.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9.5%/năm, điều chỉnh lãi suất 6 tháng 1 lần theo thông báo cụ thể của ngân hàng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay là để đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi này. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.800.000.000 đồng.

- Vay các cá nhân trong Công ty, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, các khoản vay này không có tài sản đảm bảo, bắt đầu từ 2017 là không có lãi suất. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 607.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	**900.000.000.000**	**117.558.651**	**(89.169.818.319)**	**110.261.401.316**	**2.083.295.470**	**(557.710.526.465)**	**85.555.899.016**	**451.137.809.669**
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(1.288.698.762)	8.084.051.243	6.795.352.481
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	6.445.987.467	-	(6.445.987.467)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.497.399.756)	(1.569.205.879)	(12.066.605.635)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(11.607.793.052)	(11.607.793.052)
Tại ngày đầu năm	**900.000.000.000**	**117.558.651**	**(89.169.818.319)**	**116.707.388.783**	**2.083.295.470**	**(575.942.612.450)**	**80.462.951.328**	**434.258.763.463**
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	59.670.734.031	13.680.964.094	73.351.698.125
Trích quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	27.240.838.983	-	(27.240.838.983)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(9.450.884.928)	(1.500.226.774)	(10.951.111.702)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(8.990.600.916)	(8.990.600.916)
Hoàn nhập trích thưởng ban điều hành						1.922.265.539	236.042.291	2.158.307.830
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	100.702.898	4.283.716	104.986.614
Tại ngày cuối năm	**900.000.000.000**	**117.558.651**	**(89.169.818.319)**	**143.948.227.766**	**2.083.295.470**	**(550.940.633.893)**	**83.893.413.739**	**489.932.043.414**

(i) Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập các quỹ, trả cổ tức được thực hiện theo các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên của các Công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
Cộng	**100,0%**	**900.000.000.000**	**100,0%**	**900.000.000.000**

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*90.000.000*	*90.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*90.000.000*	*90.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Tổng Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh Xây lắp; bộ phận kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng và bộ phận kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Hoạt động Xây lắp	Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	395.003.071.228	1.830.245.064.402	24.446.154.581	**2.249.694.290.211**
Chi phí bộ phận trực tiếp	369.031.876.296	1.612.820.287.260	17.076.529.938	**1.998.928.693.494**
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	**25.971.194.932**	**217.424.777.142**	**7.369.624.643**	**250.765.596.717**
Tổng chi phí mua TSCĐ	19.040.600.702	-	-	**19.040.600.702**
Tài sản bộ phận	610.638.601.228	2.668.740.527.591	28.256.606.068	**3.307.635.734.887**
Tài sản không phân bổ	-	-	-	**1.309.006.554.068**
Tổng tài sản	**629.679.201.930**	**2.668.740.527.591**	**28.256.606.068**	**4.616.642.288.955**
Nợ phải trả bộ phận	758.542.245.078	3.315.139.965.374	35.100.678.801	**4.108.782.889.253**
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	**17.927.356.287**
Tổng nợ phải trả	**758.542.245.078**	**3.315.139.965.374**	**35.100.678.801**	**4.126.710.245.540**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.250.355.273.122**	**2.035.962.622.006**
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.830.906.047.313	1.597.505.121.295
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.446.154.581	21.451.592.544
Doanh thu hợp đồng xây dựng	395.003.071.228	411.445.428.252
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	5.560.479.915
Các khoản giảm trừ doanh thu	**660.982.911**	**108.879.112**
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	660.982.911	108.490.872
Chiết khấu thương mại	-	388.240
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.249.694.290.211**	**2.035.853.742.894**
Doanh thu với bên liên quan *(Chi tiết xem tại thuyết minh VII.1)*	**2.100.790.094**	**1.980.514.386**

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng	1.612.820.287.260	1.445.555.493.203
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.076.529.938	16.779.415.009
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	367.707.701.275	388.750.169.391
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	5.010.494.407
Trích/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.324.175.021	1.501.486.912
Cộng	**1.998.928.693.494**	**1.857.597.058.922**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.379.173.328	10.057.692.035
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.293.992.909	104.924.477.135
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	541.108.044	82.449.006
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 14	3.424.550.000	31.329.102.178
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	15.785.029	-
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 18	2.955.780.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	437.138.095	14.061.752
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.217.510	5.655.481
Cộng	**122.049.744.915**	**146.413.437.587**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi tiền vay	119.151.969.698	136.271.756.795
Lỗ từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 13	5.184.519.567	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	76.110.385
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.082.041
Dự phòng/ Hoàn nhập tổn thất đầu tư	(2.329.881.260)	(1.824.081.640)
Chi phí tài chính khác	10.698.559	544.771.796
Cộng	**122.017.306.564**	**135.069.639.377**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.333.278.122	2.940.931.881
Chi phí nhân công	21.949.456.544	19.530.368.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.192.508.679	996.624.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.269.368.001	5.968.366.369
Chi phí khác bằng tiền	14.331.662.347	12.853.816.642
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng bảo hành	84.560.529	231.122.821
Cộng	**52.160.834.222**	**42.521.230.361**

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.349.588.766	4.122.827.245
Chi phí nhân công	90.095.106.349	77.225.742.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.336.986.302	5.601.039.081
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng	16.894.449.981	3.465.534.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	45.226.603.790	50.217.603.702
Cộng	**163.902.735.188**	**140.632.746.464**

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	18.061.194.731	4.632.460.959
Tiền phạt thu được	155.559.474	399.465.807
Dự phòng bảo hành công trình	398.617.399	684.661.628
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	-	3.236.404.620
Thu nhập khác	3.030.968.468	881.697.133
Cộng	**21.646.340.072**	**9.834.690.147**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.259.245.382	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	9.911.308.960	13.931.508.073
Các khoản bị phạt	14.931.429.268	6.220.460.357
Các khoản chi khác	5.925.588.220	3.341.404.080
Cộng	**32.027.571.830**	**23.493.372.510**

9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	9.090.910	886.611.411
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	6.702.056.110	5.462.945.903
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	3.717.489.646	1.981.524.951
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	1.228.525.157	1.361.771.582
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn	25.011.923	1.166.290
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	597.929	668.543
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp LICOGI	-	1.559.417
Cộng	**11.682.771.675**	**9.696.248.097**

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) (ii) VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**59.670.734.031**	**(1.288.698.762)**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (i)	-	(9.450.884.928)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**59.670.734.031**	**(10.739.583.690)**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**663**	**(119)**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (iii)	**663**	**(119)**

(i) Công ty trích quỹ khen thưởng phúc từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã được Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của các công ty con thông qua. Theo đó, Tổng Công ty chưa tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 để loại trừ khỏi lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(ii) Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của các Công ty con như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	**(1.288.698.762)**	**-**	**(1.288.698.762)**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	(9.450.884.928)	(9.450.884.928)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(1.288.698.762)**	**(9.450.884.928)**	**(10.739.583.690)**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.000.000	-	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(14)**	**(105)**	**(119)**

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Tập đoàn MIK Group Việt Nam	Công ty có liên quan
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	Cổ đông lớn

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	**2.100.790.094**	**1.980.514.386**
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	2.100.790.094	1.980.514.386
Mua hàng hóa, dịch vụ	**1.363.636.364**	**4.204.545.455**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	1.363.636.364	4.204.545.455
Thu lại tiền vay	**750.000.000**	**770.000.000**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	750.000.000	770.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	**103.233.347.659**	**102.646.352.135**
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	76.719.187.959	81.543.989.035
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Long	2.156.875.000	2.156.875.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	24.357.284.700	18.945.488.100
Lãi tiền cho vay	**398.432.358**	**480.002.000**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	398.432.358	480.002.000
Các khoản đi vay	**160.540.000.000**	**103.640.200.000**
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	160.540.000.000	103.640.200.000
Các khoản trả gốc vay	**104.000.000.000**	**74.994.200.000**
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	104.000.000.000	74.994.200.000
Chi phí lãi vay	**23.148.514.186**	**20.093.070.588**
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	23.148.514.186	20.093.070.588

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	**30.954.019.246**	**13.643.596.369**
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	178.715.160	165.960.656
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	25.971.260.268	8.673.591.895
Trả trước cho người bán	**3.695.789.577**	**3.695.789.577**
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay	**4.291.160.010**	**5.041.160.010**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	4.291.160.010	5.041.160.010
Phải thu khác	**3.795.964.577**	**4.456.010.455**
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	4.337.712.455
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	100.175.000	118.298.000
Phải trả người bán ngắn hạn	**-**	**1.022.280.000**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	-	1.022.280.000
Vay và nợ tài chính ngắn hạn	**109.322.197.156**	**64.137.197.156**
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	109.322.197.156	64.137.197.156
Vay và nợ tài chính dài hạn	**203.675.000.000**	**192.320.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	203.675.000.000	192.320.000.000
Phải trả khác	**66.470.625.000**	**68.627.500.000**
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	6.470.625.000	8.627.500.000
Lãi vay phải trả	**117.555.987.831**	**94.407.473.645**
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	117.555.987.831	94.407.473.645

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị	**1.381.936.000**	**1.413.848.466**
1. Đinh Việt Tùng	133.000.000	122.000.000
2. Phan Thanh Hải	376.032.000	430.499.668
3. Nguyễn Thanh Hợp	118.548.000	-
4. Nguyễn Danh Quân	356.028.000	380.864.490
5. Ưng Tiến Đỗ	356.028.000	380.864.490
6. Nguyễn Trường Sơn	42.300.000	99.619.818
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	**974.769.067**	**1.011.690.542**
1. Vũ Nguyên Vũ	228.948.364	382.499.668
2. Phan Thanh Hải	139.743.636	-
3. Nguyễn Thanh Hợp	263.680.000	363.299.696
4. Nguyễn Anh Dũng	342.397.067	265.891.178
Thu nhập của Ban Kiểm soát	**502.028.000**	**508.473.581**
1. Phan Hải Triều	356.028.000	358.464.490
2. Dương Thị Phượng	73.000.000	75.009.091
3. Kiều Bích Hoa	73.000.000	75.000.000
Cộng	**2.858.733.067**	**2.934.012.589**

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCNĐ-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m2. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

Ngoài ra, Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. KIỆN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Theo bản án sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội quyết định:

- Buộc Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước – LICOGI (Công ty con) có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1480 LAV201200441/HĐTD ngày 29 tháng 6 năm 2012 và 10 giấy nhận nợ với tổng số tiền là 7.583.146.207 đồng, trong đó nợ gốc là 4.900.956.630 đồng, lãi 2.682.189.577 đồng. Công ty tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất 4,86%/năm kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12 tháng 7 năm 2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. KIỆN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ (TIẾP THEO)

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam buộc Tổng Công ty LICOGI - CTCP thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước – LICOGI (Công ty con) toàn bộ nợ gốc nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1480 LAV201200441/HĐTD ngày 29 tháng 6 năm 2012 trong trường hợp Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước – LICOGI (Công ty con) không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo giấy ủy quyền số 140ª/TCT-KTTC ngày 01 tháng 4 năm 2012 của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ nếu Tổng Công ty vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh.

- Về án phí: Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con) phải chịu 115.583.146 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 57.600.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00125387 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Theo bản án phúc thẩm số 01/2025/KDTM-PT ngày 03 tháng 1 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định:

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Về án phí: Tổng Công ty LICOGI - CTCP phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai số 36313 ngày 30/7/2024 tại Chi cục THADS quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tại thời điểm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con) vẫn chưa thực hiện trả nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, Tổng Công ty đã làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc xem xét thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Theo Bản án phúc thẩm số 01/2025/KDTM-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con). Từ năm 2011 đến năm 2023, Công ty đã ghi nhận chi phí lãi vay theo lãi suất được thỏa thuận tại các giấy nhận nợ từ 15% - 19%/năm. Theo bản án nêu trên, lãi suất được điều chỉnh xuống còn 4,86%/năm, không tính lãi phạt quá hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố các số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con) thực hiện điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2023 liên quan đến chi phí lãi vay, cụ thể như sau:

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ TIẾP THEO)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đầu năm (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	Số đầu năm (sau điều chỉnh)
1. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	338.339.796.358	(14.159.767.998)	324.180.028.360
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(588.674.634.812)	12.732.022.362	(575.942.612.450)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(587.385.936.050)	12.732.022.362	(574.653.913.688)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(1.288.698.762)	-	(1.288.698.762)
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	79.035.205.692	1.427.745.636	80.462.951.328

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đặng Thu Oanh	**Lê Thị Thanh Nội**	**Phan Thanh Hải**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2024)
4. Ông Nguyễn Trường Sơn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2024)
5. Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
6. Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Vũ Nguyên Vũ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2024)
2. Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2024)
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024)
4. Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Ông Phan Hải Triều	Trưởng ban
2. Bà Dương Thị Phượng	Thành viên
3. Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

1.	Ông Vũ Nguyên Vũ	Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 16 tháng 08 năm 2024)
2.	Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 08 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

iCPA since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
T 024. 666 42 777 E contact@icpa.vn W www.icpa.vn

Số: 033107/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty LICOGI - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2024, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 72,99 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Trong năm 2024, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 40,15 tỷ đồng vào khoản mục phải thu khác ngắn hạn. Theo đó, tổng giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào khoản mục phải thu khác ngắn hạn là 113,14 tỷ đồng (Xem chi tiết tại thuyết minh số V.5).

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con" và "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTM Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP thì giá trị phần vốn Nhà Nước chưa bao gồm giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Việc xác định giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính, Bộ xây dựng và các cơ quan quản lý khác. Tổng Công ty có trách nhiệm nộp giá trị chi phí cơ hội của dự án này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 355.868.682.015 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 361.197.474.426 đồng), nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 824.988.743.309 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 866.619.702.539 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào việc triển khai kế hoạch kinh doanh, và sự hỗ trợ tài chính của các tổ chức tín dụng. Các sự kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính của Tổng Công ty nên đọc báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Kiều Mạnh Long
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5727-2023-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**853.160.960.075**	**784.087.821.023**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**8.205.680.266**	**9.526.789.245**
1. Tiền	111	V.1	8.205.680.266	9.526.789.245
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**21.703.693.116**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	21.703.693.116
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**789.846.954.834**	**692.532.288.348**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	183.520.080.577	181.969.474.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	83.307.778.855	69.759.438.339
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	196.903.623.180	196.903.623.180
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	432.503.351.082	354.857.620.909
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(106.387.878.860)	(110.957.868.453)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.7**	**38.635.887.375**	**42.777.672.165**
1. Hàng tồn kho	141		39.503.108.700	43.644.893.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(867.221.325)	(867.221.325)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**16.472.437.600**	**17.547.378.149**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	4.491.660	26.637.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.104.332.458	17.165.736.266
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17a	363.613.482	355.004.536
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.798.113.763.116**	**1.823.271.353.621**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**14.010.000.000**	**3.860.000.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	14.010.000.000	3.860.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**69.316.222.464**	**81.404.473.684**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	69.076.622.463	81.091.673.683
- Nguyên giá	*222*		*333.147.249.417*	*394.440.059.845*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(264.070.626.954)*	*(313.348.386.162)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		239.600.001	312.800.001
- Nguyên giá	*228*		*366.000.000*	*366.000.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(126.399.999)*	*(53.199.999)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**1.357.365.162**	**1.357.365.162**
- Nguyên giá	231		1.357.365.162	1.357.365.162
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**10.354.346.991**	**14.943.918.305**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.8	-	4.589.571.314
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	10.354.346.991	10.354.346.991
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1.702.572.615.351**	**1.720.792.195.002**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	1.448.580.147.489	1.448.580.147.489
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	321.547.551.645	322.588.897.645
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	49.876.625.400	59.260.545.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(117.431.709.183)	(111.137.395.532)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**503.213.148**	**913.401.468**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	503.213.148	913.401.468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.651.274.723.191**	**2.607.359.174.644**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2.107.143.405.206**	**2.068.556.649.070**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.678.149.703.384**	**1.650.707.523.562**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	224.623.369.544	249.054.665.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	258.805.876.869	161.233.731.475
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17b	49.755.687.307	50.143.225.893
4. Phải trả người lao động	314		16.004.562.127	12.466.130.936
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	238.300.968.234	312.162.282.793
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	58.784.168.165	56.101.280.281
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	829.144.158.494	800.656.583.119
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	6.158.711.421
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.730.912.644	2.730.912.644
II. Nợ dài hạn	**330**		**428.993.701.822**	**417.849.125.508**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		318.701.822	529.125.508
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	60.000.000.000	60.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	368.675.000.000	357.320.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**544.131.317.985**	**538.802.525.574**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.22	**544.131.317.985**	**538.802.525.574**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*900.000.000.000*	*900.000.000.000*
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(355.868.682.015)	(361.197.474.426)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	*421a*		*(361.197.474.426)*	*(367.326.675.735)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*5.328.792.411*	*6.129.201.309*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.651.274.723.191**	**2.607.359.174.644**

M.S.D.N:0100106440-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP
Q.THANH XUÂN-TP HÀ NỘI

Đặng Thu Oanh	**Lê Thị Thanh Nội**	**Phan Thanh Hải**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		208.297.078.555	306.521.559.494
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	208.297.078.555	306.521.559.494
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	205.822.337.001	321.483.165.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.474.741.554	(14.961.605.859)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	126.334.817.562	172.981.309.696
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	98.487.903.595	113.096.178.070
- *Trong đó: Chi phí lãi vay*	23		*87.320.891.385*	*100.028.381.433*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.266.497.768	30.731.953.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.055.157.753	14.191.572.338
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.314.792.549	2.524.669.598
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.041.157.891	10.587.040.627
13. Lợi nhuận khác	40		(3.726.365.342)	(8.062.371.029)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.328.792.411	6.129.201.309
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.328.792.411	6.129.201.309

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

Đặng Thu Oanh	**Lê Thị Thanh Nội**	**Phan Thanh Hải**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**5.328.792.411**	**6.129.201.309**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.562.606.904	12.696.248.586
Các khoản dự phòng	03	3.639.140.107	14.169.672.702
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.459.114	1.082.041
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(126.379.382.777)	(175.505.979.294)
Chi phí lãi vay	06	87.320.891.385	100.028.381.433
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(18.526.492.856)**	**(42.481.393.223)**
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(51.103.900.325)	36.021.061.325
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	13.320.927.418	949.844.782
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	103.554.384.200	(3.379.984.326)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	432.334.007	614.880.211
Tiền lãi vay đã trả	14	(203.151.806.245)	(125.537.143.506)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(155.474.553.801)**	**(133.812.734.737)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	-	(180.000.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.434.427.041	3.067.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.936.077.784)	(10.914.947.216)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.989.770.900	52.601.254.100
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	10.425.266.000	6.803.822.730
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	85.398.942.404	102.985.141.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**114.312.328.561**	**149.362.271.001**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	723.625.437.983	514.104.616.944
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(683.782.862.608)	(528.383.772.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**39.842.575.375**	**(14.279.155.335)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(1.319.649.865)**	**1.270.380.929**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**9.526.789.245**	**8.257.490.357**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.459.114)	(1.082.041)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**8.205.680.266**	**9.526.789.245**

Đặng Thu Oanh	Lê Thị Thanh Nội	Phan Thanh Hải
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ - TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 02 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;

- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;

- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Cộng ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp LICOGI	Hà Nội	100,00%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	Lào Cai	41,01%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	18,49%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thông tin về các Công ty nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu, biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Licogi 12	Hà Nội	8,52%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 13	Hà Nội	1,95%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Hà Nội	3,75%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	Quảng Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Xây dựng công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng chuyên dụng
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 57 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 121 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính, Bộ xây dựng và các cơ quan quản lý khác. Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 355.868.682.015 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 361.197.474.426 đồng), nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 824.988.743.309 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 866.619.702.539 đồng), lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 âm 155.474.553.801 đồng (năm 2023 âm là 133.812.734.737 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư tại Tổng Công ty là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
(d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	131.617.496	7.917.172
Tiền gửi ngân hàng	8.074.062.770	9.518.872.073
Cộng	**8.205.680.266**	**9.526.789.245**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	25.971.260.268	8.673.591.895
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	17.409.874.008	17.409.874.008
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 578	13.003.806.049	14.503.806.049
Công ty Cổ phần đầu tư Mai Linh	10.412.427.516	14.687.306.426
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	13.783.807.403	13.783.807.403
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	8.936.478.335	8.936.478.335
BQLDA Đầu tư Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc	8.548.827.170	8.548.827.170
Công ty Cổ phần LICOGI 13	5.414.775.233	5.714.775.233
Các đối tượng khác	58.777.229.756	68.449.413.015
Cộng	**183.520.080.577**	**181.969.474.373**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**48.480.383.278**	**30.662.102.929**

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - Licogi	38.472.872.158	38.472.872.158
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.813.710.792	10.813.710.792
Công ty TNHH Vận tải và thương mại Minh Đức Hà	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	13.325.406.328	16.777.065.812
Cộng	**83.307.778.855**	**69.759.438.339**
Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**66.906.203.325**	**53.047.831.094**

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (i)	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (ii)	195.303.623.180	195.303.623.180
Cộng	**196.903.623.180**	**196.903.623.180**
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (iii)	14.010.000.000	3.860.000.000
Cộng	**14.010.000.000**	**3.860.000.000**
Phải thu về cho vay là bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)*	**210.913.623.180**	**200.763.623.180**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP THEO)

(i) Khoản cho vay theo các hợp đồng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25 tháng 04 năm 2017, số tiền cho vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ, các hình thức đảm bảo tiền vay là nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMĐN/CKĐA ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Theo phụ lục vay vốn ngày 26 tháng 04 năm 2020, số tiền nợ và kỳ trả nợ gốc vay được gia hạn từ 26 tháng 04 năm 2020 đến khi gán trừ được khoản thanh toán. Lãi suất 9,5%/năm.

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng nguyên tắc số 04/2017/HĐVV/LICOGI-NƠĐT ngày 31 tháng 03 năm 2017, số tiền cho vay tối đa là 351.802.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính từ ngày giải ngân đến 15 tháng 08 năm 2019. Đơn vị vay để thực hiện dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn thay đổi, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ bằng 110% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Theo phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 28 tháng 12 năm 2023, số tiền nợ và kỳ trả nợ gốc vay được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. Lãi suất 16%/năm.

(iii) Các khoản cho vay theo hợp đồng hỗ trợ vay vốn, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Đơn vị vay để phục vụ chi phí hoạt động thường xuyên và chi phí hỗ trợ thuê nhà tạm cư năm 2023 cho các hộ dân phường Tương Mai, phường Thịnh Liệt để thực hiện Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Phí hỗ trợ vốn là 8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	3.628.215.586
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.857.797.786	2.794.626.900
Phải thu người lao động	2.672.948.504	2.778.279.854
Tạm ứng	23.305.093.821	23.596.631.075
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (i)	209.237.674.737	176.909.841.975
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (ii)	113.142.448.907	72.992.608.004
Phải thu khác	51.165.767.792	46.664.013.566
Cộng	**432.503.351.082**	**354.857.620.909**
Phải thu khác là bên liên quan	**226.450.729.717**	**195.775.267.043**

(Chi tiết xem tại thuyết minh VII.1)

(i) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt, các khoản Tổng Công ty tạm ứng để thực hiện dự án và các khoản lãi phải thu từ các hợp đồng mà Tổng Công ty cho Công ty này vay.

(ii) Tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 72,99 tỷ đồng. Trong năm, Tổng Công ty đã vốn hóa 40,15 tỷ lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay này là 113,14 tỷ đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu khách hàng	**37.268.719.975**	**-**	**(37.268.719.975)**	**41.768.709.848**	**-**	**(41.768.709.848)**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	(21.261.594.839)	21.261.594.839	-	(21.261.594.839)
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn	-	-	-	4.449.989.593	-	(4.449.989.593)
Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1 TP. HCM	2.672.614.907	-	(2.672.614.907)	2.672.614.907	-	(2.672.614.907)
Công ty Cổ phần KT Đô thị Nam Thăng Long	1.982.135.768	-	(1.982.135.768)	1.982.135.768	-	(1.982.135.768)
Công trình Khu liên hợp thể thao Quốc gia	1.696.290.575	-	(1.696.290.575)	1.696.290.575	-	(1.696.290.575)
Phải thu khách hàng khác	9.656.083.886	-	(9.656.083.886)	9.706.084.166	-	(9.706.084.166)
b. Phải thu khác	**62.110.316.068**	**-**	**(62.110.316.068)**	**62.060.316.068**	**-**	**(62.060.316.068)**
Công ty Xây dựng 19	4.337.712.455	-	(4.337.712.455)	4.337.712.455	-	(4.337.712.455)
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác cảng	250.000.000	-	(250.000.000)	250.000.000	-	(250.000.000)
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	(25.493.403.949)	25.493.403.949	-	(25.493.403.949)
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	407.283.893	-	(407.283.893)	407.283.893	-	(407.283.893)
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.286.244.989	-	(6.286.244.989)	6.286.244.989	-	(6.286.244.989)
Phải thu đối tượng khác	25.335.670.782	-	(25.335.670.782)	25.285.670.782	-	(25.285.670.782)
c. Trả trước cho người bán	**7.008.842.817**	**-**	**(7.008.842.817)**	**7.128.842.537**	**-**	**(7.128.842.537)**
Công ty Thiết bị Công nghiệp XD Công nghệ	333.599.600	-	(333.599.600)	333.599.600	-	(333.599.600)
Công ty Cổ phần Licogi 13 Xây dựng và kỹ thuật công trình	440.835.303	-	(440.835.303)	440.835.303	-	(440.835.303)
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	(3.695.789.577)	3.695.789.577	-	(3.695.789.577)
Trả trước cho người bán khác	2.538.618.337	-	(2.538.618.337)	2.658.618.057	-	(2.658.618.057)
Cộng	**106.387.878.860**	**-**	**(106.387.878.860)**	**110.957.868.453**	**-**	**(110.957.868.453)**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.388.724.779	(867.221.325)	1.388.724.779	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.481.799.902	-	41.623.584.692	-
Thành phẩm	2.556.329	-	2.556.329	-
Cộng	**39.503.108.700**	**(867.221.325)**	**43.644.893.490**	**(867.221.325)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Thái Bình)	13.349.253.670	15.439.716.629
Công trình Khu DL nghỉ dưỡng Parahills Hòa Bình	6.205.817.192	6.173.343.714
Các dự án khác	17.926.729.040	20.010.524.349
Cộng	**37.481.799.902**	**41.623.584.692**

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	-	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	**4.589.571.314**	**-**	**4.589.571.314**	**4.589.571.314**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đã trích 100% dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 này.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	**42.880.296.049**	**336.094.315.215**	**13.524.879.434**	**1.940.569.147**	**394.440.059.845**
Thanh lý, nhượng bán	-	(61.292.810.428)	-	-	(61.292.810.428)
Tại ngày cuối năm	**42.880.296.049**	**274.801.504.787**	**13.524.879.434**	**1.940.569.147**	**333.147.249.417**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	**36.676.247.750**	**261.461.486.329**	**13.410.265.648**	**1.800.386.435**	**313.348.386.162**
Khấu hao trong năm	938.405.292	10.368.615.908	104.353.404	78.032.300	11.489.406.904
Thanh lý, nhượng bán	-	(60.767.166.112)	-	-	(60.767.166.112)
Tại ngày cuối năm	**37.614.653.042**	**211.062.936.125**	**13.514.619.052**	**1.878.418.735**	**264.070.626.954**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**6.204.048.299**	**74.632.828.886**	**114.613.786**	**140.182.712**	**81.091.673.683**
Tại ngày cuối năm	**5.265.643.007**	**63.738.568.662**	**10.260.382**	**62.150.412**	**69.076.622.463**

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 130.991.399.712 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 204.208.724.172 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 62.279.193.612 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 63.523.356.124 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.491.660	26.637.347
Cộng	**4.491.660**	**26.637.347**
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo	503.213.148	913.401.468
Cộng	**503.213.148**	**913.401.468**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại lô E7 đường Phạm Hùng (i)	9.671.801.536	9.671.801.536
Dự án tòa nhà văn phòng và nhà ở CBNV Licogi	583.545.455	583.545.455
Chi phí xây dựng cơ bản khác	99.000.000	99.000.000
Cộng	**10.354.346.991**	**10.354.346.991**

(i) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m2) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất cho Sở tài chính Hà Nội số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m2 cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2006.

Ngày 10 tháng 08 năm 2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m2) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008.

Ngày 10 tháng 07 năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã thông báo số 320/TB-VP về việc kết quả kiểm tra, rà soát thực hiện các dự án vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm triển khai trên địa bàn quận Cầu Giấy. Theo đó, UBND Thành phố chủ trương dừng thực hiện các nội dung đã chấp thuận trước đây về đầu tư dự án tại các ô đất nêu trên để thực hiện việc quyết định chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đấu thầu, đầu tư, đất đai theo quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thông báo số 78/TB-VP về báo cáo, đề xuất phương án giải quyết tồn tại với 20 dự án đầu tư chưa được Nhà nước giao/cho thuê tại Khu trụ sở các Tổng Công ty thuộc Khu đô thị mới Cầu Giấy, thành Phố Hà Nội. Theo đó, UBND Thành Phố thống nhất phương án đề xuất làm thủ tục chấm dứt thực hiện Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 để thực hiện quy trình thu hồi, làm cơ sở tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai và giao Sở tài chính chủ trì, tham mưu cho UBND Thành phố xem xét giải quyết quyền lợi của các chủ thể có liên quan.

Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với các cơ quan ban ngành để thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan và thu hồi các khoản chi phí mà Tổng Công ty đã bỏ ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	1.529.568	34.476.838.106	-	1.529.568	34.476.838.106	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	27.609.700	300.945.730.000	-	27.609.700	300.945.730.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	288.000	3.177.150.487	-	288.000	3.177.150.487	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566	38.178.368.992	-	2.563.566	38.178.368.992	-
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	1.226.400	16.855.532.723	(16.855.532.723)	1.226.400	16.855.532.723	(16.855.532.723)
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	675.240	10.110.056.968	(10.110.056.968)	675.240	10.110.056.968	(10.110.056.968)
Công ty Cổ phần Licogi 15	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)
Công ty Cổ phần Licogi 17	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi		900.000.000.000	-		900.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2		90.000.000.000	(22.506.857.557)		90.000.000.000	(14.804.286.576)
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp LICOGI		5.000.000.000	(921.623.930)		5.000.000.000	-
Cộng		**1.448.580.147.489**	**(100.230.541.391)**		**1.448.580.147.489**	**(91.606.346.480)**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đang sử dụng 27.609.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (giá gốc 300.945.730.000 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (15.609.700 cổ phiếu) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (12.000.000 cổ phiếu). Chi tiết tại thuyết minh số V.20.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đang sử dụng 1.226.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (giá gốc 16.855.532.723 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Tập đoàn Sông Đà. Chi tiết tại thuyết minh số V.20.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	27.062.983	280.725.828.730	-	27.064.983	280.746.574.730	-
Công ty Cổ phần Licogi 14	5.706.010	38.822.653.946	-	5.856.010	39.843.253.946	-
Công ty Cổ phần Licogi 19	190.008	1.999.068.969	-	190.008	1.999.068.969	-
Cộng		**321.547.551.645**	**-**		**322.588.897.645**	**-**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đang sử dụng 5.237.112 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 (giá gốc 35.632.357.261 đồng) và 26.700.627 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (giá gốc 276.967.089.777 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần MBN Jupiter. Chi tiết tại thuyết minh số V.20.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Licogi 12	596.700	7.895.068.192	(5.221.852.192)	596.700	7.895.068.192	(5.132.347.192)
Công ty Cổ phần Licogi 13	1.853.452	16.239.671.600	(10.679.315.600)	2.853.452	25.001.671.600	(13.098.701.860)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	1.429.050	9.908.080.000	-	1.518.750	10.530.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	1.375.381	13.753.805.608	-
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	300.000	780.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(300.000.000)	30.000	300.000.000	(300.000.000)
Cộng		**49.876.625.400**	**(17.201.167.792)**		**59.260.545.400**	**(19.531.049.052)**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty đang sử dụng 1.853.451 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 (giá gốc 16.239.671.600 đồng), 596.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 12 (giá gốc 7.895.068.192 đồng) và 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn (giá gốc 780.000.000 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Công ty Cổ phần MBN Jupiter và Tập đoàn Sông Đà. Chi tiết tại thuyết minh số V.20.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Licogi 17	32.171.117.082	32.171.117.082	31.134.314.283	31.134.314.283
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	24.784.410.896	24.784.410.896	24.784.410.896	24.784.410.896
Công ty Cổ phần Licogi 13	4.396.512.128	4.396.512.128	24.696.512.128	24.696.512.128
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	16.430.964.213	16.430.964.213	16.430.964.213	16.430.964.213
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.301.804.379	14.301.804.379	13.889.964.888	13.889.964.888
Công ty Cổ phần Licogi 10	8.243.192.882	8.243.192.882	12.476.918.235	12.476.918.235
Công ty Cổ phần Licogi 16	11.424.415.535	11.424.415.535	11.424.415.535	11.424.415.535
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	10.814.210.438	10.814.210.438	10.294.210.438	10.294.210.438
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Hoàng Anh	8.669.505.614	8.669.505.614	9.869.505.614	9.869.505.614
Thầu phụ của Ban ĐH Dung Quất	9.358.015.247	9.358.015.247	9.358.015.247	9.358.015.247
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.093.680.987	2.093.680.987	2.313.680.987	2.313.680.987
Phải trả cho các đối tượng khác	81.935.540.143	81.935.540.143	82.381.752.536	82.381.752.536
Cộng	**224.623.369.544**	**224.623.369.544**	**249.054.665.000**	**249.054.665.000**
Phải trả người bán là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**68.376.354.393**	**68.376.354.393**	**70.641.437.456**	**70.641.437.456**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên nhà ở và đô thị Licogi	72.000.000.000	72.000.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	46.162.167.812	46.162.167.812	47.681.291.600	47.681.291.600
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	37.081.161.292	37.081.161.292	39.372.582.292	39.372.582.292
Công ty TNHH DV và PT bất động sản Bài hát yêu thích	32.295.760.000	32.295.760.000	32.295.760.000	32.295.760.000
Công ty TNHH Một thành viên Licogi 10.6	19.985.000.000	19.985.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Green i-Park	17.789.739.995	17.789.739.995	21.221.433.428	21.221.433.428
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Beru Group	7.473.037.601	7.473.037.601	7.473.037.601	7.473.037.601
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592
Tổng cục chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam	5.520.598.035	5.520.598.035	-	-
Công trình Nhà máy Đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907
Người mua trả tiền trước khác	1.698.297.635	1.698.297.635	2.389.512.055	2.389.512.055
Cộng	**258.805.876.869**	**258.805.876.869**	**161.233.731.475**	**161.233.731.475**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**175.228.329.104**	**175.228.329.104**	**87.053.873.892**	**87.053.873.892**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	363.613.482	-	8.608.946	355.004.536
Cộng	**363.613.482**	**-**	**8.608.946**	**355.004.536**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	18.271.861.728	20.082.502.463	20.082.502.463	18.271.861.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.464.234	-	-	1.171.464.234
Thuế thu nhập cá nhân	400.272.561	248.199.845	209.329.419	361.402.135
Thuế bảo vệ môi trường	36.298.900	-	-	36.298.900
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.875.789.884	858.552.472	1.284.961.484	30.302.198.896
Cộng	**49.755.687.307**	**21.189.254.780**	**21.576.793.366**	**50.143.225.893**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	161.168.883.690	238.412.560.386
Chi phí trích trước các công trình	46.536.860.740	46.536.860.740
Trong đó:		
- Công trình Suối chăn 2	*26.794.598.660*	*26.794.598.660*
- Công trình đại học quốc gia	*4.704.207.944*	*4.704.207.944*
- Dự án 20 Cộng Hòa	*6.823.705.099*	*6.823.705.099*
- Công trình thủy điện Bản Chát	*7.343.716.979*	*7.343.716.979*
- Công trình khu liên hợp sản xuất Hòa Phát Dung Quất	*870.632.058*	*870.632.058*
Chi phí phải trả khác	30.595.223.804	27.212.861.667
Cộng	**238.300.968.234**	**312.162.282.793**
Chi phí phải trả là bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)*	**176.903.337.435**	**152.981.953.570**

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	1.543.652.636	1.422.437.682
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	11.243.942.734	11.372.032.667
Bảo hiểm thất nghiệp	716.960.648	568.752.856
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	8.932.093.079	8.995.046.146
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (i)	24.816.679.766	25.254.016.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	2.356.712.329	794.109.590
Các khoản khác	5.227.594.407	3.748.351.924
Cộng	**58.784.168.165**	**56.101.280.281**
b. Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (ii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	**60.000.000.000**	**60.000.000.000**
Phải trả khác là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**95.242.000.204**	**94.562.630.722**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(i) Khoản phải trả bao gồm phải trả về chi phí lãi vay của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 và phải trả do nhận ứng trước từ hợp đồng số 04/2008/HĐĐTXDC2-TL ngày 08/08/2008 về việc Tổng Công ty giao đất cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 thực hiện triển khai dự án Thịnh Liệt.

(ii) Ngày 25 tháng 09 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
Vay ngân hàng		**227.951.599.603**	**227.951.599.603**	**220.507.431.987**	**329.210.856.928**	**336.655.024.544**	**336.655.024.544**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	(i)	220.507.431.987	220.507.431.987	220.507.431.987	251.991.247.446	251.991.247.446	251.991.247.446
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm		-	-	-	76.769.609.482	76.769.609.482	76.769.609.482
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	(ii)	7.444.167.616	7.444.167.616	-	450.000.000	7.894.167.616	7.894.167.616

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các đơn vị		**562.070.347.778**	**562.070.347.778**	**488.268.802.687**	**351.754.441.498**	**425.555.986.589**	**425.555.986.589**
- Công ty cổ phần CLUB M	(iii)	-	-	-	202.591.643.836	202.591.643.836	202.591.643.836
- Công ty cổ phần MBN JUPITER	(iii)	311.673.802.687	311.673.802.687	311.673.802.687	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	(iv)	109.322.197.156	109.322.197.156	149.185.000.000	104.000.000.000	64.137.197.156	64.137.197.156
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	(v)	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi	(vi)	11.513.085.472	11.513.085.472	20.000.000.000	40.650.984.942	32.164.070.414	32.164.070.414
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	(vii)	9.762.588.389	9.762.588.389	-	1.878.751.390	11.641.339.779	11.641.339.779
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	(viii)	17.681.214.800	17.681.214.800	7.200.000.000	2.018.785.200	12.500.000.000	12.500.000.000
- Tập đoàn Sông Đà	(ix)	8.400.000.000	8.400.000.000	-	-	8.400.000.000	8.400.000.000
- Các đơn vị khác	(x)	8.717.459.274	8.717.459.274	210.000.000	614.276.130	9.121.735.404	9.121.735.404
Vay cá nhân	**(x)**	**39.122.211.113**	**39.122.211.113**	**3.494.203.309**	**2.817.564.182**	**38.445.571.986**	**38.445.571.986**
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		**829.144.158.494**	**829.144.158.494**	**712.270.437.983**	**683.782.862.608**	**800.656.583.119**	**800.656.583.119**
Cộng Nợ dài hạn đến hạn trả		**-**	**-**			**-**	**-**
Tổng cộng		**829.144.158.494**	**829.144.158.494**			**800.656.583.119**	**800.656.583.119**
Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh VII.1)*		**152.874.809.687**	**152.874.809.687**			**125.442.607.349**	**125.442.607.349**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/134627/HĐTD ngày 25 tháng 11 năm 2024. Hạn mức cấp tín dụng là 276 tỷ đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 226 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2025. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tổng Công ty sử dụng một số máy móc thiết bị và tài sản cổ phiếu (1.050.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 100.000 cổ phiếu của công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà) thuộc sở hữu của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25 tháng 12 năm 2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (Phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự đổ, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25 tháng 12 năm 2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.444.167.616 đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10 năm 2022. Trường hợp thực hiện xong việc thoái vốn trước tháng 10 năm 2022, Tổng Công ty cam kết tất toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thoái vốn. Đến nay, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc thoái vốn.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng mua bán nợ số 10/HĐMBN/CLUB M-JUPITER ngày 19 tháng 08 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Club M và Công ty Cổ phần MBN Jupiter. Theo đó, Công ty Cổ phần Club M đã chuyển giao toàn bộ khoản nợ của Tổng Công ty cho Công ty cổ phần MBN Jupiter, số tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 311.673.802.687 đồng, lãi suất vay là 14%/ năm. Tài sản đảm bảo là 26.600.627 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 4.187.112 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 1.853.451 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 311.673.802.687 đồng.

(iv) Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng.

(v) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi.

Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay vốn số 09/2023/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU ngày 30 tháng 12 năm 2023 gia hạn thời hạn vay từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(vi) Hợp đồng cho vay số 11-06/2024/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 11 tháng 06 năm 2024 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm trả nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 8%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi chuyển tiền đầu tiên cho Tổng Công ty Licogi - CTCP hoặc đến khi Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tài sản đảm bảo là số tiền cổ tức của Tổng Công ty LICOGI - CTCP năm 2023 nhận được từ Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi trả và các khoản phải thu hợp pháp khác của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 11.513.085.472 đồng.

(vii) Hợp đồng vay vốn số số 01/2018/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 08 năm 2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 08/2023/PLHĐ/LICOGI-LICOGI2 ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay tại thời điểm hiện tại là 8%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2024 đến ngày 22 tháng 02 năm 2025 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tổng Công ty sử dụng quyền hưởng lợi nhuận năm 2024 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này.

(viii) Bao gồm 04 hợp đồng vay:

Hợp đồng hỗ trợ vốn ngày 03/10/2023 và phụ lục hợp đồng ngày 01/10/2024 với số tiền 01 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 8,5%/năm. Thời hạn vay từ ngày 03/10/2024 đến hết ngày 31/03/2025. Tài sản đảm bảo bằng toàn bộ tiền cổ tức của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

Hợp đồng hỗ trợ vốn số 11.2023/HĐVV ngày 24/11/2023 và phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 24/11/2024 với số tiền là 10 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 7,5%/ năm. Thời hạn vay từ ngày 24/11/2024 đến 24/11/2025. Tài sản đảm bảo bằng cổ phần của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

Hợp đồng hỗ trợ vốn số 11.2024/HĐVV ngày 26/11/2024 với số tiền 3,2 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 8,5%/năm. Thời hạn vay từ ngày 26/11/2024 đến hết ngày 26/11/2025. Tài sản đảm bảo bằng cổ phần của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

Hợp đồng hỗ trợ vốn số 12.2024/HĐVV ngày 30/12/2024 với số tiền 4 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 5,4%/năm. Thời hạn vay từ ngày 30/12/2024 đến hết ngày 30/06/2025. Tài sản đảm bảo bằng cổ phần các khoản thu hợp pháp khác của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ix) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Tài sản đảm bảo là 1.226.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi, 596.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 12 và 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn. Khoản vay hiện tại đã quá hạn thanh toán.

(x) Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Cụ thể:

- Hợp đồng vay số 01/HĐCV/TG-LICOGI ngày 12 tháng 05 năm 2021 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐCV/TG-LICOGI ngày 10 tháng 05 năm 2022 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần TERRA GOLD với số tiền là 4.100.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của bên vay phù hợp với pháp luật và không gây ảnh hưởng đến các lợi ích của bên cho vay. Lãi suất vay là 5%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tổng Công ty sử dụng các khoản phải thu Tổng Công ty phát sinh theo Hợp đồng thi công thầu phụ số 05/LICOGI/ISG/2016 ngày 10 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Hòa Bình và Tổng Công ty Licogi - CTCP và các phụ lục đính kèm để đảm bảo cho khoản vay này. Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 8.334.349.353 đồng. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.100.000.000 đồng.

- Các khoản vay cá nhân chủ yếu là các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng từ 7,5% - 10%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
Vay dài hạn		**165.000.000.000**	**165.000.000.000**	**-**	**-**	**165.000.000.000**	**165.000.000.000**
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương	(i)	165.000.000.000	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000	165.000.000.000
Vay các đơn vị		**203.675.000.000**	**203.675.000.000**	**11.355.000.000**	**-**	**192.320.000.000**	**192.320.000.000**
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	(ii)	203.675.000.000	203.675.000.000	11.355.000.000	-	192.320.000.000	192.320.000.000
Cộng		**368.675.000.000**	**368.675.000.000**	**11.355.000.000**	**-**	**357.320.000.000**	**357.320.000.000**
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả		**-**	**-**			**-**	**-**
Cộng các khoản vay dài hạn		**368.675.000.000**	**368.675.000.000**			**357.320.000.000**	**357.320.000.000**
Vay và nợ dài hạn là bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh VII.1)*		**203.675.000.000**	**203.675.000.000**			**192.320.000.000**	**192.320.000.000**

(i) Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo biên bản thỏa thuận chuyển đổi nghĩa vụ hoàn trả tiền thành khoản vay ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền là 165 tỷ đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 0%/năm. Gốc vay được thanh toán khi kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2023. Trong trường hợp hết thời hạn vay sẽ được hai bên thống nhất với nhau bằng văn bản. Sau thời hạn nêu trên, nếu hai bên không có sự thỏa thuận bằng văn bản nào khác thì hợp đồng tự động tái tục thêm kỳ hạn với các điều khoản tương đương, với số lần tự động gia hạn không bị hạn chế sau đó. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 203.675.000.000 đồng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**208.297.078.555**	**306.521.559.494**
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa vật liệu xây dựng	163.264.315.533	180.618.390.250
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.677.573.680	1.663.550.027
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	43.355.189.342	124.239.619.217
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**208.297.078.555**	**306.521.559.494**
Doanh thu với bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**163.347.704.367**	**82.234.289.490**

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	162.925.208.278	180.619.472.571
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.306.018.563	2.378.473.814
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	41.591.110.160	138.485.218.968
Cộng	**205.822.337.001**	**321.483.165.353**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.397.910.266	36.273.569.226
Cổ tức lợi nhuận được chia	84.392.035.786	98.439.733.200
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 14	4.565.450.000	38.268.007.270
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	21.424.000	-
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 18	2.955.780.000	-
Doanh thu tài chính khác	2.217.510	-
Cộng	**126.334.817.562**	**172.981.309.696**
Doanh thu tài chính với bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**115.654.485.110**	**128.644.975.938**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	87.320.891.385	100.028.381.433
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	6.294.313.651	12.980.204.936
Lỗ từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 13	4.862.000.000	-
Chi phí tài chính khác	10.698.559	87.591.701
Cộng	**98.487.903.595**	**113.096.178.070**
Chi phí lãi vay với bên liên quan	**38.676.382.015**	**39.412.403.752**
(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)		

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	430.644.616	650.512.251
Chi phí nhân viên quản lý	16.691.962.939	17.261.045.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.174.600.059	1.173.092.946
Thuế, phí, lệ phí	856.818.024	855.771.778
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(2.070.000.000)	1.189.467.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.604.443.153	7.070.169.183
Chi phí bằng tiền khác	1.578.028.977	2.531.894.088
Cộng	**21.266.497.768**	**30.731.953.429**

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.908.782.725	2.524.669.598
Các khoản thu khác	1.406.009.824	-
Cộng	**6.314.792.549**	**2.524.669.598**

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	116.134.693	282.660.530
Khấu hao tài sản đang dừng hoạt động	9.911.308.960	10.304.380.097
Chi phí khác	13.714.238	-
Cộng	**10.041.157.891**	**10.587.040.627**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**5.328.792.411**	**6.129.201.309**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	46.994.317.513	47.149.062.895
- Chi phí lãi vay khống chế do có GDLK	*30.860.757.386*	*36.562.022.268*
- Chi phí không được trừ khác	*10.028.178.101*	*10.587.040.627*
- Chi phí tiền lương chưa chi hết đến quyết toán thuế	*6.105.382.026*	-
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	84.392.035.786	98.439.733.200
- Lợi nhuận của Công ty con, liên kết	*84.392.035.786*	*98.439.733.200*
Chuyển lỗ phát sinh các năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(32.068.925.862)**	**(45.161.468.996)**
Chuyển lỗ phát sinh các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	**-**	**-**
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**-**	**-**

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.029.249.491	3.422.843.507
Chi phí nhân công	17.436.505.861	26.429.858.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.562.606.904	12.643.048.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.314.934.783	125.434.113.756
Chi phí khác bằng tiền	1.700.834.456	3.207.417.585
Cộng	**74.044.131.495**	**171.137.282.433**

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 10	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Licogi 10.6	Công ty con cấp 02
Công ty Cổ phần Licogi 15	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 17	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	Công ty có liên quan
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	**163.347.704.367**	**82.234.289.490**
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	68.183.706.580	81.513.732.000
Công ty TNHH Một thành viên Licogi 10.6	51.005.069.611	50.399.911
Công ty Cổ phần Tập đoàn MIK Group Việt Nam	27.178.357.234	-
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	12.251.589.020	
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	4.417.550.644	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	144.951.960	606.146.342
Công ty Cổ phần Licogi 17	166.479.318	64.011.237
Mua hàng	**103.592.552.011**	**176.372.842.745**
Công ty Cổ phần Licogi 17	97.567.046.222	171.416.074.647
Công ty Cổ phần Licogi 10	640.867.238	1.525.877.335
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	218.181.816	3.430.890.763
Công ty TNHH Một thành viên Licogi 10.6	5.166.456.735	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	-
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	-	-
Lãi cho vay	**33.470.089.574**	**32.483.367.738**
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	32.327.832.762	31.344.231.847
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	929.773.476	927.233.111
Công ty Cổ phần Licogi 15	212.483.336	211.902.780

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**82.184.395.536**	**96.161.608.200**
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	52.458.430.000	74.546.190.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	24.357.284.700	18.945.488.100
Công ty Cổ Phần Licogi 14	2.853.005.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	2.141.395.200	2.141.395.200
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	374.280.636	384.534.900
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	-	144.000.000
Chi phí lãi vay	**38.676.382.015**	**39.412.403.752**
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	23.148.514.186	20.093.070.588
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	5.597.002.132	8.273.888.800
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	4.351.759.604	5.779.028.168
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	3.865.185.541	4.909.486.470
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	928.777.000	173.390.000
Công ty Cổ phần Licogi 17	544.486.018	-
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	240.657.534	183.539.726

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**48.480.383.278**	**30.662.102.929**
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	13.783.807.403	13.783.807.403
Công ty Cổ phần Tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	25.971.260.268	8.673.591.895
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty Cổ phần Licogi 15	1.667.794.557	1.495.849.719
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	427.246.063	427.246.063
Công ty Cổ phần Licogi 17	180.561.300	-
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	105.873.178	-
Công ty Cổ phần Licogi 10	95.723.875	95.723.875
Công ty TNHH Một thành viên Licogi 10.6	62.232.660	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**66.906.203.325**	**53.047.831.094**
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	38.472.872.158	38.472.872.158
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.813.710.792	10.813.710.792
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Licogi 10	65.458.567	65.458.567
Công ty TNHH Một thành viên Licogi 10.6	858.372.231	-

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**196.903.623.180**	**196.903.623.180**
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	195.303.623.180	195.303.623.180
Phải thu về cho vay dài hạn	**14.010.000.000**	**3.860.000.000**
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	14.010.000.000	3.860.000.000
Tổng các khoản phải thu khác	**226.450.729.717**	**195.775.267.043**
Phải thu về cổ phần hóa	***3.628.215.586***	***3.628.215.586***
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	3.916.293	3.916.293
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	***3.168.907.536***	***2.794.626.900***
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	2.207.520.000	2.207.520.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	758.815.536	384.534.900
Công ty Cổ phần Licogi 10	202.572.000	202.572.000
Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan	***10.201.578.445***	***9.059.321.633***
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	7.464.190.171	6.534.416.695
Công ty Cổ phần Licogi 15	2.015.426.678	1.802.943.342
Công ty Cổ phần Licogi 19	713.413.162	713.413.162
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	8.548.434	8.548.434
Phải thu khác	***212.620.935.686***	***180.293.102.924***
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	209.237.674.737	176.909.841.975
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	3.383.260.949	3.383.260.949
Phải trả người bán	**68.376.354.393**	**70.641.437.456**
Công ty Cổ phần Licogi 17	32.171.117.082	31.134.314.283
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.301.804.379	13.889.964.888
Công ty Cổ phần Licogi 10	8.243.192.882	12.476.918.235
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	10.814.210.438	10.294.210.438
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	1.609.145.615	1.609.145.615
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	1.197.675.311	1.197.675.311
Công ty Cổ phần Licogi 15	39.208.686	39.208.686
Người mua trả tiền trước	**175.228.329.104**	**87.053.873.892**
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	72.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	46.162.167.812	47.681.291.600
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	37.081.161.292	39.372.582.292
Công ty TNHH Một thành viên Licogi 10.6	19.985.000.000	-

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả	**176.903.337.435**	**152.981.953.570**
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	117.555.987.831	94.407.473.645
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	30.541.489.500	30.541.489.500
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.796.165.969	14.796.165.969
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	-	6.224.471.604
Công ty Cổ phần Licogi 17	8.556.734.742	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	3.384.919.688	3.384.919.688
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	826.107.961	1.744.634.182
Công ty Cổ phần Licogi 10	998.613.914	1.639.481.152
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	243.317.830	243.317.830
Phải trả khác	**95.242.000.204**	**94.562.630.722**
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	24.816.679.766	25.254.016.850
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	8.932.093.079	8.995.046.146
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh	936.195.000	130.028.000
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	424.197.260	183.539.726
Công ty Cổ phần Licogi 17	132.835.099	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**152.874.809.687**	**125.442.607.349**
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	109.322.197.156	64.137.197.156
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	11.513.085.472	32.164.070.414
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	9.762.588.389	11.641.339.779
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	17.681.214.800	12.500.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 17	1.595.723.870	2.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**203.675.000.000**	**192.320.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	203.675.000.000	192.320.000.000

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị	**1.381.936.000**	**1.413.848.466**
1. Đinh Việt Tùng	133.000.000	122.000.000
2. Phan Thanh Hải	376.032.000	430.499.668
3. Nguyễn Thanh Hợp	118.548.000	-
4. Nguyễn Danh Quân	356.028.000	380.864.490
5. Ưng Tiến Đỗ	356.028.000	380.864.490
6. Nguyễn Trường Sơn	42.300.000	99.619.818
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	**974.769.067**	**1.011.690.542**
1. Vũ Nguyên Vũ	228.948.364	382.499.668
2. Phan Thanh Hải	139.743.636	-
3. Nguyễn Thanh Hợp	263.680.000	363.299.696
4. Nguyễn Anh Dũng	342.397.067	265.891.178
Thu nhập của Ban Kiểm soát	**502.028.000**	**508.473.581**
1. Phan Hải Triều	356.028.000	358.464.490
2. Dương Thị Phượng	73.000.000	75.009.091
3. Kiều Bích Hoa	73.000.000	75.000.000
Cộng	**2.858.733.067**	**2.934.012.589**

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCNĐ-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m2. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

3. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo bản án sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội quyết định:

- Buộc Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước – LICOGI (Công ty con) có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1480 LAV201200441/HĐTD ngày 29 tháng 6 năm 2012 và 10 giấy nhận nợ với tổng số tiền là 7.583.146.207đồng, trong đó nợ gốc là 4.900.956.630 đồng, lãi 2.682.189.577 đồng. Công ty tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất 4,86%/năm kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12 tháng 7 năm 2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam buộc Tổng Công ty LICOGI - CTCP thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con) toàn bộ nợ gốc nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1480 LAV201200441/HĐTD ngày 29 tháng 6 năm 2012 trong trường hợp Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI (Công ty con) không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo giấy ủy quyền số 140ª/TCT-KTTC ngày 01 tháng 4 năm 2012 của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ nếu Tổng Công ty vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh.

- Về án phí: Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - LICOGI phải chịu 115.583.146 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 57.600.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00125387 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Theo bản án phúc thẩm số 01/2025/KDTM-PT ngày 03/1/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định:

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Về án phí: Tổng Công ty LICOGI - CTCP phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai số 36313 ngày 30/7/2024 tại Chi cục THADS quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, Tổng Công ty đã làm đơn đề nghị về việc xem xét thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên với Chánh án Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng, nghĩa vụ phải trả của Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh trên sẽ không phát sinh.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

Đặng Thu Oanh	**Lê Thị Thanh Nội**	**Phan Thanh Hải**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban kiểm phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2025 Tổng Công ty Licogi - CTCP

Vào hồi 08 giờ 33 phút, ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường tầng 2, Số 491 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Trọng Thanh	Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : Nguyễn Công Nghị	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : Đinh Hải Ninh	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Licogi - CTCP.

Số lượng Đại biểu tham gia: 14

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 3

Đại diện cho: **88.289.579** phiếu biểu quyết

Chiếm: **98,0995%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: **14** đại diện cho **88.289.579** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **11** đại diện cho **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm **99,9880%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **3** đại diện cho **10.600** phiếu biểu quyết, chiếm **0,0120%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 01: Thông qua Đoàn chủ tịch

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 02: Thông qua Ban kiểm phiếu
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 03: Thông qua Chương trình Đại hội
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 04: Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 05: Thông qua Quy chế bầu bổ sung Thành viên HĐQT
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.979** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 05 đã được thông qua với tỷ lệ 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Biên bản được lập lúc 08 giờ 33 phút ngày 19 tháng 6 năm 2025 và đã được thông quả trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Licogi - CTCP Năm 2025.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Công Nghị

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Đinh Hải Ninh

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Trọng Thanh

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban kiểm phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2025 Tổng Công ty Licogi - CTCP

Vào hồi 10 giờ 31 phút, ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường tầng 2, Số 491 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Trọng Thanh	Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : Nguyễn Công Nghị	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : Đinh Hải Ninh	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Licogi - CTCP.

Số lượng Đại biểu tham gia: 16

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 3

Đại diện cho: **88.291.180** phiếu biểu quyết

Chiếm: **98,1013%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: **16** đại diện cho **88.291.180** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **12** đại diện cho **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm **99,9880%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **4** đại diện cho **10.601** phiếu biểu quyết, chiếm **0,0120%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 01: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 02: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 03: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 04: Thông qua kết quả kinh doanh năm 2024; Kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 05: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên

tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 05 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 06: Thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh Tổng Công ty Licogi - CTCP.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 06 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 07: Thông qua tờ trình về tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại doanh nghiệp khác.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 07 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 08: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2025.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 08 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 09: Thông qua tờ trình về chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và dự kiến tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 09 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 10: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nội dung 11: Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026.
Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **12** đại diện cho: **88.280.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **11** đại diện cho: **88.278.579** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 11 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Biên bản được lập lúc 10 giờ 31 phút ngày 19 tháng 6 năm 2025 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Licogi - CTCP Năm 2025.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Công Nghị

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Đinh Hải Ninh

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Trọng Thanh

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban kiểm phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng Công ty Licogi - CTCP

Vào hồi 10 giờ 52 phút, ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường tầng 2, Số 491 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Trọng Thanh	Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : Nguyễn Công Nghị	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : Đinh Hải Ninh	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Licogi - CTCP.
Số lượng Đại biểu tham gia: 17
Số lượng Đại biểu ủy quyền: 3
Đại diện cho: **88.331.080** phiếu biểu quyết
Chiếm: **98,1456%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Tổng số tờ phiếu phát ra:	**17** đại diện cho: **88.331.080** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Tổng số tờ phiếu thu về:	**13** đại diện cho: **88.320.479** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9880%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Tổng số tờ phiếu không thu về:	**4** đại diện cho: **10.601** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0120%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
Số tờ phiếu hợp lệ:	**13** đại diện cho: **88.320.479** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.
Số tờ phiếu không hợp lệ:	**0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Kết quả chi tiết :

Họ và tên ứng viên: **Vũ Đình Chiến**

Số tờ phiếu tán thành: **13** đại diện **88.320.479** phiếu bầu chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Vậy danh sách trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị gồm 1 ứng cử viên sau:

Họ và tên ứng viên: **Vũ Đình Chiến**

Số tờ phiếu tán thành: **13** đại diện **88.320.479** phiếu bầu chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Biên bản được lập lúc 10 giờ 52 phút ngày 19 tháng 6 năm 2025 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2025 Tổng Công ty Licogi - CTCP.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Công Nghị

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Trọng Thanh

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Đinh Hải Ninh

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban kiểm phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên Năm 2025 Tổng Công ty Licogi - CTCP

Vào hồi 11 giờ 18 phút, ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường tầng 2, Số 491 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Nguyễn Trọng Thanh	Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : Nguyễn Công Nghị	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Ông : Đinh Hải Ninh	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Licogi - CTCP.

Số lượng Đại biểu tham gia: 18

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 3

Đại diện cho: **88.331.580** phiếu biểu quyết

Chiếm: **98,1462%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: **18** đại diện cho **88.331.580** phiếu biểu quyết, chiếm **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: **13** đại diện cho **88.320.479** phiếu biểu quyết, chiếm **99,9874%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: **5** đại diện cho **11.101** phiếu biểu quyết, chiếm **0,0126%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 01: Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: **13** đại diện cho: **88.320.479** phiếu biểu quyết, chiếm: **100,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: **12** đại diện cho: **88.318.479** phiếu biểu quyết, chiếm: **99,9977%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính

trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: **1** đại diện cho: **2.000** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0023%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: **0** đại diện cho: **0** phiếu biểu quyết, chiếm: **0,0000%** tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9977% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Biên bản được lập lúc 11 giờ 18 phút ngày 19 tháng 6 năm 2025 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Licogi - CTCP Năm 2025.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Công Nghị

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Đinh Hải Ninh

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Trọng Thanh

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban kiểm tra tư cách cổ đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---o0o---

BÁO CÁO
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Giờ in báo cáo: 11 giờ 18 phút, ngày 19 tháng 6 năm 2025

Danh sách cổ đông ủy quyền tham dự tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

STT	Ngày nhập ủy quyền	Mã Cổ đông ủy quyền	Họ tên Cổ đông ủy quyền	Mã Cổ đông nhận ủy quyền	Họ tên Cổ đông nhận ủy quyền	SL Cổ phần ủy quyền	Tình trạng phê duyệt UQ	Tình trạng tham dự
1	18/06/2025	LIC.000006	PHAN THỌ ĐỨC	LIC.000520	ĐINH VIỆT TÙNG	85.000	Đã phê duyệt	Trực tuyến
2	18/06/2025	LIC.000002	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN KHU ĐÔNG	LIC.000521	PHAN THANH HẢI	31.500.000	Đã phê duyệt	Trực tuyến
3	18/06/2025	LIC.000004	CÔNG TY CỔ PHẦN SÀN GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN ANPHA	LIC.000522	NGUYỄN THANH HỢP	2.700.000	Đã phê duyệt	Trực tuyến
TỔNG						**34.285.000**		

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
Trưởng ban

Người ký: Phan

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Ban kiểm tra tư cách cổ đông

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Giờ in báo cáo: 11h18 ngày 19 tháng 6 năm 2025

Ban kiểm tra tư cách cổ đông kính gửi Danh sách Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

STT	Mã cổ đông	Tên cổ đông	Tình trạng tham dự	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận uỷ quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ	Thời gian tham dự
1	LIC.000112	NGUYỄN VĂN LINH	Online	3.000	0	3.000	0,0033%	07:30 19/06/2025
2	LIC.000033	VÕ THỊ KIỀU	Online	13.000	0	13.000	0,0144%	07:45 19/06/2025
3	LIC.000029	NGUYỄN HỮU HẢI	Online	13.900	0	13.900	0,0154%	07:57 19/06/2025
4	LIC.000521	PHAN THANH HẢI	Online	0	31.500.000	31.500.000	35,0000%	08:01 19/06/2025
5	LIC.000153	TRỊNH BÁ LONG QUÂN	Online	2.000	0	2.000	0,0022%	08:04 19/06/2025
6	LIC.000522	NGUYỄN THANH HỢP	Online	0	2.700.000	2.700.000	3,0000%	08:04 19/06/2025
7	LIC.000520	ĐINH VIỆT TÙNG	Online	0	85.000	85.000	0,0944%	08:08 19/06/2025
8	LIC.000003	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GIA CƯỜNG	Online	17.312.888	0	17.312.888	19,2365%	08:08 19/06/2025
9	LIC.000001	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC - CÔNG TY TNHH	Online	36.640.691	0	36.640.691	40,7119%	08:14 19/06/2025

No.	Mã cổ đông	Tên cổ đông	Tình trạng tham dự	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận uỷ quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ	Thời gian tham dự
10	LIC.000074	NGUYỄN HUY	Online	5.000	0	5.000	0,0056%	08:16 19/06/2025
11	LIC.000179	NGUYỄN XUÂN ĐỈNH	Online	1.500	0	1.500	0,0017%	08:19 19/06/2025
12	LIC.000065	HOÀNG VÂN LINH	Online	5.600	0	5.600	0,0062%	08:27 19/06/2025
13	LIC.000078	TRẦN HẠNH DUNG	Online	5.000	0	5.000	0,0056%	08:27 19/06/2025
14	LIC.000148	PHẠM THỊ SƯƠNG	Online	2.000	0	2.000	0,0022%	08:28 19/06/2025
15	LIC.000172	TRẦN THỊ BÍCH VÂN	Online	1.600	0	1.600	0,0018%	08:51 19/06/2025
16	LIC.000513	NGUYỄN CÔNG MINH	Online	1	0	1	0,0000%	09:16 19/06/2025
17	LIC.000012	TRẦN THỊ HỒNG ĐIỆP	Online	39.900	0	39.900	0,0443%	10:46 19/06/2025
18	LIC.000308	ĐÀO ĐỨC ĐẠT	Online	500	0	500	0,0006%	10:55 19/06/2025
Tổng				**54.046.580**	**34.285.000**	**88.331.580**	**98,1462%**	

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
Trưởng ban

NGUYỄN TRỌNG THANH

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Địa chỉ: nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Mã số DN: 0100106440
Điện thoại: (84-4) 38542365

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81./2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP (Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai) được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/6/2021;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2025 ("**ĐHĐCĐ**") của Tổng công ty LICOGI - CTCP ("Tổng công ty LICOGI") số: 80/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 19/6/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế (ICPA) với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
1	Tổng tài sản	4.616.642	2.651.274
2	Tổng doanh thu	2.432.414	334.631
3	Tổng (Lỗ/Lãi) Lợi nhuận trước thuế	85.023	5.329

4	Tổng (Lỗ/lãi) Lợi nhuận sau thuế	73.352	5.329
5	Tổng (Lỗ/Lãi) Lợi nhuận phân bổ cho công ty Mẹ	59.671	5.329

Điều 3. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ % TH2024/ KH2024
I	**Công ty Mẹ**				
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	900,000	900,000	100,0
2	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	234,708	210,374	89,6
3	Doanh thu	Tỷ đồng	346,978	334,631	96,4
4	LN trước thuế	Tỷ đồng	11,912	5,329	44,7
5	LN sau thuế	Tỷ đồng		5,329	
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,400	5,734	409,6
7	Cổ tức (%)	%	0	0	100,0
8	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	0,520	0,100	19,2
II	**Hợp nhất Mẹ Con**				
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.321,591	2.554,130	110,0
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.558,054	2.432,414	95,1
3	LN trước thuế	Tỷ đồng	52,871	85,023	160,8
4	LN sau thuế	Tỷ đồng		73,351	
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	99,682	153,988	154,5
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	335,760	56,597	16,9

1.2. Kết quả đầu tư:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2024: 1.820,004 tỷ đồng

Trong đó: + Đầu tư vào công ty con : 1.448,580 tỷ đồng;

+ Đầu tư vào công ty liên kết : 321,547 tỷ đồng;

+ Đầu tư khác : 49,876 tỷ đồng;

(Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính : 117,400 tỷ đồng).

- Tổng giá trị đầu tư năm 2024 là : 0,100 tỷ đồng

Trong đó: + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thi công : 0,100 tỷ đồng

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ % KH 2025/TH 2024
I	**Công ty Mẹ**				
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	900,000	900,000	100,0
2	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	210,374	286,960	136,4
3	Doanh thu	Tỷ đồng	334,631	430,745	128,7
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,329	6,699	125,7
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,734	348,885	6.084,5
6	Cổ tức (%)	%	0	0	
7	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	0,100	0,616	616,0
II	**Hợp nhất Mẹ - Con**				
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	2.554,130	2.178,059	85,3
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.432,414	2.427,674	99,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	85,023	52,107	61,3
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	153,988	513,917	333,7
5	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	56,597	490,786	867,2

2.2. Danh mục đầu tư của Công ty mẹ năm 2025:

Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng và sửa chữa:

Tổng mức đầu tư dự kiến : 0,616 tỷ đồng

Trong đó: + Đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị là : 0,616 tỷ đồng.

Điều 4. Thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty LICOGI - CTCP;

Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty LICOGI - CTCP.

Điều 5. Tiếp tục triển khai thực hiện việc thoái vốn tại 08 đơn vị có góp vốn của Tổng Công ty LICOGI đã thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 đến năm 2026.

Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện bao gồm: quyết định phương án và hình thức thoái vốn đầu tư tài chính của Tổng Công ty tại các Doanh nghiệp trên, xác định thời điểm thoái vốn, giá bán, đảm bảo lợi ích cao nhất của Tổng Công ty và phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2025, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Năm 2024, lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ - Tổng công ty LICOGI – CTCP lãi 5.328.792.411 đồng, nhưng do lỗ lũy kế các năm 2016, 2017 nên Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ là 0% theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024.

2. Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025:

Năm 2025 dự kiến lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 6,699 tỷ đồng nhưng chưa đủ bù đắp lỗ lũy kế nên tỷ lệ chi trả cổ tức kế hoạch năm 2025 là 0%.

Điều 7. Thông qua quyết toán chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng tiền lương, thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị năm 2024 là 1.381.936.000 đồng/1.488.000.000 đồng bằng 92,9% Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng tiền lương, thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát năm 2024 là 502.028.000 đồng/576.000.000 đồng bằng 87,1% Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Các chi phí khác cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên như phương tiện làm việc, đi lại, điện thoại,... theo đúng quy định của Tổng công ty, đảm bảo tiết kiệm tối đa. Ngoài ra Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không có bất kỳ các khoản chi phí nào phát sinh.

2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

STT	Chức vụ	Làm việc chuyên trách (đồng/tháng)	Làm việc kiêm nhiệm (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	35.000.000	10.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	30.000.000	9.000.000
3	Thành viên HĐQT	28.000.000	7.000.000
4	Trưởng ban Kiểm soát	28.000.000	7.000.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát	15.000.000	5.000.000

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (5 thành viên) dự kiến là: 1.488.000.000 đồng/năm (***Một tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu đồng***).

- Tổng tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát (3 thành viên) dự kiến là: 576.000.000 đồng/năm ***(Năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng).***

Các chi phí khác như tiền điện thoại, ăn ca, tiền chi các ngày nghỉ lễ, tết ... thực hiện theo quy định của Tổng công ty đối với cán bộ công nhân viên.

Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (chi phí đi lại, ăn ở, chi phí hợp lý khác) chi trả theo phát sinh thực tế và nằm trong ngân sách hoạt động chung của Tổng công ty được xác định trong Kế hoạch tài chính năm 2025, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty LICOGI, Quy chế tài chính và các chế độ, định mức chi tiêu nội bộ của Tổng công ty.

ĐHĐCĐ giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh mức tiền lương, thù lao cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng không vượt quá tổng mức tiền lương, thù lao ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 8. Phê duyệt danh sách 03 Công ty kiểm toán được chấp thuận để lựa chọn một đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty theo đề xuất của Ban Kiểm soát, bao gồm cả việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty mẹ và Hợp nhất Công ty mẹ - Công ty con gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 từ danh sách trên. Trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trong danh sách về tiến độ và mức phí dịch vụ kiểm toán, ĐHĐCĐ giao Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng do Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố.

Điều 9. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Ưng Tiến Đỗ, sinh ngày 5/10/1958, CCCD số 027058000292 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/04/2019 theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 40 Điều lệ Tổng công ty LICOGI – CTCP.

Điều 10. ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty LICOGI - CTCP nhiệm kỳ 2021-2026:

Ông Vũ Đình Chiến, sinh ngày 30/4/1973, CCCD số 001073033168 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2023, Kỹ sư xây dựng, Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường đã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty LICOGI – CTCP nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua (ngày 19/6/2025).

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và toàn thể cổ đông của Tổng công ty LICOGI chịu trách nhiệm thi hành, tổ chức triển khai Nghị quyết theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty LICOGI - CTCP./.

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn NN;
- Công ty TNHH Đầu tư và KD BĐS Khu Đông;
- Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường;
- Phòng ĐKKD, Sở KH & ĐT Tp.Hà Nội;
- UBCK Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Đăng tải trên Website của Licogi;
- Lưu Văn thư, Văn phòng HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

M.S.D.N: 0100108440 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Đinh Việt Tùng

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: .80. /2025/BB-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

MINUTES OF THE 2025 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS LICOGI CORPORATION - JSC

(In the form of online meeting)

Name of unit: LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi

Enterprise registration number: 0100106440 issued by Hanoi Department of Planning and Investment on February 27, 2025, 10th renewal

Today, at 8.15 a.m on June 19, 2025, at the Headquarters of LICOGI-CTCP Corporation, Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi. Hanoi held the 2025 General Meeting of Shareholders (in the form of an online General Meeting) of LICOGI Corporation - JSC (hereinafter referred to as "General Meeting"), specifically as follows:

A. PARTICIPANTS

- Shareholders of LICOGI Corporation - JSC ("LICOGI Corporation") at the time of closing the list of shareholders are entitled to attend the General Meeting;

- Also attending the General Meeting are Mr./Ms. who are members of the Board of Directors, Board of Supervisors, General Director, Deputy General Director, Chief Accountant and Heads of Departments, Deputy Heads of Departments in charge of some departments of the Corporation;

- Representative of the International Auditing Company (ICPA) - Auditing unit of the 2024 financial statements;

- Some technical and professional staff of FPT Securities Joint Stock Company (FPTs) - consulting unit for the 2025 Online General Meeting of Shareholders.

B. CONTENT AND PROCESS OF THE CONFERENCE

1. Report on the results of shareholder qualification examination and declare the General Meeting eligible to proceed.

The meeting listened to Mr. Nguyen Trong Thanh, Head of the Shareholders' Qualification Examination Committee, report on the results of the shareholder qualification examination and declare that the meeting is eligible to proceed:

- The total number of shareholders of LICOGI Corporation at the time of closing the list of shareholders entitled to attend the General Meeting is 519 shareholders, with the number of shares being 90,000,000 shares (List of shareholders entitled to attend the General Meeting according to the list provided

by Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation - VSDC, closing date May 21, 2025).

- The total number of shareholders and authorized representatives of shareholders attending the General Meeting at the opening time of the General Meeting at 8.15 a.m on June 19, 2025 is 9 shareholders, representing 88,270,479 shares, accounting for 98.0783% of the total shares of all shareholders with voting rights.

Pursuant to the provisions of the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Charter of LICOGI Corporation (amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021, the 2025 General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation with the above-mentioned participants is legal, valid and eligible to proceed.

2. Opening of the Congress

The Organizing Committee of the Congress shall carry out the following procedures:

- Declare the reason;

- Introduce the invited guests;

The Organizing Committee shall elect the Presidium, elect the Vote Counting Committee, appoint the Secretariat, approve the Congress Agenda, the Congress Organization Regulations and the Regulations on the election of additional members of the Board of Directors, specifically as follows:

Total number of shareholders/ authorized representatives attending the meeting: 14 people, representing 88,289,579 shares corresponding to 98.0995% votes, accounting for 98.0995% calculated on the total number of votes of all shareholders with voting rights;

Total number of ballots issued: 14 represents 88,289,579 votes, accounting for 100 % of the total number of votes of shareholders attending the meeting;

Total number of ballots collected: 11 represents 88,278,979 votes, accounting for 99.9880% of the total number of votes of shareholders attending the meeting;

Total number of ballots not collected: 3 represents 10,600 votes, accounting for 0.0120% of the total number of votes of shareholders attending the meeting.

2.1. Election of the Presidium

After listening to the Organizing Committee announce the Resolution of the Board of Directors to the General Meeting of Shareholders on the number and introduce the expected personnel list of the Presidium as 03 members including the following names:

- Mr. Dinh Viet Tung, Chairman of the Board of Directors as Chairman;

- Mr. Phan Thanh Hai, Vice Chairman of the Board of Directors, General Director of the Corporation;

- Mr. Nguyen Danh Quan, Member of the Board of Directors.

Shareholders voted to approve the list of the Presidium as follows:

Total number of valid ballots: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the Presidium was approved with a 100% approval rate based on the total number of votes cast by attending and voting shareholders.

2.2. Election of the Ballot Counting Committee and appointment of the Secretariat

a) Election of the Ballot Counting Committee: To assist the Congress in carrying out the election and counting of votes, the Congress listened to the Board of Directors introduce the number and list of personnel of the Ballot Counting Committee, which is 03 members, including the following gentlemen/ladies:

- Mr. Nguyen Trong Thanh, Head of Personnel Department, is the Head of the Committee;

- Mr. Nguyen Cong Nghi, Vice Chairman of the Corporation's Trade Union, is a member;

- Mr. Dinh Hai Ninh, Head of Inspection and Legal Department, is a member.

Shareholders voted to approve the list of the Ballot Counting Committee as follows:

Total number of valid ballots: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the Vote Counting Committee was approved with 100% of the votes from all attending and voting shareholders

b) Secretariat: The Secretariat is appointed by the Presidium, and is responsible for assisting the Chairman in recording the proceedings of the

Congress, making the minutes of the Congress and drafting the Resolution of the Congress, consisting of 02 members named below:

- Ms. Nguyen Thi Oanh, Chief of Office of the Board of Directors, Secretary of the Corporation is the Head of the Committee;

- Mr. Pham Kim Ngoc, Secretary of the General Director is a member.

3. Approval of Agenda of the General Meeting of Shareholders

After listening to the Organizing Committee announce the Congress program; The Congress discussed and approved the Agenda of the General Meeting of Shareholders with the following results:

Total number of valid ballots: .11representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting, in which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the Agenda of the General Meeting was approved with a rate of 100% of the votes from all attending and voting shareholders.

4. Approval of the Working Regulations of the General Meeting; the Regulations for electing additional members of the Board of Directors

After listening to the Organizing Committee announce the Working Regulations and the Regulations for electing additional members of the Board of Directors of the Congress; the Congress discussed and approved the Congress Regulations and the Regulations for electing additional members of the Board of Directors with the following results:

Total number of valid ballots: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting, in which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the General Meeting Regulations and the Regulations for electing additional members of the Board of Directors were approved with a rate of 100 % of the votes from all attending and voting shareholders.

5. Approval of the Regulation on Additional Election of Members to the Board of Directors

After the Organizing Committee announced the Regulation on the Additional Election of Members to the Board of Directors of the General Meeting, the Meeting discussed and approved the Regulation with the following results:

Total number of valid ballots: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting, in which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,979 votes, accounting for: 100 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the Regulation on the Additional Election of Members to the Board of Directors was approved with a 100% approval rate based on the total voting shares of shareholders attending and voting.

6. Main content of the General Meeting

The Congress listened to reports and presentations on the following contents:

- Report of the Board of Directors on activities in 2024 and orientation for 2025 presented by Mr. Dinh Viet Tung - Chairman of the Board of Directors;

- Report of the Board of Supervisors on activities in 2024 and Plan for 2025 presented by Mr. Phan Hai Trieu - Head of the Board of Supervisors;

- Report of the General Director on the business performance in 2024 and the business plan for 2025 presented by Mr. Phan Thanh Hai - General Director;

- Audited financial report for 2024 presented by Mr. Nguyen Anh Dung - Deputy General Director.

- The Proposals of the Board of Directors and the Board of Supervisors presented by Mr. Phan Thanh Hai - Member of the Board of Directors, including:

+ Proposal No. 73/2025/TTr - HDQT on the results of production, business and investment in 2024; Production, business and investment plan in 2025;

+ Proposal No. 74 /2025/TTr - HDQT on approving the audited Financial Statements for 2024;

+ Proposal No.75/2025/TTr - HDQT on approving the policy of terminating the operation of the Representative Office in Ho Chi Minh City of LICOGI Corporation - JSC;

+ Proposal No.76/2025/TTr - HDQT on restructuring financial investments of LICOGI Corporation - JSC in other enterprises;

+ Proposal No.77/2025/TTr - HDQT on the plan to distribute after-tax profits in 2024 and the expected dividend payment rate in 2025;

+ Proposal No.78/2025/TTr - HDQT on the final settlement of salary and remuneration payments of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2024 and the salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025;

+ Proposal No.01/2025/TTr - BKS on selecting an independent auditing company to report the financial statements in 2024;

+ Proposal No.79/2025/TTr - HDQT on dismissal and election of additional members of the Board of Directors.

C. MEETING DISCUSSION

The Secretariat acknowledges the questions of shareholders sent to the Presidium and the responses of representatives of the Board of Directors, Supervisory Board, and Executive Board as follows:

1. Question from shareholder Mr. Hoang Van Linh:

Question 1: The investment policy of the Thinh Liet Urban Area project has expired. What is the legal risk in case Hanoi City revokes the investment policy of the project? How does the Board of Management evaluate this risk?

Question 2: Please provide details of the legal implementation plan for the Thinh Liet Urban Area project, specifically:

- Has the Company paid the VND 348 billion according to the inspection conclusion as scheduled?
- How has the investment policy of the Thinh Liet Urban Area project been implemented? Will the policy be adjusted or reapproved?
- Regarding increasing charter capital to comply with legal requirements for the approval or adjustment of the investment policy, does the Company have a specific plan? Is it necessary to increase charter capital?
- What is the plan for land clearance of the remaining area this year? What is the estimated compensation value?
- Has the Company estimated the land use conversion fee payable to the State?

Question 3: After January 1, 2026, LICOGI will no longer be a public company. Does the Board of Management have any solutions for this?

2. Question from shareholder Mr. Nguyen Huu Hai:

Question 1: What is the expected timeline for implementing the Thinh Liet project? What has been done so far and what remains to be done to implement the project?

Question 2: What is the expected total investment for the Thinh Liet Urban Area project under the new policy? What is the estimated land use fee payable, and what are the Company's capital mobilization plans for project implementation?

Question 3: In the Q1/2025 financial statement compared to the 2024 financial statement, about VND 180 billion was used for the Thinh Liet project. Please clarify how this amount was used.

3. Question from shareholder Mr. Nguyen Cong Minh:

Question 1: Does the State intend to divest capital from LICOGI?

Question 2: Does the Company plan to increase capital by issuing shares to existing shareholders to implement the Thinh Liet project? Given LICOGI's low charter capital relative to the project scale, how will it be implemented?

Question 3: How much land use fee has been paid for the Thinh Liet project and how much remains?

Question 4: What is the estimated cost for land clearance of the remaining 15% of the project?

4. Question from shareholder Ms. Pham Thi Suong:

Will there be any further implementation of the Thinh Liet Urban Area project this year? What about other projects besides Thinh Liet? Will LICOGI divest entirely from its subsidiaries Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company, LICOGI 14, and Bac Ha Hydropower Joint Stock Company this year? When is SCIC expected to complete its divestment (will it be within this year)?

5. Question from shareholder Ms. Dao Thi Lien Hop:

Does the Company's delisting violate the newly amended Law on Management and Use of State Capital?

The shareholders' questions mainly focus on the following areas: the State's divestment from LICOGI, divestment from subsidiaries and associates, matters related to the Thinh Liet New Urban Area project, and the fact that LICOGI will no longer be a public company from January 1, 2026. Regarding

these matters, the Board of Directors and General Director of LICOGI would like to respond as follows:

1. Regarding the State's divestment from LICOGI:

LICOGI has always been listed as one of the State-owned enterprises subject to divestment. However, according to the Prime Minister's directive, divestment shall only be carried out after all post-equitization issues have been resolved. As of now, most issues have been addressed. LICOGI has fulfilled its obligation to pay the provisional opportunity cost of the Thinh Liet New Urban Area project to the State Budget as concluded by the Government Inspectorate in April. Therefore, SCIC has reported to the competent authorities and is expected to proceed with the divestment in 2025–2026, subject to approval.

2. Regarding divestment from subsidiaries and associates:

The Board of Directors has submitted a proposal to the General Meeting of Shareholders to approve divestment from eight associate companies, including L14 and Bac Ha Hydropower Joint Stock Company, which are scheduled for divestment in 2025–2026. LICOGI will divest at the appropriate time to ensure shareholder interests. Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company is not subject to divestment during 2025–2026.

3. Regarding the Thinh Liet New Urban Area project:

- Recently, the delay in extending the investment policy was due to the Hanoi People's Committee requiring LICOGI to pay the opportunity cost of the project to the State Budget as per the Government Inspectorate's recommendation. LICOGI has arranged the funds and completed the payment. The Company is actively working with relevant departments and agencies to finalize documents for investment policy extension to submit to the Hanoi People's Committee for approval.

- LICOGI has completed Phase 1 site clearance, covering 298,504.9 m² (85% of the project's total 351,618 m²), with VND 514.523 billion already paid. After the investment policy adjustment is approved by the Hanoi People's Committee, LICOGI will continue Phase 2 site clearance. Compensation prices will be determined by the Hanoi People's Committee. Once clearance is complete, the People's Committee will issue the official land use fee for LICOGI to fulfill its payment obligations.

- The total investment capital remains unchanged. LICOGI only adjusted the project timeline, now expected to complete by Q3/2029. However, due to land price fluctuations and regulatory changes, authorities may require changes to the total investment.

- According to the Board's report, LICOGI plans to propose a share issuance to existing shareholders to increase charter capital at an appropriate time to ensure sufficient funding for project implementation.

4. Regarding LICOGI no longer being a public company after January 1, 2026:

According to the amended laws, including the Law on Securities, Law on Accounting, Law on Independent Audit, Law on State Budget, Law on Management and Use of Public Assets, Law on Tax Administration, Law on Personal Income Tax, Law on National Reserves, and Law on Handling of Administrative Violations (Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024), from January 1, 2026, LICOGI will no longer be a public company if it fails to meet the condition of at least 10% of voting shares being held by 100 or more non-major shareholders. In such a case, LICOGI will continue to maintain transparency and engagement with shareholders through timely, public, and transparent information disclosure on the Company's website, enabling shareholders to stay informed of all business activities.

D. VOTING ON REPORTS AND SUBMISSIONS

The meeting voted to approve the reports and proposals of the Board of Directors and the Supervisory Board, specifically as follows:

Total number of shareholders/authorized representatives attending the meeting: 16 people, representing 88,291,180 shares corresponding to 88,291,180 votes, accounting for 98.1013% of the total number of votes of all shareholders with voting rights;

Total number of ballots issued: 16 representing 88,291,180 votes, accounting for 100% of the total number of votes of shareholders attending the meeting.

Total number of ballots collected: 12 representing 88,280,579 votes, accounting for 99.9880% of the total number of votes of shareholders attending the meeting.;

Total number of ballots not collected: 4 representing 10,601 votes, accounting for 0.0120% of the total number of votes of shareholders attending the meeting.

1. Approval of the Report of the Board of Directors on activities in 2024 and orientation for 2025

The meeting voted to approve the Report of the Board of Directors on activities in 2024 and orientation for 2025 with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

2. Approval of the Report of the Board of Supervisors on activities in 2024 and Plan for 2025.

The Congress voted to approve the Report of the Board of Supervisors on activities in 2024 and Plan for 2025 with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

3. Approval of the Report of the General Director on the business performance in 2024 and the business plan for 2025.

The Congress voted to approve the Supervisory Board's Report on the business performance in 2024 and the business plan for 2025 with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

4. Approval of the Proposal on the 2024 Business and Investment Results; 2025 Business and Investment Plan.

The Congress voted to approve the 2024 Business and Investment Results; 2025 Business and Investment Plan with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes,

accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0 % of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

5. Approval of the audited financial report for 2024

The Congress voted to approve the audited financial report for 2024 with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

6. Approval of the proposal to terminate the operation of the Representative Office in Ho Chi Minh City of LICOGI Corporation - JSC.

The Congress voted to approve the selection of an auditor for the 2025 financial statements with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

7. Approval of the Proposal on Restructuring financial investments of LICOGI Corporation - JSC in other enterprises.

The Congress voted to approve the Restructuring of financial investments of LICOGI Corporation - JSC in other enterprises, with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

8. Approval of the Proposal on the 2024 after-tax profit distribution plan and expected dividend rate for 2025.

The Congress voted to approve the 2024 Profit Distribution Plan and the expected dividend rate for 2025 with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

9. Approval of the Proposal on the settlement of salary and remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2024 and the salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025.

The Congress voted to approve the settlement of salary and remuneration of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2024 and the salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025 with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

10. Approval of the Proposal on the selection of the 2025 financial statement audit unit.

The Congress voted to approve the selection of the 2025 financial statement audit unit with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

11. Approval of the proposal on dismissal and election of additional members of the Board of Directors.

The Congress voted to approve the dismissal and election of additional members of the Board of Directors with the following results:

Total number of valid ballots: 12 representing: 88,280,579 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, of which:

- Total number of votes in favor: 11 representing: 88,278,579 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of votes against: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;
- Total number of ballots with no opinion: 1 representing: 2,000 votes,

accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Thus, the above content was approved with a rate of 99.9977%.

E. ELECTION OF ADDITIONAL MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR THE 2021-2026 TERM

After listening to the report of the Presidium, in addition to the nomination list of shareholders, the group of shareholders with the right to nominate according to the provisions of Clause 3, Article 21 of the Charter of LICOGI Corporation - JSC sent to the Organizing Committee of the Congress before the opening day, the Congress exercised the right to run for election and nominate directly at the Congress. The Congress voted to approve the nomination list and proceeded to elect additional members of the Board of Directors in accordance with the provisions of the Charter of LICOGI Corporation - JSC and the Regulations on election of additional members of the Board of Directors; the results are as follows:

Total number of shareholders/ authorized representatives attending the meeting: 17 people, representing 88,331,080 shares corresponding to 88,331,080 votes, accounting for 98.1456% of the total number of votes of all shareholders with voting rights;

Total number of ballots issued: 17 representing 88,331,080 votes, accounting for 100% of the total number of votes of shareholders attending the meeting;

Total number of ballots collected: 13, representing 88,320,479 votes, accounting for 99.9880% of the total number of votes of shareholders attending the meeting;

Total number of ballots not collected: 4 representing 10,601 votes, accounting for 0.0120% of the total number of votes of shareholders attending the meeting.

Total number of valid ballots: 13 representing: 88,320,479 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Total number of invalid ballots: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting.

Election Results for the Additional Member of the Board of Directors for the 2021–2026 Term (Cumulative Voting):

No	Full Name	Number of Votes	Percentage (%) (Based on Shares of Attending and Voting Shareholders)
1	Vu Duc Chien	13	100

Pursuant to the Charter of LICOGI Corporation – JSC and the Regulations on the Election of Additional Members to the Board of Directors, Mr. Vũ Đình Chiến, born on April 30, 1973, Citizen Identity Card No. 001073033168 issued by the Police Department for Administrative Management of Social Order on April 24, 2023, a Civil Engineer, Chairman of the Members' Council cum General Director

of Gia Cuong Investment Co., Ltd., has been elected as a Member of the Board of Directors of LICOGI Corporation – JSC for the 2021–2026 term

F. VOTING TO APPROVE THE MINUTES, RESOLUTIONS OF THE CONGRESS AND CLOSING THE CONGRESS

After listening to Ms. Nguyen Thi Oanh, Head of the Secretariat, presenting the full text of the Draft Minutes and Draft Resolution of the Congress, the Presidium directed the Congress to vote to approve the full text of the Minutes and Resolution of the Congress.

Total number of shareholders/ authorized representatives attending the meeting: 18 people, representing 88,331,580 shares corresponding to 88,331,580 votes, accounting for 98.1462% of the total number of votes of all shareholders with voting rights;

Total number of ballots issued: 18, representing 88,331,580 votes, accounting for 100% of the total number of votes of shareholders attending the meeting;

Total number of ballots collected: 13, representing 88,320,479 votes, accounting for 99.9874% of the total number of votes of shareholders attending the meeting;

Total number of ballots not collected: 5, representing 11,101 votes, accounting for 0.0126% of the total number of votes of shareholders attending the meeting;

Specific voting results:

Total number of valid ballots: 13 representing: 88,320,479 votes, accounting for: 100% of the total number of votes of shareholders attending and voting, in which:

- Total number of approval ballots: 12 representing: 88,318,479 votes, accounting for: 99.9977% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of negative votes: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

- Total number of votes with no opinions: 1 representing: 2,000 votes, accounting for: 0.0023% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

Total number of invalid votes: 0 representing: 0 votes, accounting for: 0% of the total number of votes of shareholders attending and voting;

Thus, the Minutes and Resolution of the meeting were approved with a rate of 99.9977%

This Minutes is fully and honestly recorded and made at 11 hours 30 minutes on June 19, 2025 immediately after the Congress ended its working program.

This Minutes is made in 09 (Nine) copies, with equal legal value, one (01) copy sent to the State Capital Investment Corporation (SCIC), one (01) copy sent to Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited, one (01) copy sent to Gia Cuong Investment Company Limited; one (01) copy sent to the

Business Registration Office under the Department of Planning and Investment of Hanoi City, 01 copy sent to the State Securities Commission, 01 copy sent to the Hanoi Stock Exchange, 03 (three) copies kept at the head office of LICOGI Corporation - JSC and posted on the Website of LICOGI Corporation - JSC.

ON BEHALF OF THE SECRETARIAT OF THE CONGRESS	ON BEHALF OF THE CONGRESS PRESIDERATION
CHAIRMAN	**CHAIRMAN**
Nguyen Thi Oanh	**Dinh Viet Tung**

Attached documents:

1. Report on the results of shareholder qualification examination;
2. Agenda of the General Meeting of Shareholders;
3. Working regulations of the General Meeting of Shareholders;
4. Reports of the Board of Directors, the Supervisory Board and the Business and Production Report;
5. Submissions;
6. Audited Financial Report for 2024;
7. Minutes of the vote counting;
8. List of shareholders, authorized representatives of shareholders attending the meeting with the corresponding number of shares.

LICOGI CORPORATION - JSC
Delegate Eligibility Verification Committee

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

REPORT ON DELEGATE ELIGIBILITY VERIFICATION
2025 Annual General Meeting of Shareholders
LICOGI Corporation - JSC

At 08:15 AM on June 19, 2025, at the Hall on the 2nd Floor, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi City, the Delegate Eligibility Verification Committee, comprising:

Mr. Nguyen Trong Thanh

Position: Head of the Delegate Eligibility Verification Committee

In accordance with legal regulations, the Delegate Eligibility Verification Committee has conducted the verification of the eligibility of delegates attending the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, with the following results:

Number of attending delegates: 9

Number of authorized delegates: 3

Representing for 88,270,479 voting shares, accounting for 98.0783% of the total voting shares of all shareholders with voting rights.

Based on the applicable laws and the Company's Charter, the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC, with the above participant composition, is valid and eligible to proceed.

This report on delegate eligibility verification was prepared at 08:15 AM on June 19, 2025, and was publicly presented at the Meeting.

June 19, 2025
Head of Delegate Eligibility Verification Committee

Nguyen Trong Thanh

AGENDA OF THE 2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
LICOGI CORPORATION - JSC (Online)

Time: **June 19, 2025**

Timeline	Content
7h30 - 8h00	Shareholder registration; listing attending shareholders
8h00 - 8h15	Report on the verification of shareholders' eligibility to attend the General Meeting Opening of the General Meeting: Statement of purpose and introduction of delegates
	Election of the Presidium, Vote Counting Committee, and appointment of the Secretariat
	AGENDA
8h15 – 10h00	- Approval of the Meeting Agenda - Approval of the Meeting Regulations - Approval of the Regulations on electing additional members of the Board of Directors;
	- Report of the Board of Directors
	- Report of the Supervisory Board
	- Report on 2024 business performance and business plan for 2025
	- Audited Financial Statements for 2024
	Approval of the proposals by the Board of Directors and Supervisory Board - Proposal on 2024 business performance and business plan for 2025; - Proposal on audited 2024 financial statements; - Proposal on the termination of operation of LICOGI Corporation - JSC's Representative Office in Ho Chi Minh City; - Proposal on restructuring LICOGI Corporation - JSC's financial investments in other companies; - Proposal on the 2024 profit distribution plan and proposed dividend rate for 2025; - Proposal on 2024 salaries and remuneration for the Board of Directors and Supervisory Board, and proposed salaries and remuneration for 2025; - Proposal on the selection of the auditing firm for the 2025 financial statements; - Proposal on dismissal and election of additional members of the Board of Directors; - Other proposals under the authority of the General Meeting of Shareholders (if any);
10h00 – 10h20	**Shareholders discussion and comments**
10h20 – 10h30	**Shareholders voting, vote counting by the Vote Counting Committee, and announcement of voting results**
10h30 - 10h45	**Approval of the Meeting Minutes and Resolutions**
10h45 - 11h00	**Closing of the General Meeting**

GENERAL MEETING ORGANIZING COMMITTEE

LICOGI CORPORATION - JSC
Address: G1 Building, No 491 Nguyen Trai Road, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan Dist, Hanoi

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent – Freedom - Happiness

Hanoi, June 19, 2025

REGULATIONS
ON THE ORGANIZATION OF THE 2025 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

Chapter I
GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope and Subjects of Application

1. These Regulations apply to the organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders to be held on June 19, 2025 (hereinafter referred to as the "Meeting") of LICOGI Corporation – JSC (the "Corporation").

2. These Regulations specifically stipulate the rights and obligations of shareholders/their authorized representatives, participants of the Meeting, as well as the conditions and procedures for conducting the Meeting.

Article 2: Legal Basics

1. The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, 14th Legislature, on June 17, 2020 (the "Law on Enterprises"), and its guiding documents;

2. The Charter of the Corporation and the Internal Corporate Governance Regulations approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021

Article 3: Interpretation of Terms

1. "*Online General Meeting of Shareholders*" means the Annual General Meeting of Shareholders held in an online format, allowing shareholders to exercise their voting rights.

2. "*Electronic Voting*" refers to the act whereby shareholders or their authorized representatives connect to the Internet and cast their votes via the electronic voting system designated and announced by the Corporation.

3. "*Electronic Voting System*" is the system provided to shareholders or their authorized representatives to enable the exercise of relevant rights when attending the Online General Meeting of Shareholders.

4. "*Identification Element*" refers to the necessary information used to identify an entity in a given context accurately.

5. "*Authentication*" means the process of verifying whether the information provided or declared by an entity is accurate and legitimate.

6. ***Election***

- "*Evenly Allocated Voting*" is a method of cumulative voting in which the shareholder or the authorized representative of the shareholder either allocates all voting rights to one candidate or evenly distributes voting rights among multiple candidates. After the distribution, the number of votes allocated to each candidate is rounded down to the nearest whole number. Any remaining fractional votes (if any) will be discarded.

-"*Specified Vote Allocation*" is another method of cumulative voting in which the shareholder or the authorized representative of the shareholder specifies the number of votes for each candidate, provided that the total number of allocated votes does not exceed the total number of voting rights held by the shareholder or their authorized representative

7. "*Force Majeure Event*" refers to an event beyond the control and anticipation of the convener of the Meeting, which could not be prevented despite having taken all necessary and possible measures.

Article 4: Meeting Attending Conditions

Shareholders or authorized representatives of shareholders whose names are on the list of shareholders as of the record date (21/5/2025) are entitled to attend the Meeting.

Article 5. Regulations on Authorization to Attend the Meeting

In the event that a shareholder does not attend the online Meeting, they may authorize another person to attend on their behalf in writing. Such authorization must comply with the provisions on meeting authorization as stipulated in the Law on Enterprises, the Corporation's Charter, other relevant legal regulations, and must be in written form using the form prescribed by the Corporation.

Chapter II

RIGHTS AND OBLIGATIONS OF SHAREHOLDERS / AUTHORIZED REPRESENTATIVES OF SHAREHOLDERS AND OTHER PARTICIPANTS OF THE MEETING

Article 6: Rights and Obligations of Shareholders/Authorized Representatives of Shareholders

1. Rights of shareholders/authorized representatives of shareholders when attending the Meeting:

a) To attend and vote on all matters within the authority of the Meeting as stipulated by the Law on Enterprises, its guiding documents, other relevant legal regulations, and the Corporation's Charter;

b) To be publicly informed by the Meeting Organizing Committee about the agenda of the Meeting.

2. Obligations of shareholders/authorized representatives of shareholders when attending the Meeting:

a) Shareholders/authorized representatives shall attend the 2025 Annual General Meeting of Shareholders online and participate in electronic voting. Registration for the online meeting and electronic voting will be specifically guided by the Corporation in the

meeting invitation notice;

b) Shareholders/authorized representatives and other participants of the Meeting must maintain confidentiality, properly use and preserve documents, and are prohibited from copying, recording, or sharing any materials with outsiders without the permission of the Chairperson;c) Shareholders/authorized representatives and other participants must comply with the provisions of these Regulations and respect the decisions made during the Meeting.

c) Shareholders/the authorized representatives of shareholders and other participants of the General Meeting must comply with the provisions of these Regulations and respect the outcomes of the General Meeting's proceedings

Article 7: Rights and Obligations of the Shareholders' Eligibility Verification Committee

The Shareholders' Eligibility Verification Committee is appointed by the Board of Directors before the opening of the Meeting to perform the following functions and duties:

1. Verify the validity and legality of shareholders' powers of attorney;
2. Verify the eligibility of shareholders/authorized representatives of shareholders and the attendance status of shareholders/authorized representatives at the Meeting;
3. Report to the Meeting on the results of the verification of shareholders' eligibility.

Article 8: Rights and Obligations of the Vote Counting Committee

1. The Vote Counting Committee is nominated by the Presidium and approved by the Meeting through a vote.

2. Duties of the Vote Counting Committee:

- Accurately determine the voting results at the Meeting;
- Prepare the Vote Counting Minutes and take responsibility before the Meeting for the performance of their duties;
- Report the vote counting results to the Meeting and notify the Secretariat of the results;
- Review and report to the Meeting any cases of violations of voting or election regulations, or complaints regarding the vote counting results.

Article 9: Rights and Obligations of the Presidium and the Secretariat

1. The Presidium is approved by the Meeting through a vote and is responsible for presiding over the Meeting.

2. The decisions of the Presidium on procedures or any events arising outside the official agenda of the Meeting shall be final and binding.

3. The Presidium shall carry out all actions deemed necessary to conduct the Meeting properly and orderly, or to ensure that the Meeting reflects the will of the majority of shareholders in attendance.

4. The Presidium has the right to postpone the General Meeting of Shareholders, despite having the required number of attendees as stipulated to a later time or change the meeting venue in the following cases:

a) Any participant acts in a manner that disrupts the order of the Meeting or threatens its fairness and legality;

b) The communication facilities at the meeting venue do not ensure the full participation, discussion, and voting rights of shareholders.

The postponement period must not exceed three (03) days from the originally scheduled date of the Meeting.

5. The Secretariat is appointed by the Presidium to perform supporting tasks as assigned by the Presidium.

Chapter III

CONDUCTING THE MEETING

Article 10: Conditions

The Meeting shall be conducted when the shareholders and authorized representatives attending the Meeting represent more than 50% of the total voting shares, based on the list of shareholders as of the record date

Article 11: Method of Conducting the Meeting

1. The Meeting shall be held on 19/6/2025.

2. The method of registration and electronic voting through the online General Meeting of Shareholders is specified in detail in the ***Guidelines for Attending the Online General Meeting of Shareholders and Electronic Voting***, attached as an Appendix to this Regulation.

3. The Meeting shall sequentially discuss and approve the matters listed in the agenda as specified in Point b, Clause 1, Article 6 of this Regulation.

Article 12: In case the meeting can not be held

1. If the first Meeting does not meet the conditions for conducting as stipulated in Article 10 of this Regulation, the notice of invitation for the second Meeting must be sent within 30 days from the scheduled date of the first Meeting. The second Meeting may proceed if the attending shareholders and authorized representatives represent at least 33% of the total voting shares.

2. If the second Meeting still does not meet the conditions specified in Clause 1 of this Article, the notice of invitation for the third Meeting must be sent within 20 days from the scheduled date of the second Meeting. In this case, the Meeting may proceed regardless of the total number of voting shares represented by the shareholders and authorized representatives attending

Chapter IV

VOTING PRINCIPLES AND PROCEDURES

Article 13: Voting principles

All matters on the agenda of the Meeting must be approved by collecting opinions from all shareholders/authorized representatives of shareholders attending the Meeting. For each voting item, the number of votes shall be calculated based on the total number of shares owned by the shareholders or represented by authorized representatives attending and voting at the General Meeting of Shareholders.

Article 14: Procedures

Shareholders shall cast their votes (agree, disagree, or no opinion) on the matters in the agenda via the electronic voting system as prescribed and announced by the Corporation.

Shareholders/authorized representatives attending the online General Meeting of Shareholders and voting electronically must comply with the ***Guidelines for Attending the Online General Meeting of Shareholders and Electronic Voting*** provided in the Appendix to this Regulation.

Article 15: Voting Procedures and Conditions for Resolutions to be Approved

1) Each ordinary share owned by a shareholder corresponds to one voting right. The number of votes of each shareholder/authorized representative corresponds to the number of voting shares owned by that shareholder or the number of voting shares represented by the authorized representative attending the Meeting according to the registration.

a) Matters requiring voting at the Meeting shall be approved when shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the Meeting vote in favor, except for the following matters, which shall be approved only if shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the Meeting vote in favor:

- Types and total number of shares of each type;
- Changes in business sectors and fields;
- Changes in the organizational management structure of the Corporation;
- Investment projects or asset sales with a value of 35% or more of the total asset value recorded in the Corporation's latest financial statements;
- Reorganization or dissolution of the Corporation.

b) The election of additional members to the Board of Directors shall be conducted in accordance with the principle of cumulative voting.

2) Resolutions of the General Meeting of Shareholders that adversely affect the rights and obligations of preferred shareholders shall only be approved if preferred shareholders of the same type attending the Meeting, representing at least 75% of the total preferred shares of that type, vote in favor.

3) Resolutions passed by 100% of the total voting shares are valid and effective even if the procedures and process for convening the Meeting and approving the resolution violate the provisions of the Enterprise Law and the Corporation's Charter.

Chapter V
PRINCIPLES AND PROCEDURES FOR ELECTING ADDITIONAL MEMBERS TO THE BOARD OF DIRECTORS

Article 16. Number of Additional Members to the Board of Directors

The number of additional members to be elected to the Board of Directors is one (01) member.

Article 17. Voting Principles

1. Voting must comply with the law, the Charter of the Corporation, and must be conducted by secret ballot.

2. For each voting round, shareholders or their authorized representatives shall use only one ballot, reflecting the number of voting shares they hold or represent.

3. Members of the Vote Counting Committee are not listed as nominees or candidates for member of the Board of Directors.

Article 18. Voting Method

1. The list of candidates for the Board of Directors shall be arranged in alphabetical order (A, B, C, ...) by full name, and all full names must be clearly printed on the ballot.

2. Voting Method:

- Voting shall be conducted by the cumulative voting method, in which each shareholder/authorized representative has a total number of votes equal to the number of shares they own/represent multiplied by the number of members to be elected. The shareholder may allocate all or part of their total votes to one or more candidates. The total number of votes allocated to all candidates must equal the total number of votes the shareholder or authorized representative is entitled to.

Article 19. Election Principles

1. The successful candidates shall be those receiving the highest number of votes in descending order, starting with the candidate who receives the most votes, until the required number of elected members determined by the General Meeting of Shareholders is reached.

2. In the event that two or more candidates receive an equal number of votes for the final position, a second round of voting shall be conducted to select one among them. If the second round also has the same results, the General Meeting of Shareholders shall authorize the Presidium to select the successful candidate based on alphabetical order (A, B, C, ...) of names listed on the ballot.

Chapter VI

MINUTES OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 20: The minutes

The content of the General Meeting of Shareholders must be recorded in the Minutes in accordance with Article 34 of the Corporation's Charter. The Minutes of the Meeting must be completed, read out, and approved before the Meeting is finished. The Minutes shall bear the signatures of the Chairperson and the Secretary.

In the event that the Chairperson and the Secretary refuse to sign the Minutes, the Minutes shall still be valid if be signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and must include all content as prescribed in Clause 1, Article 34 of the Corporation's Charter. The Minutes must clearly state that the Chairperson and the Secretary refused to sign. The Minutes of the Meeting serve as the basis for issuing the Resolutions of the Meeting.

Chapter VII

EFFECTIVENESS

Article 21: Effectiveness

1. This Regulation consists of 7 Chapters, 21 Articles, and 01 Appendix, and takes effect immediately upon approval by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.

2. Shareholders, authorized representatives of shareholders, and all participants of the Meeting are responsible for complying with the provisions of this Regulation.

GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF BOD

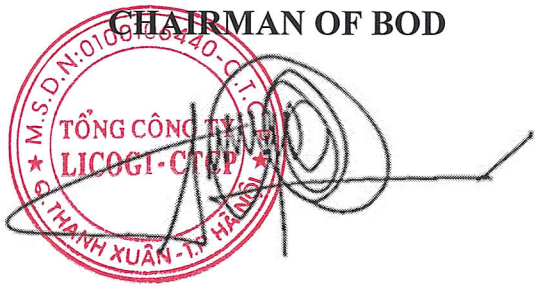

Dinh Viet Tung

APPENDIX: GUIDELINES FOR ATTENDING THE ONLINE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS AND ELECTRONIC VOTING

(Issued together with the Regulation on the Organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation – JSC)

Article 1. Scope and Subjects of Application

This Regulation stipulates the attendance at the online General Meeting of Shareholders and electronic voting by shareholders or their authorized representatives at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation – JSC (the Corporation).

Article 2. Conditions and Methods for Attending the Online General Meeting of Shareholders and Electronic Voting

1. Conditions for Attendance:

- Being listed in the shareholder list eligible to attend the General Meeting of Shareholders as per the Corporation's announcement, or having a valid authorization to attend the meeting;

- Shareholders or their authorized representatives must have electronic devices capable of connecting to the Internet, including but not limited to: computers, mobile phones, or other electronic devices with Internet access.

2. Method of Attendance:

- Each shareholder listed in the Corporation's shareholder list eligible to attend the General Meeting of Shareholders will be provided with one and only one username and password to access the online General Meeting and electronic voting system. Upon receiving the invitation letter containing information related to system login and other identification factors, the shareholder is responsible for safeguarding their information to ensure that only the shareholder has the right to attend and vote on the system.

- Shareholders are obligated to provide personal information and addresses to the Corporation. To ensure the confidentiality of shareholders' personal information, the Corporation may request shareholders to re-submit personal information, which must include at least:For individuals: ID card number / Citizen ID number / Passport number, mobile phone number, email address, permanent or temporary residence address (contact address).For organizational shareholders: Business registration number, contact phone number, and registered office address.The Corporation may send the username and password information for shareholders to attend and vote, as mentioned in Article 3 of this Guidance, through email or other methods based on the registered information of the shareholders.

- Shareholders attending online and voting electronically may authorize others to attend on their behalf in accordance with the Corporation's Charter and current legal regulations. Accordingly, for authorized representatives, after receiving a valid written authorization from both the authorizer and the authorized party, the Corporation will provide the username and password to the authorized representative to exercise the rights and obligations as per the authorization content.

- The Corporation provides login information to the authorized representatives based on the authorization information provided by the shareholders and in the same manner as sending meeting invitations to shareholders (via invitation letters/email/phone number). Shareholders bear full responsibility for the authorization information submitted to the Corporation

Article 3. Provision of Login Information for the Online Shareholders' Meeting and Electronic Voting System

1. The access link to the electronic voting system, username, password, and other identification elements (if any) for attending the online Shareholders' Meeting will be provided in the Meeting Invitation Notice (or through another notification method as stipulated by the Corporation). Shareholders or their authorized representatives are responsible for keeping their username, password, and other identification elements confidential to ensure that only the Shareholder or authorized

representative has the right to vote on the electronic voting system and bear full responsibility for the registered information.

2. When a Shareholder or their authorized representative requests a reissue of login information, the Corporation may provide it via direct communication or email/phone.

3. The Corporation recommends that Shareholders or their authorized representatives, upon receiving login information including at least the username and password, promptly access the system to change their password to ensure information security.

Article 4. Rights and Responsibilities of Shareholders/Authorized Representatives When Attending the Online General Meeting of Shareholders

1. Shareholders or their authorized representatives attending the General Meeting of Shareholders have the right to vote on all matters within the authority of the Meeting in accordance with the law and the Corporation's Charter, through the electronic voting system.

2. Shareholders or their authorized representatives are responsible for maintaining the confidentiality of login information to ensure that only the Shareholder or authorized representative may cast votes on the electronic voting system. The voting results submitted via the electronic system shall be considered the final decision of the Shareholder or authorized representative. The Shareholder or authorized representative shall bear all legal and corporate responsibility for their electronic voting results submitted through the system.

3. Shareholders or their authorized representatives must immediately notify the Corporation upon discovering that their username, password, and/or other identification elements have been lost, stolen, disclosed, or suspected of being disclosed, by contacting the orporation to lock the account or secure login device. The Shareholder or authorized representative shall be held responsible for any damage, loss, or other risks that occur prior to the time the orporation receives such notice if the cause lies with the Shareholder or their authorized representative.

Article 5. Method of Recognizing Shareholders/Authorized Representatives Attending the Online General Meeting of Shareholders

1. A shareholder or an authorized representative of a shareholder is considered to have attended the General Meeting of Shareholders in the form of online participation at the time the Shareholder Eligibility Verification Committee publicly reports at the Meeting that the shareholder or authorized representative has "Registered to attend" and submitted the "Confirmation of Online Participation in the General Meeting of Shareholders" via the Corporation's electronic voting system as stipulated in this Regulation.

2. Shareholders or authorized representatives who log in after the opening of the Meeting still have the right to participate and vote immediately upon logging in; the Chairperson is not obligated to pause the Meeting for late log-ins, and the validity of matters already voted on prior to their log-in shall remain unchanged.

Article 6. Authorization Process

1. Shareholders may authorize others in accordance with Article 5 of the Regulation on the Organization of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of the Corporation, which governs authorization to attend the Meeting.

2. The authorization is only legally effective when the following conditions are met:

- The shareholder completes all required information in the Corporation's official authorization form.
- The authorization form must bear full signatures, clearly stating the full names and seals (if the authorizing party is an organization) of both the authorizing party and the authorized party.
- The Corporation receives the original signed authorization form before the official opening of the Meeting.

3. Revocation of an approved authorization: the shareholder must send an official written request to revoke the authorization to the Corporation before the official opening of the Meeting. The effective time of the revocation will be based on the time the Corporation receives the official written request.

4. The revocation of the authorization is not valid if the authorized representative has already cast a vote on any item in the agenda of the General Meeting of Shareholders.

Article 7. Discussion at the Online General Meeting of Shareholders

1. The discussion at the online General Meeting of Shareholders shall be moderated by the Presidium, in accordance with the provisions of the Corporation's Charter.

2. For shareholders or authorized representatives attending the online General Meeting of Shareholders and participating in electronic voting, shareholders and their authorized representatives may ask questions directly or submit them to the Corporation via the online platform selected for hosting the Meeting or through other methods as guided in the Notice of Meeting. The Secretariat is responsible for recording the name of the shareholder/authorized representative, shareholder/representative code (if any), and the content of the questions

Article 8. Principles and Procedures for Electronic Voting

1. From the moment shareholders or authorized representatives receive their login credentials for the online General Meeting of Shareholders and electronic voting system, they are entitled to access and vote on matters within the authority of the General Meeting. After the voting period specified in the system notification ends, the electronic voting system will no longer record any votes submitted by shareholders or their authorized representatives.

2. **Voting**: Shareholders or authorized representatives shall vote on each item listed in the meeting agenda. When voting electronically, for each agenda item, shareholders or their authorized representatives shall select one of three options—"Agree," "Disagree," or "Abstain"—on the electronic ballot set up in the voting system. Upon completing votes on all items in a voting session, shareholders or their authorized representatives must click "Vote" to save and submit their results to the system.

3. **Election:** Shareholders or their authorized representatives shall cast their votes using the cumulative voting method. Accordingly, shareholders/authorized representatives may vote by either placing an "X" in the box under the "Evenly Allocated Voting" column or by specifying the number of votes in the box under the "Specified Vote Allocation" column corresponding to the name of the candidate they wish to vote for. Once the voting selections are completed, the shareholder/authorized representative must click "Vote" to submit the voting results to the system.

4. In the event the meeting agenda is supplemented with items proposed by shareholders or groups of shareholders and such items are approved by the General Meeting, shareholders or their authorized representatives may cast additional votes. If shareholders or their authorized representatives do not vote on these supplemental items, it shall be considered that they have abstained from voting on those items.

5. Shareholders or their authorized representatives may change their votes multiple times, but cannot cancel their votes. The electronic voting system will only record the final vote submitted before the closing time of each voting session as prescribed.

Article 9. Electronic Vote Counting Method

1. **Voting:** The voting system records each shareholder's or authorized representative's ballot by the number of votes in favor, against, and abstentions.

2. Election: The system records the number of votes each candidate receives from the shareholders or their authorized representatives participating in the election.

10. Force Majeure Events

1. During the online General Meeting of Shareholders and the electronic voting process, force majeure events beyond the control of the Corporation may occur, such as natural disasters, fires, power outages, internet connection failures, other technical issues, or requests or directives from the Government or other competent authorities. The Corporation shall mobilize all available resources to timely resolve the incidents so that the meeting can continue, but not exceeding 60 minutes from the time the incident occurs.

2. In the event that the force majeure circumstances cannot be resolved within 60 minutes, the Chairperson shall declare a temporary suspension of the meeting. All voting results approved before the suspension (if any) shall be deemed invalid. These matters will be re-voted upon in the next convened General Meeting of Shareholders.

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: G1 Building, No 491 Nguyen Trai Road, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan Dist, Hanoi

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent – Freedom - Happiness

Hanoi, June 19, 2025

REGULATIONS

ON THE ADDITIONAL ELECTION OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS LICOGI CORPORATION – JSC, TERM 2021 – 2026

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

- Pursuant to the second amended and supplemented Charter of LICOGI Corporation JSC approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;

Regulation on supplementing members of the Board of Directors of LICOGI Corporation – JSC for the 2021 – 2026 term at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders are as follows:

I. NUMBER, CONDITIONS, CRITERIA, TERM OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS

1. Number of additional members to be elected to the Board of Directors:

It is expected to elect an additional one (01) member to the Board of Directors for the 2021 – 2026 term;

2. Term for member of the Board of Directors:

The term for supplementing member to the Board of Directors will be the remaining time of the 2021 – 2026 term. This member will have the same rights and obligations as other current members.

3. Criteria and conditions for members of the Board of Directors:

A member of the Board of Directors must meet the following:

a) Have full legal capacity, not fall into the categories prohibited from establishing and managing enterprises under Clause 2, Article 17 of the Law on Enterprises and other relevant legal regulations;

b) Have qualifications, professional experience, and management experience in the business sectors of the Corporation, understand the Corporation's operations and are not necessarily shareholders of the Corporation;

c) Have good health, ethical conduct, professional integrity, and legal awareness;

d) Not concurrently serving as a member of the Supervisory Board of the Corporation or any other organization, except for no more than five (05) other companies.

e) Other standards and condirtions as prescribed by law and internal governance regulations of the Corporation.

II. NOMINATION RIGHTS FOR MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS

1. Right to nominate members of the Board of Directors.

1.1. The nomination of candidates for election to the Board of Directors shall follow the principle that shareholders or groups of shareholders have the right to nominate candidates as stipulated in Clause 2, Article 36 of the Company Charter. Specifically: "Shareholders or groups of shareholders owning ten percent (10%) or more of the total ordinary shares have the right to aggregate their ownership to nominate candidates to the Board of Directors."

1.2. In the event that the number of nominated candidates for the Board of Directors, as approved through nomination and candidacy, is still insufficient compared to the number required as specified in the Company's Charter, the current Board of Directors may nominate additional candidates in accordance with the Company's Charter. The nomination of additional candidates for the Board of Directors by the current Board must be clearly announced before the General Meeting of Shareholders according to the provisions of law.

2. Other regulations related to the nomination rights for members of the Board of Directors

The nomination must be in writing; the document must clearly state the full name of the shareholder, group of shareholders, the quantity and type of shares owned by the shareholder or group of shareholders, and the name of the person being nominated.

Popular Shareholders should coordinate in groups to nominate people to the Board of Directors and must notify the group composition to other shareholders before the General Meeting of Shareholders is convened.

III. APPLICATION DOCUMENTS FOR ELECTION TO THE BOARD OF DIRECTORS

The application documents for election to the Board of Directors include:

- Application form for candidacy to the Board of Directors (using the prescribed form);

- Curriculum vitae of the candidate (using the prescribed form);

- A copy of the Citizen Identification Card, Passport, or equivalent legal identification documents such as certificates, degrees, and documents verifying educational background, profession...

- For cases where the candidate is nominated by an authorized individual or group of shareholders, the documents must include a Power of Attorney (with signature certification or confirmation by the local People's Committee, or certification by the relevant organization for organizational shareholders). The authorization must comply with legal regulations and clearly state the authorized individual or organization. In the event that the shareholder is an organization, the authorization documents must specify whether the authorization is for nominating the candidate or voting for the candidate, and the number of shares used for the

nomination must be clearly stated, along with a list of shareholders nominating the candidate.

IV. PRINCIPLES FOR ELECTING MEMBERS TO THE BOARD OF DIRECTORS

1. The election of members of the Board of Directors shall be conducted by the cumulative voting method, whereby each shareholder or authorized representative (hereinafter referred to as the shareholder/authorized representative) shall have a total number of votes equal to the number of shares owned or represented by proxy multiplied by the number of Board members to be elected. The shareholder/authorized representative has the right to allocate all or part of their total votes to one or more candidates

2. The list of candidates for the Board of Directors is arranged in alphabetical order: A, B, C... etc., and shareholders will vote by writing names directly on the ballot.

3. The number of votes for each candidate is calculated based on the total number of shares held and represented by the shareholder/authorized representative, multiplied by the number of selected candidates. On the ballot, shareholders will mark "X" in the "Vote" column for their selected candidates.

4. The total number of votes for each candidate is the sum of votes from all shareholders/authorized representatives. The candidates receiving the highest number of votes will be elected to the Board of Directors according to the number of seats required.

5. Principles for Determining Elected Candidates:

- Elected members of the Board of Directors shall be determined based on the number of votes received, in descending order, starting from the candidate with the highest number of votes until the required number of members has been elected in accordance with regulations.

- In the event that two (2) or more candidates receive an equal number of votes for the final position(s) on the Board of Directors, a re-election shall be conducted among those candidates with the equal number of votes to select one or more candidates with the higher number of votes to fill the remaining seat(s) on the Board of Directors as required.

- If the result of the second round of voting remains tied, the General Meeting of Shareholders shall authorize the Presidium to determine the elected candidate(s) based on the priority order A, B, C, etc., as indicated on the ballot

V. VOTE COUNTING AND ANNOUNCEMENT OF RESULTS

1. After the vote counting, the Vote Counting Committee must prepare a vote counting record. The contents of the vote counting record shall include: the total number of shareholders/authorized representatives attending the General Meeting; the total number of shareholders/authorized representatives who participated in the voting; the percentage of voting ballots cast by shareholders/authorized representatives compared to the total number of ballots eligible to vote of

shareholders/authorized representatives attending the General Meeting (based on the cumulative voting method); the number and percentage of valid and invalid ballots; the number and percentage of votes each candidate for the Board of Directors received; and the list of candidates elected to the Board of Directors.

- The full text of the vote counting record must be disclosed prior to the General Meeting.

2. The election results shall be recorded in the Resolution of the General Meeting.

VI. ENFORCEMENT

These regulations shall take effect immediately after approval by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and shall apply for the election of the Board of Directors of LICOGI – JSC for the 2021–2026 term at the 2025./.

ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP - Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Dinh Viet Tung

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
.....@.....
....., day ..... month .... year 2025

NOMINATION FORM
Election of Members of the Board of Directors
LICOGI Corporation – JSC
Term 2021 – 2026

To: T 2025 Annual General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation – JSC

The shareholder(s) of LICOGI Corporation – JSC, holding ..... shares (In words: .....), representing .....% of the total voting shares of LICOGI, whose details are as follows:

No.	Name of Shareholder (Organization/Individual)	ID/Passport/Business Registration No.	Address	Number of Shares Owned	Signature
1					
2					

Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, the Charter of LICOGI Corporation – JSC, and after reviewing the Draft Regulation on the Additional Election of Members of the Board of Directors, the shareholder(s) voluntarily convened and agreed to nominate the following individual(s) as candidates for election as member(s) of the Board of Directors of LICOGI Corporation – JSC, term 2021 – 2026:

No.	Full Name	ID/Passport, Date and Place of Issue	Address	Qualification	Notes

The shareholder(s) fully take responsibility for the above nomination and commit not to file any complaints against LICOGI, and to strictly comply with the applicable laws.

SHAREHOLDER / AUTHORIZED REPRESENTATIVE

OF THE SHAREHOLDER GROUP
(Signature, full name)

Note: - Please submit the nomination form to the Board of Directors of LICOGI Corporation – JSC **before 4:00 PM on June 13, 2025**, for information disclosure, at the following address: Office of the Board of Directors, LICOGI Corporation – JSC, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Fax: (0243) 8542655; if sending by fax, please also send the original form by express mail to the Board of Directors of LICOGI.

Photo 4x6

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence ☐ Freedom ☐ Happiness

---

1. Personal Information

- Full name at birth (IN CAPITAL LETTERS): .....
- Commonly used name: .....
- Alias (if any): .....
- Date of birth (day/month/year): .....
- Place of birth (Commune, District, Province): .....
- Nationality: .....
- Permanent address (as per ID/CCCD): .....
- Contact address: .....
- ID/CCCD/Passport number: ....., issued by ....., on date ...../...../.....
- Name and address of authorized representative organization (if any): .....

2. Educational Background

- General education: .....
- Professional/technical qualification: .....
- Academic title, degree: .....

3. Work Experience

(Please clearly state your work history and management positions held)

- From (month/year) to (month/year): .....
- From (month/year) to (month/year): .....
- From (month/year) to (month/year): .....

4. Family Relations

(Relationships include spouse, biological parents, adoptive parents, parents-in-law, biological children, adopted children, sons/daughters-in-law, siblings, siblings-in-law, etc.)

Full Name	Relationship	Year of Birth	Occupation/Workplace

5. Interests Related to LICOGI and LICOGI's Related Parties:

.....

6. Commitment

I hereby commit that I will not violate the provisions of the law and the Charter of LICOGI Corporation – JSC; I guarantee that the information provided above is true and take full legal responsibility for the contents of this declaration.

(Signature certification as prescribed by law, or confirmation by the Commune/Ward People's Committee of residence, or confirmation by the nominating organization)	....., date ..... month June year 2025 Declarant (Signature and full name)

Note:- Please attach a curriculum vitae and notarized copies of diplomas and certificates.

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: G1 Building, No 491 Nguyen Trai Road, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan Dist, Hanoi

Tel: 84-4-38542365 Fax: 84-4-38542655 Email: info@licogi.vn Webstie: www.licogi.com.vn

Enterprise code: 0100106440

Hanoi, May 28, 2025

REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS ON ACTIVITIES IN 2024 AND ORIENTATION FOR 2025

PART I. PERFORMANCE OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

1. Situation Overview

- On June 21, 2024, the Corporation held its 2024 Annual General Meeting of Shareholders (AGM). At the Meeting, the shareholders approved the Report on the activities of the Board of Directors (BOD), the Supervisory Board's report, the business performance results in 2023, the business plan for 2024, and other matters within the authority of the AGM in accordance with the Law on Enterprises and the Corporation's Charter. The AGM also approved the dismissal of one member of the BOD at his own request and elected a new member to ensure the Board's composition, qualifications, and conditions are compliant with regulations. Following the 2024 AGM, the BOD promptly reassigned responsibilities among its members to optimize their capabilities, intelligence, and individual independence and creativity.

- There were changes in the executive management as follows:

+ In August 2024, the Board of Directors dismissed Mr. Vu Nguyen Vu from the position of General Director and Legal Representative of the Corporation at his own request, and appointed Mr. Phan Thanh Hai, Vice Chairman of the BOD, to assume the position of General Director and Legal Representative of the Corporation.

+ In September 2024, the BOD dismissed Mr. Phung Quang Minh from the position of Chief Accountant of the Corporation at his own request, and appointed Ms. Le Thi Thanh Noi as the new Chief Accountant.

+ In October 2024, the BOD dismissed Mr. Nguyen Thanh Hop from the position of Deputy General Director at his own request, allowing him to focus on his role as a full-time member of the BOD to ensure the independence and objectivity of the Board's operations.

The dismissal and appointment of executives were carried out in accordance with the Corporation's regulations on personnel appointments.

The year 2024 was the first year that the Corporation implemented its restructuring orientation as approved by the General Meeting of Shareholders, ((1) Corporate and core business restructuring; (2) Financial restructuring; and (3) Organizational restructuring). Accordingly, business activities were refocused on core areas such as financial investment, real estate, and urban housing development. Construction activities were limited to small-scale projects of major shareholders and strategic partners, in line with

the Corporation's capabilities, in the role of main contractor, and required to ensure operational efficiency

2. Results of the Board of Directors' Duties and Powers

a) The Board of Directors has fully completed its rights and obligations in accordance with the law, the Corporation's Charter, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders, as detailed below:

- The BOD has operated in compliance with the Charter, Internal Governance Regulations, and the Organization and Operation Regulations of the Board, as approved by the General Meeting of Shareholders, ensuring the principles of centralization, democracy, collective leadership, individual responsibility, while promoting the capabilities, intelligence, and independence of each member. The Board has maintained unity and consensus in both will and action; during meetings, there were debates and discussions on issues where opinions differed in order to reach agreement.

- The BOD has fully prepared the agenda, content, documents, convened, and successfully organized the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, as well as prepared the dossiers and materials submitted to this Meeting.

- The BOD has fully prepared the agenda, content, documents, convened, and successfully organized the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, as well as prepared the dossiers and materials submitted to this Meeting.

- The BOD closely followed the implementation of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders resolutions and decisively directed and supervised the Executive Board in organizing and executing these tasks, especially monitoring the implementation of business, financial, and investment plans

- To ensure the Corporation's business activities respond promptly without missing opportunities, while maintaining independent and prudent governance, the Board members actively and responsibly addressed matters through consultations, exchanges, obtaining opinions in writing and via email, and meetings outside working hours. Over the past year, the BOD held 14 meetings (an increase of 4 meetings compared to 2023) and issued 65 resolutions. The adoption of these resolutions complied strictly with procedures and legal requirements as well as the Corporation's Charter. All resolutions and decisions were u agreed upon by all Board members.

- Regarding the Selection of the 2024 Financial Statement Auditor: Pursuant to the resolution of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors approved the selection dossier, established the tender evaluation committee, approved the tender results, and selected International Certified Public Accountants Co., Ltd. (ICPA) as the auditor for the 2024 financial statements. This includes the review of the parent company's semi-annual financial statements and the consolidated financial statements of the parent company and its subsidiaries. ICPA was chosen from among the three auditing firms previously approved by the General Meeting of Shareholders in accordance with applicable laws and regulations

- Regarding Corporate Governance: The Board of Directors has conducted the governance of the Corporation in full compliance with the provisions of the law, the Corporation's Charter, the Board's Rules of Operation, the Internal Corporate Governance Regulations, the Information Disclosure Regulations, and other relevant

policies and regulations. These measures ensure the interests of the Corporation and its shareholders, while creating favorable conditions for the General Director to manage business operations. At the same time, the Board maintains management, direction, supervision, and prudence in its governance role

- Regarding Transactions between the Corporation and related Parties: In 2024, the Corporation signed 24 loan agreements and loan extensions with the shareholder owning 35% of the Corporation's charter capital - Khu Dong Real Estate Investment and Business Limited Liability Company, to support business operations, with a total value of VND 55,870 billion. The Corporation entered into five contracts involving construction, purchase and sale of goods and materials, and loans with companies whose Board members, Supervisory Board members, General Director, or other management personnel are or have been members of the Board of Directors or General Director (Director) of the Corporation, including LICOGI 17; Đông Anh Mechanical Joint Stock Company LICOGI; and Đông Anh Construction and Building Materials Investment Joint Stock Company. All these contracts and transactions were of small value and fell within the authority of the Board of Directors according to the Enterprise Law and Article 59 of the Corporation's Charter. No contracts or transactions were signed during the year with members of the Board of Directors, Supervisory Board, General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, or their related parties.

- The Chairman of the Board of Directors and related Board members actively participated in meetings with the Executive Board, capital representatives, and Directors of subsidiaries to review the 2024 business performance and 2025 business plans. This enabled timely understanding of the actual situation of each enterprise, providing a basis for the BOD to set specific orientations for each company prior to their respective 2025 Annual General Meetings.

- The BOD consistently directed the Executive Board to reorganize the structure and workforce, reduce management costs, fully utilize equipment and office premises, and intensify efforts in acceptance, finalization of settlements, and debt recovery, especially long-standing and doubtful debts.

- Regarding Invesment:

+ The Board of Directors directed the Executive Board to coordinate with the Ministry of Construction, Ministry of Finance, and relevant agencies to arrange funding and remit to the State budget the opportunity cost amounting to VND 348,885 million (tentative) related to the development rights of the Thinh Liet New Urban Area Project, as per Conclusion No. 1229/KL-TTCP dated May 30, 2023, issued by the Government Inspectorate regarding the restructuring and equitization of State-owned enterprises under the Ministry of Construction. This serves as the basis for LICOGI Housing and Urban One-Member Limited Liability Company to complete documentation to submit to the Hanoi People's Committee for investment policy adjustment of the Thinh Liet New Urban Area Project.

+ The Board of Directors also directed the Executive Board to work with departments and agencies of Hanoi City and successfully recovered the entire deposit amount of VND 8.45 billion paid by the Corporation since January 2007 for the study of the investment project for the Corporation's headquarters at plot 07-E7, Cau Giay New Urban Area, Hanoi. However, to date, the Hanoi People's Committee has terminated the

investor's authorization to study the investment project by Decision No. 4982/QĐ-UBND dated September 24, 2024, due to the land being designated for national defense and security purposes and managed by State agencies, thus subject to land allocation and lease procedures through land use rights auction in accordance with the Land Law.

- Regarding the Implementation of the Corporation's Restructuring Policy

Based on the restructuring orientation approved by the 2024 General Meeting of Shareholders, the Board of Directors directed the Executive Board to develop a restructuring proposal for approval and implementation. In 2024, the Corporation carried out workforce reorganization and streamlined its apparatus to better align with business needs, reducing the number of employees from 121 to 57. This ensured an efficient operational structure and contributed to lowering management costs. Regarding business operations, the Corporation focused primarily on financial investment, real estate, and urban housing development. The construction sector concentrated on utilizing existing equipment for bored piling and acting as the main contractor for projects of traditional partners as well as major shareholders, in accordance with the Corporation's capabilities and the orientation set by the 2024 General Meeting of Shareholders. The Corporation also restructured its loans, significantly improving its relationships with credit institutions and banks.

- Regarding the Implementation of the Divestment Policy from 8 Investee Companies during the 2023–2025 Period as Approved by the 2023 General Meeting of Shareholders

The Board of Directors issued a resolution to divest the Corporation's entire stake in Bac Ha Hydropower Joint Stock Company and subsequently engaged a valuation consulting firm and a divestment advisory unit. However, due to the Corporation's ownership exceeding 30% in Bac Ha Hydropower JSC, completing the required procedures has taken significant time under current regulations, resulting in the divestment of only 2,000 shares in 2024. In other associated companies, only small volumes of shares were divested, including: LICOGI 13 Joint Stock Company: 1,000,000 shares; LICOGI 14 Joint Stock Company: 150,000 shares; LICOGI 18 Joint Stock Company (Investment and Construction JSC No. 18): 89,700 shares. These divestments were executed via order matching on the Hanoi Stock Exchange (HNX).

In 2024, the stock market trended downward, and the share prices of most investee companies slated for divestment also declined. In many cases, market prices were lower than the appraised values provided by valuation consultants. Some companies even had share prices below par value or experienced no trading activity. Therefore, to ensure the efficiency and effectiveness of the Corporation's capital investment, the Board of Directors decided not to proceed with divestments at these companies during the year, in alignment with the resolution of the General Meeting of Shareholders.

b) Operations of the Board of Directors and Its Working Relationship

- The Board of Directors (BOD) operates on the principle of collective leadership. Each member is individually responsible for their assigned duties and jointly accountable to the General Meeting of Shareholders and in accordance with the law for all resolutions and decisions made by the BOD. All BOD members have fulfilled their rights and obligations with honesty, diligence, and responsibility. They fully participated in BOD meetings, closely coordinated with one another, and promptly shared relevant

information in the process of handling assigned matters. For matters involving multiple domains, the primarily responsible BOD member proactively coordinated with other members in charge of related areas.

- The BOD closely followed the resolutions of the General Meeting of Shareholders to implement and issue resolutions and decisions for the General Director and the Executive Management to execute, as well as monitor and supervise their implementation. For both regular and ad-hoc meetings, depending on the agenda, the BOD invited the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, relevant department heads, and representatives of the Corporation's capital at invested companies to attend meetings, provide detailed reports, and contribute opinions for the BOD's consideration and decision-making.

- The BOD maintained close coordination with the Supervisory Board while ensuring its operational independence. It invited the Supervisory Board members to attend all BOD meetings and provided them with meeting materials in accordance with regulations, treating them with the same procedural rights as BOD members. The BOD listened to and duly considered all comments from the Supervisory Board during the meetings

3. Limitations

- Business performance: The year 2024 was a difficult year for construction companies in general, and for the LICOGI system in particular. Despite the best efforts of the Board of Directors and the Executive Management, several key business indicators of the Parent Company and the consolidated group (Parent Company and Subsidiaries) did not meet the set targets: The Parent Company's revenue reached VND 340.946 billion, fulfilling 98.3% of the plan; The Parent Company's pre-tax profit reached VND 5.329 billion, fulfilling only 44.7% of the plan; Consolidated revenue reached VND 2,432.414 billion, equivalent to 95.09% of the plan; Consolidated pre-tax profit reached VND 85.023 billion, completing 160.81% of the plan.

- Despite conducting numerous meetings with the Executive Board and proposing various remedial solutions, the Corporation's financial situation remains challenging, with a severe imbalance. Although outstanding debts to banks, financial institutions, and individuals as well as interest expenses have decreased compared to 2023, they remain high, directly affecting business efficiency (interest expenses were VND 100.028 billion in 2023 and VND 87.320 billion in 2024). The Corporation's equity has improved in recent years but remains at a low level due to accumulated losses from the early years following the State-owned enterprise equitization process. The investment efficiency in some subsidiaries and associates remains low. Some subsidiaries have incurred losses, suspended operations, or, despite being profitable, have not paid dividends due to accumulated losses, such as: LICOGI 10, LICOGI 15, LICOGI 17, LICOGI 20, Water and Electricity Installation, LICOGI Quang Ngai, etc. The investment in the Nam Ga Ha Long Urban Area project by LICOGI 2 One Member Limited Liability Company carries significant risks that have not been thoroughly resolved due to the local authorities not yet issuing the official land use fee.

4. Assessment of the Performance of the Executive Management

The Board of Directors (BOD) has issued resolutions and decisions, conducted inspections and supervision, and provided direction to the General Director and other managers in conducting business activities in accordance with the Corporation's Charter, the BOD's Organization and Operation Regulations, and other relevant internal governance rules and regulations.

The Executive Management has generally operated in compliance with legal regulations and the Corporation's internal governance framework. The General Director and the Executive Management closely followed the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the BOD, as well as the Corporation's restructuring orientation, to proactively manage operations. They have been resolute in streamlining the management structure and strictly implementing cost-saving measures, reducing corporate management expenses from VND 30.731 billion in 2023 to VND 21.266 billion in 2024.

The Executive Management has proactively proposed solutions to address difficulties and obstacles in production and business activities. However, they have not yet proposed comprehensive and long-term solutions, especially in financial matters, which has occasionally resulted in passive responses. Investment activities related to urban areas, housing projects, and utilization of existing equipment and office premises still face limitations due to both objective and subjective reasons, as detailed in the 2024 Business Performance Report and Business Plan for 2025. The BOD requests the Executive Management to pay greater attention to these issues and take more decisive actions.

The acceptance, finalization, and settlement of certain projects executed by the Corporation have been delayed and not handled with sufficient urgency, particularly regarding long-standing and difficult-to-collect debts.

5. Remuneration, Salaries, and Operating Expenses of the Board of Directors, Supervisory Board, and Executive Management

- Remuneration and salaries of each member of the Board of Directors (BOD), the General Director, other executives, and the salaries and operating expenses of the Supervisory Board are disclosed in a separate section of the Corporation's 2024 financial statements, in accordance with legal regulations

- Based on the total remuneration and salaries for the BOD and Supervisory Board approved by the 2024 General Meeting of Shareholders, the Corporation has disbursed payments to individual members of the BOD and Supervisory Board, taking into account the distinction between full-time and part-time members

+Total remuneration and salaries paid to the BOD in 2024 amounted to VND 1,381,936,000 (an average of VND 23,032,267 per member per month), representing 92.9% of the total amount approved by the 2024 General Meeting of Shareholders

+ Total remuneration and salaries paid to the Supervisory Board in 2024 amounted to VND 502,028,000 (an average of VND 13,945,222 per member per month), representing 87.1% of the approved total.

+ Salary for the General Director, Deputy General Directors, and the Chief Accountant were paid in accordance with the Corporation's internal salary regulations.

Overall, the remuneration and salaries for the BOD, Supervisory Board, General Director, Deputy General Directors, and Chief Accountant in 2024 decreased compared to 2023, ensuring cost savings. (A detailed appendix on the remuneration and salaries of each member of the BOD, Supervisory Board, General Director, Deputy General Directors, and Chief Accountant is attached.)

Facilities, travel, telephone, etc. were made in accordance with the Corporation's regulations, ensuring maximum cost efficiency. No other expenses were incurred by the BOD or Supervisory Board beyond these allowances.

PART II. ORIENTATION AND STRATEGIC DIRECTION OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR 2025

In 2025, business operations and investments are still facing with significant challenges. The financial, monetary, and real estate markets remain volatile, while the construction sector is becoming increasingly competitive. For the Corporation, 2025 is forecasted to be another difficult year, with ongoing financial imbalance, high outstanding debts, especially overdue loans from credit institutions and banks and persistently high financial costs. Several subsidiaries have been burdened with long-standing liabilities such as bank loans, tax debts, social insurance arrears, and unpaid wages, some extending over 10 years, which continue to pose considerable risks to the Corporation. As 2025 marks the final year of the 2021–2026 term of the Board of Directors (BOD), the BOD has identified the Corporation's key focus for the year as follows: Prioritize investment in the Thinh Liet New Urban Area Project; Restructure outstanding loans to reduce debt balances at banks and credit institutions; Accelerate the restructuring of financial investments; Recover outstanding receivables; Enhance management efficiency and reduce administrative expenses to improve overall business performance. Despite the challenges, the Corporation also has certain advantages, including improved credit relationships with banks and financial institutions, and the consistent support and commitment from major shareholders.

Based on the aforementioned challenges and opportunities, the BOD has established specific objectives, directions, and solutions for 2025 as follows:

(The list of objectives and solutions will follow in the next section.)

1. On the performance of duties and responsibilities of the Board of Directors (BOD):

As the governing body of the Corporation, the BOD shall fully exercise its rights and perform its obligations in accordance with the provisions of law, the Corporation's Charter, the BOD's Operational Regulations, the Corporation's internal governance regulations, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders, for the benefit of the Corporation and its shareholders. The BOD shall lead and direct the effective implementation of the General Meeting of Shareholders' resolutions and decisions, while promptly and flexibly issuing its own resolutions and decisions to facilitate execution by the General Director and the executive team. The BOD shall also intensify its direction and regularly inspect and supervise the implementation of such resolutions and decisions.

2. On corporate governance:

Continue reviewing and developing new, or amending and supplementing, internal regulations, policies, and procedures to ensure compliance with applicable laws and the

Corporation's operational requirements. These serve as the foundation for effective governance, management, and risk mitigation. Amendments and supplements must align with practical needs and legal provisions, thoroughly implementing the principle of delegation and decentralization to ensure timely and proactive business operations by the General Director while maintaining the oversight role of the BOD, in line with the principle that "the level that makes the decision is responsible before the law and the General Meeting of Shareholders." Strengthen the supervision and direction of the executive team in monthly and quarterly business operations, striving to achieve and exceed the targets approved by the general meeting of shareholders (GMS)

3. On business operations:

Based on the Corporation's restructuring orientation and its available resources, in 2025, the Parent Company will continue to focus on financial investment, real estate, and urban housing development. The construction segment will primarily focus on leveraging existing equipment for bored pile drilling works and diaphragm wall construction, acting as the main contractor for projects of small to medium scale of the Corporation, its subsidiaries, major shareholders, and long-standing partners, with clearly defined funding sources, aligned with the Corporation's actual capacity and ensuring efficiency. The Corporation will focus on proactive, flexible, and effective management and operations. It will closely monitor real-world developments and respond promptly and appropriately, especially to urgent and emerging issues.

4. On urban area and housing development investments

Over 90% of the Thinh Liet New Urban Area Project area has been cleared. The Corporation has made a provisional payment to the state budget for opportunity costs related to project development rights in accordance with Conclusion No. 1229/KL-TTCP dated May 30, 2023, issued by the Government Inspectorate regarding the restructuring and equitization of State-owned enterprises under the Ministry of Construction. This complies with the requirements of the Hanoi Department of Planning and Investment (now the Hanoi Department of Finance) as per Notification No. 2322/TB-KH&ĐT dated December 19, 2023, and the Hanoi Department of Natural Resources and Environment's Notification No. 992/STNMT-TTr dated February 12, 2025. The Corporation will instruct LICOGI One Member Limited Liability Company for Housing and Urban Development to complete the necessary documentation for submission to the Hanoi People's Committee for approval of the investment policy adjustment. Upon receiving the approval decision, the Corporation will continue the compensation and site clearance for the remaining area, and coordinate with relevant departments and agencies of Hanoi City to determine land use fees, fulfill financial obligations, and proceed with the physical handover of land.

- In addition to the Thinh Liet New Urban Area Project, the Corporation will continue to seek opportunities to invest in other new urban area projects of small to medium scale, as well as social housing and workers' housing in industrial and export processing zones in provinces and cities with large industrial zones, in accordance with the Corporation's financial capacity

5. On financial management

- Continue closely monitoring the Government's policies to proactively engage with credit institutions, banks, and lending partners regarding the restructuring of outstanding loans.

- Develop a comprehensive financial strategy, including proactively divesting from enterprises in which the Corporation holds equity, in accordance with GMS's resolutions and the Corporation's restructuring plan. The goal is to restructure debt and reduce loan balances with banks and partners at appropriate times. To ensure sufficient capital for business operations and to repay due debts to certain financial institutions and banks in 2025, the Corporation must urgently and decisively divest its entire equity in Bac Ha Hydropower Joint Stock Company via public auction in accordance with legal regulations, ensuring maximum efficiency.

- To meet the capital needs of the Investor of Thinh Liet New Urban Area Project according to the provisions of law as well as capital for project implementation, in the coming time, the Corporation will submit to the General Meeting of Shareholders for approval on issuing shares and increasing the charter capital of the Corporation at the appropriate time.

- Take more decisive actions in project acceptance and final settlement processes; implement specific solutions to recover receivables, especially long-standing debts from Construction Investment JSC No. 8, Dakdrinh Hydropower JSC, 578 Investment and Construction JSC, among others. For difficult-to-recover debts, the Corporation will strengthen legal documentation and request intervention from judicial authorities where necessary.

- Utilize existing resources such as equipment and office facilities, while minimizing operating costs at the Corporation's headquarters.

- Review and evaluate the effectiveness of financial investments, strengthen management, and implement measures to improve investment efficiency in subsidiaries and associated companies.

- Regularly assess the Corporation's financial situation to ensure proper income-expenditure balance and financial pro-activeness.

- Instruct the Corporation's capital representatives in investee companies to expedite the payment of dividends from 2024 and previous years to the Corporation

6. On organizational restructuring and workforce streamlining

Implement organizational restructuring by reducing the number of functional departments and dependent units; terminate the operation of the Representative Office in Ho Chi Minh City and other non-operational dependent units when conditions permit. Continue to screen, streamline, and rationally allocate the workforce to ensure operational efficiency

7. On relations with shareholders

From January 1, 2026, the Corporation will no longer be classified as a public company pursuant to the provisions of Law No. 56/2024/QH15 dated November 29,

2024, which amends and supplements a number of articles of the Law on Securities, Law on Accounting, Law on Independent Audit, Law on State Budget, Law on Management and Use of Public Property, Law on Tax Administration, Law on Personal Income Tax, Law on National Reserves, and Law on Handling of Administrative Violations as the Corporation has not been meeting the requirement that at least 10% of voting shares be held by a minimum of 100 investors who are not major shareholders. Despite no longer being a public company, the Corporation will continue to maintain and strengthen relationships with shareholders through timely, transparent, and public disclosure of information on the Corporation's website, enabling shareholders to monitor and stay informed about all business activities.

The Corporation's leadership will maintain regular communication with representatives of major shareholders to align on development directions, resolve urgent matters, and leverage financial and operational support from these shareholders.

ON BEHALF OF THE BOARD OFDIRECTORS

CHAIRMAN

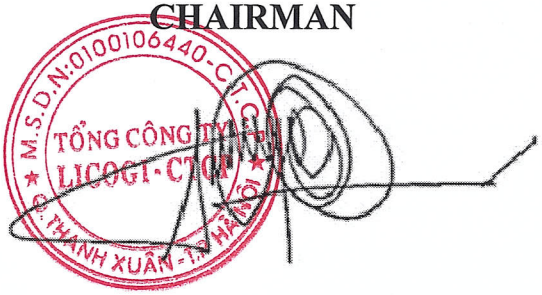

Dinh Viet Tung

Appendix

SALARIES AND REMUNERATION OF EACH MEMBER OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, GENERAL DIRECTOR, DEPUTY GENERAL DIRECTORS, AND CHIEF ACCOUNTANT IN 2024

1. Board of Directors

No	Full name	Position	Work Arrangement	Salaries and remuneration (VND)	Note
1	Dinh Viet Tung	Chairman	Part time	133.000.000	
2	Phan Thanh Hai	Vice Chairman	Full time	376.032.000	
3	Nguyen Truong Son	Member	Part time	42.300.000	From 01 to 21/6/2024
4	Nguyen Thanh Hop	Member	Full time	118.548.000	From 22/6 to 12/2024
5	Ung Tien Do	Member	Full time	356.028.000	
6	Nguyen Danh Quan	Member	Full time	356.028.000	
	Total			**1.381.936.000**	

2. Supervisory Board

No	Full name	Position	Work Arrangement	Salaries and remuneration (VND)	Note
1	Phan Hai Trieu	Head	Full time	356.028.000	
2	Kieu Bich Hoa	Member	Part time	73.000.000	
3	Duong Thi Phuong	Member	Part time	73.000.000	
	Total			**502.028.000**	

3. General Director, Deputy General Director, Chief Accountant

No	Full name	Position	Salaries and remuneration (VND)	Note

1	Vu Nguyen Vu	General Director	228.948.364	From Jan to 15/8/2024
2	Phan Thanh Hai	General Director	139.743.636	From 16/8 to 12/2024
3	Nguyen Thanh Hop	Deputy General Director	263.680.000	From Jan to 9/2024
4	Nguyen Anh Dung	Deputy General Director	342.397.067	
5	Phung Quang Minh	Chief Accountant	209.075.909	From Jan to 11/9/2024
6	Le Thi Thanh Noi	Chief Accountant	121.404.667	From 11/9 to 12/2024
	Cộng		**1.305.249.643**	

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: G1 Building, No 491 Nguyen Trai Road, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan Dist, Hanoi

Tel: 84-4-38542365 Fax: 84-4-38542655 Email: info@licogi.vn Webstie: www.licogi.com.vn

Enterprise code: 0100106440

Ha Noi, May 28, 2025

REPORT OF THE SUPERVISORY BOARD ON ACTIVITIES IN 2024 AND PLAN FOR 2025

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

Based on the functions and tasks stipulated in the Enterprise Law, the Charter of LICOGI Corporation - JSC ("LICOGI"), the Regulations on organization and operation of the Board of Supervisors of LICOGI Corporation – JSC.

The Board of Supervisors would like to report to the General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC on the results of inspection and supervision of all aspects of operations of LICOGI Corporation - JSC in 2024 and the Operation Plan for 2025 with the following specific contents:

I. PERFORMANCE RESULTS OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2024

1. Information about the members of the Board of Supervisors

No	Full Name	Position
1	Phan Hai Trieu	Head of the Supervisory Board
2	Kieu Bich Hoa	Member of the Supervisory Board
3	Duong Thi Phuong	Member of the Supervisory Board

2. Remuneration of the Board of Supervisors

The 2024 Supervisory Board remuneration will be paid in accordance with the Resolution approved by the 2024 Shareholders' Meeting.

3. Board of Supervisors Meetings

In 2024, the Supervisory Board held 04 meetings with 100% of members attending. In addition, the Supervisory Board members regularly discussed work via phone, email,... to clarify related professional issues and promptly resolve arising work.

No	Full Name	Position	Number of meetings attended	Reason for absence
1	Phan Hai Trieu	Head of the Supervisory Board	04/04	-
2	Kieu Bich Hoa	Member of the Supervisory Board	04/04	-
3	Duong Thi Phuong	Member of the Supervisory Board	04/04	-

4. Activities of the Board of Supervisorshoạt động của Ban kiểm soát

In 2024, the Board of Supervisors inspected and supervised compliance with the provisions of law, the Charter, and internal regulations of the Corporation in the management and operation of production and business activities of the Board of Directors and the Board of General Directors, specifically as follows:

- Evaluate the performance of the Board of Directors and the Board of General Directors, review the legality and procedures for issuing Resolutions and Decisions of the Board of Directors and the General Director; ensure compliance with the provisions of law, the Charter and internal regulations of the Corporation;

- Participate in selecting an auditing unit to audit the separate and consolidated financial statements of the Corporation in 2024 based on the list of auditing companies approved by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.

- Appraise the audited financial statements of the Corporation in 2023; appraise the reviewed semi-annual financial statements of 2024;

- Monitor the information disclosure of the Corporation in accordance with the provisions of the Law on information disclosure requirements for public companies;

- Coordinate with the Board of Directors and the Board of General Directors in organizing the 2024 Annual General Meeting of Shareholders of the Corporation;

- Other tasks according to the functions and tasks of the Board of Supervisors.

5. Results of reviewing transactions between the Corporation and related parties

Transactions with related parties are reported and controlled; no abnormalities are detected in related party transactions.

6. Results of monitoring the activities of the Board of Directors and the Board of General Directors.

6.1. Monitoring the implementation of tasks of the annual General Meeting of Shareholders in the assigned year

On June 26, 2024, LICOGI held the annual General Meeting of Shareholders (2024) and issued Resolution No. 76/2024/NQ-ĐHĐCĐ, resolving 11 contents, in which it authorized and assigned the Board of Directors to direct the implementation of a number of work contents. Accordingly, the majority of the work contents assigned in the Resolution were closely followed and directed by the Board of Directors; the Board of Directors also made every effort to implement them.

In 2024, the Board of Directors held 14 meetings, issued 82 Resolutions and Decisions. All meetings were convened and held properly, with full minutes recorded. The resolutions and decisions were issued in accordance with the correct procedures, authority and legal basis according to the provisions of law and LICOGI.

6.1.1. Regarding the selection of an independent auditor to audit the 2024 financial statements (including separate and consolidated reports) and review the 2024 semi-annual financial statements (separate and consolidated) of LICOGI

The 2024 Annual General Meeting of Shareholders approved the Proposal for the list of auditors for 2024 and authorized the Board of Directors to organize the implementation. Accordingly, LICOGI has established a Bidding Review Team consisting of members from the business units and organized the selection of contractors according to regulations.

The process of organizing the selection of contractors to audit financial statements (sending invitations to bid, opening bids, evaluating bids and negotiating contract price reductions) was all carried out in accordance with the provisions of law and LICOGI.

Results after evaluating bids: International Auditing Company Limited (iCPA) won the bid and officially became the auditing unit for LICOGI in 2024.

6.1.2. Regarding the implementation of the Corporation's restructuring

The 2024 Annual General Meeting of Shareholders approved the Corporation's restructuring orientation and assigned the Board of Directors to approve the details of the restructuring project, and be responsible for organizing and implementing it in accordance with the set goals, requirements and roadmap.

In 2024, the Board of Directors and the Executive Board are implementing the orientation approved by the General Meeting of Shareholders, including: LICOGI gradually narrows down construction and installation activities, implementing in the direction of minimizing ineffective direct construction activities at the Corporation, promoting combining with member units with better capacity to perform construction, only collecting management fees, creating cash flow to continue maintaining credit limits at the bank. In addition, LICOGI promotes the liquidation of depreciated assets that cannot be used, for assets that can still be used, they are leased for exploitation to compensate for depreciation, combining with member units with better capacity to perform construction, only collecting management fees, creating cash flow to continue maintaining credit limits at the bank. In addition, LICOGI promotes the liquidation of depreciated assets that cannot be used, for assets that can still be used, they are leased for exploitation to compensate for depreciation, bringing cash flow to the enterprise. LICOGI restructures the management organization and reorganizes the workforce to ensure streamlining and efficiency, focus on functional departments to meet the requirements of the business restructuring plan, minimize operating costs, and be consistent with the current financial situation (LICOGI's current number of employees is only 57, a decrease of 64 people compared to the beginning of the year).

6.1.3. Regarding the financial situation and business results of LICOGI

The separate financial statements and the consolidated financial statements of LICOGI Corporation-CTCP for the fiscal year ending December 31, 2024 have honestly and reasonably reflected, in all material aspects, the financial situation as well as the business results and cash flows of LICOGI and have been audited by International Auditing Company Limited (iCPA). The issues of exclusion and emphasis are detailed in the audited financial statements.

Summary data on LICOGI's financial situation and business results are as follows:

No	Indicators	Consolidated financial statements			Separate financial statements		
		2024	2023	Growth 2024/2023	2024	2023	Growth 2024/2023
A	**Financial situation**						
I	Total assets	**4,616,642**	**4,314,314**	**7.0%**	**2,651,275**	**2,607,359**	**1.7%**
1	Current assets	2,164,614	1,941,655	11.5%	853,161	784,088	**8.8%**

2	Long-term assets	2,452,029	2,372,659	3.3%	1,798,114	1,823,271	**-1.4%**
II	**Total capital**	**4,616,642**	**4,314,314**	**7.0%**	**2,651,275**	**2,607,359**	**1.7%**
1	Owner's equity	489,932	434,259	**12.8%**	544,131	538,803	**1.0%**
2	Liabilities	4,126,710	3,880,055	**6.4%**	2,107,143	2,068,557	**1.9%**
2a	*Current liabilities*	3,436,553	3,276,692	***4.9%***	*1,678,150*	*1,650,708*	***1.7%***
2b	*Long-term liabilities*	690,158	603,364		*428,994*	*417,849*	
	Current assets minus Current liabilities	-1,271,939	1,335,037		*-824,989*	*-866,620*	
	Liabilities/total capital ratio	89.4%	89.9%	**-0.5%**	79.48%	79.34%	**0.14%**
B	**Business results**						
1	Net revenue	2,249,694	2,035,854	**10.50%**	208,297	306,522	**-32%**
2	Profit before tax	85,023	15,719	**441%**	5,329	6,129	**-13%**
3	Profit after tax	73,352	6,795	**979%**	5,329	6,129	**-13%**

(Unit: million VND)

- Regarding business results:

+ The main production and business targets of the parent company did not meet the set plan: Revenue reached 334.63 billion VND, equal to 96.4% of the plan, Pre-tax profit reached 5,329 billion VND, equal to 44.7% of the plan. In which, revenue only reached 96.4% of the plan due to the review of construction and installation activities to narrow down according to the direction of restructuring the industry (revenue from construction activities decreased sharply from 124 billion in 2023 to 43 billion in 2024). On the other hand, the implementation of capital sale at 08 enterprises approved by the General Meeting of Shareholders has not been completed due to unfavorable stock market conditions, which has greatly affected the profit results in 2024.

+ Consolidated business results achieved positive results: Consolidated revenue reached VND 2,432,414 billion, equal to 95.09% of the plan; Consolidated pre-tax profit reached VND 85,023 billion, equal to 160.81% of the plan. Consolidated net revenue in 2024 reached VND 2,249,694 billion, an increase of VND 213.8 billion compared to 2023 (equivalent to an increase of 11%). Revenue in 2024 increased compared to 2023 mainly from trading activities of goods and construction materials at subsidiaries, but the construction segment decreased slightly compared to 2023 due to general market difficulties. Consolidated profit after tax (including non-controlling shareholder interests) reached VND 73,352 billion, an increase of VND 66,556 billion compared to 2023. In which, the Corporation's profit after tax was a profit of VND 59.67 billion (compared to a loss of VND 1,288 billion in 2023), showing that the Corporation's business activities are improving significantly compared to 2023.

- Regarding asset and capital structure: The Corporation's capital structure has not changed much compared to 2023, the ratio of liabilities to total capital at the end of the year was 89.4%, down 0.5% compared to the beginning of the year.

+ As of December 31, 2024, Total assets reached over VND 4,616 billion, an increase of VND 302.3 billion compared to January 1, 2024 (equivalent to an increase of 7%). In which, the ratio of short-term/long-term assets was 46.9%/53.1%, a serious

imbalance compared to the short-term/long-term capital structure of 74.4%/25.6%. As of December 31, 2024, Total short-term debt exceeded Short-term assets by nearly VND 1,272 billion, as of January 1, 2024, Total short-term debt exceeded Short-term assets by VND 1,335 billion. The difference in short-term debt - Short-term assets has improved, but a key solution is needed to restructure LICOGI's financial capacity.

+ Capital and Liabilities at the end of 2024 increased by VND 246,655 billion (equivalent to an increase of 6.4%) compared to the beginning of the year. Of which, short-term liabilities increased by VND 159,861 billion, long-term liabilities increased by VND 86,794 billion.

- Regarding financial indicators as of December 31, 2024: the payment ratios all show an imbalance in short-term payments at the Corporation: General payment ratio 1.119; Short-term payment ratio 0.630; Cash payment ratio 0.14. This is due to the difference in asset structure and funding sources, specifically the Corporation's assets are mainly long-term assets, while the funding sources are mainly short-term capital sources such as loans and payables with a term of less than 1 year. However, the imbalance has shown signs of improvement compared to the beginning of the year, as shown by the improved payment ratios.

6.1.4. Regarding the implementation of divestment at 08 enterprises with capital contributions from the Corporation during the period from 2023 to 2025

The 2023 Annual General Meeting of Shareholders assigns and authorizes the Board of Directors to organize the implementation, including: Deciding on the plan and form of divestment, determining the time of divestment, and selling price after hiring a valuation consultancy to determine the price/share, ensuring transparency, efficiency and compliance with current laws.

In 2024, the Corporation partially divested capital from the following capital-contributing enterprises:

No	*Business name*	*Number of shares divested in 2024 (shares)*
1	Licogi 13 Joint Stock Company	1,000,000
2	Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	2,000
3	Licogi 14 Joint Stock Company	150,000
4	Investment and Construction Joint Stock Company No. 18	89,700

Divestment from other enterprises with capital contributions from the Corporation has not been implemented due to the impact of the macro economy as well as the downward influence of the stock market, leading to difficulties in finding potential investment partners.

6.2. Results of monitoring the activities of the Board of Directors

- The Board of Directors has promptly and seriously implemented the Resolutions and Decisions of the Board of Directors, for the benefit of the Corporation, proactively managing and operating daily production and business activities.

- The decisions of the Board of Directors are issued in accordance with the functions, tasks and powers prescribed by law and LICOGI.

7. Evaluation of the coordination between the Board of Supervisors and the Board of Directors, the Board of Management and shareholders

The Board of Supervisors has coordinated well with the Board of Directors and the Board of Management of the Corporation, specifically:

he Supervisory Board is invited to attend meetings of the Board of Directors, give opinions on issues raised at meetings, study and give opinions (if necessary) on the Reports and Opinion Requests of the Board of Directors of the Corporation. The Supervisory Board also regularly receives emails and documents sent to the Board of Directors to grasp the management and operation of production and business to ensure optimal benefits for shareholders. In 2024, the Supervisory Board did not receive any complaints from shareholders about the operations of the Corporation, the management of the Board of Directors and the Board of Directors;

The Board of Supervisors is provided with information and documents in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the Corporation's Charter.

II. RECOMMENDATIONS AND DIRECTIONS FOR THE SUPERVISORY BOARD'S ACTIVITIES IN 2025

1. Recommendations of the Supervisory Board

Through the process of performing the task of supervising the activities of the Board of Directors and the Board of Management of LICOGI, the Supervisory Board assessed that the Board of Directors has resolutely provided directions and instructions to the Board of Management and the executive leaders of LICOGI; the Board of Management has made efforts to implement the tasks assigned by the Board of Directors.

However, the Supervisory Board would like to make recommendations to improve the operational efficiency of the Board of Directors and the Board of Management of LICOGI as follows:

- Restructure the apparatus in a streamlined manner, continue to review and cut indirect costs that do not serve production and business activities, improve the efficiency of operations, management and operation of the Corporation;

- Concentrate all resources, handle legal problems, quickly find capital solutions, speed up the progress of the Thinh Liet New Urban Area Project to soon put it into business, exploitation and operation.

- Promote debt collection, investment capital recovery and propose drastic and effective measures, especially for long-term, outstanding debts to soon improve the financial situation and the current capital imbalance.

- Continue working with credit institutions to restructure debts due for payment; Develop a specific debt repayment plan and balance debt repayment sources to avoid bad debts and overdue debts. Increase the search for low-interest loans to reduce interest costs and financial pressure for LICOGI.

- The Corporation's cash flow is mainly based on financial investment activities, however, this activity also has uncertain factors and potential risks from fluctuations in the stock market as well as from market fluctuations of member units. It is recommended that the Executive Board strengthen governance at member units that the Corporation is controlling to increase the efficiency of investment capital at these units.

- Restructuring LICOGI's investment portfolio, especially in inefficient companies, LICOGI owns little capital to create project investment capital, increasing the financial capacity of the parent company.

- It is necessary to actively propose and implement effective solutions to manage and preserve capital at long-term loss-making business units (LICOGI 10, LICOGI 15, LICOGI 17, LICOGI 20, Water and Electricity Installation, Licogi Quang Ngai); The potential risks of LICOGI 2 One Member Co., Ltd. in investing in the Ha Long South Station Urban Area project are still very large and have not been thoroughly resolved immediately because the locality has not yet issued official land use fees.

2. Operational direction in 2025

In 2025, the Board of Supervisors will focus on implementing the following key tasks:

- Monitoring and supervising the Executive Board in complying with the provisions of the Law, the Corporation's Charter, the implementation of Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the management of the Corporation's production and business activities;

- Continue to coordinate with the Board of Directors and the General Directorate to review the organizational restructuring of the Corporation to build and perfect the organizational structure, functions, tasks, and internal management procedures and regulations in a streamlined, efficient manner, suitable for the practical operations of the Corporation;

- Supervise the organization and convening of Board of Directors meetings in accordance with the provisions of law and the Charter of the Corporation. The contents of Board of Directors meetings are reported, discussed and evaluated transparently, publicly and carefully.

- Periodically review the truthfulness of the Corporation's separate and consolidated financial statements;

- Strengthen supervision of the management of investment capital and the investment capital structure of the Corporation in other enterprises, specifically: organize inspection and supervision programs at some subsidiaries with large capital contributions, under the control of the Corporation;

- Advise the Board of Directors on professional opinions to improve the efficiency of capital use, asset use, and cost savings of the Corporation;

- Propose inspection programs for some specific areas and other urgent requests of shareholders;

- Submit for approval the list of independent auditing companies to select the unit to audit the Corporation's annual financial statements, to ensure the organization of the selection of independent auditing units is effective in terms of quality and cost;

- Organize discussions to exchange professional experiences to improve the professional qualifications of the Controllers;

- Maintain coordination between the Board of Supervisors, the Board of Directors, the General Director and shareholders in a spirit of cooperation to achieve high efficiency;

- Perform other tasks according to the functions and duties of the Board of Supervisors.

Above is the report on the activities of the Board of Supervisors in 2024 and the plan of activities in 2025.

The Board of Supervisors would like to thank all shareholders for trusting us with the task of controlling LICOGI's activities in the past time, and would like to thank the Board of Directors and the Board of General Directors of the Corporation for creating conditions and supporting us to complete our tasks.

Thank you very much and wish the Congress great success!

ON BEHALF OF THE SUPERVISION BOARD

CHAIRMAN

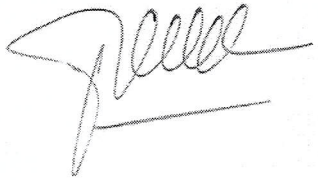

Phan Hai Trieu

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: G1 Building, No 491 Nguyen Trai Road, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan Dist, Hanoi

Tel: 84-4-38542365 Fax: 84-4-38542655 Email: info@licogi.vn Webstie: www.licogi.com.vn

Enterprise code: 0100106440

Hanoi, May 28, 2025

REPORT OF THE GENERAL DIRECTOR ON THE BUSINESS PERFORMANCE IN 2024 AND THE BUSINESS PLAN FOR 2025

Based on the actual data of the 2024 performance report and the current status of operations carried out by the Parent Company and its subsidiaries, the General Director of LICOGI Corporation – JSC respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the report on the business performance results in 2024 and the business plan for 2025 of the Corporation as follows:

1. Business result in 2024

1.1. Assessment of the Parent Company's Performance in Implementing the 2024 Plan

The year 2024 proved challenging for units within the Construction sector in general, as well as for entities within the LICOGI system specifically. Despite considerable efforts and endeavors, the Corporation's business performance did not meet the targets set by the 2024 General Meeting of Shareholders. The key business performance indicators are as follows:

No	Content	Unit	Plan 2024	Achieved 2024	Percentage % Achieved 2024/ Plan 2024
I	**Parent Company**				
1	Charter capital	VND billion	900.000	900.000	100.0
2	Production value	VND billion	234.708	210.374	89.6
3	Revenue	VND billion	346.978	334.631	96.4
4	Profit before tax	VND billion	11.912	5.329	44.7
5	Profit after tax	VND billion		5.329	
6	Contributions to the State Budget	VND billion	1.400	5.734	409.6
7	Devidend (%)	%	0	0	100.0
8	Investment value	VND billion	0.520	0.100	19.2
II	**Parent-Subsidiary Consolidation**				
1	Production value	VND billion	2,321.591	2,554.130	110.0
2	Revenue	VND billion	2,558.054	2,432.414	95.1
3	Profit before tax	VND billion	52.871	85.023	160.8
4	Profit after tax	VND billion		73.352	
5	Contributions to the State Budget	VND billion	99.682	153.988	154.5
6	Investment value	VND billion	335.760	56.597	16.9

- The Parent Company's output and revenue remained low due to delays at the Vietnam Military History Museum project, which was obstructed by site clearance issues as the main contractor, Thanh An Corporation, has yet to hand over the site. Consequently, progress, output, and revenue did not meet the required targets. Completed projects such as Line No. 3 – Vietnam National University, Parahill Hoa Binh Project, and Lien Ha Thai Industrial Park – Thai Binh have not yet been finalized for settlement. The Corporation's financial condition and machinery and equipment are not competitive enough and fail to meet investors' requirements, limiting the ability to seek and secure new contracts.

1.2. Implementation of on going works:

- The projects assigned by the Corporation to its subsidiary companies as subcontractors—including the construction of technical infrastructure for the commercial street along the extended 3/2 Road in Hau Nghia town; construction of the amusement park, school, and Golden Palace residential and commercial complex (TMO); and the construction of box culverts in the Shophouse area of the Quang Xuong Hot Spring Resort Urban Area project—have generally met the partners' requirements, except for certain objective factors that caused delays in the schedule

- The projects directly managed and executed by the Corporation: In 2024, focus was placed on the construction of the Vietnam Military History Museum; efforts were also concentrated on the settlement and finalization of other remaining projects

2. Financial Situation of Parent Company

2.1. Payment capacity;

- In 2024, the financial situation of the Parent Company remained difficult and seriously imbalanced. Short-term liabilities exceeded short-term assets by VND 824.98 billion, although this was a decrease of VND 41.6 billion compared to the beginning of the year (VND 866.6 billion at the start of 2024). As of December 31, 2024, the Parent Company's outstanding loan balance was VND 1,197 billion, primarily short-term debt accounting for 69.26% of the total debt structure, resulting in significant interest payment pressure. The capital shortage and imbalance in funding sources have greatly affected the ability to manage principal and interest repayments due.

2.2. Receivables and Payables

- As of December 31, 2024, the total short-term receivables of the Parent Company amounted to VND 789.8 billion, including: customer receivables of VND 183.5 billion; other short-term receivables of VND 432 billion (of which the majority are loan interest receivables from LICOGI Housing and Urban One Member Limited Liability Company amounting to VND 209.3 billion and capitalized costs for the Thinh Liet project totaling VND 113 billion); short-term loan receivables of VND 196.9 billion; and advances to suppliers of VND 83.3 billion. The Parent Company has made provisions for doubtful debts amounting to VND 106.3 billion.

- As of December 31, 2024, the Parent Company's payables mainly consisted of debts to suppliers and subcontractors totaling VND 224.6 billion; short-term loans from credit institutions, organizations, and individuals of VND 829.1 billion; and long-term loans amounting to VND 368.6 billion. The balances of tax and insurance payables remain high due to unresolved debts from LICOGI Branch 1 and Branch 6 over several years.

- In the context of difficult business operations, fewer ongoing projects, and large outstanding loans—mostly short-term—the Corporation faced significant challenges in 2024 in balancing funds to ensure capital for operations as well as in settling due debts and maintaining credit limits.

2.3. Financial Investment Status and Dividend Income from Subsidiaries and Associates:

- The value of financial investments as of December 31, 2024, was VND 1,820.004 billion, including:

+ Investments in subsidiaries: VND 1,448.580 billion;

+ Investments in associates: VND 321.547 billion;

+ Other investments: VND 49.876 billion.

- Dividend Income: Dividends received in 2024 amounted to VND 84.392 billion, with some financial investments generating positive returns, including: Bac Ha Hydropower Joint Stock Company (VND 24.36 billion); Dong Anh Construction Materials Joint Stock Company (VND 2.1 billion); Dong Anh Mechanical Joint Stock Company (VND 52.46 billion); Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company (VND 0.687 billion); Mechanical and Construction Joint Stock Company No. 9 (VND 0.374 billion) and LICOGI 14 Joint Stock Company (VND 2.853 billion) .

Some investments in subsidiaries over time have not been effective; these companies have experienced prolonged losses, bank debts that cannot be repaid, bank asset foreclosures to recover debts, tax debts with enforced collection measures such as invoice freezes by tax authorities, and several units have almost ceased operations. Accumulated losses and qualified opinions in the consolidated financial statements of the Corporation mainly stem from the financial reports of these companies, including: Licogi Quang Ngai Company, LICOGI 10, LICOGI 15, LICOGI 20, and the Electrical and Water Installation Company. Details as follows:

- Licogi Quang Ngai Company: The Corporation's investment capital: VND 16.855 billion (ownership: 1,226,400 shares, equivalent to 64,77% of charter capital); Accumulated loss: VND 38.441 billion; Liabilities: VND 83.937 billion (including principal debt to BIDV Quang Ngai: VND 15 billion; tax debt: VND 11.5 billion; insurance debt: VND 7.941 billion). Current business operations mainly focus on quarrying stone, but revenues are only sufficient to cover operating expenses. Existing unresolved issues continue to arise and remain unaddressed. If these outstanding issues related to tax, insurance, and bank loans are not resolved promptly, the company faces risks of foreclosure on real estate, machinery, and equipment, leading to the inability to continue operations. Meanwhile, other assets such as the stone quarry have already been fully exploited

- LICOGI 10 Company: The Corporation's investment capital: VND 10.110 billion (ownership: 675,240 shares, equivalent to 57.71% of charter capital);Accumulated loss: VND 17.288 billion; Liabilities: VND 204.530 billion (including principal debt to BIDV Da Nang: VND 36.925 billion; tax debt: VND 7.7 billion). LICOGI 10 is virtually inactive because BIDV Da Nang Bank has filed a lawsuit and is proceeding with asset foreclosure procedures. The company's headquarters located in Nui Thanh – Da Nang cannot secure a land lease contract with the State and risks having the land revoked. The assets on the land

are being foreclosed by the bank. The tax authorities have enforced invoice seizures, preventing the company from issuing invoices and continuing operations.

- LICOGI 15 Company: The Corporation's investment capital: VND 6.593 billion (ownership: 659,380 shares, equivalent to 64.65% of charter capital); Accumulated loss: VND 109.353 billion.
Liabilities: VND 147.693 billion (including principal debt to BIDV Bỉm Sơn: VND 6.3 billion; tax debt: VND 12.575 billion; social insurance debt: VND 11.759 billion). LICOGI 15 is nearly inactive; the company's headquarters has been foreclosed by BIDV Bỉm Sơn Bank to recover debt. The remaining principal debt after asset foreclosure is VND 6.3 billion, and tax and insurance authorities are implementing enforcement measures against the company.

- LICOGI 20 Company: The Corporation's investment capital: VND 22.571 billion (ownership: 2,257,150 shares, equivalent to 92.58% of charter capital);Accumulated loss: VND 128.445 billion; Liabilities: VND 227.839 billion (including principal debt to BIDV Tây Hồ: VND 20.497 billion; principal debt to Agribank Tây Hà Nội: VND 18.829 billion; tax debt: VND 78.184 billion; social insurance debt: VND 5.198 billion). Currently, the company is no longer active; the bank has foreclosed assets to recover debt. The remaining principal debt after foreclosure is VND 39 billion. The company's office premises are currently in dispute with another party. Tax and insurance debts are under enforcement.

- LICOGI Electrical and Water Installation Joint Stock Company: The Corporation's investment capital: VND 10.277 billion (ownership: 1,027,750 shares, equivalent to 89.92% of charter capital). Accumulated loss: VND 78.241 billion; Liabilities: VND 125.271 billion (including principal debt to Agribank Tây Hà Nội: VND 4.9 billion; tax debt: VND 16.378 billion; social insurance debt: VND 12.011 billion).The company's main activity currently is leasing factory premises at Warehouse 382 Dong Anh; the revenue only covers some basic operations and is insufficient to resolve outstanding debts to banks, tax, and social insurance.

2.4 Results of divestment activities at subsidiaries in 2024

- In 2024, the Corporation carried out divestment of certain financial investments as follows: 2,000 shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company; 150,000 shares of LICOGI 14 Joint Stock Company; 1,000,000 shares of LICOGI 13 Joint Stock Company; and 89,700 shares of Investment and Construction Company No. 18 (LICOGI 18).

- Compared to the divestment portfolio approved by the General Meeting of Shareholders, the results in 2024 were limited due to the financial market conditions and the inability to find investors for high-value investments such as the stake in Bac Ha Hydropower Joint Stock Company.

- Although the results were limited, the proceeds from divestment activities helped the Corporation somewhat alleviate difficulties in paying principal and interest on bank loans in December 2024 and partially repay principal debt to creditors.

- Given the current severe financial imbalance, continuing financial restructuring and reorganization of financial investments in 2025 is urgently necessary for the Corporation's operations. Moreover, due to the inefficiency of some subsidiaries as previously mentioned, a comprehensive restructuring and proposal to divest the Corporation's entire equity in these subsidiaries is needed. This will not only address revenue issues but also help resolve audit exceptions and reduce the large accumulated losses reflected in the Corporation's consolidated financial statements.

3. Implement progress of Corporation's projects:

3.1 Project for the Construction of LICOGI Corporation Headquarters at Lot 07-E7 in Cau Giay New Urban Area

- Regarding the project to construct the LICOGI Corporation headquarters at Lot 07-E7 in the Cau Giay New Urban Area: According to Decision No. 4982/QĐ-UBND by the Hanoi People's Committee on terminating the assignment of project investor roles for 11 land lots within the headquarters area of corporations in the Cau Giay New Urban Area, on October 14, 2024, the Hanoi Department of Planning and Investment issued Notification No. 2029/TB-KH&ĐT to 11 investors (including LICOGI Corporation JSC) about the termination of the investor role at Lot 07-E7.

- Based on the Hanoi People's Committee's decision, the Corporation has coordinated with relevant departments of the Hanoi People's Committee to carry out compensation, support, and reimbursement procedures for investment preparation expenses according to current laws.

- Up to now, after LICOGI Corporation JSC sent Official Letter No. 121/2025/CV-LICOGI to the Hanoi Department of Finance regarding the refund of the deposit for the construction of the Corporation's headquarters in the Cau Giay New Urban Area, the deposit amount of VND 8,450,000,000 has been recovered. The procedure to recover the investment preparation costs is completed, officially terminating the project.

3.2 Thinh Liet New Urban Area:

Land Use Scale: 351,618 m² across Thinh Liet, Tuong Mai, and Hoang Van Thu wards – Hoang Mai district, Hanoi city.

Work carried out in 2024:

Challenges and obstacles encountered:

+ Regarding compensation and site clearance: Due to the complex land use origins of residents' households; changes in policies on compensation, support, and resettlement; complaints and petitions; and plans for relocating graves, the progress of site clearance remains slow and faces many difficulties.

+ Regarding the adjustment of investment policy: In 2024, the investment policy for the Thinh Liet New Urban Area project expired according to Decision No. 6429/QĐ-UBND dated September 15, 2017, issued by the Hanoi People's Committee. Although LICOGI Corporation and LICOGI Housing and Urban Development One-Member Limited Liability Company have made efforts to work with the Hanoi People's Committee and relevant

departments to complete the procedures for approval to extend the investment policy, these procedures have not yet been completed.

The main cause of this issue is that the Hanoi People's Committee, specifically in Notification No. 2322/TB-KHĐT dated December 19, 2023, from the Department of Planning and Investment, requires LICOGI Corporation and LICOGI Housing and Urban Development One-Member Limited Liability Company to: (1) Implement the recommendations in the Government Inspectorate's conclusion No. 1229/KL-TTCP dated May 30, 2023; (2) Coordinate with the Department of Natural Resources and Environment – the agency assigned by the Hanoi People's Committee to lead the inspection and review of land management and usage according to regulations.

Therefore, the biggest issue to be resolved is the implementation of the Government Inspectorate's conclusion No. 1229/KL-TTCP dated May 30, 2023, which is a prerequisite for completing the procedures to approve the extension of the investment policy and the following steps.

*Results:

+ The area with completed site clearance (GPMB) is 298,504.9 m², reaching 85% of the total project land area of 351,618 m², with payments made totaling 514,523 million VND. This cleared area is continuous and does not have interspersed plots that remain uncleared. All existing constructions on this land have been demolished, ground leveling has been completed to prevent re-encroachment, fences made of corrugated iron sheets have been built, and security services have been hired.

+ Meetings have been held with the Interdisciplinary Inspection Team of Hanoi City (according to Decision No. 3579/QĐ-UBND dated July 10, 2024, of the Hanoi People's Committee). On January 23, 2025, the Inspection Team issued Report No. 685/BC-ĐKTrLN on the results of land law compliance inspection at the Thinh Liet New Urban Area Project. The result confirmed that during the project's implementation process, there were no violations of land law regulations.

+ The payment of opportunity costs for the project amounting to 348,885,000,000 VND (three hundred forty-eight billion, eight hundred eighty-five million VND) has been completed and submitted to the State Budget, in accordance with the recommendations in the Government Inspectorate's conclusion No. 1229/KL-TTCP dated May 30, 2023.

Thus, with the above achievements, the project has sufficient grounds for the Hanoi People's Committee to consider completing the procedures to extend the investment policy.

4. Investment and Management of Machinery and Equipment in 2024:

- *Investment and Maintenance*: Due to no additional demand, in 2024, the Corporation did not invest in new machinery and equipment in order to use capital efficiently. The focus was on repairing and maintaining key vehicles and equipment, with a total expenditure of VND 100,000,000.

- *Machinery and Equipment Investment*: In 2024, the General Meeting of Shareholders approved several asset liquidation programs, such as assets at the warehouses in Dong Anh and Dong Nai. Currently, as some assets are pledged to banks, the Corporation has not been able to fully release these pledges and has only liquidated some old tools and equipment that are no longer usable and are not pledged to banks.

- *Asset Utilization*: LICOGI's machinery and equipment utilization has improved with contracts signed for leasing assets to offset depreciation, thereby generating cash flow for the company. The DH650-5 crane is currently leased to Licogi 15 Joint Stock Company for the Nậm Sum 1A hydropower project in Sầm Tớ district, Hủa Phăn province, Lao PDR from December 19, 2021, to October 31, 2024. The PC450 excavator is leased to Licogi 17 Joint Stock Company. The KH180 drill, ED5500, and tools are leased to Licogi 18 Joint Stock Company

5. Human Resources Management, Enterprise Restructuring, and Labor Situation; Implementation of Labor Policies and Benefits:

In 2024, following the resolution of the General Meeting of Shareholders dated June 26, 2024, regarding the restructuring orientation of LICOGI Corporation – JSC, the Corporation conducted a review and implemented solutions in compliance with labor laws to streamline the workforce in functional departments and subsidiary units.

As of January 1, 2024, the total number of employees in the Corporation's departments and units was 121, with 81 employees participating in social insurance. By December 31, 2024, the number of employees had decreased to 57, a reduction of 64 people (including 63 employees whose labor contracts were mutually terminated and 1 employee with a suspended labor contract). The number of employees participating in social insurance decreased to 49.

For employees who left due to contract termination or suspension, the Corporation promptly paid salaries, severance allowances, and finalized social insurance records to enable employees to register for unemployment benefits as prescribed by law.

The remaining 57 employees are currently key personnel working in the Board of Directors, Supervisory Board, Executive Board, functional departments of the Corporation, and the Trade Union of the Corporation's Office. They handle specialized professional tasks within each business sector, carry out political duties, and protect the rights and interests of the Corporation's employees.

In addition, the General Director has requested a review, assessment, and proposal for restructuring the organizational apparatus of functional departments, branches, and representative offices. Initially, the Corporation's Representative Office in Ho Chi Minh City, established in September 2012 with the primary responsibilities of serving as the contact point for job acquisition and market development, directly directing and coordinating among the Corporation's units, and participating in construction projects in Ho Chi Minh City and southern provinces, has now largely completed the handover of construction works to investors, as well as the settlement and capital recovery. Currently and in the near future, the Corporation does not have plans to execute construction projects in the southern region. Therefore, maintaining the Representative Office in Ho Chi Minh City is unnecessary and continues to incur office rental, salary, and other related expenses. To reduce intermediate organizational levels and cut costs, the General Director

recommends terminating the operation of the Corporation's Representative Office in Ho Chi Minh City.

Furthermore, to manage, preserve, and enhance the efficiency of the Corporation's invested capital in other enterprises, in 2024, the Corporation assigned (authorized) several personnel to serve as Capital Representatives and Controllers. It also nominated and introduced personnel to participate in governance, management, and supervision tasks at 13 subsidiaries, 10 associated companies, and other invested companies.

II. Business and Production Orientation for 2025

1. Business Performance Indicators for the Year 2025:

The year 2025 still brings numerous challenges for the Corporation, especially financial difficulties. Several overdue debts carry potential risks that may impact business operations, including debts owed to Agribank – Tây Hà Nội Branch (loan debt of Licogi No. 1 Branch), debts to JUPITER Joint Stock Company, tax debts, social insurance debts, and other liabilities of Licogi No. 1 Branch...

Based on the current financial situation and business operations, the Corporation has set out the following key targets:

No	Centent	Unit	Achieved in 2024	Plan 2025	Ratio % plan 2025/achieved 2024
I	**Parent company**				
1	Charter Capital	VND billion	900.000	900.000	100.0
2	Charter capital	VND billion	210.374	286.960	136.4
3	Production value	VND billion	334.631	430.745	128.7
4	Revenue	VND billion	5.329	6.699	125.7
5	Profit before tax	VND billion	5.734	348.885	6,084.5
6	Profit after tax	%	0	0	
7	Contributions to the State Budget	VND billion	0.100	0.616	616.0
II	**Parent-Subsidiary Consolidation**				
1	Production value	VND billion	2,554.130	2,178.059	85.3
2	Revenue	VND billion	2,432.414	2,427.674	99.8
3	Profit before tax	VND billion	85.023	52.107	61.3
4	Profit after tax	VND billion	153.988	513.917	333.7
5	Contributions to the State Budget	VND billion	56.597	490.786	867.2

2. Measures for Implementation and Execution:

2.1. Continue to implement the Restructuring Plan of the Corporation in accordance with the resolutions of the 2024 General Meeting of Shareholders and the Board of Directors' resolutions

- The orientation of LICOGI Corporation - JSC is to operate as a general contractor for construction; subsidiaries will act as the direct construction units.

- Continue to review and liquidate outdated equipment, utilize diaphragm wall drilling and bored pile drilling equipment for lease. Handle all assets currently mortgaged

at banks by developing a detailed liquidation plan following the schedule and in compliance with current laws. Investment in new equipment will only be made when genuinely necessary based on work demands, and existing equipment will be liquidated, exchanged, or sold accordingly.

- Restructure finances step-by-step to stabilize and meet the requirements for working capital to serve production and business activities, as well as project implementation of LICOGI. Continue divesting in enterprises approved by the 2023 General Meeting of Shareholders to restructure financial status and reduce debt burdens. For large divestment items such as the investment in Bac Ha Hydropower Joint Stock Company (stock code: BHA) in 2025, continue working with consultants to finalize valuation reports and complete subsequent procedures related to investor selection and public offering on the stock market

- Additionally, it is recommended to add the following units: Licogi Electromechanical Joint Stock Company; LICOGI 10 Joint Stock Company; LICOGI 15 Joint Stock Company; Engineering and Foundation 20 Joint Stock Company; and LICOGI Quang Ngai Joint Stock Company into the divestment list in the coming time; The proposed divestment time of these units will be submitted to the General Meeting of Shareholders in writing.

On organizational structure and human resources: The Corporation continued reviewing, assessing, and proposing the dissolution or termination of operations of certain underperforming branches. Functional departments were reorganized and restructured to ensure a more efficient, and rational organizational model. Additionally, the Corporation may recruit high-quality personnel to meet its development needs and strategic orientation, aiming to optimize human resources, reduce operating costs, and enhance adaptability to the evolving market and business environment. A set of performance evaluation indicators and job descriptions for employees was developed; the salary regulation was updated; and new provisions of the Labor Code and other relevant regulations were incorporated to draft and issue a new standard labor contract, followed by the re-signing of labor contracts with current employees of the Corporation

- The General Director proposes the 2025 Annual General Meeting of Shareholders approve the policy of terminating the operation of LICOGI Corporation's Representative Office in Ho Chi Minh City.

2.2. For Thinh Liet New Urban Area.

Accelerate the progress and complete the legal documentation to be submitted to the Departments, Agencies, and the People's Committee of Hanoi for the extension of the investment policy in 2025.

Strive to finalize the approved land use fee and land allocation plan for Phase 1 within 2025.

Continue the site clearance work for Phase 2.

Due to recent changes in regulations on the Land Law, the Law on Real Estate Business, as well as the land price framework in Hanoi.

The General Director of LICOGI Corporation – JSC respectfully proposes that the General Meeting of Shareholders consider and agree to increase the Charter capital of LICOGI Corporation – JSC in the coming time to always ensure that it meets the conditions to be a Project investor according to regulations.

The above is the General Director's report on the implementation results of 2024 and the business orientation for 2025.

Best Regards!

To:

BOD's office, Supervisory Board (reporting)
Functional Department
Filed

GENERAL DIRECTOR

M.S.D.N: 0100150619 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY
LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Phan Thanh Hải

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 72 /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Through the Presidium, the Vote Counting Committee, appointing the Secretariat of the 2025 General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

- Pursuant to the Charter of LICOGI Corporation - JSC (Amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;

- Pursuant to Resolution No. 45/2025/NQ-HĐQT dated April 29, 2025 of the Board of Directors of the Corporation on: Organizing the Annual General Meeting of Shareholders in 2025;

- Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated May 2025 on approving the content and agenda of the Annual General Meeting of Shareholders in 2025,

The Board of Directors of LICOGI Corporation - JSC respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the number and list of the Presidium, the Vote Counting Committee, and the appointment of the Secretariat of the 2025 General Meeting of Shareholders as follows:

1. The Presidium has 3 members, including:

- Mr.Dinh Viet Tung, Chairman of the Board of Directors as Chairman;

- Mr.Phan Thanh Hai, Vice Chairman of the Board of Directors, General Director as member.

- Mr.Nguyen Danh Quan, Member of the Board of Directors as member;

2. The Ballot Counting Committee has 03 members, including:

- Mr.Nguyen Trong Thanh, Head of TCCB Department is the Head of the Committee;

- Mr.Nguyen Cong Nghi, Vice Chairman of the Corporation's Trade Union is a member.

- Mr.Dinh Hai Ninh, Head of Inspection and Legal Department is a member.

Assisting the Ballot Counting Committee are a number of employees of FPT Securities Joint Stock Company - the consulting unit for the online General Meeting of Shareholders.

3. The Secretariat has 02 members, including:

- Ms. Nguyen Thi Oanh, Chief of Office of the Board of Directors, Company Secretary is the Head of the Committee;

- Mr. Pham Kim Ngoc, Secretary of the General Director is a member.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

DINH VIET TUNG

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 73 /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Approval of the 2024 production and business and investment results; 2025 production and business and investment plan

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Pursuant to the Charter on Organization and Operation of LICOGI Corporation - JSC (amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;
- Pursuant to the Separate Financial Statements audited by iCPA International Auditing LLC issued on March 30, 2025 and the Consolidated Financial Statements audited by iCPA International Auditing LLC issued on March 30, 2025;
- Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated June 18, 2025 on the approval of the contents and agenda of the 2025 General Meeting of Shareholders,

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for approval the Report on production, business and investment results in 2024; Production, business and investment plan in 2025, with the following basic targets:

I. Production and business results, investment in 2024

1. Regarding production and business results:

No	Content	Unit of calculation	Plan 2024	Implementation in 2024	% of implementation 2024/ plan 2024
I	**Parent Company**				
1	Charter capital	Billion VND	900.000	900.000	100.0
2	Production value	Billion VND	234.708	210.374	89.6
3	Revenue	Billion VND	346.978	334.631	96.4
4	Profit before tax	Billion VND	11.912	5.329	44.7
5	Profit after tax	Billion VND		5.329	
6	Payment to the budget	Billion VND	1.400	5.734	409.6
7	Dividend (%)	%	0	0	100,0
8	Investment value	Billion VND	0.520	0.100	19.2
II	**Merger of Parent - Subsidiary**				
1	Production value	Billion VND	2,321.591	2,554.130	110.0
2	Revenue	Billion VND	2,558.054	2,432.414	95.1
3	Profit before tax	Billion VND	52.871	85.023	160.8
4	Profit after tax	Billion VND		73.351	

No	Content	Unit of calculation	Plan 2024	Implementation in 2024	% of implementation 2024/ plan 2024
5	Payment to the budget	Billion VND	99.682	153.988	154.5
6	Investment value	Billion VND	335.760	56.597	16.9

2. Regarding investment results:

2.1. Value of financial investments as of December 31, 2024: 1,820.004 billion VND

In which: + Investment in subsidiaries: 1,448.580 billion VND;

+ Investment in associated companies: 321.547 billion VND

+ Other investments: 49.876 billion VND;

(Provision for financial investments: 117.400 billion VND).

2.2. Total investment value in 2024 is: 0.100 billion VND

In which: + Repair and maintenance of construction equipment: 0.100 billion VND

II. Production, business and investment plan for 2025

1. Production and business plan for 2025:

No	Content	Unit of calculation	Implementation in 2024	Plan 2025	% of plan 2025/implementation 2024
I	**Parent Company**				
1	Charter Capital	Billion VND	900.000	900.000	100.0
2	Production Value	Billion VND	210.374	286.960	136.4
3	Revenue	Billion VND	334.631	430.745	128.7
4	Profit Before Tax	Billion VND	5.329	6.699	125.7
5	Payment to the Budget	Billion VND	5.734	348.885	6,084.5
6	Dividend (%)	%	0	0	
7	Investment Value	Billion VND	0.100	0.616	616.0
II	**Merger of Parent - Subsidiary**				
1	Production Value	Billion VND	2,554.130	2,178.059	85.3
2	Revenue	Billion VND	2,432.414	2,427.674	99.8
3	Profit Before Tax	Billion VND	85.023	52.107	61.3
4	Payment to the Budget	Billion VND	153.988	513.917	333.7

No	Content	Unit of calculation	Implementation in 2024	Plan 2025	% of plan 2025/implementation 2024
5	Investment Value	Billion VND	56.597	490.786	867.2

2. Investment portfolio of the parent company in 2025:

Investment in machinery, equipment, factories and repairs:

Total estimated investment: 0.616 billion VND

In which: + Investment in repair and maintenance of equipment: 0.616 billion VND.

The Board of Directors respectfully requests the General Meeting of Shareholders to approve, assign and authorize the Board of Directors of LICOGI Corporation to be responsible for organizing and implementing the above production and business - investment plan, including adjusting the value of investment items if necessary.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

DINH VIET TUNG

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 74 /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Approval of Audited Financial Statements for 2024

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Pursuant to the Charter of LICOGI Corporation - JSC (amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;
- Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated June 18, 2025 on approving the content and agenda of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders,

The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the 2024 Financial Statements (Including Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements) of LICOGI Corporation - JSC audited by iCPA International Auditing Company Limited.

The 2024 Financial Statements have been disclosed in accordance with regulations and posted on the Corporation's website (www.licogi.vn), including:

1. Report of the Board of Directors
2. Report of the Independent Auditor
3. Balance sheet as of December 31, 2024
4. Report on Business Performance for the fiscal year ending December 31, 2024
5. Cash Flow Statement for the fiscal year ending December 31, 2024
6. Notes to the Financial Statements.

Some basic indicators in the Separate Financial Statements and Audited Consolidated Financial Statements for 2024 are as follows:

Unit: Million VND

No	Targets	Consolidated financial statements	Separate financial statements
1	Total assets	4,616,642	2,651,274
2	Total revenue	2,432,414	334,631
3	Total (Loss/Profit) Pre-tax Profit	85,023	5,329
4	Total (Loss/Profit) Profit after tax	73,352	5,329
5	Total (Loss/Profit) Profit attributable to Parent Company	59,671	5,329

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

DINH VIET TUNG

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 75 /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Approval of the policy to terminate the operation of the Representative Office in Ho Chi Minh City of LICOGI Corporation - JSC

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Pursuant to Decree No. 01/2021/ND-CP dated January 4, 2021 of the Government on business registration;
- Pursuant to Circular No. 01/2021/TT-BKHĐT dated March 16, 2021 of the Ministry of Planning and Investment (now the Ministry of Finance) guiding on business registration;
- Pursuant to the Charter of LICOGI Corporation - JSC (amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;
- Pursuant to Article 4, Resolution of the 2024 General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC No. 76/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated June 26, 2024 on approving the Restructuring Orientation of the Corporation;
- Pursuant to the Minutes of the Board of Directors meeting dated June 18, 2025 on approving the content and agenda of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders,

The Board of Directors of LICOGI Corporation - JSC respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval the policy of terminating the operation of the Representative Office in Ho Chi Minh City of LICOGI Corporation - JSC;

The General Meeting of Shareholders assigns and authorizes the Board of Directors to organize and implement the termination of the operation of the Representative Office of the Corporation in Ho Chi Minh City in accordance with the provisions of law and the Charter of LICOGI Corporation - JSC.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

DINH VIET TUNG

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 76. /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Restructuring financial investments of LICOGI Corporation – JSC in other enterprises

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Pursuant to the Charter on Organization and Operation of LICOGI Corporation - JSC (amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;
- Pursuant to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2023;
- Pursuant to the current financial situation of LICOGI Corporation - JSC;
- Pursuant to the Report of the General Director of the Corporation on the results of production and business activities in 2024 and the production and business plan in 2025;
- Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated June 18, 2025 on the approval of the contents and agenda of the 2025 General Meeting of Shareholders,

The Board of Directors of LICOGI Corporation - JSC respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval the plan to restructure the financial investment portfolio of LICOGI Corporation - JSC at other enterprises as follows:

1. Continue to implement the divestment of 08 units with capital contributions of LICOGI Corporation as approved in the Resolution of the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.

2. Implementation period: From 2025 to 2026.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders to assign and authorize the Board of Directors to organize the implementation, including: deciding on the plan and form of divestment of the Corporation's financial investment in the above Enterprises, determining the time of divestment, selling price, ensuring the highest benefit of the Corporation and in accordance with current regulations.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

DINH VIET TUNG

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 77. /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Plan for distributing after-tax profit in 2024 and expected dividend payout ratio in 2025

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Pursuant to the Charter of LICOCI Corporation – JSC (Amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;
- Pursuant to the 2024 Financial Statements audited by ICPA International Auditing Company Limited;
- Pursuant to the 2025 Business and Investment Plan;
- Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated June 18, 2025 on approving the content and agenda of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders,

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for approval of the 2024 after-tax profit distribution plan and the expected dividend payment rate for 2025, specifically as follows:

1. After-tax profit distribution plan for 2024:

In 2024, the pre-tax profit of the Parent Company – LICOGI Corporation – JSC earned VND 5,328,792,411, but due to accumulated losses in 2016 and 2017, the Corporation paid dividends in 2024 at a rate of 0% in accordance with the Resolution of the 2024 General Meeting of Shareholders.

2. Expected dividend payment rate for 2025:

In 2025, the expected after-tax profit of the Parent Company is VND 6.699 billion, but not enough to offset accumulated losses, so the planned dividend payment rate for 2025 is 0%.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

DINH VIET TUNG

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 78 /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Final settlement of salary and remuneration payments of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2024 and salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;

- Pursuant to the Charter of LICOGI Corporation - JSC (Amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;

- Pursuant to the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders;

- Pursuant to the 2025 Production and Business Plan submitted to the General Meeting of Shareholders;

- Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated June 18, 2025 on the approval of the contents and agenda of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders,

The Board of Directors of LICOGI Corporation - JSC respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the settlement of salary and remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2024 and approval of the salary and remuneration plan of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025 as follows:

1. Payment of salaries and remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2024

In 2024, the Corporation paid salaries and remuneration to members of the Board of Directors and Supervisors in accordance with each subject working full-time or part-time at LICOGI. Specifically as follows:

- The salary and remuneration of the Board of Directors (5 members) approved by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders is VND 1,488,000,000/year;

The total actual salary and remuneration paid by the Board of Directors is VND 1,381,936,000, equal to 92.9% of the plan; an average of VND 23,032,267/person/month.

- The salary and remuneration of the Board of Supervisors (3 members) approved by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders is VND 576,000,000/year;

The total actual salary and remuneration paid to the Board of Supervisors is VND 502,028,000, equal to 87.1% of the plan; an average of VND 13,945,222/person/month.

Operating expenses of the Board of Directors and Board of Supervisors in 2024: Implemented in accordance with the Company Charter, internal regulations, and Financial Regulations issued by the Corporation.

1. Salary and remuneration plan of the Board of Directors and Board of Supervisors in 2025

**** Salary and remuneration for members of the Board of Directors:***

No	Position	Working mode	
		Full-time work (VND/month)	Part-time work (VND/month)
1	Chairman	35,000,000	10,000,000
2	Vice president	30,000,000	9,000,000
3	Board Member	28,000,000	7,000,000

**** Salary and remuneration for members of the Board of Supervisors:***

No	Position	Working mode	
		Full-time work (VND/month)	Part-time work (VND/month)
1	Head of the Board of Supervisors	28,000,000	7,000,000
2	Members of the Board of Supervisors	15,000,000	5,000,000

- Total salary and remuneration of the Board of Directors (5 members) is expected to be VND 1,488,000,000/year (One billion, four hundred and eighty-eight million dong);

- Total salary and remuneration of the Board of Supervisors (3 members) is expected to be VND 576,000,000/year (Five hundred and seventy-six million dong).

Operating budget of the Board of Directors and Board of Supervisors (Travel, accommodation, and other reasonable expenses): will be paid according to actual expenses and within the general operating budget plan of LICOGI as determined in the 2025 financial plan, ensuring savings, reasonableness, and compliance with the Charter of LICOGI Corporation - JSC, Financial Regulations, and internal spending regimes and norms of LICOGI.

The General Meeting of Shareholders assigns and authorizes the Board of Directors to adjust salary and remuneration levels, if necessary, to suit the actual situation, but not

exceeding the total salary and remuneration levels approved by the General Meeting of Shareholders.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

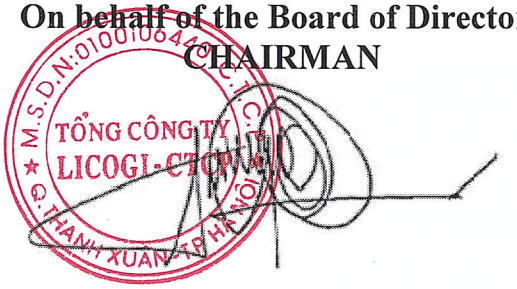

DINH VIET TUNG

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: .01. /2025/TTr-BKS

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Approval of the selection of the Auditing Company for the 2025 Financial Statements

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Law on Independent Auditing No. 67/2011/QH12 dated March 29, 2011;

- Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019

- Pursuant to the Charter of LICOGI Corporation - JSC (Amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC on June 24, 2021.

- Pursuant to the Regulations on the operation of the Board of Supervisors of LICOGI Corporation - JSC (Amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC on June 24, 2021

- Pursuant to the List of auditing companies and auditors approved to audit public interest entities in the securities sector in 2025 announced by the State Securities Commission on November 19, 2024; - Based on the Minutes of the Board of Supervisors meeting,

The Board of Supervisors respectfully submits to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders the selection of an auditing company to audit the 2025 financial statements of LICOGI Corporation - Joint Stock Company (LICOGI) as follows:

1. Criteria for selecting an independent auditing company

- An auditing company legally operating in Vietnam, approved by the State Securities Commission to audit public interest entities in the securities sector;

- An entity with highly qualified experts and auditors with extensive experience in auditing financial statements, in accordance with the provisions of Vietnamese Accounting Standards (VAS), Vietnamese Enterprise Accounting Regime;

- No conflict of interest when auditing financial statements for LICOGI;

- Meeting the Corporation's requirements on audit scope and progress;

- Having appropriate and competitive service fees.

2. List of selected independent auditing companies and selection plan

Based on the above criteria, the Board of Supervisors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders a list of auditing companies selected to audit LICOGI's 2025 Financial Statements and authorizes the Board of Directors to decide on the selection of a suitable auditing unit to audit the 2025 financial statements, including:

- International Auditing Company Limited (iCPA)
- VACO Auditing Company Limited (VACO).
- UHY Auditing and Consulting Company Limited (UHY).

In case one of the above auditing units cannot be selected, the General Meeting of Shareholders respectfully submits to authorize the Board of Directors to proactively select another unit on the basis of meeting the set criteria and ensuring maximum benefits for the Corporation

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Supervisors
PREFECT

Phan Hai Trieu

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: 79. /2025/TTr-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

PROPOSAL

Re: Dismissal and election of additional members of the Board of Directors

To: GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION – JSC

- Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;

- Pursuant to the Charter of LICOGI Corporation - JSC, the Internal Regulations on Corporate Governance, the Operating Regulations of the Board of Directors of LICOGI Corporation - JSC approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;

- Pursuant to the resignation letter of Mr. Ung Tien Do from the Board of Directors,

The Board of Directors of LICOGI Corporation - JSC proposes the 2025 Annual General Meeting of Shareholders to dismiss and elect additional members of the Board of Directors of the Corporation for the 2021 - 2026 term, specifically as follows:

- Dismiss Mr. Ung Tien Do as a member of the Board of Directors according to the provisions of Point b, Clause 2, Article 40 of the Charter of LICOGI Corporation - JSC;

- Elect additional 01 member of the Board of Directors.

Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

On behalf of the Board of Directors
CHAIRMAN

Dinh Viet Tung

LICOGI CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY

AUDITED CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

March 2025

TABLE OF CONTENTS

CONTENTS	PAGES
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	2 - 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4 - 5
CONSOLIDATED BALANCE SHEET	6 - 7
CONSOLIDATED INCOME STATEMENT	8
CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT	9
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	12 - 64

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of management of LICOGI Corporation - Joint Stock Company (the "Corporation") presents this report together with the Corporation's financial statements for the year ended 31 December 2024.

THE BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISORY

The members of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisory of the Corporation during the year and to the date of this report are as follows:

The Board of Directors

1. Mr. Dinh Viet Tung	Chairman
2. Mr. Phan Thanh Hai	Vice Chairman
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	Member (appointed on 26 June 2024)
4. Mr. Nguyen Truong Son	Member (resigned on 26 June 2024)
5. Mr. Nguyen Danh Quan	Member
6. Mr. Ung Tien Do	Member

The Board of Management

1. Mr. Vu Nguyen Vu	Chief Executive Officer (resigned on 16 August 2024)
2. Mr. Phan Thanh Hai	Chief Executive Officer (appointed on 16 August 2024)
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	Deputy Chief Executive Officer (resigned on 01 October 2024)
4. Mr. Nguyen Anh Dung	Deputy Chief Executive Officer

The Board of Supervisory

1. Mr. Phan Hai Trieu	Head of the Board of Supervisory
2. Mrs. Duong Thi Phuong	Member
3. Mrs. Kieu Bich Hoa	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Corporation during the year to the date of this report is:

1. Mr. Vu Nguyen Vu	Chief Executive Officer (from 01 January 2024 to 16 August 2024)
2. Mr. Phan Thanh Hai	Chief Executive Officer (from 16 August 2024)

BOARD OF MANAGEMENT' STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Management of the Corporation is responsible for preparing the consolidated financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Corporation as at 31 December 2024, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;
- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Corporation will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the consolidated financial statements so as to minimize errors and frauds.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (CONTINUED)

BOARD OF MANAGEMENT' STATEMENT OF RESPONSIBILITY (CONTINUED)

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Corporation and that the consolidated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Corporation and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Corporation has complied with the above requirements in preparing these consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Management,

TONG CONG TY LICOGI - CTCP

Phan Thanh Hai
Chief Executive Officer
Hanoi, March 31, 2025

iCPA since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
T 024. 666 42 777 E contact@icpa.vn W www.icpa.vn

No: 033108/2025/BCKT-iCPA

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **Shareholders, the Board of Directors and Board of Management**
LICOGI Corporation - Joint Stock Company

We have audited the accompanying consolidated financial statements of LICOGI Corporation – Joint Stock Company (the "Corporation"), prepared on March 31, 2025, as set out from page 6 to page 66, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2024, the consolidated income statement, the consolidated cash flow statement for the year then ended, Notes to the consolidated financial statements.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management of LICOGI Corporation - Joint Stock Company is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting and for such internal control as Board of Management determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Corporation's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Corporation's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by Management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit qualified opinion.

Basis for qualified opinion

Thinh Liet New Urban Area Project

As at January 1, 2024, the Corporation has capitalized interest expenses into the item "Long-term unfinished production and business costs" of the Thinh Liet New Urban Area Project with a total accumulated value of VND 396.8 billion. In 2024, the Corporation continues to capitalize interest into "Long-term unfinished production and business costs" of VND 41 billion. Accordingly, the total value of accumulated capitalized interest expenses up to December 31, 2024 is VND 437.8 billion. Because the Thinh Liet New Urban Area Project is prolonged, we were unable to collect the necessary information to determine the borrowing costs capitalized for this project in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 - Borrowing Costs (VAS No. 16).

Receivables and Allowance for Doubtful Debts

As at January 1, 2024 and December 31, 2024, the Corporation's subsidiaries recorded a number of receivables that the auditors was unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding rights and obligations, existence, accuracy, and completeness as well as assess the loss of these receivables, as detail:

Basis for qualified opinion (Continued)

Receivables and Allowance for Doubtful Debts (Continued)

- Licogi 15 Joint Stock Company: VND 77.45 billion and VND 76.06 billion;
- Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company: VND 5.5 billion and VND 3.4 billion;
- Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company: VND 87.36 billion and VND 98.18 billion;
- Lcogi Quang Ngai Joint Stock Company: VND 24.78 billion and VND 14.44 billion;
- Licogi 10 Joint Stock Company: as at January 1, 2024: VND 34.6 billion.

Inventories

The auditors were unable to perform the necessary audit procedures to determine the existence of inventories as of January 1, 2024 and December 31, 2024 of the Corporation's subsidiaries, specifically as follows:

- Licogi 15 Joint Stock Company: VND 11.4 billion and VND 12.2 billion;
- Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company: VND 10.3 billion and VND 10.3 billion.
- Licogi 10 Joint Stock Company: as at January 1, 2024: VND 90.1 billion.

Accounts Payable

As at January 1, 2024 and December 31, 2024, the Corporation's subsidiaries recorded a number of payables, but the auditors could not collect the necessary documents to determine the rights and obligations, existence, accuracy and completeness of these payables, specifically as follows:

- Licogi 15 Joint Stock Company: VND 99.05 billion and VND 98.62 billion;
- Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company: VND 6.7 billion and VND 7 billion;
- Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company: VND 82.67 billion and VND 79.54 billion;
- Licogi Quang Ngai Joint Stock Company: 20.98 billion VND and 17.4 billion VND;
- Licogi 10 Joint Stock Company: as at January 1, 2024: VND 68.6 billion.

Other Matters

As stated in Note IV of the consolidated financial statement disclosures, the financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024, of Licogi 10 Joint Stock Company, which have not been audited, have been consolidated into the consolidated financial statements of the Corporation. We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the figures of this subsidiary for the fiscal year ended December 31, 2024. Therefore, we could not determine whether any adjustments to the relevant figures as of December 31, 2024, are necessary, specifically as follows:

- Current assets: VND 195.61 billion;
- Non-current assets: VND 8.15 billion;
- Current liabilities: VND 204.53 billion;
- Equity: Negative VND 0.81 billion;
- Revenue from sales of goods and services in 2024: VND 72.06 billion;
- Cost of goods sold in 2024: VND 71.81 billion;
- Loss after corporate income tax: VND 6.7 billion.

As of December 31, 2024, Licogi 15 Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) had not recognized interest expenses according to the overdue debt notice. The total outstanding interest and penalty interest of this subsidiary at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Bim Son Branch were respectively VND 12.06 billion and VND 1.86 billion. For other loans, due to the inability to collect loan agreements from previous years that still have outstanding balances as at December 31, 2024, we were unable to fully estimate the interest expenses that the subsidiary should recognize. Therefore, we could not determine the necessary adjustments related to interest income/(expense) in the consolidated financial statements of the Corporation for the fiscal year ending December 31, 2024.

Qualified opinion

In our opinion, except for the matters described in the "Basis for qualified opinion", the consolidated financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of Corporation as at 31 December 2024, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

Emphasis of Matters

We would like to draw the readers' attention to Note II of the Notes to the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ending December 31, 2024, according to Decision No. 1456/QĐ-BXD dated November 12, 2018, on the actual value of State capital at the time of the transfer of the Parent Company – Infrastructure Construction and Development Corporation into Licogi Corporation – JSC, due to certain legal obstacles related to the opportunity cost under the business cooperation contract for the Thinh Liet New Urban Area investment project between the Corporation and Khu Dong Real Estate Investment and Business Co., Ltd., as well as the actual implementation of the project, the finalized transfer value does not include the opportunity cost. This opportunity cost will be calculated separately will be recognized separately upon the direction of the Prime Minister and the Corporation is responsible for directly submitting it to the Enterprise Support and Development Fund after being officially determined.

We would like to draw the readers' attention to Note II of the Notes to the Consolidated Financial Statements, as at December 31, 2024, the accumulated loss of the Corporation was VND 550.94 billion (as at January 1, 2024, it was VND 575.94 billion), short-term debt exceeded short-term assets by VND 1,271.94 billion (as at January 1, 2024 was VND 1,335.07 billion). The Corporation's ability to continue operating will depend on the implementation of the business plan and financial support from credit institutions. These events, together with other matters as described in Note II to the Consolidated Financial Statements, indicate the existence of material uncertainties that may cast significant doubt about the Corporation's ability to continue as a going concern.

We draw readers' attention to Note VII.4 of the consolidated financial statement disclosures. According to Appellate Judgment No. 01/2025/KDTM-PT dated January 3, 2025, regarding the credit contract dispute between the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development and Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company (a subsidiary), from 2011 to 2023, the subsidiary had recognized interest expenses based on the agreed-upon interest rates in the debt acknowledgment documents, ranging from 15% to 19% per annum. Under the aforementioned judgment, the interest rate was adjusted down to 4.86%/year, with no overdue penalty interest applied. Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company (the Subsidiary) retrospectively adjusted the financial statements for the fiscal year ended December 31, 2023. Consequently, certain figures in the consolidated financial statements for the fiscal year ended December 31, 2023, of the Corporation have been retrospectively adjusted in accordance with prevailing accounting regulations to ensure comparability with the current year's financial data.

Our qualified audit opinion is not qualified in respect of these matters.

Nguyen Thi Thanh Hoa
Deputy Chief Executive Officer
Audit Practising Registration Certificate
No. 1402-2023-072-1
On behalf of and representing
International Auditing Company Limited
Hanoi, March 31, 2025

Kieu Manh Long
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 5727-2023-072-01

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	**100**		**2,164,613,683,754**	**1,941,654,611,781**
I. Cash and cash equivalents	**110**	**V.1**	**481,377,341,513**	**119,289,679,144**
1. Cash	111		197,356,629,184	56,289,679,144
2. Cash equivalents	112		284,020,712,329	63,000,000,000
II. Short-term financial investments	**120**		**62,300,000,000**	**54,185,007,431**
1. Held-to-maturity investments	123	V.2a	62,300,000,000	54,185,007,431
III. Short-term receivables	**130**		**1,108,046,090,109**	**1,129,865,686,552**
1. Short-term trade receivables	131	V.3	908,246,173,489	989,279,058,858
2. Short-term advances to suppliers	132	V.4a	163,180,631,286	92,191,866,847
3. Short-term loan receivables	135	V.5	7,291,160,010	7,241,160,010
4. Other short-term receivables	136	V.7a	417,724,074,353	416,910,008,228
5. Short-term advances to suppliers	137	V.8	(388,890,346,744)	(376,250,805,106)
6. Shortage of assets awaiting resolution	139		494,397,715	494,397,715
IV. Inventories	**140**	**V.9**	**479,379,168,966**	**603,665,931,773**
1. Inventories	141		501,951,713,836	624,914,301,622
2. Provision for devaluation of inventories	149		(22,572,544,870)	(21,248,369,849)
V. Other short-term assets	**150**		**33,511,083,166**	**34,648,306,881**
1. Short-term prepaid expenses	151	V.6a	3,768,598,247	4,436,210,938
2. Value added tax deductibles	152		25,450,679,328	27,552,273,467
3. Taxes and amounts payable to the State budget	153	V.10a	4,291,805,591	2,659,822,476

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)
As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
B. NON-CURRENT ASSETS	**200**		**2,452,028,605,201**	**2,372,659,293,362**
I. Long-term receivables	**210**		**2,316,653,354**	**1,808,648,034**
1. Other long-term receivables	216	V.7b	2,316,653,354	1,808,648,034
II. Fixed assets	**220**		**236,951,239,111**	**253,508,897,023**
1. Tangible fixed assets	221	V.11	205,410,245,818	221,267,662,042
- Cost	222		*1,265,155,218,612*	*1,317,049,997,332*
- Accumulated depreciation	223		*(1,059,744,972,794)*	*(1,095,782,335,290)*
2. Fixed assets of finance leasing	224	V.12	5,494,154,374	5,907,137,410
- Cost	225		*7,725,170,910*	*6,879,716,365*
- Accumulated depreciation	226		*(2,231,016,536)*	*(972,578,955)*
3. Intangible fixed assets	227	V.13	26,046,838,919	26,334,097,571
- Cost	228		*30,131,669,806*	*30,131,669,806*
- Accumulated depreciation	229		*(4,084,830,887)*	*(3,797,572,235)*
III. Investment properties	**230**	**V.14**	**4,020,667,916**	**4,020,667,916**
- Cost	231		*4,102,505,616*	*4,102,505,616*
- Accumulated depreciation	232		*(81,837,700)*	*(81,837,700)*
IV. Long-term assets in progress	**240**	**V.15**	**1,378,638,451,947**	**1,337,367,772,726**
1. Long-term work in progress	241		1,355,580,005,015	1,308,718,438,654
2. Long-term construction in progress	242		23,058,446,932	28,649,334,072
V. Long-term financial investments	**250**		**796,376,091,476**	**746,447,994,576**
1. Investments in joint-ventures, associates	252	V.16	*763,700,633,868*	705,218,498,228
2. Equity investments in other entities	253	V.17	49,876,625,400	59,260,545,400
3. Provision for impairment of long-term	254	V.17	(17,201,167,792)	(19,531,049,052)
4. Held-to-maturity investments	255	V.2b	-	1,500,000,000
VI. Other long-term assets	**260**		**33,725,501,397**	**29,505,313,087**
1. Long-term prepaid expenses	261	V.6b	32,214,865,237	28,003,767,837
2. Deferred tax assets	262		1,510,636,160	1,501,545,250
TOTAL ASSETS	**270**		**4,616,642,288,955**	**4,314,313,905,143**

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)
As at 31 December 2024

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	**300**		**4,126,710,245,541**	**3,880,055,141,680**
I. Current liabilities	**310**		**3,436,552,705,995**	**3,276,691,518,474**
1. Short-term trade payables	311	V.18	729,872,570,544	690,313,542,942
2. Short-term advances from customers	312	V.19a	171,551,024,537	154,688,996,148
3. Taxes and amounts payable to the State budget	313	V.10b	259,390,124,840	251,386,635,634
4. Payables to employees	314		106,167,991,962	70,738,281,338
5. Short-term accrued expenses	315	V.20	273,944,236,780	324,180,028,360
6. Short-term unearned revenue	318		350,000,000	391,363,635
7. Other current payables	319	V.21a	212,658,800,216	222,693,291,505
8. Short-term loans and obligations under finance leases	320	V.22a	1,659,493,543,635	1,532,528,456,742
9. Short-term provisions	321		7,132,604,247	8,499,697,350
10. Bonus and welfare funds	322		15,991,809,234	21,271,224,820
II. Long-term liabilities	**330**		**690,157,539,546**	**603,363,623,206**
1. Long-term trade payables	332	V.19b	133,687,377,644	132,778,286,735
2. Long-term unearned revenue	336		367,186,667	577,610,353
3. Other long-term payables	337	V.21b	68,639,046,075	68,744,046,075
4. Long-term loans and obligations under finance leases	338	V.22b	480,823,582,880	397,574,529,050
5. Deferred tax liabilities	341		1,935,547,053	1,937,671,432
6. Provisions for long - term liabilities	342		4,704,799,227	1,751,479,561
D. EQUITY	**400**		**489,932,043,414**	**434,258,763,463**
I. Owner's equity	**410**	**V.23**	**489,932,043,414**	**434,258,763,463**
1. Owner's contributed capital	411		900,000,000,000	900,000,000,000
2. Other owner's capital	414		117,558,651	117,558,651
3. Assets revaluation reserve	416		(89,169,818,319)	(89,169,818,319)
4. Investment and development fund	418		143,948,227,766	116,707,388,783
5. Other funds	420		2,083,295,470	2,083,295,470
6. Retained earnings	421		(550,940,633,893)	(575,942,612,450)
- Retained earnings accumulated to the prior year end	421a		*(610,611,367,924)*	*(574,653,913,688)*
- Retained earnings of the current year	421b		*59,670,734,031*	*(1,288,698,762)*
7. Non - controlling interest	**429**		83,893,413,739	80,462,951,328
TOTAL RESOURCES	**440**		**4,616,642,288,955**	**4,314,313,905,143**

Dang Thu Oanh	**Le Thi Thanh Noi**	**Phan Thanh Hai**
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
For the year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01	VI.1	2,250,355,273,122	2,035,962,622,006
2. Deductions	02	VI.1	660,982,911	108,879,112
3. Net revenue from goods sold and services rendered	10	VI.1	2,249,694,290,211	2,035,853,742,894
4. Cost of sales	11	VI.2	1,998,928,693,494	1,857,597,058,922
5. Gross profit from goods sold and services rendered	20		250,765,596,717	178,256,683,972
6. Financial income	21	VI.3	122,049,744,915	146,413,437,587
7. Financial expenses	22	VI.4	122,017,306,564	135,069,639,377
- In which: Interest expense	*23*		*119,151,969,698*	*136,271,756,795*
8. Share of profit/(loss) in asscociates	24		60,670,020,611	22,930,751,383
9. Selling expenses	25	VI.5	52,160,834,222	42,521,230,361
10. General and administration expenses	26	VI.6	163,902,735,188	140,632,746,464
11. Operating profit	30		95,404,486,269	29,377,256,740
12. Other income	31	VI.7	21,646,340,072	9,834,690,147
13. Other expenses	32	VI.8	32,027,571,830	23,493,372,510
14. Profit from other activities	40		(10,381,231,758)	(13,658,682,363)
15. Accounting profit before tax	50		85,023,254,511	15,718,574,377
16. Current corporate income tax expense	51	VI.9	11,682,771,675	9,696,248,097
17. Deferred corporate income tax expense	52		(11,215,289)	(773,026,201)
18. Net profit after corporate income tax	60		73,351,698,125	6,795,352,481
- After-tax profit of the Corporation	61		59,670,734,031	(1,288,698,762)
- After-tax profit of attributable to non - controlling interest	62		13,680,964,094	8,084,051,243
19. Basic earnings per share	70	VI.10	663	(119)
20. Diluted earnings per share	71	VI.10	663	(119)

Dang Thu Oanh	**Le Thi Thanh Noi**	**Phan Thanh Hai**
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

CONSOLIDATED CASH FLOW
(Under indirect method)
For the year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Accounting profit before tax	**01**	**85,023,254,511**	**15,718,574,377**
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation	02	41,520,955,185	46,673,429,179
Provisions	03	13,220,061,962	(100,600,173)
Foreign exchange (gains)/ losses arising from translating foreign currency items	04	(437,138,095)	(12,979,711)
(Gains)/losses from investing activities	05	(186,977,558,331)	(150,943,732,307)
Interest expense	06	119,151,969,698	136,271,756,795
3. Operating profit before movements in working capital	**08**	**71,501,544,930**	**47,606,448,160**
(Increase)/Decrease in receivables	09	(7,863,907,071)	(280,812,030,445)
(Increase)/Decrease in inventories	10	122,962,587,786	4,216,792,353
(Increase)/Decrease in payables	11	104,728,002,585	82,472,713,759
(Increase)/Decrease in prepaid expenses	12	(3,543,484,709)	1,494,270,725
Interest paid	14	(232,129,743,084)	(157,469,798,589)
Corporate income tax paid	15	(17,721,960,802)	(5,938,273,891)
Other cash outflows	17	(16,230,527,288)	(12,003,694,488)
Net cash generated by/used in operating	**20**	**21,702,512,347**	**(320,433,572,416)**
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(19,729,352,184)	(14,393,783,470)
2. Cash outflow for lending, buying debt, instruments of other entities	22	19,263,591,327	5,227,231,497
3. Cash outflow for lending, buying debt, instruments of other entities	23	(59,300,000,000)	(92,200,000,000)
4. Cash recovered from lending, reselling debt instruments of other entities	24	61,450,000,000	227,216,306,884
5. Cash recovered from investments in other	26	10,425,266,000	6,803,822,730
6. Interest earned, dividends and profits received	27	117,624,366,061	152,267,543,667
Net cash generated by/used in investing	**30**	**129,733,871,204**	**284,921,121,308**
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	2,198,569,953,490	1,968,301,400,989
2. Repayment of borrowings	34	(1,987,018,534,567)	(1,893,960,910,119)
3. Repayment of obligations under finance leases	35	(1,337,278,200)	(920,648,500)
Net cash generated by/used in financing	**40**	**210,214,140,723**	**73,419,842,370**
Net increase/(decrease) in cash	**50**	**361,650,524,274**	**37,907,391,262**
Cash and cash equivalents at the beginning	**60**	**119,289,679,144**	**81,369,308,171**
Effect of changes in foreign exchange rate	61	437,138,095	12,979,711
Cash and cash equivalents at the end of the	**70**	**481,377,341,513**	**119,289,679,144**

Dang Thu Oanh	**Le Thi Thanh Noi**	**Phan Thanh Hai**
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statement

I. GENERAL INFORMATION

1. Structure of ownership

LICOGI Corporation – Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Corporation"), formerly known as the Infrastructure Development and Construction Corporation, was established under Decision No. 998/BXD-TCLD dated November 20, 1995 of the Minister of Construction, a State-owned enterprise under the Ministry of Construction. The Corporation transformed its model into a joint stock company under Decision No. 2243/QD-TTg dated December 11, 2014 of the Prime Minister approving the equitization plan of the Infrastructure Development and Construction Corporation - One Member Limited Liability Company. According to the Business Registration Certificate No. 0100106440, the third change on December 31, 2015, issued by the Hanoi Department of Planning and Investment, the Corporation officially transformed into a joint stock company, changing its name from the Infrastructure Development and Construction Corporation - One Member Limited Liability Company to LICOGI Corporation - Joint Stock Company with a charter capital of VND 900 billion. The Corporation operates under the Business Registration Certificate No. 0100106440, first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on November 24, 2010, amended for the tenth changed on February 27, 2025.

Head office of the Corporation: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City.

2. Field of business

The Corporation operates in many different fields.

3. Operating industry and principal activities

The Corporation's production and business activities include:

- Construction and installation: underground works, irrigation works (dykes, dams, canals, reservoirs, irrigation systems, pipelines, pumping stations), hydroelectricity, thermal power, post office, water supply and drainage, urban and industrial park infrastructure technical works, drilling and blasting (Enterprises are only allowed to do business when permitted by competent State agencies);

- Investing in and developing projects on housing, urban areas, industrial parks, investing and developing technical infrastructure, investing in the construction of electricity works and trading in commercial electricity; investing and trading in office services, hotels, motels, tourism and entertainment services, managing and exploiting comprehensive services in new urban areas and concentrated residential areas;

- Construction and installation and general contractor for construction and installation of civil, industrial and traffic works (roads, railway bridges, road bridges, airports, ports, stations, tunnels);

- Researching the application and transfer of new technologies in the construction field, organizing training, retraining, fostering Management staff, specialized technical workers, education and orientation to send Vietnamese workers and experts to work abroad for a limited period;

- Manufacturing, trading and importing and exporting mechanical products, materials, machinery, equipment, raw materials, types of construction materials, construction technology;

- Construction investment consultancy includes: planning, establishment and appraisal of construction investment projects, topographic survey, engineering geology, hydrogeology, design, preparation of total cost estimates for construction works, project Management, technical supervision of construction, bidding consultancy and economic contracts on design, construction, installation, supply of materials and equipment; testing, quality inspection of works (excluding legal consultancy).

4. Normal production and business cycle

For the Corporation's real estate business activities, the production and business cycle usually lasts more than 12 months. Other activities have a business cycle of no more than 12 months.

I. GENERAL INFORMATION (CONTINUED)

5. Business structure

As at December 31, 2024, the Corporation has the following affiliated units:

Units	Place	Main business activities
Head Office	Ha Noi	Construction, foundation, infrastructure
LICOGI Branch No. 1	Ha Noi	Construction, foundation, infrastructure
LICOGI Construction Materials Branch	Ha Noi	Construction materials production

Information about the Subsidiary (direct ownership) as at December 31, 2024 is as follows:

Subsidiaries	Place of incorporation and operation	Proportion of ownership interest and voting power held	Main business activities
Dong Anh Investment Construction and Building Materials Joint Stock Company	Ha Noi	51.85%	Manufacturing and trading of construction materials
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	Ha Noi	89.06 %	Manufacturing and trading of mechanical products
Licogi Consulting Joint Stock Company	Ha Noi	60.00%	Construction investment consulting
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	Dong Nai	51.00%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	Quang Ngai	64.77%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 10 Joint Stock Company	Da Nang	57.71%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 15 Joint Stock Company	Thanh Hoa	64.65%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 17 Joint Stock Company	Hai Duong	56.33%	Construction, foundation, infrastructure
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	Ha Noi	92.58%	Construction, foundation, infrastructure
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	Ha Noi	89.92%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi Urban and Housing One Member Company Limited	Ha Noi	100.00%	Real Estate Business
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	Quang Ninh	100.00%	Real Estate Business
LICOGI General Import-Export One Member Company Limited	Ha Noi	100.00%	Labor supply and Management

I. GENERAL INFORMATION (CONTINUED)

5. Business structure (Continued)

Second-tier Subsidiary

The Corporation has some second-tier subsidiaries indirectly owned consolidated in financial statements as at December 31, 2024 including:

Name	Place	Benefit ratio	Voting power held	Main business activities
Dong Anh 6 Investment and Constructioon Materials Joint Stock Company *(Subsidiary of Dong Anh Investment Construction and Building Materials Joint Stock Company)*	Hoa Binh	28.22%	54.42%	Production and trading of construction materials
Dong Anh 9 Contruction Materials and Investment Development Joint Stock Conpany *(Subsidiary of Dong Anh Investment Construction and Building Materials Joint Stock Company)*	Phu Tho	26.44%	51.00%	Production and trading of construction materials
Licogi 9.2 Joint Stock Company *(Subsidiary of Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9)*	Dong Nai	40.45%	79.31%	Construction, foundation, infrastructure

The Corporation has associated companies and joint ventures reflected in the Consolidated Financial Statements using the equity method as of December 31, 2024, including:

Associates

Name	Place	Benefit ratio	Voting power held	Main business activities
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	Lao Cai	41.01%	41.01%	Electricity production and trading
Licogi 14 Joint Stock Company	Phu Tho	18.49%	18.49%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 19 Joint Stock Company	Ha Noi	22.62%	22.62%	Construction, foundation, infrastructure
Binh Long Construction and Investment Joint Stock Company *(Associate of Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9)*	Binh Phuoc	20.40%	40.00%	Production and trading of construction materials
Dong Anh 8 Contruction Materials and Investment Development Joint Stock Conpany *(Associate of Dong Anh Investment Construction and Building Materials Joint Stock Company)*	Hung Yen	25.27%	48.73%	Production and trading of construction materials

I. GENERAL INFORMATION (CONTINUED)

5. Business structure (Continued)

Joint venture company

Name	Place	Benefit ratio	Voting power held	Main business activities
Thang Long Industrial Park Company Limited *(Joint venture company of Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company)*	Ha Noi	37.41%	42.00%	Real Estate Business
Ha Nam Construction Materials Production Joint Venture Company *(Joint venture company of Licogi 15 Joint Stock Company)*	Ha Nam	48.48%	48.48%	Production and trading of construction materials

6. Comparative figures

The comparative figures are data on the audited Consolidated financial statements for year ended 31 December 2023.

II. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

The accompanying consolidated financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

During the period of equitization from January 1, 2013 to December 31, 2015, the Corporation prepared financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting Regime and legal regulations related to the preparation and presentation of financial statements and financial handling as prescribed in Decree No. 116/2015/ND-CP dated November 11, 2015 of the Government on converting 100% State-owned enterprises into Joint Stock Companies and Circular No. 127/2014/TT-BCT dated September 5, 2014 of the Ministry of Finance on guidance on financial handling and determining enterprise value when converting 100% State-owned enterprises into Joint Stock Companies. However, due to some problems related to legal regulations related to the opportunity cost under the business cooperation contract for the Thinh Liet New Urban Area construction investment project between the Corporation - Parent Company and Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited and the actual situation of project implementation, the final settlement value does not include opportunity cost. This opportunity cost will be calculated separately after receiving instructions from the Prime Minister and the Corporation - Parent Company is responsible for paying directly to the Enterprise Support and Development Fund after being officially determined.

Going concern assumption

As at December 31, 2024, the accumulated loss of the Corporation was VND 550.94 billion (as at January 1, 2024, was VND 575.94 billion), short-term debt exceeded short-term assets by VND 1,271.94 billion (as at January 1, 2024, was VND 1,335.07 billion). The Corporation's ability to continue as a going concern depends on its revenue sources and funding sources from its partners. The Board of Directors of the Corporation believes that the Corporation will be able to mobilize capital from credit institutions and other sources to settle due debts/obligations pay debts as they fall due (if necessary) and maintain the necessary working capital to continue operations in the near future.

II. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR (CONTINUED)

Going concern assumption (Continued)

The Board of Management of the Corporation has carefully assessed the business plan and cash flow plan, as well as the ability to balance cash sources to pay debts and financial obligations as they fall due. The Board of Management believed that it was appropriate for the consolidated financial statements of the Corporation for the year ended 31 December 2024 to be prepared on a going concern basis.

Fiscal year

The company's financial year begins from 01 January to 31 December.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM APPLIED

The Corporation applies Vietnamese Accounting Standards and the Accounting regime for enterprises promulgated under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by Ministry of Finance guiding the accounting regime for enterprises, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC, Circular No.202/2014/TT-BTC ("Circular 202") guiding on preparation and presentation of consolidated financial statements and Circular guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of consolidated financial statements.

The Corporation has fully complied with the requirements of Vietnamese accounting standards in preparing and presenting consolidated financial statements.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Corporation in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of consolidated financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the year. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Basis of consolidation

The consolidated financial statements include the financial statements of the Corporation and the financial statements of the companies controlled by the Corporation (subsidiaries) up to 31 December each year. Control is achieved where the Corporation has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

The results of subsidiaries acquired or disposed of during the year are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal, as appropriate.

Where necessary, adjustments are made to the financial statements of subsidiaries to bring the accounting policies used in line with those used by the Corporation.

Intragroup transactions and balances are eliminated in full on consolidation.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Basis of consolidation (Continued)

Non-controlling interests consist of the amount of those non-controlling interests at the date of the original business combination (see below) and the non-controlling interests' share of changes in equity since the date of the combination. Losses in subsidiaries are respectively attributed to the non-controlling interests even if this results in the non-controlling interests having a deficit balance.

The Board of Management of the Corporation has decided to consolidate the unaudited financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024, of Licogi 10 Joint Stock Company. The financial figures of this subsidiary for the fiscal year ended December 31, 2024, are as follows:

- Current assets: VND 195.61 billion;
- Non-current assets: VND 8.15 billion;
- Current liabilities: VND 204.53 billion;
- Equity: Negative VND 0.81 billion;
- Revenue from sales of goods and services in 2024: VND 72.06 billion;
- Cost of goods sold in 2024: VND 71.81 billion;
- Loss after corporate income tax: VND 6.7 billion.

The Board of Management of the Corporation believee that any adjustments (if any) related to the figures in the Financial Statements of Licogi 10 Joint Stock Company will not have a material impact on the Consolidated Financial Statements of the Corporation. The Consolidated Financial Statements of the Corporation have not included any adjustments related to this matter.

Business combinations

On acquisition, the assets and liabilities and contingent liabilities of a subsidiary are measured at their fair values at the date of acquisition. Any excess of the cost of acquisition over the fair values of the identifiable net assets acquired is recognised as goodwill. Any deficiency of the cost of acquisition below the fair values of the identifiable net assets acquired is credited to profit and loss in the period of acquisition.The non-controlling interests are initially measured at the non-controlling shareholders' proportion of the net fair value of the assets, liabilities and contingent liabilities recognised.

Investments in associates

An associate is an entity over which the Corporation has significant influence and that is neither a subsidiary nor an interest in joint venture. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investor but not control or joint control over those policies.

The results and assets and liabilities of associates are incorporated in these financial statements using the equity method of accounting. Interests in associates are carried in the balance sheet at cost as adjusted by post-acquisition changes in the Corporation's share of the net assets of the associate. Losses of an associate in excess of the Corporation 's interest in that associate (which includes any long-term interests that, in substance, form part of the Corporation 's net investment in the associate) are not recognised.

In the event that a member company of the Corporation conducts a transaction with an affiliated company of the Corporation, unrealized gains/losses corresponding to the Corporation's capital contribution to the associate company are eliminated from the consolidated financial statements.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Corporation has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits (commercial bills), bonds, preference shares which the issuer shall redeem at a certain date in the future, loans held to maturity to earn periodic interest and other held-to-maturity investments.

Held-to-maturity investments are recognised on a trade date basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs. Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

When there is solid evidence that part or all of the investment may not be recoverable and the amount of loss can be reliably determined, the loss is recorded in financial expenses during the year and reduced. Direct deduction of investment value.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts relating to held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Loan receivables

Loan receivables are measured at cost less provision for doubtful debts. Provision for doubtful debts relating to loan receivables is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent the Corporation's investments in ordinary shares of the entities over which the Corporation has no control, joint control, or significant influence.

Equity investments in other entities are carried at cost less provision for impairment.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is set aside for each receivable based on the time of overdue payment of principal according to the original debt commitment (not taking into account debt extension between parties) or based on the level of possible loss according to the Company's assessment. The difference between the provision to be set up at the end of this fiscal year and the provision set up at the end of the previous fiscal year is recorded as an increase or decrease in business management expenses in the fiscal year. When receivables are determined to be uncollectible, they will be written off.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the specific identification method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

Inventories value are determined according to the weighted average method. Inventories are accounted for using the regular declaration method.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Inventories (Continued)

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use. The costs of tangible fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self-construction or self-generating process are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State's regulations on investment and construction Management, directly-related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been completed and put into use but the settled costs thereof have not been approved, the cost of tangible fixed assets is recognised at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by competent authorities.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Buildings and structures	05 - 30
Machinery, equipment	05 - 10
Motor vehicles	06 - 10
Office equipment	03 - 05

Tangible fixed assets are revalued in accordance with the State's decisions or when state-owned enterprises are equitised. The cost and accumulated depreciation of tangible fixed assets are adjusted based on the revaluation value approved by competent authorities as regulated.

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between profit from sales or disposals of assets and their residual values and is recognised in the income statement.

Intangible assets and amortisation

Land use rights: intangible fixed assets represent the value of land use rights. Land use rights are allocated using the straight-line method based on the land lot's useful life.

Computer software: intangible fixed assets represent the value of computer software and are stated at cost less accumulated amortization. Computer software is allocated using the straight-line method based on the useful life 05 years.

Investment properties

Investment properties are composed of land use rights, buildings and structures held by the Corporation to earn rentals or for capital appreciation. Investment properties held to earn rentals are stated at cost less accumulated depreciation while investment properties held for capital appreciation are stated at cost less impairment loss. The costs of purchased investment properties comprise their purchase prices and any directly attributable expenditures, such as professional fees for legal services, property transfer taxes and other related transaction costs. The costs of self-constructed investment properties are the finally accounted construction or directly attributable costs of the properties.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Investment properties (Continued)

Investment real estate at the Corporation is investment real estate held for appreciation, the Corporation does not depreciate. In case there is solid evidence that investment real estate held for appreciation has decreased in value compared to market value and the decrease in value can be determined reliably, the investment real estate held for appreciation is recorded as a decrease in original cost and the loss is recorded in cost of goods sold.

The transfer from owner-occupied real estate to investment real estate or from investment real estate to owner-occupied real estate or inventory is only possible when there is a change in purpose of use. Owner-occupied real estate converts to investment property when the owner ends use of the property and when another party leases it for operation. Investment property converts to owner-occupied property when the owner begins to use the property. Investment real estate converts to inventory when the owner begins to develop it for sale. Inventories are converted into investment properties when the owner begins leasing them to another party. Construction real estate is converted into investment real estate at the end of the construction phase and is handed over for investment.

Conversion of use between investment property and owner-occupied property or inventory does not change the carrying amount of the converted asset and does not change the cost of the property. assets in the determination of value or in preparing the financial statements.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental and administrative purposes or for other purposes are carried at cost. The cost includes any costs that are necessary to form the asset including construction cost, equipment cost, other directly attributable costs in accordance with the Corporation's accounting policy. Such costs will be included in the estimated costs of the fixed assets (if settled costs have not been approved) when they are put into use. According to the State's regulations on investment and construction Management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. The final costs of these completed construction projects may vary depending on the final approval by competent authorities.

Prepayments

Prepaid expenses include actual expenses that have been incurred but are related to the results of production and business activities of many accounting periods. Prepaid expenses include the value of tools, instruments, small components issued for use, other repair costs and are considered to have the potential to bring future economic benefits to the Corporation. These costs are capitalized in the form of prepayments and allocated to the Income Statement, using the straight-line method in accordance with current accounting regulations.

Accrued expenses

Payables for goods and services received from sellers or provided to the Company during the reporting period but not actually paid because the supplier has not issued invoices or does not have sufficient records, documents, or other documents such as loan interest payable, other production and business expenses... are recorded in production and business expenses of the reporting period.

Payable provisions

Payable provisions are recognised when the Corporation has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Corporation will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the Management's best estimate of the expenditure required to settle the obligation as at the balance sheet date.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Unearned revenue

Unearned revenue includes revenue received in advance such as: the amount of money that customers have paid in advance for one or more fiscal years for labor export services.

Unearned revenue is transferred to Sales and Service Revenue at the amount determined in accordance with each fiscal year.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

(a) The Corporation has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
(b) The Corporation retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with; ownership nor effective control over the goods sold;
(c) The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the products or goods, purchased under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to pay return products and goods (except for cases where customers have the right to return goods in the form of exchange for other goods or services);
(d) The Corporation has obtained or will receive economic benefits from the sale transaction; and
(e) The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of such transactions can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, revenue is recognised in each period by reference to the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date of that period. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

(a) The amount of revenue can be measured reliably; When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the products or goods, purchased under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to pay return products and goods;
(b) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Corporation;
(c) The percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
(d) The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Interest income is recognized on an accrual basis, determined on the balance of the deposit account and the interest rate applied.

Interest from investments is recognized when the Corporation has the right to receive the profit.

Dividends and profits distributed

Dividends and distributed profits are recognized when the Corporation is entitled to receive dividends or profits from capital contribution. Dividends received by shares are only tracked for the number of additional shares, not the value of shares received.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Revenue recognition (Continued)

Construction contract

Revenue and costs of construction contracts are recognised as follows:

When the outcome of a contract can be estimated reliably:

- For construction contracts that stipulate that the contractor is paid according to the planned schedule, revenue and costs related to the contract are recognized in proportion to the work completed by the Corporation self-determined at the end of the financial year.

- For construction contracts where the contractor is paid according to the value of the volume performed, the revenue and costs related to the contract are recognized in proportion to the completed work confirmed by the customer and is reflected on the invoice issued.

Increases and decreases in construction and installation volume, compensation and other revenues are recognised as revenue only when agreed with the customer.

When the outcome of a construction contract cannot be estimated reliably:

- Revenue is recognised only to the extent of contract costs incurred for which recovery is reasonably certain.

- Contract costs are recognised as expenses only when incurred.

The difference between the cumulative total revenue of a construction contract recognised and the cumulative amount recorded on invoices for payment according to the planned progress of the contract is recognised as receivable or payable according to the planned progress of the construction contracts.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates on the same date.

Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognised in the income statement. Exchange differences due to revaluation of monetary items denominated in foreign currencies at the balance sheet date after netting for the increase and decrease in difference are recognized in financial income or as financial expenses.

The exchange rate used to convert transactions arising in foreign currencies is the actual exchange rate at the time of transaction. The actual exchange rate for transactions in foreign currencies is determined as follows:

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Foreign currencies (Continued)

- Actual exchange rate when buying and selling foreign currencies (foreign currency trading spot contracts, forward contracts, futures contracts, options contracts, swap contracts): exchange rate signed in the contract. buying and selling foreign currency between the Corporation and the bank.

- If the contract does not specify the payment rate:

- For capital contributions or capital contributions: foreign currency buying rate of the bank where the Corporation opens an account to receive capital from investors at the date of capital contribution.
- For receivables: the buying rate of the commercial bank where the Corporation appoints the customer to pay at the time of transaction.
- For liabilities: the selling rate of the commercial bank where the Corporation is expected to transact at the time the transaction arises.
- For purchases of assets or expenses that are immediately paid in foreign currencies (not through accounts payable): the buying rate of the commercial bank where the Corporation makes payment.

The exchange rate used to re-evaluate the balance of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the fiscal year is determined according to the following principles:

- For foreign currency deposits at banks: foreign currency buying rate of the bank where the Corporation opens a foreign currency account.

- For foreign currency items classified as other assets: foreign currency buying rate of the Bank with which the Corporation regularly transacts.

- For foreign currency items classified as liabilities: foreign currency selling rate of the Bank with which the Corporation regularly transacts.

Borrowing costs

Borrowing costs include interest and other costs incurred in connection with borrowings.

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred. In cases where borrowing costs are directly related to the investment in construction or production of unfinished assets, which require a sufficient period of time (over 12 months) to be put to use for the intended purpose or sale, these borrowing costs are capitalized. For separate loans serving the construction of fixed assets, investment real estate, borrowing interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months. Income arising from temporary investment of loans is recorded as a reduction in the original cost of related assets.

For general loans used for the purpose of investment in construction or production of unfinished assets, capitalized borrowing costs are determined according to the capitalization rate for the weighted average cumulative costs incurred for the investment in basic construction or production of that asset. The capitalization rate is calculated at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the year, except for specific borrowings serving the purpose of forming a specific asset.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Taxation (Continued)

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and are accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Corporation intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

Earnings per share

Basic earnings per share is calculated by dividing the profit or loss after tax distributed to shareholders owning ordinary shares of the Corporation (after adjusting for the appropriation of bonus and welfare funds) by weighted average number of common shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share is calculated by dividing the after-tax profit (or loss) to holders of the Corporation 's common shares (after adjusting for dividends on convertible preferred shares) for the weighted average number of ordinary shares outstanding for the year and the weighted average number of ordinary shares to be issued in the event that all potential shares of common stock have an impairments are converted into common shares.

Related parties

Enterprises and individuals that directly, or indirectly through one or more intermediaries, control or are controlled by, or under common control with, the Corporation, including holding companies, subsidiaries and fellow subsidiaries are related parties of the Corporation. Associates and individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Corporation that gives them significant influence over the enterprises, key Management personnel, including directors and officers of the Corporation and close members of the family of these individuals and companies associated with these individuals also constitute related parties.

In considering each related party relationship, attention is paid to the nature of the relationship, not the legal form.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Cash on hand	2,776,524,923	4,195,567,376
Cash in bank	194,580,104,261	52,094,111,768
Cash equivalents (*)	284,020,712,329	63,000,000,000
Total	**481,377,341,513**	**119,289,679,144**

(*) Term deposits at banks with a maturity of no more than 3 months, with interest rates specified in each term deposit contract.

2. HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Short - term	**62,300,000,000**	**54,185,007,431**
Term deposits at banks (i)	62,300,000,000	54,185,007,431
b) Long - term	**-**	**1,500,000,000**
Bonds	-	1,500,000,000
Total	**62,300,000,000**	**55,685,007,431**

(i) Bank deposits with a term of more than 3 months up to 1 year, with interest rates specified in each term deposit contract.

3. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Short-term trade receivables		
Vinhomes Joint Stock Company	150,902,438,160	63,141,020,678
Project Management Board of Power 2 - Branch of Vietnam Electricity Group	71,693,737,255	-
Pacific Corporation Joint Stock Company	44,598,299,566	43,035,960,028
Linh Phong Investment, Development and Construction Joint Stock Company - C.O.N.I.C	29,493,292,374	30,000,000,000
MIK Group Viet Nam Joint Stock Company	25,971,260,268	8,673,591,895
Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company	23,885,940,003	17,409,874,008
Investment and Construction Joint Stock Company No.8	21,261,594,839	21,261,594,839
Xuan Cau Investment Joint Stock Company	19,671,857,448	25,499,784,609
PROESMMA SA DE CV	19,131,202,332	-
Northern Food Joint Stock Company	15,662,726,396	15,662,726,396
Others	485,973,824,848	764,594,506,405
Total	**908,246,173,489**	**989,279,058,858**
b) Other receivables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**30,954,019,246**	**13,643,596,369**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

4. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Short-term advances to suppliers		
Cong Tien Industrial Engineering Limited Company	16,482,898,187	-
DISA (Changzhou) Machinery Limited	8,292,241,620	-
Construction Joint Stock Company 203	6,829,116,000	6,829,116,000
Wuyangbc (Tsingdao) Intelligent Equipment Co.,LTD	5,226,121,891	-
VNC Crane and Industrial Structure Manufacturing	3,640,388,677	3,485,348,840
Others	122,709,864,911	81,877,402,007
Total	**163,180,631,286**	**92,191,866,847**
b) Short-term advances to suppliers from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**3,695,789,577**	**3,695,789,577**

5. SHORT-TERM LOAN RECEIVABLE

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Loan receivables		
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company (i)	4,291,160,010	5,041,160,010
19/5 Doan Hung Joint Stock Company (ii)	3,000,000,000	2,200,000,000
Total	**7,291,160,010**	**7,241,160,010**
b) Loan receivables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**4,291,160,010**	**5,041,160,010**

(i) Short-term loan to support capital borrowing between Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company (a subsidiary) and Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company (an associate). The loan has no collateral, with a loan term of 12 months, interest rate of 9%/ year.

(ii) Short-term loan to support capital borrowing between Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company (subsidiary) and 19/5 Doan Hung Joint Stock Company. The loan has no collateral, with a loan term of 12 months, interest rate of 4%/year.

6. PREPAID EXPENSES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Current		
Tools and dies issued for consumption	3,399,123,622	3,576,503,877
Fixed asset repair costs	177,131,866	521,301,412
Others	192,342,759	338,405,649
Total	**3,768,598,247**	**4,436,210,938**
b) Non-current		
Tools and dies issued for consumption	8,774,436,687	10,313,467,557
Fixed asset repair costs	8,549,000,179	5,660,214,871
Land rent	4,059,213,189	4,169,663,841
Others	10,832,215,182	7,860,421,568
Total	**32,214,865,237**	**28,003,767,837**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

7. OTHER RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Other short-term receivables		
Receivable from equitization	3,628,215,586	3,628,215,586
Dividends and profits receivable	688,890,250	-
Receivable interest on deposits and loans	1,146,258,288	1,361,798,362
Receivable from employees	2,672,948,504	2,778,279,854
Advance	144,097,519,146	148,718,264,613
Deposits and mortgages	99,467,946	792,663,000
Receivable from Thinh Liet Urban Area Project Management Board (i)	55,901,636,652	55,955,500,572
Other receivables of COMETCO when merging into Licogi 2	25,496,220,371	25,496,220,371
Receivables from Dung Quat Shipbuilding Industry Factory	25,493,403,949	25,493,403,949
Receivable from Ha Long City People's Committee for land acquisition support for the new urban area project Nam Ga Ha Long (ii)	59,891,340,790	59,891,340,790
Others	98,608,172,871	92,794,321,131
Total	**417,724,074,353**	**416,910,008,228**
b) Other long-term receivables		
Long-term deposits and mortgages	2,316,653,354	1,808,648,034
Total	**2,316,653,354**	**1,808,648,034**
c) Other receivables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**3,795,964,577**	**4,456,010,455**

(i) This is an advance payment to the Management Board of Thinh Liet New Urban Area Project during the project implementation. This project was originally implemented by the Corporation - Parent Company but then was transferred to the subsidiary - Licogi Housing and Urban Development Company Limited from July 20, 2016. The Board of Management assessed that the recovery possibility of this advance payment was low, so made a 100% provision for long-outstanding advances.

(ii) This is the compensation payment for site clearance of the Nam Ga Ha Long New Urban Area project, made on behalf of the Ha Long City People's Committee by the subsidiary - Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited .

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

8. BAD DEBTS

	Closing balance			Opening balance		
	Cost	Provision	Recoverable amount	Cost	Provision	Recoverable amount
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Construction Investment Joint Stock Company No. 8	21,261,594,839	(21,261,594,839)	-	21,261,594,839	(21,261,594,839)	-
Northern Food Joint Stock Company	15,662,726,396	(15,662,726,396)	-	15,662,726,396	(15,662,726,396)	-
Vietnam Oil and Gas Power Real Estate Construction Joint Stock Company	12,572,632,461	(12,572,632,461)	-	12,572,632,461	(12,572,632,461)	-
Dung Quat Shipbuilding Industry Executive Board	25,493,403,949	(25,493,403,949)	-	25,493,403,949	(25,493,403,949)	-
Licogi 9.1 Investment - Construction Joint Stock Company	-	-	-	-	-	-
Receivable from Thinh Liet Urban Area	55,901,636,652	(54,986,617,577)	915,019,075	55,899,448,572	(54,986,617,577)	912,830,995
Receivables transferred when merging COMETCO into Licogi 2 Investment and Construction Company Limited	39,052,111,083	(39,052,111,083)	-	39,052,111,083	(39,052,111,083)	-
Others	228,846,283,238	(219,861,260,439)	8,985,022,799	220,627,881,722	(207,221,718,801)	13,406,162,921
Total	**398,790,388,618**	**(388,890,346,744)**	**9,900,041,874**	**390,569,799,022**	**(376,250,805,106)**	**14,318,993,916**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

9. INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	1,003,277,789	-	-	-
Raw materials	137,641,045,587	(8,341,458,545)	102,899,085,760	(6,705,765,503)
Tools and supplies	6,928,461,770	-	5,421,988,509	-
Work in progress	334,176,097,156	(12,273,040,670)	470,121,942,053	(13,259,325,313)
Finished goods	21,132,725,297	(1,958,045,655)	43,033,762,829	-
Merchandise	2,556,329	-	2,795,720,000	(1,283,279,033)
Out ward goods on consignment	1,067,549,908	-	641,802,471	-
Total	**501,951,713,836**	**(22,572,544,870)**	**624,914,301,622**	**(21,248,369,849)**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

10. TAXES AND AMOUNT RECEIVABLES FROM/PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Closing balance	Payable/ Receivable during the year	Paid/Received during the year	Opening balance
	VND	VND	VND	VND
a) Receivables				
Value added tax	4,247,010,497	34,964,387,742	36,620,174,458	2,591,223,781
Corporate income tax	5,677,315	11,513,597	-	17,190,912
Personal income tax	38,919,965	-	3,285,364	35,634,601
Others	197,814	36,660,214	21,084,846	15,773,182
Total	**4,291,805,591**	**35,012,561,553**	**36,644,544,668**	**2,659,822,476**
b) Payables				
Value added tax	64,650,165,859	113,447,361,621	108,631,873,851	59,834,678,089
Corporate income tax	16,740,958,160	11,671,258,078	17,721,960,802	22,791,660,884
Personal income tax	2,607,241,022	4,925,088,064	4,194,969,799	1,877,122,757
Resource tax	1,547,705,593	2,104,524,025	3,777,154,333	3,220,335,901
Real estate tax, land rent	61,607,571,033	4,782,830,140	4,706,968,213	61,531,709,106
Import - export tax	-	66,790,558	66,790,558	-
Other fees and charges payable to the State budgets	108,693,748,069	16,067,902,958	5,541,139,670	98,166,984,781
Others	3,542,735,104	921,287,318	1,342,696,330	3,964,144,116
Total	**259,390,124,840**	**153,987,042,762**	**145,983,553,556**	**251,386,635,634**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

11. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, Structures VND	Machinery, Equipment VND	Motor Vehicles VND	Office Equipment VND	Total VND
COST					
Opening balance	**246,195,838,702**	**910,456,171,493**	**150,932,614,080**	**9,465,373,057**	**1,317,049,997,332**
Additions during the year	2,254,630,497	5,296,068,242	16,748,557,805	332,231,298	24,631,487,842
Transfer from construction in progress	688,751,482	-	-	-	688,751,482
Disposals	(1,320,572,666)	(61,871,646,410)	(13,887,198,968)	(135,600,000)	(77,215,018,044)
Reclassify	(775,733,130)	111,000,000	664,733,130	-	-
Closing balance	**247,042,914,885**	**853,991,593,325**	**154,458,706,047**	**9,662,004,355**	**1,265,155,218,612**
ACCUMULATED DEPRECIATION					
Opening balance	**180,695,125,311**	**762,961,744,344**	**143,829,848,343**	**8,295,617,292**	**1,095,782,335,290**
Charge for the year	7,782,834,044	25,743,965,114	6,056,855,601	391,604,193	39,975,258,952
Disposals	(1,176,407,088)	(61,297,671,021)	(13,402,943,339)	(135,600,000)	(76,012,621,448)
Reclassify	(194,902,178)	69,470,298	125,431,880	-	-
Closing balance	**187,106,650,089**	**727,477,508,735**	**136,609,192,485**	**8,551,621,485**	**1,059,744,972,794**
NET BOOK VALUE					
Opening balance	**65,500,713,391**	**147,494,427,149**	**7,102,765,737**	**1,169,755,765**	**221,267,662,042**
Closing balance	**59,936,264,796**	**126,514,084,590**	**17,849,513,562**	**1,110,382,870**	**205,410,245,818**

The cost of tangible fixed assets that have been fully depreciated but are still in use as at December 31, 2024 was VND 640,740,196,146 (as at December 31, 2023 was VND 722,907,290,952).

The net book value of tangible fixed assets used as collateral for loans as at December 31, 2024 was VND 132,464,783,485 (as at December 31, 2023 was VND 139,951,756,113).

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

12. FINANCE LEASE ASSETS

	Motor, Vehicles VND	Construction machinery equipment VND	Total VND
COST			
Opening balance	**6,879,716,365**	**-**	**6,879,716,365**
Additions	-	845,454,545	845,454,545
Closing balance	**6,879,716,365**	**845,454,545**	**7,725,170,910**
ACCUMULATED DEPRECIATION			
Opening balance	**972,578,955**	**-**	**972,578,955**
Charge for the year	1,146,619,400	111,818,181	1,258,437,581
Closing balance	**2,119,198,355**	**111,818,181**	**2,231,016,536**
NET BOOK VALUE			
Opening balance	**5,907,137,410**	**-**	**5,907,137,410**
Closing balance	**4,760,518,010**	**733,636,364**	**5,494,154,374**

13. INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights VND	Computer software VND	Total VND
COST			
Opening balance	**28,769,669,806**	**1,362,000,000**	**30,131,669,806**
Closing balance	**28,769,669,806**	**1,362,000,000**	**30,131,669,806**
ACCUMULATED DEPRECIATION			
Opening balance	**2,839,935,394**	**957,636,841**	**3,797,572,235**
Charge for the year	132,558,648	154,700,004	287,258,652
Closing balance	**2,972,494,042**	**1,112,336,845**	**4,084,830,887**
NET BOOK VALUE			
Opening balance	**25,929,734,412**	**404,363,159**	**26,334,097,571**
Closing balance	**25,797,175,764**	**249,663,155**	**26,046,838,919**

The remaining value of intangible fixed assets used as collateral for loans as at December 31, 2024 was VND 6,197,261,635.

14. INVESTMENT PROPERTY

The Corporation's investment real estate is two apartments at 81/6 Vo Van Ngan, Linh Chieu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, purchased for price increase to sell with original cost and accumulated depreciation of VND 2,745,140,454 and VND 81,837,700 respectively and the Corporation ceased depreciating this asset since 2015. In 2021, the original cost of the Corporation's investment real estate increased during the year is an apartment at Lane 91, Dai Mo Street, Dai Mo Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City with the purpose of price increase to sell with original cost of VND 1,357,365,162 and the Corporation has not recognized depreciation (for this assets).

According to Accounting Standard 05, the fair value of investment property as at December 31, 2024, must be disclosed. However, the Corporation has not yet determined this fair value; therefore, the fair value of investment property as of the financial year-end has not been presented in the notes to the consolidated financial statements. To determine this fair value, the Corporation will need to engage an independent consulting firm to assess the fair value of the investment property. Currently, the Corporation has not yet engaged a suitable consulting firm to carry out this assessment.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

15. LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS

a) Long-term work in progress

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Recoverable amount	Cost	Recoverable amount
	VND	VND	VND	VND
Thinh Liet Urban Area Project (i)	1,181,947,946,672	1,181,947,946,672	1,130,760,497,467	1,130,760,497,467
Project of constructing raw apartments in Nam Ga Urban Area	63,852,056,634	63,852,056,634	63,802,802,683	63,802,802,683
Nam Ga Ha Long Urban Area Project (North of National Highway 18)	14,366,350,728	14,366,350,728	14,225,825,585	14,225,825,585
Nam Ga Ha Long Urban Area Project (South of National Highway 18)	59,496,170,458	59,496,170,458	59,422,261,082	59,422,261,082
Dong Hung Urban Area Project, Thai Binh	24,612,242,114	24,612,242,114	24,612,242,114	24,612,242,114
Column 5 urban area project	11,230,909,091	11,230,909,091	11,230,909,091	11,230,909,091
Cam Thuy 2 Hydropower Project	4,589,571,314	-	4,589,571,314	4,589,571,314
Others	74,329,318	74,329,318	74,329,318	74,329,318
Total	**1,360,169,576,329**	**1,355,580,005,015**	**1,308,718,438,654**	**1,308,718,438,654**

(i) The investment project to build the new urban area Thinh Liet - Hoang Mai District with a scale of 351,422 m2 has the main function of housing areas to meet the population of about 9,000 people, which is researched and planned to include: villas, garden houses; high-rise housing; mixed-use buildings; public works, public works of residential units: commercial services, clubs, organizations, administrative headquarters; schools; roads; parking lots; trees.

The project was granted an investment and construction license by the Hanoi People's Committee on September 17, 2007 to the Infrastructure Development and Construction Corporation, then transferred to Licogi Corporation – Joint Stock Company and Licogi Housing and Urban Development Company Limited.

During the construction process, the project was approved by the Hanoi People's Committee for investment policy and project implementation progress in 2 phases:

- Phase 1 from the 2nd quarter of 2017 to the 4th quarter of 2019: Site clearance, investment in synchronous construction of technical infrastructure systems and a number of social housing clusters.
- Phase 2 from the 1st quarter of 2020 to the 4th quarter of 2021: Investment in construction and business of the remaining items.

The project is currently in the implementation of Phase 1, which involves site clearance work.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

15. LONG-TERM WORK IN PROGRESS (CONTINUED)

b) Long-term construction in progress

	Closing balance VND	Opening balance VND
Compensation, support and consulting costs for agricultural land of Dong Anh Investment Construction and Building Materials JSC (i)	7,084,709,941	7,570,359,144
Head office and Office for rent at Lot E7, Pham Hung Street (ii)	9,671,801,536	9,671,801,536
Other	6,301,935,455	11,407,173,392
Total	**23,058,446,932**	**28,649,334,072**

(i) Including expenses related to the compensation and land clearance process for Lot 2, with an area of 14,333 m², located in Uy No Commune, Dong Anh District. (According to the land use right certificate No. BB 916065 issued by the People's Committee of Hanoi City). In Which: compensation and support costs for agricultural land consultancy amount to VND 5,029,072,745, construction and land leveling costs amount to VND 1,810,364,739, and other expenses total VND 245,272,727.

(ii) The project was approved by the Hanoi Department of Planning and Architecture for the overall site planning design and construction design plan. Additionally, an official document introducing the location of Lot E6 - Pham Hung (8,450 m²) was issued for the Corporation to implement the project dated 3 January, 2007.

The Licogi Corporation - Parent Company placed a land deposit of VND 8,450,000,000 at a rate of VND 1,000,000/m² for Lot E6 - Pham Hung, according to Official Letter No. 2618/KH&ĐT-ĐT dated 13 December, 2006.

On August 10, 2007, the Hanoi Department of Planning and Architecture adjusted and rearranged the project construction location from lot E6 to lot E7 (area of about 6,500 m2) and was approved by the Hanoi People's Committee to study and establish a project to build an office headquarters in the new urban area of Cau Giay according to Official Dispatch No. 1987/QD-UBND dated November 11, 2008.

On July 10, 2023, the Hanoi People's Committee issued Notification No. 320/TB-VP on the results of the inspection and review of off-budget investment projects using land that have been delayed in Cau Giay District. Accordingly, the City People's Committee decided to suspend the previously approved investment plans for the mentioned land plots in order to carry out investment policy decisions, land allocation, and land leasing in accordance with the current legal regulations on bidding, investment, and land management.

On February 28, 2024, the Hanoi People's Committee issued Notification No. 78/TB-VP regarding the report and proposed solutions to address outstanding issues related to 20 investment projects that have not been allocated or leased land by the State in the Headquarters Area of General Corporations within the Cau Giay New Urban Area, Hanoi. Accordingly, the City People's Committee agreed on the proposed plan to carry out procedures for terminating the implementation of Decision No. 1987/QD-UBND dated November 11, 2008, to initiate the land recovery process as a basis for organizing the auction of land use rights in accordance with land law regulations. The Department of Finance was assigned to take the lead and provide recommendations to the City People's Committee on resolving the rights and interests of relevant stakeholders.

As at now, the Corporation is still working with relevant authorities to complete the necessary legal procedures and recover the expenses it has incurred.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

16. INVESTMENTS IN JOINT VENTURES, ASSOCIATES

	Closing balance				Opening balance			
	Owner ship interest (%)	Voting rights (%)	Cost VND	Value Based on Equity Method VND	Owner ship interest (%)	Voting rights (%)	Cost VND	Value Based on Equity Method VND
Investment in associates			**347,833,631,645**	**523,566,757,964**			**348,874,977,645**	**485,913,601,869**
Licogi 14 Joint Stock Company	18.49%	18.49%	38,822,653,946	80,884,973,567	18.98%	18.98%	39,843,253,946	83,502,060,352
Licogi 19 Joint Stock Company	22.62%	22.62%	1,999,068,969	2,035,503,987	22.62%	22.62%	1,999,068,969	2,034,308,990
Binh Long Construction Investment Joint Stock Company	20.40%	20.40%	16,540,000,000	18,244,569,801	20.40%	40.00%	16,540,000,000	18,244,569,801
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	44.01%	44.01%	280,725,828,730	416,752,385,728	44.01%	44.01%	280,746,574,730	374,940,671,661
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	25.27%	48.73%	9,746,080,000	5,649,324,881	25.27%	48.73%	9,746,080,000	7,191,991,065
Investment in joint ventures			**159,842,351,743**	**240,133,875,904**			**159,842,351,743**	**219,304,896,359**
Thang Long Industrial Park Company Limited	37.41%	42.00%	159,253,337,143	240,133,875,904	37.41%	42.00%	159,253,337,143	219,304,896,359
Joint Venture Company for Building Materials Production Ha Nam (i)	48.48%	48.48%	589,014,600	-	48.48%	48.48%	589,014,600	-
Total			**507,675,983,388**	**763,700,633,868**			**508,717,329,388**	**705,218,498,228**

(i) The Joint Venture Company for Building Materials Production Ha Nam has ceased operations. Therefore, the value of the investment in this company, calculated using the equity method, has been determined by the Corporation to be VND 0.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

17. EQUITY INVESTMENTS IN OTHER ENTITIES

	Closing balance			Opening balance		
	Quantity Share	Cost VND	Provision VND	Quantity Share	Cost VND	Provision VND
Licogi 12 Joint Stock Company	596,700	7,895,068,192	(5,221,852,192)	596,700	7,895,068,192	(5,132,347,192)
Licogi 13 Joint Stock Company	1,853,452	16,239,671,600	(10,679,315,600)	2,853,452	25,001,671,600	(13,098,701,860)
Construction and Investment Joint Stock Company No 18	1,429,050	9,908,080,000	-	1,518,750	10,530,000,000	-
Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company	1,375,381	13,753,805,608	-	1,375,381	13,753,805,608	-
Idico Long Son Petroleum Industrial Park Investment Joint Stock Company	300,000	780,000,000	-	300,000	780,000,000	-
Vinashin-Licogi Investment Construction Joint Stock	100,000	1,000,000,000	(1,000,000,000)	100,000	1,000,000,000	(1,000,000,000)
Licogi Project Management And Construction Joint Stock	30,000	300,000,000	(300,000,000)	30,000	300,000,000	(300,000,000)
Total		**49,876,625,400**	**(17,201,167,792)**		**59,260,545,400**	**(19,531,049,052)**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

18. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Amount able to be paid off	Cost	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term trade payables				
Construction Investment Joint Stock Company No. 18	24,784,410,896	24,784,410,896	29,885,086,701	29,885,086,701
Construction Investment Joint Stock Company No. 18.1	16,430,964,213	16,430,964,213	16,430,964,213	16,430,964,213
Tan Viet Bac Mining and Infrastructure Construction Investment JSC	15,928,014,655	15,928,014,655	15,928,014,655	15,928,014,655
Tu Lap Contruction Limited Company	12,199,881,282	12,199,881,282	-	-
Viet Han Aluminum Joint Stock Company	11,726,816,857	11,726,816,857	5,068,162,068	5,068,162,068
Licogi 16 Joint Stock Company	11,424,415,535	11,424,415,535	11,424,415,535	11,424,415,535
Tuan Minh Production Trading Limited Company	10,823,683,429	10,823,683,429	11,747,838,958	11,747,838,958
Minh Cuong Mechanical Construction and Installation JSC	10,818,197,534	10,818,197,534	57,227,500	57,227,500
Licogi 13 Joint Stock Company	9,208,541,819	9,208,541,819	29,508,541,819	29,508,541,819
Other	606,527,644,324	606,527,644,324	570,263,291,493	570,263,291,493
Total	**729,872,570,544**	**729,872,570,544**	**690,313,542,942**	**690,313,542,942**
b) Short-term trade payables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**-**	**-**	**1,022,280,000**	**1,022,280,000**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

19. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Amount able to be paid off	Cost	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term advances from customers				
Real Estate Development and Service Company Limited Favorite Song	32,295,760,000	32,295,760,000	32,295,760,000	32,295,760,000
Linh Phong Construction Investment and Development JSC -	31,306,444,867	31,306,444,867	10,000,000,000	10,000,000,000
Green i-Park Joint Stock Company	17,789,739,995	17,789,739,995	21,221,433,428	21,221,433,428
Dai Quang Minh Real estate Investment Corporation	9,431,631,744	9,431,631,744	9,431,631,744	9,431,631,744
Beru Group Joint Stock Company	7,473,037,601	7,473,037,601	7,473,037,601	7,473,037,601
Others	73,254,410,330	73,254,410,330	74,267,133,375	74,267,133,375
Total	**171,551,024,537**	**171,551,024,537**	**154,688,996,148**	**154,688,996,148**
b) Long-term advances from customers				
Customers pay in advance for the Nam Ga Ha Long urban area project (Southern)	73,195,124,455	73,195,124,455	73,195,124,455	73,195,124,455
Customers pay in advance for the Nam Ga Ha Long urban area project (Northern)	32,089,293,126	32,089,293,126	32,089,293,126	32,089,293,126
Customers pay in advance for the project of building rough apartments along road 18A, Nam Ga Ha Long project	2,774,836,363	2,774,836,363	1,865,745,454	1,865,745,454
Advance for customers Dong Hung urban area project, Thai Binh	25,628,123,700	25,628,123,700	25,628,123,700	25,628,123,700
Total	**133,687,377,644**	**133,687,377,644**	**132,778,286,735**	**132,778,286,735**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

20. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	Closing balance VND	Opening balance VND
Interest expense	169,662,042,078	242,489,974,561
Construction and other expenses payable	104,282,194,702	81,690,053,799
- Suoi Chan 2 Hydropower Project	*26,794,598,660*	*26,794,598,660*
- National University Project	*4,704,207,944*	*4,704,207,944*
- Ban Chat Hydroelectric Project	*7,343,716,979*	*7,343,716,979*
- Project 20 Cong Hoa	*6,823,705,099*	*6,823,705,099*
- Accured expenses for other projects and other items	*58,615,966,020*	*36,023,825,117*
Total	**273,944,236,780**	**324,180,028,360**

21. OTHER PAYABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a) Other short-term payables		
Surplus assets awaiting resolution	68,714,425	68,714,425
Union funds	6,407,570,336	5,272,553,807
Social insurance, health insurance, unemployment insurance	38,555,778,987	37,774,909,830
Dividends, profits payable	4,413,655,619	5,591,134,240
Loan interest payable to the Bank for Investment and Development of Vietnam	7,213,386,075	7,213,386,075
Binh Long Construction Investment Joint Stock Company	6,470,625,000	8,627,500,000
Xuan Cau Investment Joint Stock Company (loan interest expenses)	2,356,712,329	794,109,590
Thanh Binh Company Limited	2,500,000,000	2,500,000,000
Others	144,672,357,445	154,850,983,538
Total	**212,658,800,216**	**222,693,291,505**
b) Other long-term payables		
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited (i)	60,000,000,000	60,000,000,000
Long-term deposits and mortgages	1,080,000,000	1,185,000,000
Others	7,559,046,075	7,559,046,075
Total	**68,639,046,075**	**68,744,046,075**
c) Other payables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**66,470,625,000**	**68,627,500,000**

(i) On September 25, 2014, the Corporation - Parent Company signed the principle business cooperation contract for the Thinh Liet New Urban Area project with Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited, which is now a major shareholder of the Corporation - Parent Company. This is a deposit from Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited to the Corporation - Parent Company for the execution of the business cooperation agreement for the Thinh Liet New Urban Area project.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES

		Closing balance		In the year		Opening balance	
		Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Short-term		**1,655,481,015,435**	**1,655,481,015,435**	**2,113,634,871,460**	**1,986,774,934,567**	**1,528,621,078,542**	**1,528,621,078,542**
Licogi Corporation - Joint Stock Company (Parent Company)	(i)	785,591,545,963	785,591,545,963	684,860,437,983	638,620,064,946	739,351,172,926	739,351,172,926
Dong Anh Investment Construction and Building Materials JSC	(ii)	55,500,085,198	55,500,085,198	183,164,659,778	181,340,049,521	53,675,474,941	53,675,474,941
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	(iii)	401,716,016,112	401,716,016,112	789,291,472,116	715,072,582,665	327,497,126,661	327,497,126,661
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No9	(iv)	182,043,773,682	182,043,773,682	243,431,164,869	232,034,380,506	170,646,989,319	170,646,989,319
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	(v)	22,076,054,333	22,076,054,333	3,005,567,182	8,934,772,757	28,005,259,908	28,005,259,908
Licogi 10 Joint Stock Company	(vi)	44,593,411,024	44,593,411,024	-	20,000,000	44,613,411,024	44,613,411,024
Licogi 17 Joint Stock Company	(vii)	48,271,301,548	48,271,301,548	125,354,550,518	117,354,565,347	40,271,316,377	40,271,316,377
	(viii)	2,014,147,000	2,014,147,000	-	-	2,014,147,000	2,014,147,000
Licogi 15 Joint Stock Company	(ix)	20,606,916,768	20,606,916,768	-	10,825,965,121	31,432,881,889	31,432,881,889
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	(x)	39,327,309,923	39,327,309,923	-	-	39,327,309,923	39,327,309,923
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi JSC	(xi)	9,951,874,884	9,951,874,884	107,897,214	5,000,000	9,848,977,670	9,848,977,670
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	(xii)	43,788,579,000	43,788,579,000	84,419,121,800	82,567,553,704	41,937,010,904	41,937,010,904

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

	Closing balance		In the year		Opening balance	
	Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Short-term (Continued)						
Long-term loan due to pay	**4,012,528,200**	**4,012,528,200**			**3,907,378,200**	**3,907,378,200**
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	986,000,000	986,000,000			986,000,000	986,000,000
Mechanized Construction and Installation JSC No 9	1,453,528,200	1,453,528,200			1,348,378,200	1,348,378,200
Licogi 10 Joint Stock Company	1,573,000,000	1,573,000,000			1,573,000,000	1,573,000,000
Total	**1,659,493,543,635**	**1,659,493,543,635**			**1,532,528,456,742**	**1,532,528,456,742**
Short-term loans and liabilities	**109,322,197,156**	**109,322,197,156**			**64,137,197,156**	**64,137,197,156**

related parties *(Details stated in Note VII.1)*

(i) Licogi Corporation - Joint Stock Company (Parent Company)

- The loan from the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Tay Ha Noi Branch according to the credit agreement number 1480-LAV-201700283 dated October 31, 2017. The credit limit is VND 13,500,000,000. The interest rate is 8.5%/year. The purpose of the loan is to pay for construction costs. The collateral includes: The right to claim debts from Bac Ha Hydropower Joint Stock Company under mortgage agreement number 02/THN-Li1 dated December 25, 2015, and the secured transaction registration dated December 28, 2015 (the collateral coverage for the maximum debt balance is VND 9,800,000,000); and 3 dump trucks, 2 hydraulic excavators with crawler tracks, 3 concrete mixer trucks under mortgage agreement number 02/THN-Li1 dated December 25, 2015, and the secured transaction registration dated December 28, 2015 (the collateral coverage is VND 3,750,000,000). The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 7,444,167,616.

  According to the minutes of the meeting on September 18, 2020, the loan would be repaid gradually until October 2022. In the event that the divestment is completed before October 2022, the Corporation commits to fully settle the loan immediately after the divestment. At yet, the Corporation has not yet completed the divestment.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(i) Licogi Corporation - Joint Stock Company (Parent Company) (Continued)

- The loan from the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Thanh Xuan Branch, according to the credit limit agreement number 01/2024/134627/HĐTD dated November 25, 2024. The credit limit is VND 276 billion (including both VND and foreign currency converted), with a loan limit was VND 226 billion and a guarantee limit of VND 50 billion. The credit limit is effective from the date of signing this Agreement until October 31, 2025. The loan term is determined according to each specific credit agreement. The purpose of the loan is to supplement working capital, provide guarantees, and open L/C. The interest rate on the loan is determined according to each specific credit agreement. The Corporation uses some machinery, equipment, and stock assets (1,050,000 shares of Licogi 14 Joint Stock Company and 100,000 shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company) owned by the Corporation as collateral for the loan. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 220,507,431,987.

- The loan under the Debt Purchase Agreement number 10/HĐMBN/CLUB M-JUPITER dated August 19, 2024, between Club M Joint Stock Company and MBN Jupiter Joint Stock Company. According to this, Club M Joint Stock Company has transferred the entire debt of the Corporation to MBN Jupiter Joint Stock Company, with an interest rate of 14% per annum. The collateral includes 26,600,627 shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company, 4,137,112 shares of Licogi 14 Joint Stock Company, and 1,853,451 shares of Licogi 13 Joint Stock Company. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 311,673,802,687.

- The credit agreement number 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI signed on December 30, 2011, between Licogi Corporation – Joint Stock Company and Song Da Corporation, with an amount of VND 20,000,000,000 for the purpose of investing in the Bac Ha Hydropower Project. The loan term is 6 months from the date of disbursement. The interest rate is 20% per annum. The collateral includes 1,226,400 shares of Licogi Quang Ngai Joint Stock Company, 596,700 shares of Licogi 12 Joint Stock Company, and 300,000 shares of Idico Long Son Oil and Gas Industrial Park Investment Joint Stock Company. The loan is currently overdue. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 8,400,000,000.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(i) Licogi Corporation - Joint Stock Company (Parent Company) (Continued)

- Loan agreement number 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU signed on December 18, 2017, between the Corporation and Xuan Cau Investment Joint Stock Company, aimed at serving the payment of overdue debts to the Bank and other overdue debts of the Corporation. The loan term is 9 months from the disbursement date. The current interest rate is 11% per annum. The collateral is 12,000,000 shares of Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company. The loan extension appendix, Loan Agreement number 09/2023/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU dated December 30, 2023, extends the loan term from January 1, 2024, to December 31, 2024. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 85,000,000,000.

- Including some loan agreements with individuals and other entities. Specifically:

  Loan agreement number 01/HĐCV/TG-LICOGI dated May 12, 2021, along with the loan agreement appendix number 01/PLHĐCV/TG-LICOGI dated May 10, 2022, between Licogi Corporation – Joint Stock Company and TERRA GOLD Joint Stock Company, with an amount of VND 4,100,000,000; for the purpose of carrying out the borrower's activities in compliance with the law and without affecting the interests of the lender. The interest rate is 5% per annum. The loan term is 12 months from the date the lender disburses the funds to the borrower. The Corporation uses the receivables arising from the Subcontractor Construction Agreement number 05/LICOGI/ISG/2016 dated August 10, 2016, between Hoa Binh Construction and Real Estate Business Joint Stock Company and Licogi Corporation – Joint Stock Company, along with the attached appendices, as collateral for this loan. The value of the collateral at the time of signing the Agreement is VND 8,334,349,353. The loan balance as at December 31, 2024, is VND 4,100,000,000.

  Loans with individuals are mainly loans from the Corporation's employees to supplement working capital, supporting the Corporation's production and business activities. The interest rate applied is based on the bank's interest rate for the Corporation at the time of the loan and is adjusted according to the bank's notifications. During the year, the interest rate mainly applied is 7.5% to 10% per annum. The loan term is under 12 months. These loans have no collateral. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 39,122,211,113.

  Loan agreements signed between Licogi Corporation – Joint Stock Company and East Area Real Estate Investment and Business Limited Liability Company for the purpose of serving the Thinh Liet New Urban Area project. The interest rate is 8% per annum. The loan term for these agreements is a maximum of 12 months. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 109,322,197,156.

(ii) Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company

- Loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – East Hanoi Branch, according to the credit limit agreement number 01/2024/153707/HĐTD dated September 24, 2024. The maximum credit limit is VND 145,000,000,000, of which the working capital loan limit is VND 85,000,000,000, the overdraft limit is VND 5,000,000,000, and the maximum guarantee limit (excluding payment guarantees) is VND 60,000,000,000. The company borrows to supplement working capital, issue guarantees, and open L/Cs. The credit limit is valid until August 31, 2025. The loan term, interest rate, and fees are determined according to each specific credit agreement. The collateral includes the company's assets, including deposit agreements, buildings, architectural works, machinery, equipment, and transportation vehicles of the company. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 21,793,990,516.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(ii) Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company (Continued)

- Loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Dong Anh Branch, according to the credit limit agreement 25/2024-HDDCDHM/NHCT144-DOMATCO dated May 2, 2024. The maximum loan limit is VND 30,000,000,000. The company borrows to supplement working capital for the company's production and business activities. The loan term for each debt is specified on the debt acknowledgment document but does not exceed 6 months. The credit limit is valid until May 2, 2025. The interest rate is specified on each debt acknowledgment document and is adjusted once a month. The collateral includes transportation vehicles and term deposits of the company under the mortgage agreements. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 29,851,080,482.

- Personal loans with interest rates specified in each debt receipt contract, the purpose of supplementing working capital for production and business. The loans are unsecured. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 3,855,014,200.

(iii) Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company

- Credit limit contract No.16/2022-HĐCVHM/NHCT144-CKĐA with Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Dong Anh Branch was established in October 2022, and the amended and supplemented credit agreement No. 20/2024-HĐCVHM/NHCT144-CKĐA was signed on July 18, 2024. The credit limit is VND 415,000,000,000. The purpose of the loan is to supplement working capital for business production activities. The credit limit is valid from the effective date of the agreement until July 18, 2025. The loan term for each debt is specified in the promissory note. The loan interest rate is adjustable in accordance with the Bank's regulations at different periods and is determined in each promissory note, effective from the first disbursement date. Loan security includes the pledge of receivables as per Mortgage Agreement No. 31/2016/HĐTCQPT/NHCT144-CKĐA dated June 20, 2016, and inventory collateral as per Inventory Mortgage Agreement No. 11/2-2-HĐTCHTK/NHCT144-CKĐA dated June 30, 2020, along with amended and supplemented documents signed on July 18, 2024. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 170,524,402,075.

- Credit limit contract No. 01/2022/153720/HĐTD with Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Dong Ha Noi Branch was signed on September 20, 2022, followed by amended and supplemented credit agreements No.02/2022/153720/HĐTD on September 19, 2023, and No. 01/2024/153720/HĐTD on October 15, 2024. The credit limit is VND 200,000,000,000 (of which VND 120,000,000,000 is for short-term loans). The purpose of the loan is to supplement working capital, open Letters of Credit (L/C), and issue guarantees to support the Company's business and production activities. The agreement is valid until August 31, 2025. The interest rate is determined in each specific credit agreement based on the Bank's prevailing interest rate policies. Loan security is provided by inventory worth VND 81 billion, as per Asset Mortgage Agreement No. 01/2018/15720/HĐBĐ dated October 9, 2018. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 25,963,499,572.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(iii) Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company (Continued)

- The loan under Credit Limit Agreement No. 34/23/CTD/VCBCD-CKĐA with Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Chuong Duong Branch was signed on April 19, 2023, the amended credit limit agreement No. 91/24/CTD/VCBCD-CKĐA dated August 23, 2024. The credit limit is VND 200,000,000,000 (In which, short-term loan: VND 120,000,000,000). The purpose of the loan is to fund legitimate credit needs for the Company's business operations, excluding the investment in fixed assets. The contract is valid from its effective date until August 22, 2025. The loan interest rate is determined at the time of capital disbursement and is recorded in each promissory note. Loan security measures include fixed assets as stipulated in the guarantee measures and agreements specified in the credit limit agreement. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 101,815,222,895.

- Amendment of the general agreement on facilities No. 05 dated May 20, 2021 with HSBC Bank Limited - Hanoi Branch based on the general agreement on facilities No. VHN 162141. Total facility limit: VND 164,000,000,000 or equivalent USD; Loan purpose: additional capital for commercial service needs; Facility term: 12 months from the date of the Agreement and will be automatically renewed multiple times and each extension is 12 months unless otherwise notified by the Bank; Facility interest rate: interest rate is specifically adjusted according to the Bank's notification; Loan security forms: Mortgage contract for receivables No. VHN100481/MR, 5th revised version; Warehouse Mortgage Contract No. VHN100481/MS, 6th Amendment; Deposit Mortgage Contract No. VHN100481/DUL, 6th Amendment dated May 20, 2021. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 103,412,891,570.

(iv) Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9

- The loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Dong Nai Branch under credit limit contract No. 61/2024/378369/HĐTD dated October 3, 2024, with a regular credit limit of up to VND 34 billion, including a loan limit of VND 27.9 billion and a guarantee limit of VND 6 billion. The purpose of the loan is to supplement working capital. The credit limit is valid until August 30, 2025. The interest rate and repayment period for each loan are specified in individual credit agreements. The loan is secured by the mortgage of certain machinery, equipment, and vehicles of the Company. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 32,046,733,814.

- The loan from Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank under credit limit contract No. BCLC-1439-01 dated November 17, 2023, with a credit limit of VND 80 billion, which includes loan and guarantee limits. The limit maintenance period is 12 months. The purpose of the loan is to supplement working capital and provide guarantees to support construction activities. The loan term for each debt is specified in the promissory note but does not exceed 11 months. Loan security measures include escrow, the pledge of 8,009,700 shares in Dong Anh Mechanical Joint Stock Company owned by Licogi Corporation – JSC, the mortgage of Licogi Corporation – JSC's equity in Licogi One Member Limited Liability Housing and Urban Development Company, and other measures or assets as agreed upon between the Bank and the Company. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 54,000,000,000.

- The loan from Viet A Commercial Joint Stock Bank under credit limit contract No. 200-020/24/VAB/HĐTD dated July 11, 2024, with a maximum credit limit of VND 120 billion and a validity period of 12 months. The purpose, term, and interest rate for each loan are specifically determined in the Credit Granting Documents upon disbursement. The loan is secured by the mortgage of land use rights owned by the Company, located in An Phu Ward, District 2, Ho Chi Minh City, with a value of VND 87.464 billion; as well as the property rights arising from all construction projects on the aforementioned land plots, valued at VND 30.182 billion. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 94,094,921,868.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(iv) Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9 (Continued)

- Loan from Ms. Nguyen Huynh Ngoc Huong at LICOGI 9.2 Joint Stock Company (Subsidiary) under 12-month loan contracts. Loan to supplement working capital. Interest rate applies BIDV Bank - Nam Dong Nai Branch interest rate at each time. The loan is unsecured. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 802,118,000.

- Loan with Ms. Han Thi Phuong Ha include 02 contracts. The loan principal balance as at December 31, 2024 is VND 1,100,000,000, specifically:

  • Loan contract dated May 15, 2024. The loan amount is VND 600,000,000. The loan term is 06 months, from May 15, 2024 to November 15, 2024. The loan interest rate is 12%/year. The loan has no collateral.

  • Loan contract dated July 31, 2024. The loan amount is VND 500,000,000. The loan term is 06 months, from July 31, 2024 to March 31, 2025. The interest rate of the loan is 12%/year. The loan has no collateral.

(v) Licogi Quang Ngai Joint Stock Company

- The loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Quang Ngai Branch under credit limit contract No. 01/2022/711559/HĐTD dated December 6, 2022, with a credit limit of VND 38,036,000,000. This includes a maximum short-term loan and payment guarantee limit of VND 22,036,000,000, a construction loan limit of VND 18,982,000,000, and a commercial loan limit (bricks and stones) of VND 3,054,000,000; along with a maximum guarantee limit of VND 16,000,000,000. The purpose of the loan is to supplement working capital, provide guarantees, and open Letters of Credit (L/C). The credit limit duration is from December 6, 2022, to November 30, 2023, with loan terms, guarantee terms, L/C terms, interest rates, and fees specified in each respective credit agreement, guarantee agreement, or issued L/C. In 2024, as per Notification No. 1257/CĐ-BIDV.QN dated July 5, 2024, the Bank provided a compulsory loan of VND 3,005,567,182 with an interest rate of 10.65% per year. Collateral includes mortgages and pledges of real estate, land-attached assets, and future assets under the mortgage contracts signed between the Company and the Bank. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 15,843,723,008.

- Including loan contracts for employees, term less than 12 months, interest rate from 5%/year. Purpose of loan is to supplement working capital. The loan has no collateral. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 6,232,331,325.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(vi) Licogi 10 Joint Stock Company

- Short-term loan under Credit Limit Contract No. 01/2020/256773/HDTD dated December 4, 2020 signed with Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Da Nang Branch. The company is allowed to borrow with a maximum regular credit limit of VND 77 billion, including: short-term loans, maximum payment guarantees of VND 27 billion. The loan is to supplement working capital, guarantee, open L/C. The limit maintenance period is 08 months. Interest rates are determined in each specific Credit Contract according to the Bank's interest rate regime in each period. Collateral includes: mortgage of machinery and equipment for production and business activities, mortgage of land use rights and assets attached to land at plot 06-07, Tay Cau Dua residential area, Vinh Hiep commune, Nha Trang city, Khanh Hoa province. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 36,925,017,536.

- Short-term personal loans have a term of 03 - 12 months and are renewable upon contract expiration, interest rate 8.5%/year, the purpose is to supplement working capital, the loan has no collateral. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 7,668,393,488.

(vii) Licogi 17 Joint Stock Company

- The loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bac Hai Duong Branch under credit limit contract No. 01/2024/219065/HĐTD dated June 14, 2024, with a maximum credit limit of VND 70,000,000,000. The purpose of the loan is to supplement working capital and provide guarantees. The credit limit is granted for a duration of 12 months from the date of contract signing, with interest rates specified in each individual credit agreement according to the Bank's rates at different times. Collateral for the loan is stipulated in the mortgage contracts for assets. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 47,241,301,548.

- The personal loan intended to support production and business activities has an interest rate that is adjusted periodically based on the prevailing loan interest rates of the Bank for Investment and Development of Vietnam – Bac Hai Duong Branch. This loan has no collateral. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 1,030,000,000.

(viii) Licogi Urban And Housing One Member Company Limited

- The loan from Mr. Nguyen Thanh Nhon under contract No. 55A/2017/HDVV dated November 8, 2017, and the annex for loan extension No. 05 dated May 9, 2024. The purpose of the loan is to facilitate land clearance activities, with an interest rate of 10%/ year. This loan has no collateral. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 2,014,147,000.

(ix) Licogi 15 Joint Stock Company

- The loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Bim Son Branch, interest rate applied for each debt receipt. Loan purpose is to supplement working capital. Collateral is a property mortgage contract. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 6,319,623,592

- Personal capital mobilization loan. Interest rate applied for each loan. Loan purpose is to supplement working capital. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 14,287,293,176.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(x) Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company

- Short-term loan from the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Tay Ha Noi Branch under loan contract No. 1480LAV201800186 dated August 10, 201 with a maximum limit of VND 36,500,000,000, a loan limit of VND 19,500,000,000, a guarantee limit of VND 17,000,000,000, a loan interest rate of 8.5%/year (fixed interest rate). The purpose of the loan is to supplement working capital for production and business, construction, and foundation treatment. The loan term of each debt is a maximum of 09 months from the day following the disbursement date. The collateral is the assets owned by the company according to each specific mortgage contract with the bank. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 18,829,494,431.

- Short-term loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Tay Ho Branch under Loan Contract No. 01/2018/134624/HDTD with a maximum regular credit limit of VND 78,000,000,000, a maximum short-term loan limit, payment guarantee and opening LC (excluding the deposit) of VND 38,000,000,000, the loan interest rate is specified in each debt acknowledgment document. The purpose of the loan is to supplement working capital, guarantee, and open LC to serve production and business activities. The credit term is 12 months from the date of signing the contract. The collateral is the assets owned by the company according to each specific mortgage contract with the bank. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 20,497,815,492.

(xi) Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company

- The loan from the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Tay Ha Noi Branch is based on Credit Agreement No. 1480-LAV-201200231/HĐTD dated June 15, 2012, with a maximum credit limit of VND 12 billion. The purpose of the loan is to supplement working capital for construction projects. The interest rate is 4.86% per year, adjusted according to Decision No. 12333/NHNo-TD dated December 29, 2021, issued by the Chief Executive Officer of the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development, and in line with Appellate Judgment No. 01/2025/KDTM-PT dated January 3, 2025, from the Hanoi People's Court. As of the time of this report, the Company has not fulfilled its payment obligations to the Bank as stipulated in the aforementioned appellate judgment. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 4,900,956,630.
- The loan from Bac Ha Energy Joint Stock Company for the purpose of supplementing working capital, loan term 06 months from the date of disbursement, loan interest rate 16%/year. After the loan term, if the loan is not fully paid, the interest rate is 24%/year. The loan is secured by the construction values completed at the Nam Phang B Hydropower Project, which have not yet been accepted for payment, corresponding to the loan value and interest due at maturity. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 2,850,000,000.
- Personal loans are loan contracts with a term of less than 12 months, the purpose of the loan is to supplement working capital for production and business, the loan interest rate is 9.5%/year, interest is added to the principal. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 2,200,918,254.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(xii) Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited

- The loan from Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank is under Loan Agreement No. BCLC-2342-01 dated March 23, 2024, with a loan amount of VND 38,208,579,000 and a maximum loan term of 11 months. The purpose of the loan is to fund an advance payment under Construction Contract No. 1212/2023/HĐ-XD/Licogi 2 dated December 12, 2023, for the construction of a clean water reservoir and tailing pond – part of the Dakchung Bauxite-Aluminum Industrial Complex Project between the Company and Licogi Corporation – JSC. The loan interest rate within the term is 9% per year at the time of disbursement and is adjusted monthly. Interest expenses related to this loan will be paid by Licogi Corporation – JSC on behalf of Licogi 2 Investment and Construction Company Limited. Loan security measures include the pledge of shares in Dong Anh Mechanical Joint Stock Company (stock code CKD) owned by Licogi Corporation – JSC and the pledge of Licogi Corporation – JSC's equity in Licogi One Member Limited Liability Housing and Urban Development Company. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 38,208,579,000.

- Personal loan for the purpose of serving the Company's production and business needs, interest rate from 8.5-9%/year, loan term of 12 months. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 5,580,000,000.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

		Closing balance		In the year		Opening balance	
		Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Long-term		**484,836,111,080**	**484,836,111,080**	**84,935,082,030**	**1,580,878,200**	**401,481,907,250**	**401,481,907,250**
Licogi Corporation - Joint Stock Company (Parent Company)	(i)	368,675,000,000	368,675,000,000	11,355,000,000	-	357,320,000,000	357,320,000,000
Licogi Urban and Housing One Member Company Limited	(ii)	72,000,000,000	72,000,000,000	72,000,000,000	-	-	-
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	(iii)	882,582,030	882,582,030	882,582,030	-	-	-
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No9	(iv)	3,952,803,050	3,952,803,050	697,500,000	1,580,878,200	4,836,181,250	4,836,181,250
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	(v)	986,000,000	986,000,000	-	-	986,000,000	986,000,000
Licogi 10 Joint Stock Company	(vi)	1,573,000,000	1,573,000,000	-	-	1,573,000,000	1,573,000,000
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	(vii)	25,359,726,000	25,359,726,000	-	-	25,359,726,000	25,359,726,000
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	(viii)	11,407,000,000	11,407,000,000	-	-	11,407,000,000	11,407,000,000
Total		**484,836,111,080**	**484,836,111,080**			**401,481,907,250**	**401,481,907,250**
Long-term loan due to pay		**(4,012,528,200)**	**(4,012,528,200)**			**(3,907,378,200)**	**(3,907,378,200)**
Debt due after 12 months		**480,823,582,880**	**480,823,582,880**			**397,574,529,050**	**397,574,529,050**
Long-term loans and liabilities from related parties *(Details stated in Note VII.1)*		**203,675,000,000**	**203,675,000,000**			**192,320,000,000**	**192,320,000,000**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(i) Licogi Corporation - Joint Stock Company (Parent Company)

- The loan contracts between Licogi Corporation – Joint Stock Company and Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited are for the purpose of serving the Thinh Liet new urban area project with the amount of VND 270,210,000,000. The loan interest rate is from 8-10%/year for the purpose of serving the Thinh Liet new urban area project. According to the contract appendices, the principal repayment term of the contracts is extended until 2023. In case the loan term expires, the two parties will agree in writing. After the above term, if the two parties do not have any other written agreement, the contract will automatically renew for another term with equivalent terms, with the number of automatic extensions not limited thereafter. The loan has no collateral. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 203,675,000,000.

- The loan from Hai Duong Investment and Consulting Company Limited is based on an agreement to convert repayment obligations into a loan, dated December 31, 2021, with a loan value of VND 165 billion, a term of 3 years, and an interest rate of 0% per year. The principal amount is to be repaid upon the expiration of the loan term. This loan has no collateral. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 165 billion. The loan is due for repayment on December 31, 2024; however, the Corporation has yet to reclassify this long-term loan as due for repayment.

(ii) Licogi Urban And Housing One Member Company Limited

- The loan from Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial under credit contract No. BCLC-3970-01 dated November 29, 2024, with a loan value of VND 72,000,000,000, an interest rate of 10.8% per year, and a loan term of 24 months. The loan is intended to fund an advance payment under Construction Contract No. 06/2024/HĐXD-LICOGI dated November 14, 2024, between the Company and Licogi Corporation – JSC. The contract pertains to the package for constructing the technical infrastructure system (excluding the renovation and undergrounding of 35kV and 110kV power lines in the existing area crossing the Thinh Liet new urban area, part of the Thinh Liet New Urban Area Construction Investment Project). The collateral includes 300,000 shares of Investment and Construction Joint Stock Company No. 18, real estate at plot No. 130, map sheet No. 38, Hong Ha Ward, Ha Long City, Quang Ninh Province; 51% of LICOGI Corporation's equity in LICOGI One Member Limited Liability Housing and Urban Development Company; and all property rights arising from the Thinh Liet New Urban Area Project. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 72,000,000,000.

(iii) Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company

- The loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - East Hanoi Branch under credit contract No. 02/2024/153720/HDTD dated December 5, 2024. The maximum credit limit is VND 81,000,000,000. The purpose of the loan is to finance reasonable investment costs to implement the Project of Investing in machinery and equipment to improve the production capacity of the Foundry Department. The term of the contract is a maximum of 60 months from the day following the first credit granting date. The loan interest rate is 6.8%/year fixed for the first 2 years; after this preferential period, the interest rate will be floating, adjusted once every 6 months, as specified in each promissory note. The loan security is secured by all assets formed from the loan capital according to the Mortgage Contract for Real Estate and Property Rights No. 01/2024/153720/HDTC signed on December 5, 2024. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 882,582,030.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(iv) Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9

- Financial lease contract No. B230219901 dated 23 February, 2023 between Mechanical and Construction Company No. 9 and Chailease International Company Limited. Lease value is: VND 5,513,229,750. Lease term is 60 months. Lease interest rate applies floating interest rate, and will be notified to the lessee. Leased assets are 05 Dump trucks. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 3,487,803,050.

- Financial lease Contract No. 21824000202/HĐCTTC dated April 19, 2024 was established between Construction and Mechanical Joint Stock Company No. 9 and BIDV – SuMi TRUST Financial Leasing Company Limited. The lease value amounts to VND 697,500,000 with a lease term of 24 months. The current lease interest rate is 4.7% per year and is adjusted every 3 months with a margin of 3.5% per year. The leased asset in question is a used JCB116D vibratory roller. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 465,000,000.

(v) Licogi Quang Ngai Joint Stock Company

- The loan from Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Quang Ngai branch under credit contract No. 03/2015/711559/HDTD dated 07 October, 2015, loan amount is VND 22,900,000,000. Loan purpose is to invest in Ca Ty mountain stone mining investment project, Tinh Tho commune, Son Tinh district, Quang Ngai province. Loan term is 07 years from the effective date of the contract, loan grace period is 6 months from the first disbursement date. Interest rate is 10%/year from 07 October, 2015 to March 31, 2015, then apply floating interest rate adjusted every 6 months according to bank regulations. The collateral includes the Mineral Exploitation Rights Mortgage Contract No. 01/2015/711559/HDBĐ dated 01 October, 2015 and the accompanying amendments and supplements to the above contract (if any). The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 986,000,000.

(vi) Licogi 10 Joint Stock Company

- The loan from Military Commercial Joint Stock Bank – Nam Da Nang Branch under credit contract No. 16441.17.307.2669135.TD dated August 22, 2017, provides a loan limit of VND 8,844,500,000 with a loan term of 60 months from the date of disbursement, interest rate specified at each time according to the debt acknowledgment contract. The purpose of the loan is to purchase 1 Changlin blast-free tunnel boring machine. The loan is secured by the movable property of the Vibration Mining Machine. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 1,573,000,000.

(vii) Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited

- The loans to individuals for the purpose of raising capital for the Company to invest in the project of building an office building and apartments at lot CT7 - Thinh Liet urban area, Hoang Mai district, Hanoi city, the lender will be guaranteed the right to buy apartments of the project. The loan term is until the Company completes the procedures for signing an apartment sale and purchase contract for customers at the project, the loan interest rate is calculated according to the 12-month term deposit interest rate of the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Ha Long branch. The Company is capitalizing all interest expenses arising during the year of these personal loan contracts into the CT7 Apartment Project - Thinh Liet Urban Area, Hanoi. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 25,359,726,000.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES (CONTINUED)

(viii) Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company

- Long-term loan from the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Tay Ha Noi Branch under Loan Agreement No. 1480-LAV-201700292 dated 15 November, 2017, loan amount VND 13,500,000,000, loan interest rate 9.5%, interest rate adjusted every 6 months according to specific notice of the bank, loan term 60 months. The purpose of the loan is to invest in 02 bored pile drilling lines to serve production and business activities. Loan term is 60 months from the date of disbursement. The loan is secured by these 02 bored pile drilling lines. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 10,800,000,000.

- Loan from individuals in the Company, loan term 13 months, interest rate according to the lending interest rate of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development, these loans are unsecured, starting from 2017 there is no interest. The loan principal balance as at December 31, 2024, is VND 607,000,000.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

23. OWNER'S EQUITY

	Owner's contributed capital VND	Other owner's capital VND	Assets revaluation reserve VND	Investment and development funds VND	Other Equity Funds VND	Retained earnings VND	Non-controlling shareholder interests VND	Total VND
Prior year's opening balance as previously reported	**900,000,000,000**	**117,558,651**	**(89,169,818,319)**	**110,261,401,316**	**2,083,295,470**	**(557,710,526,465)**	**85,555,899,016**	**451,137,809,669**
Profit for the year	-	-	-	-	-	(1,288,698,762)	8,084,051,243	6,795,352,481
Distribution of development investment fund	-	-	-	6,445,987,467	-	(6,445,987,467)	-	-
Deducting bonus and welfare funds	-	-	-	-	-	(10,497,399,756)	(1,569,205,879)	(12,066,605,635)
Pay dividends	-	-	-	-	-	-	(11,607,793,052)	(11,607,793,052)
Current year's opening balance	**900,000,000,000**	**117,558,651**	**(89,169,818,319)**	**116,707,388,783**	**2,083,295,470**	**(575,942,612,450)**	**80,462,951,328**	**434,258,763,463**
Profit for the year	-	-	-	-	-	59,670,734,031	13,680,964,094	73,351,698,125
Distribution of development investment fund (i)	-	-	-	27,240,838,983	-	(27,240,838,983)	-	-
Deducting bonus and welfare funds (i)	-	-	-	-	-	(9,450,884,928)	(1,500,226,774)	(10,951,111,702)
Pay dividends (i)	-	-	-	-	-	-	(8,990,600,916)	(8,990,600,916)
Return of executive	-	-	-	-	-	1,922,265,539	236,042,291	2,158,307,830
Other	-	-	-	-	-	100,702,898	4,283,716	104,986,614
Current year's closing balance	**900,000,000,000**	**117,558,651**	**(89,169,818,319)**	**143,948,227,766**	**2,083,295,470**	**(550,940,633,893)**	**83,893,413,739**	**489,932,043,414**

(i) During the year, the Corporation allocated funds and distributed dividends in accordance with the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Members' Council of its subsidiaries.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

23. OWNER'S EQUITY (CONTINUED)

Details of owner's investment capital

	Ratio (%)	Closing balance VND	Ratio (%)	Opening balance VND
State Capotal and Investment Corporation (SCIC)	40.71%	366,406,910,000	40.71%	366,406,910,000
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	35.00%	315,000,000,000	35.00%	315,000,000,000
Gia Cuong Investment Company Limited	19.24%	173,128,880,000	19.24%	173,128,880,000
Capital contributions of other shareholders	5.05%	45,464,210,000	5.05%	45,464,210,000
Total	**100.00%**	**900,000,000,000**	**100.00%**	**900,000,000,000**

Shares

	Closing balance Shares	Opening balance Shares
Number of shares registered for issuance	90,000,000	90,000,000
Number of shares issued and fully contributed capital	90,000,000	90,000,000
- Ordinary shares	*90,000,000*	*90,000,000*
Number of shares outstanding	90,000,000	90,000,000
- Ordinary shares	*90,000,000*	*90,000,000*
Par value of outstanding shares: 10,000 VND/share	10,000	10,000

24. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

Segments by Geography

Geographical Segments a distinguishable component of an entity that is engaged in providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The Corporation is headquartered at Building G1, 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, and generates all of its revenue and assets within the territory of Vietnam. Therefore, the Company is not required to prepare geographical segment reports in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 28 - Segment reporting.

Segments by Business Line

Business Segments is a distinguishable component of an entity that is engaged in providing an individual product or service or a group of related products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

For Management purposes, the Corporation is organized into 03 (three) operating segments: Construction business segment; Construction materials business segment; and Real estate business and other activities segment.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)

24. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS (CONTINUED)

	Construction Activities	Construction Materials Business Activities	Real estate business and other activities	Total of the whole enterprise
	VND	VND	VND	VND
Net revenue from external sales	395,003,071,228	1,830,245,064,402	24,446,154,581	**2,249,694,290,211**
Direct departmental costs	369,031,876,296	1,612,820,287,260	17,076,529,938	**1,998,928,693,494**
Profit from business activities	**25,971,194,932**	**217,424,777,142**	**7,369,624,643**	**250,765,596,717**
Total cost of purchasing fixed assets	19,040,600,702	-	-	**19,040,600,702**
Departmental assets	610,638,601,228	2,668,740,527,591	28,256,606,068	**3,307,635,734,887**
Unallocated assets	-	-	-	**1,309,006,554,068**
Total assets	**629,679,201,930**	**2,668,740,527,591**	**28,256,606,068**	**4,616,642,288,955**
Departmental liabilities	758,542,245,078	3,315,139,965,374	35,100,678,801	**4,108,782,889,253**
Unallocated liabilities	-	-	-	**17,927,356,287**
Total liabilities	**758,542,245,078**	**3,315,139,965,374**	**35,100,678,801**	**4,126,710,245,540**

VI. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

1. REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year VND	Prior year VND
Sales of merchandise and services	**2,250,355,273,122**	**2,035,962,622,006**
Sales of goods and construction materials	1,830,906,047,313	1,597,505,121,295
Sales of services rendered	24,446,154,581	21,451,592,544
Sales from construction contracts	395,003,071,228	411,445,428,252
Sales from real estate business activities	-	5,560,479,915
Deductions	**660,982,911**	**108,879,112**
Including:	-	-
- Sale return	660,982,911	108,490,872
- Sale discount	-	388,240
Net revenue from goods sold and services rendered	**2,249,694,290,211**	**2,035,853,742,894**
Revenue with related parties *(Details in Notes VII.1)*	**2,100,790,094**	**1,980,514,386**

2. COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year VND	Prior year VND
Cost of finished products, goods, construction materials	1,612,820,287,260	1,445,555,493,203
Cost of services rendered	17,076,529,938	16,779,415,009
Cost of construction contract	367,707,701,275	388,750,169,391
Cost of real estate business activities	-	5,010,494,407
Provision/Reversal for inventory depreciation	1,324,175,021	1,501,486,912
Total	**1,998,928,693,494**	**1,857,597,058,922**

3. FINANCIAL INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Deposit interest, loan interest	6,379,173,328	10,057,692,035
Dividends distributed profit	108,293,992,909	104,924,477,135
Realized exchange rate gain	541,108,044	82,449,006
Profit from selling shares of Licogi 14 Joint Stock Company	3,424,550,000	31,329,102,178
Profit from selling shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	15,785,029	-
Profit from selling shares of Licogi 18 Joint Stock Company	2,955,780,000	-
Unrealized exchange rate gain	437,138,095	14,061,752
Others	2,217,510	5,655,481
Total	**122,049,744,915**	**146,413,437,587**

VII. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (CONTINUED)

4. FINANCIAL EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Interest expenses	119,151,969,698	136,271,756,795
Loss from selling shares of Licogi 13 Joint Stock	5,184,519,567	-
Realized exchange rate difference loss	-	76,110,385
Unrealized exchange rate difference loss	-	1,082,041
Provision/Reversal of investment impairment	(2,329,881,260)	(1,824,081,640)
Other financial expenses	10,698,559	544,771,796
Total	**122,017,306,564**	**135,069,639,377**

5. SELLING EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Cost of management materials, office supplies	1,333,278,122	2,940,931,881
Labor cost	21,949,456,544	19,530,368,178
Fixed asset depreciation expenses	1,192,508,679	996,624,470
Cost of outsourced services	13,269,368,001	5,968,366,369
Other expenses in cash	14,331,662,347	12,853,816,642
Provision/ Reversal for warranty	84,560,529	231,122,821
Total	**52,160,834,222**	**42,521,230,361**

6. GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Cost of management materials, office supplies	5,349,588,766	4,122,827,245
Labor cost	90,095,106,349	77,225,742,121
Fixed asset depreciation expense	6,336,986,302	5,601,039,081
Provision/Reversal	16,894,449,981	3,465,534,315
Cost of out sourced services and other expenses in cash	45,226,603,790	50,217,603,702
Total	**163,902,735,188**	**140,632,746,464**

7. OTHER INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Sale, disposal of fixed assets	18,061,194,731	4,632,460,959
Penalties	155,559,474	399,465,807
Reversal of provision for construction warranty	398,617,399	684,661,628
Other income from bad debt settlement	-	3,236,404,620
Other income	3,030,968,468	881,697,133
Total	**21,646,340,072**	**9,834,690,147**

VI. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (CONTINUED)

8. OTHER EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Net book value and expenses from disposal of Fixed assets	1,259,245,382	-
Depreciation cost of inactive fixed assets	9,911,308,960	13,931,508,073
Penalties fines	14,931,429,268	6,220,460,357
Other expenses	5,925,588,220	3,341,404,080
Total	**32,027,571,830**	**23,493,372,510**

9. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Current year VND	Prior year VND
Current corporate income tax expense at Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	9,090,910	886,611,411
Current corporate income tax expense at Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	6,702,056,110	5,462,945,903
Current corporate income tax expense at Dong Anh Investment Construction and Building Materials Joint Stock Company	3,717,489,646	1,981,524,951
Current corporate income tax expense at Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No9	1,228,525,157	1,361,771,582
Current corporate income tax expense at Licogi Consulting Joint Stock Company	25,011,923	1,166,290
Current corporate income tax expense at Licogi Urban and Housing One Member Company Limited	597,929	668,543
Current corporate income tax expense at LICOGI General Import-Export One Member Company Limited	-	1,559,417
Total	**11,682,771,675**	**9,696,248,097**

10. BASIC EARNINGS/(LOSSES) PER SHARE

	Current year VND	Prior year (Representated) (ii) VND
Profit/(loss) for basic earnings per share calculation	**59,670,734,031**	**(1,288,698,762)**
Less: Provision for bonus and welfare fund (i)	-	(9,450,884,928)
Profit/(loss) for basic earnings per share calculation	**59,670,734,031**	**(10,739,583,690)**
Weighted average number of common shares for basic earnings per share calculation	90,000,000	90,000,000
Basic earnings per share	**663**	**(119)**
Diluted earnings per share (iii)	**663**	**(119)**

(i) The Company allocates the reward and welfare fund from after-tax profit as approved by the resolutions of the General Meeting of Shareholders of its subsidiaries. Accordingly, the Corporation has not yet made a provisional allocation of the reward and welfare fund from the after-tax profit of 2024 to exclude it from the earnings used to calculate basic earnings per share for 2024.

VII. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT (CONTINUED)

10. BASIC EARNINGS/(LOSSES) PER SHARE (CONTINUED)

(ii) The Corporation has adjusted the basic earnings per share indicator for the financial year ended December 31, 2023, due to the impact of the allocation to the reward and welfare fund as per the resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders of its subsidiaries, as follows:

	Number reported	Adjusted	Number after adjusted
	VND	VND	VND
Accounting profit after tax	**(1,288,698,762)**	**-**	**(1,288,698,762)**
Estimated welfare bonus fund deduction	-	(9,450,884,928)	(9,450,884,928)
Profit/(loss) for calculating basic earnings per share	**(1,288,698,762)**	**(9,450,884,928)**	**(10,739,583,690)**
Weighted average number of common shares for basic earnings per share calculation	90,000,000	-	90,000,000
Basic earnings per share	**(14)**	**(105)**	**(119)**

(iii) Diluted earnings per share: The Corporation does not have any potentially dilutive ordinary shares that would impact earnings per share during the financial year or as at the date of this financial statement. Therefore, diluted earnings per share is equal to basic earnings per share.

VII. OTHER INFORMATION

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

Related party	Relationship
Licogi 14 Joint Stock Company	Associated
Licogi 19 Joint Stock Company	Associated
Binh Long Construction Investment Joint Stock Company	Associated
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	Associated
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	Associated
Thang Long Industrial Park Company Limited	Joint venture company
MIK Group Corporation Vietnam	Related company
Board of Management,Board of Directors and major shareholders	Operating Company
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	Major shareholder

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

	Current year VND	Prior year VND
Sale of goods and services	**2,100,790,094**	**1,980,514,386**
Thang Long Industrial Park Company Limited	2,100,790,094	1,980,514,386
Purchase	**1,363,636,364**	**4,204,545,455**
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	1,363,636,364	4,204,545,455
Loan repayment	**750,000,000**	**770,000,000**
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	750,000,000	770,000,000
Profit dividends are distributed	**103,233,347,659**	**102,646,352,135**
Thang Long Industrial Park Company Limited	76,719,187,959	81,543,989,035
Binh Long Construction Investment Joint Stock	2,156,875,000	2,156,875,000
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	24,357,284,700	18,945,488,100
Loan interest	**398,432,358**	**480,002,000**
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	398,432,358	480,002,000
Loans	**160,540,000,000**	**103,640,200,000**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	160,540,000,000	103,640,200,000
Loan principal repayments	**104,000,000,000**	**74,994,200,000**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	104,000,000,000	74,994,200,000
Interest expense	**23,148,514,186**	**20,093,070,588**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	23,148,514,186	20,093,070,588

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

Significant related party balances as at the balance sheet date were as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Short-term trade receivables	**30,954,019,246**	**13,643,596,369**
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	4,804,043,818	4,804,043,818
Thang Long Industrial Park Company Limited	178,715,160	165,960,656
MIK Group Corporation Vietnam	25,971,260,268	8,673,591,895
Advances to suppliers	**3,695,789,577**	**3,695,789,577**
Licogi 19 Joint Stock Company	3,695,789,577	3,695,789,577
Loan receivables	**4,291,160,010**	**5,041,160,010**
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	4,291,160,010	5,041,160,010
Other receivables	**3,795,964,577**	**4,456,010,455**
Licogi 19 Joint Stock Company	3,695,789,577	4,337,712,455
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	100,175,000	118,298,000
Short-term trade payables	**-**	**1,022,280,000**
Dong Anh 8 Investment and Construction Materials Joint Stock Company	-	1,022,280,000
Short-term loans	**109,322,197,156**	**64,137,197,156**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	109,322,197,156	64,137,197,156
Long-term loans	**203,675,000,000**	**192,320,000,000**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	203,675,000,000	192,320,000,000
Other payables	**66,470,625,000**	**68,627,500,000**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	60,000,000,000	60,000,000,000
Binh Long Construction Investment Joint Stock Company	6,470,625,000	8,627,500,000
Interest payable	**117,555,987,831**	**94,407,473,645**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	117,555,987,831	94,407,473,645

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

The income, remuneration and allowances of the Board of Directors and the Board of Management during the year are as follows:

	Current year VND	Prior year VND
Income of the Board of the Driector	**1,381,936,000**	**1,413,848,466**
1. Mr. Đinh Viet Tung	133,000,000	122,000,000
2. Mr. Phan Thanh Hai	376,032,000	430,499,668
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	118,548,000	-
4. Mr. Nguyen Danh Quan	356,028,000	380,864,490
5. Mr. Ung Tien Do	356,028,000	380,864,490
6. Mr. Nguyen Truong Son	42,300,000	99,619,818
Income of the Board of Management	**974,769,067**	**1,011,690,542**
1. Mr. Vu Nguyen Vu	228,948,364	382,499,668
2. Mr. Phan Thanh Hai	139,743,636	-
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	263,680,000	363,299,696
4. Mr. Nguyen Anh Dung	342,397,067	265,891,178
Income of The Board of Supervisory	**502,028,000**	**508,473,581**
1. Mr Phan Hai Trieu	356,028,000	358,464,490
2. Mrs. Duong Thi Phuong	73,000,000	75,009,091
3. Mrs. Kieu Bich Hoa	73,000,000	75,000,000
Total	**2,858,733,067**	**2,934,012,589**

2. COMMITMENT TO OPERATIONAL LEASE

The Corporation signed a contract with the Hanoi Department of Land and Housing under land lease contract No. 146-2003/DCND-HDDTTN at G1 building, Nguyen Trai street, Thanh Xuan Bac ward, Thanh Xuan district, Hanoi for the purpose of using it as an office and production Management office for 30 years from 01 January, 2003. The leased land area is 1,928 m2. According to this contract, the Corporation must pay land rent until the contract expires according to current regulations of the State.

In addition, the Corporation's member units sign land lease contracts for the purpose of office and production workshop use. According to these contracts, the member units must pay annual land rent until the contract expires according to current regulations of the State.

3. LITIGATION, LEGAL DISPUTES

According to the first instance judgment No. 30/2024/KDTM-ST dated July 12, 2024 of the People's Court of Thanh Xuan District, Hanoi City:

- Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company (a subsidiary) is obligated to repay the debt to the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development under Credit Agreement No. 1480 LAV201200441/HĐTD dated June 29, 2012, along with 10 debt acknowledgment notes, with a total amount of VND 7,583,146,207, of which the principal is VND 4,900,956,630, interest is VND 2,682,189,577. The Company shall continue to bear interest at a rate of 4.86%/year from the day following the first-instance trial (July 12, 2024) until the outstanding debt is fully repaid to the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development.

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

3. LITIGATION, LEGAL DISPUTES (CONTINUED)

- Accept the lawsuit request of the Bank for Agriculture and Rural Development of Vietnam to force LICOGI Corporation - JSC to perform the debt guarantee obligation on behalf of LICOGI Electricity and Water Installation Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) for the entire principal and interest debt under Credit Contract No. 1480 LAV201200441/HDTD dated June 29, 2012 in case Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) fails to fully perform its debt repayment obligation to the Bank under authorization No. 140ª/TCT-KTTC dated April 1, 2012 of LICOGI Corporation - JSC. Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development has the right to request competent enforcement agencies to handle assets under the ownership and legal use rights of LICOGI Corporation - JSC in accordance with the provisions of law to recover debt if the Corporation violates its guarantee obligations.

- Regarding court fees: Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company must pay VND 115,583,146 in first-instance commercial court fees. Refund to the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development the advance court fee of VND 57,600,000 paid in the receipt of advance court fees and court fees No. 00125387 dated October 23, 2023 of the Thanh Xuan District Civil Judgment Enforcement Office.

According to the appeal judgment No. 01/2025/KDTM-PT dated January 3, 2025 of the People's Court of Hanoi City, it is decided that:

- Uphold the first instance commercial judgment No. 30/2024/KDTM-ST dated July 12, 2024 of the People's Court of Thanh Xuan District, Hanoi City.

- Regarding court fees: LICOGI Corporation – JSC is required to pay an appellate court fee of VND 2,000,000, which will be deducted from the amount already paid according to Receipt No. 36313 dated July 30, 2024, at the Civil Judgment Enforcement Department of Thanh Xuan District, Hanoi City.

As of the date of preparing and presenting this consolidated financial statement, Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company (a subsidiary) has not yet repaid the principal and interest on the loan to the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development.

On March 25, 2025, the Corporation submitted a petition to the Chief Justice of the High People's Court in Hanoi and the Chief Prosecutor of the High People's Procuracy in Hanoi, requesting a review under the cassation procedure for the aforementioned appellate judgment.

4. RETROSPECTIVE ADJUSTMENT

According to Appellate Judgment No. 01/2025/KDTM-PT dated January 3, 2025, regarding the credit contract dispute between the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development and Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company (subsidiary). From 2011 to 2023, the Company recorded loan interest expenses based on the agreed interest rates in the debt acknowledgment documents, ranging from 15% to 19%/year. As per the aforementioned judgment, the interest rate was adjusted to 4.86%/year, with no overdue penalty interest applied. At the time of preparing the consolidated financial statements for the year ended December 31, 2024, the Corporation retroactively adjusted the comparative figures of the consolidated financial statements because Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company (Subsidiary) retroactively adjusted the 2023 financial statements related to interest expenses, specifically as follows:

ITEMS	Codes	Opening balance (before adjustment)	Retroactive adjustment	Opening balance (after adjustment)
1. Short-term accrued expenses	315	338,339,796,358	(14,159,767,998)	324,180,028,360
2. Retained earnings	421	(588,674,634,812)	12,732,022,362	(575,942,612,450)
- Retained earnings accumulated to the prior year	421a	(587,385,936,050)	12,732,022,362	(574,653,913,688)
- Retained earnings of the current year	421b	(1,288,698,762)	-	(1,288,698,762)
3. Non - controlling interest	429	79,035,205,692	1,427,745,636	80,462,951,328

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

5. SUBSEQUENT EVENTS

There have been no significant events occurring after 31 December 2024 which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements.

Dang Thu Oanh	**Le Thi Thanh Noi**	**Phan Thanh Hai**
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

LICOGI CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY

AUDITED SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

March 2025

TABLE OF CONTENTS

	PAGES
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	2 - 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4 - 5
BALANCE SHEET	6 - 7
INCOME STATEMENT	8
CASH FLOW STATEMENT	9
NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS	10 - 50

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of LICOGI Corporation - Joint Stock Company (the "Corporation") presents this report together with the Corporation's Separate financial statements for the year ended 31 December 2024.

THE BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISORY

The members of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisory of the Corporation during the year and to the date of this report are as follows:

The Board of Directors

1. Mr. Dinh Viet Tung	Chairman
2. Mr. Phan Thanh Hai	Vice Chairman
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	Member (appointed on 26 June 2024)
4. Mr. Nguyen Truong Son	Member (resigned on 26 June 2024)
5. Mr. Nguyen Danh Quan	Member
6. Mr. Ung Tien Do	Member

The Board of Management

1. Mr. Vu Nguyen Vu	Chief Executive Officer (resigned on 16 August 2024)
2. Mr. Phan Thanh Hai	Chief Executive Officer (appointed on 16 August 2024)
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	Deputy Chief Executive Officer (resigned on 01 October 2024)
4. Mr. Nguyen Anh Dung	Deputy Chief Executive Officer

The Board of Supervisory

1. Mr. Phan Hai Trieu	Head of the Supervisory Board
2. Mrs. Duong Thi Phuong	Member
3. Mrs. Kieu Bich Hoa	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Corporation during the year and until the date of this report are:

1. Mr. Vu Nguyen Vu	Chief Executive Officer (from 01 January 2024 to 16 August 2024)
2. Mr. Phan Thanh Hai	Chief Executive Officer (from 16 August 2024)

BOARD OF MANAGEMENT' STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Management of the Corporation is responsible for preparing the separate financial statements of each year, which give a true and fair view of the financial position of the Corporation as at 31 December 2024, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these separated financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the separated financial statements;
- Prepare the separate financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Corporation will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the separated financial statements so as to minimize errors and frauds.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (CONTINUED)

BOARD OF MANAGEMENT' STATEMENT OF RESPONSIBILITY (CONTINUED)

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Corporation and that the separated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Corporation and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Corporation has complied with the above requirements in preparing these separate financial statements.

For and on behalf of the Board of Management,

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

Phan Thanh Hai
Chief Executive Officer
Ha Noi, March 31, 2025

iCPA since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
T 024. 666 42 777 E contact@icpa.vn W www.icpa.vn

No: 033107/2025/BCKT-iCPA

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: Shareholders, the Board of Directors and Board of Management
LICOGI Corporation - Joint Stock Company

We have audited the accompanying separate financial statements of LICOGI Corporation - Joint Stock Company (the "Corporation"), prepared on March 31, 2025, as set out from page 6 to page 50, which comprise the balance sheet as at 31 December 2024, the income statement, the cash flow statement for the year then ended, Notes to the separate financial statements.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management of LICOGI Corporation - Joint Stock Company is responsible for the preparation and fair presentation of these separated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting and for such internal control as Board of Management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these separate financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the separate financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the separate financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the separate financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Corporation's preparation and fair presentation of the separate financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Corporation's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the separate financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our qualified opinion.

Basis for qualified opinion

As of January 1, 2017, the Corporation has capitalized interest on the Thinh Liet new urban area project with a total accumulated value of VND 282.58 billion. In which, interest expense is recorded in the item "Long-term unfinished business production costs" related to the CT7 lot - Thinh Liet new urban area project at VND 10.8 billion, the remaining capitalized interest expense with a value of VND 271.78 billion was used by the Corporation - Parent Company as part of the capital contribution when establishing the Subsidiary company - Licogi Housing and Urban Development Company Limited in 2016. As of the handover of this project on July 20, 2016 to the subsidiary, the Corporation has capitalized interest on this project with a total accumulated value of VND 271.6 billion. We were unable to obtain the necessary information to determine the value of interest expenses capitalized in this Project in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 - Borrowing costs (VAS No. 16).

In 2017, the Corporation used capitalized interest expenses in the Thinh Liet new urban area project - CT7 item with an accumulated value of VND 10.8 billion as part of the capital contribution when establishing a subsidiary company - Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited.

As at January 1, 2024, the Corporation has capitalized the interest of loan contracts disbursed for the purpose of financing the project or paying the principal for the project of VND 72.99 billion into the item "Other short-term receivables". In 2024, the Corporation continues to capitalize the interest of contracts serving production and business purposes or serving the project with a capital value of VND 40.15 billion into the item "Other short-term receivables". Accordingly, the total value of interest expense capitalized accumulated up to December 31, 2024 into the item "Other short-term receivables" is VND 113.14 billion (Note V.5).

Basis for qualified opinion (Continued)

Because the Thinh Liet New Urban Area project was long-term, we are unable to collect the necessary information to determine the interest expense on this project according to Accounting Standard No. 16 - Borrowing costs (VAS No.16). Therefore, we are unable to determine whether it is necessary to adjust the balance of the items "Investments in subsidiaries", "Other short-term receivables" as at January 01, 2024 and as at December 31, 2024 related to this project.

As at January 01, 2024 and as at December 31, 2024, the Subsidiary - Licogi Housing and Urban Development Company Limited did not assess the recoverability of the advance payment to the Thinh Liet New Urban Area Project Management Board with a value of approximately VND 55 billion. The Corporation has not made provisions for the investment in this Subsidiary in accordance with the guidance in Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance. If the Corporation makes provisions for the investment in this Subsidiary, the items "Long-term financial investments" and "Undistributed accounting profit after tax" as at January 01, 2024 and as at December 31, 2024 will decrease by approximately VND 55 billion, respectively.

Qualified opinion

In our opinion, except for the matters described in the "Basis for qualified audit opinion", the separated financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of Corporation as at 31 December 2024, and its financial performance and its cash flows for the year then ended as at December 31, 2024 in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

Emphasis of Matters

We would like to draw the readers' attention to Note II of the Notes to the separate financial statements, according to Decision No. 1456/QD-BXD dated November 12, 2018 on the actual value of State capital at the time of handover of the parent company - Infrastructure Development and Construction Corporation into Licogi Corporation - Joint Stock Company, the value of State capital does not include the opportunity cost value of the Thinh Liet New Urban Area Project. The determination of the opportunity cost value of the Thinh Liet New Urban Area Project is carried out under the direction of the Prime Minister and the guidance of the Ministry of Finance, the Ministry of Construction and other management agencies. The Corporation is responsible for submitting the opportunity cost value of this project to the Enterprise Support and Development Fund after it is officially determined.

We would like to draw the readers' attention to Note VII.3 of the Notes to the separate financial statements. As at 31 December 2024, the accumulated loss of the Corporation was VND 355,868,682,015 (as at 01 January 2024, it was VND 361,197,474,426), short-term debt exceeded short-term assets by VND 824,988,743,309 (as at 01 January 2024, it was VND 866,619,702,539). The ability of the Corporation to continue as a going concern will depend on the implementation of its business plan and the financial support of credit institutions. These events, together with other matters as presented in Note II of the Notes to the Financial Statements, indicate the existence of material uncertainties that may cast significant doubt on the Corporation's ability to continue as a going concern.

The Board of Management of the Corporation also prepared the consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2024 including the parent company and its subsidiaries. Users of the financial statements of the Corporation should read the consolidated financial statements of the Corporation for the financial year ended 31 December 2024 for full information on the consolidated financial position and consolidated results of operations of the Corporation.

Our audit qualified opinion is not qualified in respect of these matters.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Nguyen Thi Thanh Hoa
Deputy Chief Executive Officer
Audit Practising Registration Certificate
No. 1402-2023-072-01
On behalf of
International Auditing Company Limited
Hanoi, March 31, 2025

Kieu Manh Long
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 5727-2023-072-01

SEPARATE BALANCE SHEET
As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	**100**		**853,160,960,075**	**784,087,821,023**
I. Cash and cash equivalents	**110**		**8,205,680,266**	**9,526,789,245**
1. Cash	111	V.1	8,205,680,266	9,526,789,245
II. Short-term financial investments	**120**		**-**	**21,703,693,116**
1. Held-to-maturity investments	123		-	21,703,693,116
II. Short-term receivables	**130**		**789,846,954,834**	**692,532,288,348**
1. Short-term trade receivables	131	V.2	183,520,080,577	181,969,474,373
2. Short-term advances to suppliers	132	V.3	83,307,778,855	69,759,438,339
3. Short-term loan receivables	135	V.4a	196,903,623,180	196,903,623,180
4. Other short-term receivables	136	V.5	432,503,351,082	354,857,620,909
5. Provision for short-term doubtful debts	137	V.6	(106,387,878,860)	(110,957,868,453)
III. Inventories	**140**	**V.7**	**38,635,887,375**	**42,777,672,165**
1. Inventories	141		39,503,108,700	43,644,893,490
2. Provision for devaluation of inventories	149		(867,221,325)	(867,221,325)
IV. Other short-term assets	**150**		**16,472,437,600**	**17,547,378,149**
1. Short-term prepayments	151	V.10a	4,491,660	26,637,347
2. Value added tax deductibles	152		16,104,332,458	17,165,736,266
3. Taxes and other receivables from the State budget	153	V.17a	363,613,482	355,004,536
B. NON-CURRENT ASSETS	**200**		**1,798,113,763,116**	**1,823,271,353,621**
I. Long-term receivables	**210**		**14,010,000,000**	**3,860,000,000**
1. Long-term loans receivables	215	V.4b	14,010,000,000	3,860,000,000
II. Fixed assets	**220**		**69,316,222,464**	**81,404,473,684**
1. Tangible fixed assets	221	V.9	69,076,622,463	81,091,673,683
- Cost	*222*		*333,147,249,417*	*394,440,059,845*
- Accumulated depreciation	*223*		*(264,070,626,954)*	*(313,348,386,162)*
2. Intangible assets	227		239,600,001	312,800,001
- Cost	*228*		*366,000,000*	*366,000,000*
- Accumulated depreciation	229		*(126,399,999)*	*(53,199,999)*
III. Investment property	**230**		**1,357,365,162**	**1,357,365,162**
- Cost	*231*		*1,357,365,162*	*1,357,365,162*
IV. Long-term assets in progress	**240**		**10,354,346,991**	**14,943,918,305**
1. Long-term work in progress	241	V.8	-	4,589,571,314
2. Long-term construction in progress	242	V.11	10,354,346,991	10,354,346,991
V. Long-term financial investments	**250**		**1,702,572,615,351**	**1,720,792,195,002**
1. Investments in subsidiaries	251	V.12	1,448,580,147,489	1,448,580,147,489
2. Investments in joint-ventures, associates	252	V.13	321,547,551,645	322,588,897,645
3. Equity investments in other entities	253	V.14	49,876,625,400	59,260,545,400
4. Provision for impairment of long-term financial investments	254		(117,431,709,183)	(111,137,395,532)
5. Held-to-maturity investments	255		-	1,500,000,000
VI. Other long-term assets	**260**		**503,213,148**	**913,401,468**
1. Long-term prepayments	261	V.10b	503,213,148	913,401,468
TOTAL ASSETS	**270**		**2,651,274,723,191**	**2,607,359,174,644**

BALANCE SHEET (CONTINUED)
As at 31 December 2024

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	**300**		**2,107,143,405,206**	**2,068,556,649,070**
I. Current liabilities	**310**		**1,678,149,703,384**	**1,650,707,523,562**
1. Short-term trade payables	311	V.15	224,623,369,544	249,054,665,000
2. Short-term advances from customers	312	V.16	258,805,876,869	161,233,731,475
3. Taxes and amounts payable to the State budget	313	V.17b	49,755,687,307	50,143,225,893
4. Payables to employees	314		16,004,562,127	12,466,130,936
5. Short-term accrued expenses	315	V.18	238,300,968,234	312,162,282,793
6. Other current payables	319	V.19a	58,784,168,165	56,101,280,281
7. Short-term loans and obligations under finance leases	320	V.20	829,144,158,494	800,656,583,119
8. Short-term provisions	321		-	6,158,711,421
9. Bonus and welfare funds	322		2,730,912,644	2,730,912,644
II. Long-term liabilities	**330**		**428,993,701,822**	**417,849,125,508**
1. Long-term unearned revenue	336		318,701,822	529,125,508
2. Other long-term payables	337	V.19b	60,000,000,000	60,000,000,000
3. Long-term loans and obligations under finance leases	338	V.21	368,675,000,000	357,320,000,000
D. EQUITY	**400**		**544,131,317,985**	**538,802,525,574**
I. Owner's equity	**410**	**V.22**	**544,131,317,985**	**538,802,525,574**
1. Owner's contributed capital	411		900,000,000,000	900,000,000,000
- Ordinary shares carrying voting rights	*411a*		*900,000,000,000*	*900,000,000,000*
2. Retained earnings	421		(355,868,682,015)	(361,197,474,426)
- Retained earnings accumulated to the year end	*421a*		*(361,197,474,426)*	*(367,326,675,735)*
- Retained earnings of the current year	*421b*		*5,328,792,411*	*6,129,201,309*
TOTAL RESOURCES	**440**		**2,651,274,723,191**	**2,607,359,174,644**

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Dang Thu Oanh	**Le Thi Thanh Noi**	**Phan Thanh Hai**
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

INCOME STATEMENT
For the year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01		208,297,078,555	306,521,559,494
2. Deductions	02		-	-
3. Net revenue from goods sold and services rendered	10	VI.1	208,297,078,555	306,521,559,494
4. Cost of sales	11	VI.2	205,822,337,001	321,483,165,353
5. Gross profit from goods sold and services rendered	20		2,474,741,554	(14,961,605,859)
6. Financial income	21	VI.3	126,334,817,562	172,981,309,696
7. Financial expenses	22	VI.4	98,487,903,595	113,096,178,070
- In which: Interest expense	*23*		*87,320,891,385*	*100,028,381,433*
8. Selling expenses	25		-	-
9. General and administration expenses	26	VI.5	21,266,497,768	30,731,953,429
10. Operating profit	30		9,055,157,753	14,191,572,338
11. Other income	31	VI.6	6,314,792,549	2,524,669,598
12. Other expenses	32	VI.7	10,041,157,891	10,587,040,627
13. Profit from other activities	40		(3,726,365,342)	(8,062,371,029)
14. Accounting profit before tax	50		5,328,792,411	6,129,201,309
15. Current corporate income tax expense	51	VI.8	-	-
17. Net profit after corporate income tax	60		5,328,792,411	6,129,201,309

Dang Thu Oanh	**Le Thi Thanh Noi**	**Phan Thanh Hai**
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

CASH FLOW STATEMENT
(Under indirect method)
For the year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Accounting profit before tax	**01**	**5,328,792,411**	**6,129,201,309**
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation	02	11,562,606,904	12,696,248,586
Provisions	03	3,639,140,107	14,169,672,702
Foreign exchange (gains)/ losses arising from translating foreign currency items	04	1,459,114	1,082,041
(Gains)/losses from investing activities	05	(126,379,382,777)	(175,505,979,294)
Interest expense	06	87,320,891,385	100,028,381,433
3. Operating profit before movements in working capital	**08**	**(18,526,492,856)**	**(42,481,393,223)**
(Increase)/Decrease in receivables	09	(51,103,900,325)	36,021,061,325
(Increase)/Decrease in inventories	10	13,320,927,418	949,844,782
(Increase)/Decrease in payables	11	103,554,384,200	(3,379,984,326)
(Increase)/Decrease in prepaid expenses	12	432,334,007	614,880,211
Interest paid	14	(203,151,806,245)	(125,537,143,506)
Net cash generated by/used in operating activities	**20**	**(155,474,553,801)**	**(133,812,734,737)**
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	-	(180,000,000)
2. Proceeds from sale, disposal of fixed assets and other long-term assets	22	5,434,427,041	3,067,000,000
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23	(10,936,077,784)	(10,914,947,216)
4. Cash recovered from lending, reselling debt instruments of other entities	24	23,989,770,900	52,601,254,100
5. Equity investments in other entities	25	-	(5,000,000,000)
6. Cash recovered from investments in other	26	10,425,266,000	6,803,822,730
7. Interest earned, dividends and profits received	27	85,398,942,404	102,985,141,387
Net cash generated by/used in investing activities	**30**	**114,312,328,561**	**149,362,271,001**
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	723,625,437,983	514,104,616,944
2. Repayment of borrowings	34	(683,782,862,608)	(528,383,772,279)
Net cash generated by/used in financing activities	**40**	**39,842,575,375**	**(14,279,155,335)**
Net increase/(decrease) in cash	**50**	**(1,319,649,865)**	**1,270,380,929**
Cash and cash equivalents at the beginning	**60**	**9,526,789,245**	**8,257,490,357**
Effect of changes in foreign exchange rate		(1,459,114)	(1,082,041)
Cash and cash equivalents at the end of the year	**70**	**8,205,680,266**	**9,526,789,245**

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Dang Thu Oanh	Le Thi Thanh Noi	Phan Thanh Hai
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

I. GENERAL INFORMATION

1. Structure of ownership

LICOGI Corporation - JSC (hereinafter referred to as "the Corporation"), formerly known as the Infrastructure Development and Construction Corporation, was established under Decision No. 998/BXD-TCLĐ dated November 20, 1995 of the Minister of Construction, a State-owned enterprise under the Ministry of Construction. The Corporation transformed its model into a joint stock company under Decision No. 2243/QD-TTg dated December 11, 2014 of the Prime Minister approving the equitization plan of the Infrastructure Development and Construction Corporation - One Member Limited Liability Company. According to the Business Registration Certificate No. 0100106440, the third change on December 31, 2015, issued by the Hanoi Department of Planning and Investment, the Corporation officially transformed into a joint stock company, changing its name from the Infrastructure Development and Construction Corporation - One Member Limited Liability Company to LICOGI Corporation - Joint Stock Company with a charter capital of VND 900 billion. The Corporation operates under the Business Registration Certificate No. 0100106440, first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on November 24, 2010, the 10th change on February 27, 2025.

Head office of the Corporation: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City.

2. Field of business

The Corporation operates in many different fields.

3. Operating industry and principal activities

The Corporation's main production and business activities include:

- Construction and Installation: underground works, irrigation works (dykes, dams, canals, reservoirs, irrigation systems, pipelines, pumping stations), hydroelectricity, thermal power, post office, water supply and drainage, urban and industrial park infrastructure technical works, drilling and blasting (Enterprises are only allowed to do business when permitted by competent State agencies);

- Investing in and developing projects on housing, urban areas, industrial parks, investing and developing technical infrastructure, investing in the construction of electricity works and trading in commercial electricity; investing and trading in office services, hotels, motels, tourism and entertainment services, managing and exploiting comprehensive services in new urban areas and concentrated residential areas;

- Construction and installation and general contractor for construction and installation of civil, industrial and traffic works (roads, railway bridges, road bridges, airports, ports, stations, tunnels);

- Researching the application and transfer of new technologies in the construction field, organizing training, retraining, fostering management staff, specialized technical workers, education and orientation to send Vietnamese workers and experts to work abroad for a limited period;

- Manufacturing, trading and importing and exporting mechanical products, materials, machinery, equipment, raw materials, types of construction materials, construction technology;

- Construction investment consultancy includes: planning, establishment and appraisal of construction investment projects, topographic survey, engineering geology, hydrogeology, design, preparation of total cost estimates for construction works, project management, technical supervision of construction, bidding consultancy and economic contracts on design, construction, installation, supply of materials and equipment; testing, quality inspection of works (excluding legal consultancy).

4. Normal production and business cycle

For the Corporation's real estate business activities, the production and business cycle usually lasts more than 12 months. Other activities have a business cycle of no more than 12 months.

I. GENERAL INFORMATION (CONTINUED)

5. Business structure

As at December 31, 2024, the Corporation has the following affiliated units:

Units	Place	Main business activities
Head Office	Ha Noi	Construction, foundation, infrastructure
LICOGI Branch No. 1	Ha Noi	Construction, foundation, infrastructure
LICOGI Construction Materials Branch	Ha Noi	Construction materials production

Information about the Subsidiary as at December 31, 2024 is as follows:

Subsidiaries	Place of incorporation and operation	Proportion of ownership interest and voting power held	Main business activities
Dong Anh Investment Construction and Building Materials Joint Stock Company	Ha Noi	51.85%	Manufacturing and trading of construction materials
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	Ha Noi	89.06 %	Manufacturing and trading of mechanical products
Licogi Consulting Joint Stock Company	Ha Noi	60.00%	Construction investment consulting
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No9	Dong Nai	51.00%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	Quang Ngai	64.77%	Construction, foundation, infrastructure
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No10	Da Nang	57.71%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 15 Joint Stock Company	Thanh Hoa	64.65%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 17 Joint Stock Company	Hai Duong	56.33%	Construction, foundation, infrastructure
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	Ha Noi	92.58%	Construction, foundation, infrastructure
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	Ha Noi	89.92%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi Urban and Housing One Member Company Limited	Ha Noi	100.00%	Real Estate Business
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	Quang Ninh	100.00%	Real Estate Business
LICOGI General Import-Export One Member Company Limited	Ha Noi	100.00%	Labor supply and management

I. GENERAL INFORMATION (CONTINUED)

5. Business structure (Continued)

Information about the Associates as at December 31, 2024 is as follows:

Name	Place	Benefit ratio	Main business activities
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	Lao Cai	41.01%	Electricity production and trading
Licogi 14 Joint Stock Company	Phu Tho	18.49%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 19 Joint Stock Company	Ha Noi	22.62%	Construction, foundation, infrastructure

Information about the Investee Companies as at December 31, 2024 is as follows:

Name	Place of incorporation and operation	Proportion of ownership interest and voting power held	Main business activities
Licogi 12 Joint Stock Company	Ha Noi	8.52%	Construction, foundation, infrastructure
Licogi 13 Joint Stock Company	Ha Noi	1.95%	Construction, foundation, infrastructure
Investment and Construction Joint Stock Company No.18	Ha Noi	3.75%	Construction, foundation, infrastructure
Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company	Quang Ngai	1.19%	Electricity production and trading
Long Son Petroleum Industrial Zone Investment Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	0.36%	Construction works
Vinashin - Licogi Investment Construction Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	10.00%	Specialized construction
Licogi Project Management and Construction Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	10.00%	Civil construction

6. Comparative figures

The comparative figures are data on the audited Separate financial statements for year ended 31 December 2023 audited.

7. Employee

The total number of employees of the Corporation as at December 31, 2024 is 57 people (as at December 31, 2023 is 121 people).

II. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Basis for preparing separate financial statements

The accompanying separate financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

II. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR (CONTINUED)

Basis for preparing separate financial statements (Continued)

The Corporation officially became a Joint Stock Company from December 31, 2015. The Corporation has received approval from competent authorities under Decision No. 1456/QD-BXD dated November 12, 2018 on the actual value of State capital at the time of handover of the Parent Company - Infrastructure Development and Construction Corporation into Licogi Corporation - Joint Stock Company and has adjusted the figures on the financial statements. However, due to some legal problems related to the opportunity cost under the business cooperation contract for the Thinh Liet New Urban Area investment project between the Corporation and Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited and the actual situation of project implementation, the final settlement value does not include opportunity cost. This opportunity cost will be calculated separately after receiving instructions from the Prime Minister and the Corporation is responsible for submitting it directly to the Enterprise Support and Development Fund after it is officially determined.

The separate financial statements of the Corporation are prepared on the basis of the financial statements of the Corporation's Office and its subsidiaries. All transactions and balances between the Corporation's Office and its subsidiaries are completely eliminated when preparing the separate financial statements.

The accompanying separate financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

Going concern assumption

As at 31 December 2024, the accumulated loss of the Corporation was VND 355,868,682,015 (as at 01 January 2024, was VND 361,197,474,426), short-term debt exceeded short-term assets by VND 824,988,743,309 (as at 01 January 2024, it was VND 866,619,702,539), net cash flow from operating activities in 2024 is negative VND 155,474,553,801 (in 2023 negative VND 133,812,734,737).The Corporation's ability to continue as a going concern depends on its sources of revenue and funding from its partners. The Board of Management of the Corporation believes that the Corporation will be able to mobilize capital from credit institutions and other sources to pay its debts as they come due (if necessary) and maintain the necessary working capital to continue operations in the near future.

The Board of Management has carefully assessed the business plan and cash flow plan, as well as the ability to balance cash sources to pay debts and financial obligations as they fall due. The Board of Management believes that it is appropriate for the separate financial statements of the Corporation for the year ended 31 December 2024 to be prepared on a going concern basis.

Fiscal year

The company's financial year begins from 01 January to 31 December.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM APPLIED

The Board of Management ensures that it has complied with the requirements of Vietnamese Accounting Standards and the Accounting regime for enterprises promulgated under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by Ministry of Finance guiding the accounting regime for enterprises and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Corporation in the preparation of these financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of separated financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the separated financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the year. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Corporation has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits (commercial bills), bonds, preference shares which the issuer shall redeem at a certain date in the future, loans held to maturity to earn periodic interest and other held-to-maturity investments.

Held-to-maturity investments are recognised on a trade date basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs. Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

When there is solid evidence that part or all of the investment may not be recoverable and the amount of loss can be reliably determined, the loss is recorded in financial expenses during the year and reduced. Direct deduction of investment value.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts relating to held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Loan receivables

Loan receivables are measured at cost less provision for doubtful debts. Provision for doubtful debts relating to loan receivables is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Investment in subsidiaries

Subsidiaries are companies controlled by the Corporation. Control is achieved when the Corporation has the power to govern the financial and operating policies of an investee company so as to obtain benefits from its activities.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Investments in associates

An associate is an entity over which the Corporation has significant influence and that is neither a subsidiary nor an interest in joint venture. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investor but not control or joint control over those policies.

The Corporation initially records investments in subsidiaries, joint ventures and associates at cost. The Corporation records in the Income Statement the portion of the share of the investee's accumulated net profit arising after the date of investment. Any other amount received by the Corporation other than the share of profit is considered a recovery of investments and is recorded as a deduction from the original cost of the investment. Dividends received in the form of shares are only recorded according to the number of additional shares, not the value of the shares received/recorded at par value.

Investments in subsidiaries, joint ventures and associated companies are presented in the Balance Sheet at cost less provisions for impairment (if any).

Provision for losses on investments in subsidiaries, joint ventures and associates is made when the subsidiary, joint venture or associate suffers a loss, with the provision equal to the difference between the actual capital contributions of the parties in the subsidiary, joint venture or associate and the actual equity multiplied by the capital contribution ratio of the Corporation compared to the total actual capital contributions of the parties in the subsidiary, joint venture or associate. If the subsidiary, joint venture or associate is the subject of the Consolidated Financial Statement, the basis for determining the provision for losses is the Consolidated Financial Statement.

Increase or decrease in the provision for investment losses in subsidiaries, joint ventures and associates that must be set up at the end of the fiscal year and recorded in financial expenses.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent the Corporation's investments in ordinary shares of the entities over which the Corporation has no control, joint control, or significant influence.

Equity investments in other entities are carried at cost less provision for impairment.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is set aside for each receivable based on the time of overdue payment of principal according to the original debt commitment (not taking into account debt extension between parties) or based on the level of possible loss according to the Company's assessment. The difference between the provision to be set up at the end of this fiscal year and the provision set up at the end of the previous fiscal year is recorded as an increase or decrease in business management expenses in the fiscal year. When receivables are determined to be uncollectible, they will be written off.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the specific identification method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the balance sheet date.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use. The costs of tangible fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self-construction or self-generating process are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State's regulations on investment and construction management, directly-related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been completed and put into use but the settled costs thereof have not been approved, the cost of tangible fixed assets is recognised at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by competent authorities

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Buildings and structures	10 - 25
Machinery, equipment	03 - 15
Motor vehicles	05 - 10
Office equipment	03 - 10

Tangible fixed assets are revalued in accordance with the State's decisions or when state-owned enterprises are equitised. The cost and accumulated depreciation of tangible fixed assets are adjusted based on the revaluation value approved by competent authorities as regulated.

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between profit from sales or disposals of assets and their residual values and is recognised in the income statement.

Intangible assets and amortisation

The Corporation's intangible fixed assets are computer software. Intangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over a period of 05 years.

Investment properties

Investment properties are composed of land use rights, buildings and structures held by the Corporation to earn rentals or for capital appreciation. Investment properties held to earn rentals are stated at cost less accumulated depreciation while investment properties held for capital appreciation are stated at cost less impairment loss. The costs of purchased investment properties comprise their purchase prices and any directly attributable expenditures, such as professional fees for legal services, property transfer taxes and other related transaction costs. The costs of self-constructed investment properties are the finally accounted construction or directly attributable costs of the properties.

Investment real estate at the Corporation is investment real estate held for appreciation, the Corporation does not depreciate. In case there is solid evidence that investment real estate held for appreciation has decreased in value compared to market value and the decrease in value can be determined reliably, the investment real estate held for appreciation is recorded as a decrease in original cost and the loss is recorded in cost of goods sold.

The transfer from owner-occupied real estate to investment real estate or from investment real estate to owner-occupied real estate or inventory is only possible when there is a change in purpose of use. Owner-occupied real estate converts to investment property when the owner ends use of the property and when another party leases it for operation. Investment property converts to owner-occupied property when the owner begins to use the property. Investment real estate converts to inventory when the owner begins to develop it for sale. Inventories are converted into investment properties when the owner begins leasing them to another party. Construction real estate is converted into investment real estate at the end of the construction phase and is handed over for investment.

Conversion of using between investment property and owner-occupied property or inventory does not change the carrying amount of the converted asset and does not change the cost of the property. assets in the determination of value or in preparing the financial statements.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental and administrative purposes or for other purposes are carried at cost. The cost includes any costs that are necessary to form the asset including construction cost, equipment cost, other directly attributable costs in accordance with the Corporation's accounting policy. Such costs will be included in the estimated costs of the fixed assets (if settled costs have not been approved) when they are put into use.

According to the State's regulations on investment and construction management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. The final costs of these completed construction projects may vary depending on the final approval by competent authorities.

Prepayments

Prepaid expenses include actual expenses that have been incurred but are related to the results of production and business activities of many accounting periods. Prepaid expenses include the value of tools, instruments, small components issued for use, other repair costs and are considered to have the potential to bring future economic benefits to the Corporation. These costs are capitalized in the form of prepayments and allocated to the Income Statement, using the straight-line method in accordance with current accounting regulations.

Accrued expenses

Payables for goods and services received from sellers or provided to buyers during the reporting period but not actually paid and other payables such as loan interest payable, construction costs, other production and business costs... are recorded in production and business costs of the reporting period.

Provisions for payables

Provisions for payables are recognised when the Corporation has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Corporation will be required to settle that obligation. Provisions are measured based on management's best estimate of the expenditure required to settle the obligation at the balance sheet date.

Unearned revenue

Unearned revenue includes revenue received in advance such as: the amount of money that customers have paid in advance for one or more fiscal years for labor export services.

Unearned revenue is transferred to Sales and Service Revenue at the amount determined in accordance with each fiscal year.

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

(a) The Corporation has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
(b) The Corporation retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with; ownership nor effective control over the goods sold;
(c) The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the products or goods, purchased under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to pay return products and goods (except for cases where customers have the right to return goods in the form of exchange for other goods or services
(d) The Corporation has obtained or will receive economic benefits from the sale transaction; and
(e) The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Unearned revenue (continued)

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of such transactions can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, revenue is recognised in each period by reference to the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date of that period. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

(a) The amount of revenue can be measured reliably; When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the products or goods, purchased under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to pay return products and goods;
(b) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Corporation;
(c) The percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
(d) The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Revenue from the Corporation's construction contracts is recognised in accordance with the Corporation's accounting policy on construction contracts (see details below).

Interest income is recognized on an accrual basis, determined on the balance of the deposit account and the interest rate applied.

Interest from investments is recognized when the Corporation has the right to receive the profit.

Dividends and profits distributed

Dividends and profits distributed are recorded when the Corporation is entitled to receive dividends or profits from capital contributions. Dividends received in shares are only tracked by the number of shares increased, not recording the value of shares received.

Construction contract

Revenue and costs of construction contracts are recognised as follows:

When the outcome of a contract can be estimated reliably:

- For construction contracts that stipulate that the contractor is paid according to the planned schedule, revenue and costs related to the contract are recognized in proportion to the work completed by the Corporation self-determined at the end of the financial year.
- For construction contracts where the contractor is paid according to the value of the volume performed, the revenue and costs related to the contract are recognized in proportion to the completed work confirmed by the customer and is reflected on the invoice issued.

Increases and decreases in construction and installation volume, compensation and other revenues are recognised as revenue only when agreed with the customer.

When the outcome of a construction contract cannot be estimated reliably:

- Revenue is recognised only to the extent of contract costs incurred for which recovery is reasonably certain.
- Contract costs are recognised as expenses only when incurred.

The difference between the cumulative total revenue of a construction contract recognised and the cumulative amount recorded on invoices for payment according to the planned progress of the contract is recognised as receivable or payable according to the planned progress of the construction contracts.

IV. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (CONTINUED)

Borrowing costs

Borrowing costs include interest and other costs incurred in connection with borrowings. Borrowing costs are recognized as expenses when incurred. In cases where borrowing costs are directly related to the investment in construction or production of unfinished assets, which require a long enough period (over 12 months) to be put to use for the intended purpose or sale, these borrowing costs are capitalized. For separate loans serving the construction of fixed assets, investment real estate, borrowing interest is capitalized even if the construction period is less than 12 months. Incomes arising from temporary investment of loans are recorded as a reduction in the original cost of related assets.

For general loans in which there is an investment in construction or production of unfinished assets, the capitalized borrowing costs are determined according to the capitalization rate for the weighted average cumulative costs incurred for the investment in basic construction or production of that asset. The capitalization rate is calculated at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the year, except for specific borrowings serving the purpose of forming a specific asset.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and are accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Corporation intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

Related parties

Related parties are enterprises - including parent companies, subsidiaries, and fellow subsidiaries - and individuals that directly or indirectly through one or more intermediaries, control, or are controlled by, or are under common control with, the Company. Associates, individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Company that gives them significant influence over the enterprise, key management personnel, including directors and officers of the Company, close members of the family of these individuals or of these individuals and companies associated with these individuals also constitute related parties.

In considering each related party relationship, attention is paid to the substance of the relationship, not merely the legal form.

IV. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET

1. CASH

	Closing balance VND	Opening balance VND
Cash on hand	131,617,496	7,917,172
Bank demand deposits	8,074,062,770	9,518,872,073
Total	**8,205,680,266**	**9,526,789,245**

2. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
MIK Group Viet Nam Joint Stock Company	25,971,260,268	8,673,591,895
Investment and Construction Joint Stock Company No.8	21,261,594,839	21,261,594,839
Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company	17,409,874,008	17,409,874,008
578 Investment And Construction Joint Stock Company	13,003,806,049	14,503,806,049
Mai Linh Investment Joint Stock Company	10,412,427,516	14,687,306,426
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	13,783,807,403	13,783,807,403
Hoa Binh Construction Group Joint Stock Company	8,936,478,335	8,936,478,335
Project Management Board of Investment and Construction of Hanoi National University in Hoa Lac	8,548,827,170	8,548,827,170
LICOGI 13 Joint Stock Company	5,414,775,233	5,714,775,233
Other	58,777,229,756	68,449,413,015
Total	**183,520,080,577**	**181,969,474,373**
Other receivables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**48,480,383,278**	**30,662,102,929**

3. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	38,472,872,158	38,472,872,158
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	13,000,000,000	-
Licogi 15 Joint Stock Company	10,813,710,792	10,813,710,792
Minh Duc Ha Transport and Trading Co., LTD	4,000,000,000	-
Licogi 19 Joint Stock Company	3,695,789,577	3,695,789,577
Other	13,325,406,328	16,777,065,812
Total	**83,307,778,855**	**69,759,438,339**
Short-term advances to suppliers from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**66,906,203,325**	**53,047,831,094**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

4. LOAN RECEIVABLE

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Short-term loans receivables		
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company (i)	1,600,000,000	1,600,000,000
Licogi Housing and Urban Development Co., LTD (ii)	195,303,623,180	195,303,623,180
Total	**196,903,623,180**	**196,903,623,180**
b. Long-term loans receivables	-	-
Licogi Housing and Urban Development Co., LTD (iii)	14,010,000,000	3,860,000,000
Total	**14,010,000,000**	**3,860,000,000**
Loan receivables from related parties	**210,913,623,180**	**200,763,623,180**

(Details stated in Note VII.1)

(i) Loan under contract No.05/2017/LICOGI-LMDN dated April 25, 2017, loan amount is VND 1,600,000,000, term of contract is 12 months, floating loan interest rate according to commercial bank interest rate from time to time, loan security is receivable debt of package TB02 - Bac Ha Hydropower Project from Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company according to tripartite payment commitment No. 1904/2017/LICOGI/LMDN/CKDA dated April 19, 2017.

According to the loan appendix dated April 26, 2020, the debt amount and principal repayment period are extended from April 26, 2020 until the payment is deducted. Interest rate is 9.5%/year.

(ii) Loan under the principle contract No.04/2017/HDVV/LICOGI-NOĐT dated March 30, 2017, the maximum loan amount is VND 351,802,000,000, the loan term is calculated from the disbursement date to August 15, 2019. The borrower is to implement the Thinh Liet New Urban Area project, Hoang Mai District, Hanoi City. The interest rate for the loan term is variable, the interest rate for restructuring the repayment term is 110% of the interest rate for the loan term, the overdue interest rate is 150% of the interest rate for the loan term. The loan is unsecured.

According to the loan contract appendix dated December 28, 2023, the debt amount and the principal repayment period are extended for 12 months from January 15, 2024. Interest rate is 16%/year.

(iii) Loans under the loan support contract, loan term is 24 months from the disbursement date. The borrowing unit is to serve regular operating expenses and temporary housing rental support costs in 2023 for households in Tuong Mai ward, Thinh Liet ward to implement the Thinh Liet New Urban Area Project. The capital support fee is 8%/year. The loan is unsecured.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

5. OTHERS SHORT-TERM RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
Receivable related to equitisation	3,628,215,586	3,628,215,586
Receivable related to dividends and profits received	3,857,797,786	2,794,626,900
Receivable from employees	2,672,948,504	2,778,279,854
Advance	23,305,093,821	23,596,631,075
Licogi Housing and Urban Development Company Limited (i)	209,237,674,737	176,909,841,975
Receivables from Dung Quat Shipbuilding Industry Factory	25,493,403,949	25,493,403,949
Receivable from Thinh Liet Urban Area Project Management Board (ii)	113,142,448,907	72,992,608,004
Other	51,165,767,792	46,664,013,566
Total	**432,503,351,082**	**354,857,620,909**
Loan receivables are related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**226,450,729,717**	**195,775,267,043**

(i) Receivables related to the handover of the Thinh Liet New Urban Area project, advances made by the Corporation to implement the project and interest receivable from contracts that the Corporation lent to this Company.

(ii) The total value of the interest expense receivable accumulated up to January 1, 2024 is VND 72.99 billion. During the year, the Corporation capitalized VND 40.15 billion of interest from loan contracts for production and business purposes or for projects into other short-term receivables. As at December 31, 2024, the total value of this interest expense receivable is VND 113.14 billion.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

6. BAD DEBTS

	Closing balance			Opening balance		
	Cost	Recoverable amount	Provision	Cost	Recoverable amount	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Short-term trade receivables	**37,268,719,975**	**-**	**(37,268,719,975)**	**41,768,709,848**	**-**	**(41,768,709,848)**
Investment and Construction Joint Stock Company No.8	21,261,594,839	-	(21,261,594,839)	21,261,594,839	-	(21,261,594,839)
Dai Son Development & Investment Corp	-	-	-	4,449,989,593	-	(4,449,989,593)
Project to build urban railway line No. 1 in Ho Chi Minh City	2,672,614,907	-	(2,672,614,907)	2,672,614,907	-	(2,672,614,907)
Nam Thang Long Urban Architecture Joint Stock Company	1,982,135,768	-	(1,982,135,768)	1,982,135,768	-	(1,982,135,768)
Construction The National Sport Complex	1,696,290,575	-	(1,696,290,575)	1,696,290,575	-	(1,696,290,575)
Others	9,656,083,886	-	(9,656,083,886)	9,706,084,166	-	(9,706,084,166)
b. Other short-term receivables	**62,110,316,068**	**-**	**(62,110,316,068)**	**62,060,316,068**	**-**	**-62,060,316,068**
Construction Company 19	4,337,712,455	-	(4,337,712,455)	4,337,712,455	-	(4,337,712,455)
Investment - Mining - Port Joint Stock Company	250,000,000	-	(250,000,000)	250,000,000	-	(250,000,000)
Dung Quat Shipbuilding Industry Executive Board	25,493,403,949	-	(25,493,403,949)	25,493,403,949	-	(25,493,403,949)
Son La Hydropower Plant Management	407,283,893	-	(407,283,893)	407,283,893	-	(407,283,893)
Receivables from Cam Thuy 2 Hydropower Project	6,286,244,989	-	(6,286,244,989)	6,286,244,989	-	(6,286,244,989)
Others	25,335,670,782	-	(25,335,670,782)	25,285,670,782	-	(25,285,670,782)
c. Short-term advances to suppliers	**7,008,842,817**	**-**	**(7,008,842,817)**	**7,128,842,537**	**-**	**(7,128,842,537)**
New Technology Equipment Development Joint Stock Company	333,599,600	-	(333,599,600)	333,599,600	-	(333,599,600)
Licogi 13 Engineering & Construction Joint Stock Company	440,835,303	-	(440,835,303)	440,835,303	-	(440,835,303)
Construction Company 19	3,695,789,577	-	(3,695,789,577)	3,695,789,577	-	(3,695,789,577)
Others	2,538,618,337	-	(2,538,618,337)	2,658,618,057	-	(2,658,618,057)
Total	**106,387,878,860**	**-**	**(106,387,878,860)**	**110,957,868,453**	**-**	**(110,957,868,453)**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

7. INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Raw materials	1,388,724,779	(867,221,325)	1,388,724,779	(867,221,325)
Tools and supplies	630,027,690	-	630,027,690	-
Work in progress	37,481,799,902	-	41,623,584,692	-
Finished goods	2,556,329	-	2,556,329	-
Total	**39,503,108,700**	**(867,221,325)**	**43,644,893,490**	**(867,221,325)**

Work in progress is the cost incurred for projects under construction. Details are as follows:

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Lien Ha Thai Industrial Park Project (Thai Binh)	13,349,253,670	15,439,716,629
Parahills Hoa Binh Resort Project	6,205,817,192	6,173,343,714
Other projects	17,926,729,040	20,010,524,349
Total	**37,481,799,902**	**41,623,584,692**

8. LONG - TERM WORK IN PROGRESS

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Recoverable amount	Cost	Recoverable amount
	VND	VND	VND	VND
Cam Thuy 2 Hydropower Project	4,589,571,314	-	4,589,571,314	4,589,571,314
Total	**4,589,571,314**	**-**	**4,589,571,314**	**4,589,571,314**

As at 31 December 2024, the Corporation has deducted 100% of the provision for inventory price reduction of this Cam Thuy 2 Hydropower Project.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

9. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, Structures VND	Machinery, Equipment VND	Motor Vehicles VND	Office Equipment VND	Total VND
HISTORICAL COST					
Opening balance	**42,880,296,049**	**336,094,315,215**	**13,524,879,434**	**1,940,569,147**	**394,440,059,845**
Disposals	-	(61,292,810,428)	-	-	(61,292,810,428)
Closing balance	**42,880,296,049**	**274,801,504,787**	**13,524,879,434**	**1,940,569,147**	**333,147,249,417**
ACCUMULATED DEPRECIATION					
Opening balance	**36,676,247,750**	**261,461,486,329**	**13,410,265,648**	**1,800,386,435**	**313,348,386,162**
Charge for the year	938,405,292	10,368,615,908	104,353,404	78,032,300	11,489,406,904
Disposals	-	(60,767,166,112)	-	-	(60,767,166,112)
Closing balance	**37,614,653,042**	**211,062,936,125**	**13,514,619,052**	**1,878,418,735**	**264,070,626,954**
NET BOOK VALUE					
Opening balance	**6,204,048,299**	**74,632,828,886**	**114,613,786**	**140,182,712**	**81,091,673,683**
Closing balance	**5,265,643,007**	**63,738,568,662**	**10,260,382**	**62,150,412**	**69,076,622,463**

The cost of tangible fixed assets that have been fully depreciated but are still in use as at December 31, 2024 was VND 130,991,399,712 (as at December 31, 2023 was VND 204,208,724,172).

The remaining value of tangible fixed assets used as collateral for loans as at December 31, 2024 was VND 62,279,193,612 (as at December 31, 2023, it was VND 63,523,356,124).

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

10. PREPAYMENTS

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Current		
Tools and dies issued for consumption	4.491.660	26.637.347
Total	**4.491.660**	**26.637.347**
b. Non-current		
Repair and renovation costs	503.213.148	913.401.468
Total	**503.213.148**	**913.401.468**

11. LONG-TERM CONSTRUCTION IN PROGRESS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Head office and Office for rent at Lot E7, Pham Hung Street (i)	9,671,801,536	9,671,801,536
Licogi office building and employee housing project	583,545,455	583,545,455
Others	99,000,000	99,000,000
Total	**10,354,346,991**	**10,354,346,991**

(i) The project was approved by the Hanoi Department of Planning and Architecture for the overall site planning design and construction design plan. Additionally, an official document introducing the location of Lot E6 - Pham Hung (8,450 m²) was issued for the Corporation to implement the project dated 3 January, 2007.

The Licogi Corporation - Parent Company placed a land deposit of 8,450,000,000 VND at a rate of 1,000,000 VND/m² for Lot E6 - Pham Hung, according to Official Letter No. 2618/KH&ĐT-ĐT dated 13 December, 2006.

At 10 August, 2007, the Hanoi Department of Planning and Architecture adjusted and relocated the project site from Lot E6 to Lot E7 (approximately 6,500 m²). This adjustment was approved by the Hanoi People's Committee for the development of an office headquarters project in the Cau Giay New Urban Area, as outlined in Decision No. 1987/QĐ-UBND dated 11 November, 2008.

On July 10, 2023, the Hanoi People's Committee issued Notice No. 320/TB-VP regarding the results of the inspection and review of non-budget investment projects that have been delayed in implementation in Cầu Giấy District. Accordingly, the City People's Committee decided to suspend the previously approved investment project contents for the mentioned land lots in order to proceed with investment policy decisions, land allocation, and land lease in accordance with the current laws on bidding, investment, and land management.

On February 28, 2024, the Hanoi People's Committee issued Notice No. 78/TB-VP regarding the report and proposed solutions for unresolved issues related to 20 investment projects that have not been allocated or leased by the State in the Headquarters Area of General Corporations within the Cầu Giấy New Urban Area, Hanoi. Accordingly, the City People's Committee agreed on the proposed plan to carry out procedures to terminate the implementation of Decision No. 1987/QĐ-UBND dated November 11, 2008, in order to proceed with the land recovery process as a basis for organizing land use rights auctions in accordance with land laws. Additionally, the Department of Finance was assigned to take the lead and provide recommendations to the City People's Committee on resolving the rights and interests of relevant entities.

As at now, the Corporation is still working with relevant authorities to complete the necessary legal procedures and recover the expenses it has incurred.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

12. INVESTMENTS IN SUBSIDIARIES

	Closing balance			Opening balance		
	Quantity Share	Cost VND	Provision VND	Quantity Share	Cost VND	Provision VND
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	1,529,568	34,476,838,106	-	1,529,568	34,476,838,106	-
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	27,609,700	300,945,730,000	-	27,609,700	300,945,730,000	-
Licogi Consulting Joint Stock Company	288,000	3,177,150,487	-	288,000	3,177,150,487	-
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	2,563,566	38,178,368,992	-	2,563,566	38,178,368,992	-
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	1,226,400	16,855,532,723	(16,855,532,723)	1,226,400	16,855,532,723	(16,855,532,723)
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 10	675,240	10,110,056,968	(10,110,056,968)	675,240	10,110,056,968	(10,110,056,968)
Licogi 15 Joint Stock Company	659,430	6,593,800,000	(6,593,800,000)	659,430	6,593,800,000	(6,593,800,000)
Licogi 17 Joint Stock Company	563,290	10,393,670,213	(10,393,670,213)	563,290	10,393,670,213	(10,393,670,213)
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	2,257,150	22,571,500,000	(22,571,500,000)	2,257,150	22,571,500,000	(22,571,500,000)
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	1,027,750	10,277,500,000	(10,277,500,000)	1,027,750	10,277,500,000	(10,277,500,000)
Licogi Housing and Urban Development Company Limited	-	900,000,000,000	-	-	900,000,000,000	-
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	-	90,000,000,000	(22,506,857,557)	-	90,000,000,000	(14,804,286,576)
LICOGI General Import-Export One Member Company Limited	-	5,000,000,000	(921,623,930)	-	5,000,000,000	-
Total		**1,448,580,147,489**	**(100,230,541,391)**		**1,448,580,147,489**	**(91,606,346,480)**

As at December 31, 2024, the Corporation is using 27,609,700 shares of Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company (original price VND 300,945,730,000) to secure loans at Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (15,609,700 shares) and Xuan Cau Investment Joint Stock Company (12,000,000 shares). Details in note V.20.

As at December 31, 2024, the Corporation is using 1,226,400 shares of Licogi Quang Ngai Joint Stock Company (original price VND 16,855,532,723) to secure loans at Song Da Group. Details in note V.20.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

13. INVESTMENTS IN ASSOCIATES

	Closing balance			Opening balance		
	Quantity Share	Cost VND	Provision VND	Quantity Share	Cost VND	Provision VND
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	27,062,983	280,725,828,730	-	27,064,983	280,746,574,730	-
Licogi 14 Joint Stock Company	5,706,010	38,822,653,946	-	5,856,010	39,843,253,946	-
Licogi 19 Joint Stock Company	190,008	1,999,068,969	-	190,008	1,999,068,969	-
Total		**321,547,551,645**	**-**		**322,588,897,645**	**-**

As at December 31, 2024, the Corporation is using 5,237,112 shares of Licogi 14 Joint Stock Company (original price of VND 35,632,357,261) and 26,700,627 shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company (original price of VND 276,967,089,777) to secure loans Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Thanh Xuan Branch and MBN Jupiter Joint Stock Company. Details in note No. V.20.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

14. EQUITY INVESTMENTS IN OTHER ENTITIES

	Closing balance			Opening balance		
	Quantity Share	Cost VND	Provision VND	Quantity Share	Cost VND	Provision VND
Licogi 12 Joint Stock Company	596,700	7,895,068,192	(5,221,852,192)	596,700	7,895,068,192	(5,132,347,192)
Licogi 13 Joint Stock Company	1,853,452	16,239,671,600	(10,679,315,600)	2,853,452	25,001,671,600	(13,098,701,860)
Investment and Construction Joint Stock Company No 18	1,429,050	9,908,080,000	-	1,518,750	10,530,000,000	-
Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company	1,375,381	13,753,805,608	-	1,375,381	13,753,805,608	-
Long Son Petroleum Industrial Zone Investment Joint Stock Company	300,000	780,000,000	-	300,000	780,000,000	-
Vinashin - Licogi Investment Construction Joint Stock Company	100,000	1,000,000,000	(1,000,000,000)	100,000	1,000,000,000	(1,000,000,000)
Licogi Project Management and Construction Joint Stock Company	30,000	300,000,000	(300,000,000)	30,000	300,000,000	(300,000,000)
Total		**49,876,625,400**	**(17,201,167,792)**		**59,260,545,400**	**(19,531,049,052)**

As at December 31, 2024, the Corporation is using 1,853,451 shares of Licogi 13 Joint Stock Company (original price of VND 16,239,671,600), 596,700 shares of Licogi 12 Joint Stock Company (original price of VND 7,895,068,192) and 300,000 shares of Idico Long Son Petroleum Industrial Park Investment Joint Stock Company (original price of VND 780,000,000) to secure loans at MBN Jupiter Joint Stock Company and Song Da Group. Details in note V.20.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

15. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Amount able to be paid off	Cost	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND
Licogi 17 Joint Stock Company	32,171,117,082	32,171,117,082	31,134,314,283	31,134,314,283
Investment and Construction Joint Stock Company No 18	24,784,410,896	24,784,410,896	24,784,410,896	24,784,410,896
Licogi 13 Joint Stock Company	4,396,512,128	4,396,512,128	24,696,512,128	24,696,512,128
Investment and Construction Joint Stock Company No 18.1	16,430,964,213	16,430,964,213	16,430,964,213	16,430,964,213
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	14,301,804,379	14,301,804,379	13,889,964,888	13,889,964,888
Licogi 10 Joint Stock Company	8,243,192,882	8,243,192,882	12,476,918,235	12,476,918,235
Licogi 16 Joint Stock Company	11,424,415,535	11,424,415,535	11,424,415,535	11,424,415,535
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	10,814,210,438	10,814,210,438	10,294,210,438	10,294,210,438
Hoang Anh Trading Construction Investment Trading Joint Stock Company	8,669,505,614	8,669,505,614	9,869,505,614	9,869,505,614
Subcontractor of Dung Quat University Board	9,358,015,247	9,358,015,247	9,358,015,247	9,358,015,247
Song Da 7 Joint Stock Company	2,093,680,987	2,093,680,987	2,313,680,987	2,313,680,987
Others	81,935,540,143	81,935,540,143	82,381,752,536	82,381,752,536
Total	**224,623,369,544**	**224,623,369,544**	**249,054,665,000**	**249,054,665,000**
Short-term trade payables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**68,376,354,393**	**68,376,354,393**	**70,641,437,456**	**70,641,437,456**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

16. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Amount able to be paid off	Cost	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND
Licogi Housing and Urban Development Company Limited	72,000,000,000	72,000,000,000	-	-
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	46,162,167,812	46,162,167,812	47,681,291,600	47,681,291,600
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	37,081,161,292	37,081,161,292	39,372,582,292	39,372,582,292
Real Estate Development and Service Company Limited Favorite Song	32,295,760,000	32,295,760,000	32,295,760,000	32,295,760,000
Licogi 10.6 One Member Limited Liability Company	19,985,000,000	19,985,000,000	-	-
Green i-Park Joint Stock Company	17,789,739,995	17,789,739,995	21,221,433,428	21,221,433,428
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	8,000,000,000	8,000,000,000	-	-
Beru Group Joint Stock Company	7,473,037,601	7,473,037,601	7,473,037,601	7,473,037,601
Dung Quat Ship Building Industry Company Limited	5,553,391,592	5,553,391,592	5,553,391,592	5,553,391,592
General Department of Politics of the Vietnam People's Army	5,520,598,035	5,520,598,035	-	-
Dung Quat Shipyard Project	5,246,722,907	5,246,722,907	5,246,722,907	5,246,722,907
Others	1,698,297,635	1,698,297,635	2,389,512,055	2,389,512,055
Total	**258,805,876,869**	**258,805,876,869**	**161,233,731,475**	**161,233,731,475**
Short-term advances from customers from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**175,228,329,104**	**175,228,329,104**	**87,053,873,892**	**87,053,873,892**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

17. TAXES AND AMONUTS RECEIVABLES/ PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Closing balance VND	Amount payable during the year VND	Amount paid during the year VND	Opening balance VND
a. Receivables				
Value added tax	363,613,482	-	8,608,946	355,004,536
Total	**363,613,482**	**-**	**8,608,946**	**355,004,536**
b. Payables				
Value added tax	18,271,861,728	20,082,502,463	20,082,502,463	18,271,861,728
Corporate income tax	1,171,464,234	-	-	1,171,464,234
Personal income tax	400,272,561	248,199,845	209,329,419	361,402,135
Environmental protection tax	36,298,900	-	-	36,298,900
Fees, charges and other amounts payable	29,875,789,884	858,552,472	1,284,961,484	30,302,198,896
Total	**49,755,687,307**	**21,189,254,780**	**21,576,793,366**	**50,143,225,893**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

18. ACCRUED EXPENSES

	Closing balance VND	Opening balance VND
Interest expense	161,168,883,690	238,412,560,386
Accrued costs for construction projects	46,536,860,740	46,536,860,740
Including:		
- Suoi Chan 2 Hydropower Project	26,794,598,660	26,794,598,660
- National University Project	4,704,207,944	4,704,207,944
- Project 20 Cong Hoa	6,823,705,099	6,823,705,099
- Ban Chat Hydroelectric Project	7,343,716,979	7,343,716,979
- Hoa Phat Dung Quat Industrial Complex Project	870,632,058	870,632,058
Other	30,595,223,804	27,212,861,667
Total	**238,300,968,234**	**312,162,282,793**
Accrued expenses from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**176,903,337,435**	**152,981,953,570**

19. OTHER PAYABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Current payables		
Surplus assets pending resolution	68,714,425	68,714,425
Union funds	1,543,652,636	1,422,437,682
Social insurance, Health insurance	11,243,942,734	11,372,032,667
Unemployment insurance	716,960,648	568,752,856
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	8,932,093,079	8,995,046,146
Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company	1,377,818,141	1,377,818,141
Thanh Binh Limited Company	2,500,000,000	2,500,000,000
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited (i)	24,816,679,766	25,254,016,850
Xuan Cau Investment Joint Stock Company (Interest expense)	2,356,712,329	794,109,590
Other	5,227,594,407	3,748,351,924
Total	**58,784,168,165**	**56,101,280,281**
b. Non-current payables		
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited (ii)	60,000,000,000	60,000,000,000
Total	**60,000,000,000**	**60,000,000,000**
Others payables from related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**95,242,000,204**	**94,562,630,722**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

19. OTHER PAYABLES (CONTINUED)

(i) Payables include interest expenses of LICOGI 2 Investment and Construction Company limited and payables due to advance payment from contract No. 04/2008/HDĐTXDC2-TL dated August 8, 2008 regarding the Corporation's allocation of land to LICOGI 2 Investment and Construction Company limited to implement the Thinh Liet project.

(ii) On September 25, 2014, the Corporation signed a contract in principle for business cooperation on the Thinh Liet New Urban Area project with Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company limited, which is currently a major shareholder of the Corporation. This is a deposit from Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company limited to the Corporation to implement the business cooperation contract on the Thinh Liet New Urban Area project.

20. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES SHORT – TERM

		Closing balance		In the year		Opening balance	
		Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Short-term loans and under finance leases							
Bank loan		**227,951,599,603**	**227,951,599,603**	**220,507,431,987**	**329,210,856,928**	**336,655,024,544**	**336,655,024,544**
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Thanh Xuan Branch	(i)	220,507,431,987	220,507,431,987	220,507,431,987	251,991,247,446	251,991,247,446	251,991,247,446
- Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Gia Lam Branch		-	-	-	76,769,609,482	76,769,609,482	76,769,609,482
- Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - West Hanoi Branch	(ii)	7,444,167,616	7,444,167,616	-	450,000,000	7,894,167,616	7,894,167,616

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

20. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES SHORT – TERM (CONTINUED)

		Closing balance		In the year		Opening balance	
		Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Units loan		**562,070,347,778**	**562,070,347,778**	**488,268,802,687**	**351,754,441,498**	**425,555,986,589**	**425,555,986,589**
- Club M Joint Stock Company	(iii)	-	-	-	202,591,643,836	202,591,643,836	202,591,643,836
- MBN JUPITER Joint Stock Company	(iii)	311,673,802,687	311,673,802,687	311,673,802,687	-	-	-
- Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	(iv)	109,322,197,156	109,322,197,156	149,185,000,000	104,000,000,000	64,137,197,156	64,137,197,156
- Xuan Cau Investment Joint Stock	(v)	85,000,000,000	85,000,000,000	-	-	85,000,000,000	85,000,000,000
- Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	(vi)	11,513,085,472	11,513,085,472	20,000,000,000	40,650,984,942	32,164,070,414	32,164,070,414
- Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	(vii)	9,762,588,389	9,762,588,389	-	1,878,751,390	11,641,339,779	11,641,339,779
- Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	(viii)	17,681,214,800	17,681,214,800	7,200,000,000	2,018,785,200	12,500,000,000	12,500,000,000
- Song Da Corporation	(ix)	8,400,000,000	8,400,000,000	-	-	8,400,000,000	8,400,000,000
- Other	(x)	8,717,459,274	8,717,459,274	210,000,000	614,276,130	9,121,735,404	9,121,735,404
Personal Loan	**(x)**	**39,122,211,113**	**39,122,211,113**	**3,494,203,309**	**2,817,564,182**	**38,445,571,986**	**38,445,571,986**
Total short-term loans and under finance leases		**829,144,158,494**	**829,144,158,494**	**712,270,437,983**	**683,782,862,608**	**800,656,583,119**	**800,656,583,119**
Long-term loan due to pay		**-**	**-**			**-**	**-**
Total		**829,144,158,494**	**829,144,158,494**			**800,656,583,119**	**800,656,583,119**
Short-term loans and liabilities from related parties *(Details stated in Note VII.1)*		**152,874,809,687**	**152,874,809,687**			**125,442,607,349**	**125,442,607,349**

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

20. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES SHORT – TERM (CONTINUED)

(i) Loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development - Thanh Xuan Branch under credit limit contract No. 01/2024/134627/HDTD dated November 25, 2024. The credit limit is VND 276 billions (including converted Vietnamese Dong and foreign currency), of which the loan limit is VND 226 billion and the guarantee limit is VND 50 billion. The limit period is from the date of signing this Contract to Octorber 30, 2025. The term of the loan is determined according to each specific Credit Contract. The purpose of the loan is to supplement working capital, guarantee, and open L/C. The loan interest rate is determined according to each specific Credit Contract. The Corporation uses a number of machinery, equipment and stock assets (1,050,000 shares of Licogi 14 Joint Stock Company and 100,000 shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company) owned by the Corporation to secure the loan.

(ii) Loan from Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development - Tay Ha Noi Branch under credit contract No. 1480-LAV-201700283 dated 31 October, 2017. Credit limit is VND 13,500,000,000. Loan interest rate is 8.5%/year. Purpose of using loan capital is to pay for construction. Secured assets include: Debt claim rights against Bac Ha Hydropower Joint Stock Company under mortgage contract No. 02/THN-Li1 dated 25 December, 2015, registered for secured transaction on 28 December, 2015 (The scope of security for the maximum outstanding debt is VND 9,800,000,000); and 3 dump trucks, 2 hydraulic crawler excavators with reverse buckets, 3 Mix trucks for transporting concrete under mortgage contract No. 02/THN-Li1 dated 25 December, 2015, registered for secured transaction on December 28, 2015 (The scope of security is VND 3,750,000,000). The outstanding principal balance as at 31 December, 2024 is VND 7,444,167,616.

According to the minutes of the meeting dated 18 September, 2020, the loan will be paid gradually until October 2022. In case the divestment is completed before October 2022, the Corporation commits to pay off the entire loan immediately after the divestment. To date, the Corporation has not yet completed the divestment.

(iii) Loan under Debt Purchase Agreement No. 10/HĐMBN/CLUB M-JUPITER dated August 19, 2024, between Club M Joint Stock Company and MBN Jupiter Joint Stock Company. Accordingly, Club M Joint Stock Company transferred the entire debt of the Corporation to MBN Jupiter Joint Stock Company. As at December 31, 2024, the loan amount was VND 311,673,802,687, with an interest rate of 14% per year. The collateral consists of 26,600,627 shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company 4,137,112 shares of Licogi 14 Joint Stock Company and 1,853,451 shares of Licogi 13 Joint Stock Company. The outstanding principal balance as at 31 December, 2024 is VND 311,673,802,687.

(iv) Loan contracts signed between Licogi Corporation - JSC and Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company limited for the purpose of serving the Thinh Liet new urban area project. Loan interest rate is 8%/year. The maximum loan term of the contracts is 12 months.

(v) Loan Agreement No. 02/2017/HDVV/LICOGI-XUAN CAU signed on December 18, 2017 between the Corporation and Xuan Cau Investment Joint Stock Company to serve the payment of due debts to the Bank and other due debts of the Corporation. The loan term is 09 months from the date of disbursement. The current loan interest rate is 11%/year. The collateral is 12,000,000 shares of Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company.

Appendix to extend Loan Agreement No. 09/PLHDVV/LICOGI-XUANCAU dated 30 December, 2023 extending the loan term from 01 January, 2024 to 31 December, 2024.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

20. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES SHORT – TERM (CONTINUED)

(vi) Loan contract No. 11-06/2024 /HDVV/LICOGI-CKDA dated June 11, 2024 between Licogi Corporation - JSC and Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company to repay debts to banks and credit institutions and serve production and business. The loan interest rate is 8%/year. The loan term is 12 months from the date Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company transfers the first money to Licogi Corporation - JSC or until Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company pays 2023 dividends to shareholders, whichever comes first. The collateral is the dividend amount of LICOGI Corporation - JSC in 2023 received from Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company and other legal receivables of LICOGI Corporation - JSC. The principal balance of the loan as at December 31, 2024 is VND 11,513,085,472.

(vii) Loan contract No. 01/2018/HDVV/LICOGI-LICOGI 2 dated August 22, 2018 and loan contract appendix No. 08/2023/PLHĐ/LICOGI-LICOGI2 dated February 22, 2023 between Licogi Corporation - JSC and Licogi 2 Investment And Construction One Member Company limited for the purpose of supplementing working capital. The current loan interest rate is 4%/year. The loan term is 12 months from February 22, 2024 to February 22, 2025 according to the extension contract appendix. The Corporation uses the Corporation's right to receive profits in 2023 and the following years at Licogi 2 Investment and Construction Company limited and other legal sources of income of the Corporation to secure this loan.

(viii) Including 04 loan contracts:

Capital support contract dated October 03, 2023 and Contract Appendix dated October 01,2024 with an amount of VND 01 billion to serve production and business activities. Loan interest rate is 8.5%/year. Loan term from October 03, 2024 to March 30, 2025. Assets secured by dividend shares of Licogi Corporation - JSC at Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company.

Capital support contract No. 11.2023/HDVV dated November 24, 2023 and Contract Appendix dated November 24,2024 with an amount of 10 billion VND to serve production and business activities. Loan interest rate is 7.5%/year. Loan term from November 24, 2024 to November 24, 2025. Assets secured by shares of Licogi Corporation - JSC at Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company.

Capital support contract No 11.2024/HDVV dated November 26, 2024 with an amount of VND 3.2 billion to serve production and business activities. Loan interest rate is 8.5%/year. Loan term from November 26, 2024 to November 26, 2025. Assets secured by shares of Licogi Corporation - JSC at Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company.

Capital support contract No 12.2024/HDVV dated December 30, 2024 with an amount of VND 4 billion to serve production and business activities. Loan interest rate is 5.4%/year. Loan term from December 30, 2024 to June 30, 2025. Assets secured by shares and other legal receivables of Licogi Corporation - JSC at Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

20. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES SHORT – TERM (CONTINUED)

(ix) Credit contract No. 18/2011/HDTD/TSCĐ-LICOGI signed on December 30, 2011 between Licogi Corporation - JSC and Song Da Corporation with the amount of VND 20,000,000,000 for the purpose of investing in the Bac Ha Hydropower Project. The loan term is 06 months from the date of disbursement. The loan interest rate is 20%/year. The collateral is 1,226,400 shares of Licogi Quang Ngai Joint Stock Company, 596,700 shares of Licogi 12 Joint Stock Company and 300,000 shares of Indico Long Son Petroleum Industrial Zone Investment Joint Stock Company.

(x) Includes a number of loan contracts with individuals and other entities. Specifically:

Loan contract No. 01/HĐCV/TG-LICOGI dated May 12, 2021 with appendix to loan contract No. 01/PLHĐCV/TG-LICOGI dated May 10, 2022 between Licogi Corporation - JSC and TERRA GOLD Joint Stock Company with an amount of VND 4,100,000,000 for the purpose of carrying out the borrower's activities in accordance with the law and without affecting the interests of the lender. The loan interest rate is 5%/year. The loan term is 12 months from the date the lender transfers money to the borrower. The Corporation uses the receivables of the Corporation arising under the Subcontracting Contract No. 05/LICOGI/ISG/2016 dated August 10, 2016 between Hoa Binh Construction and Real Estate Trading Joint Stock Company and Licogi Corporation - JSC and the attached appendices to secure this loan. The value of the mortgaged assets at the time of signing the Contract is VND 8,334,349,353. The loan balance as at December 31, 2024 is VND 4,100,000,000.

Personal loans are mainly loans from the Corporation's employees to supplement working capital, serving the Corporation's production and business activities. The loan interest rate is applied according to the Bank's lending interest rate to the Corporation at the time of borrowing and is adjusted according to the Bank's announcement. During the year, the main interest rate applied is from 7,5 to 10%/year. The loans have a term of less than 12 months..

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

21. LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES LONG – TERM

		Closing balance		In the year		Opening balance	
		Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Long-term loans and under finance leases							
Long-term loans		**165,000,000,000**	**165,000,000,000**	**-**	**-**	**165,000,000,000**	**165,000,000,000**
- Hai Duong Consultant and Investment Company Limited	(i)	165,000,000,000	165,000,000,000	-	-	165,000,000,000	165,000,000,000
Units loan		**203,675,000,000**	**203,675,000,000**	**11,355,000,000**	**-**	**192,320,000,000**	**192,320,000,000**
- Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	(ii)	203,675,000,000	203,675,000,000	11,355,000,000	-	192,320,000,000	192,320,000,000
Total		**368,675,000,000**	**368,675,000,000**	**11,355,000,000**	**-**	**357,320,000,000**	**357,320,000,000**
Less: Long-term loan due to pay		**-**	**-**			**-**	**-**
Total long-term loans		**368,675,000,000**	**368,675,000,000**			**357,320,000,000**	**357,320,000,000**
Long-term loans and liabilities from related parties *(Details stated in Note VII.1)*		**203,675,000,000**	**203,675,000,000**			**192,320,000,000**	**192,320,000,000**

(i) Loan from Hai Duong Investment and Consulting Company limited under the agreement on the conversion of repayment obligations into a loan dated December 31, 2021. The loan amount is VND 165 billion, with a term of 3 years and an interest rate of 0% per year. The principal is to be repaid at the end of the loan term. This loan is unsecured.

(ii) Loan agreements between Licogi - JSC Corporation and Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company limited. These loans, totaling VND 270,210,000,000, were intended to support the Thinh Liet New Urban Area project. The loan interest rate ranges from 8% to 10% per year. According to the contract appendices, the principal repayment term was extended until 2023. Upon the expiration of the loan term, both parties must mutually agree in writing on any further extensions. If no written agreement is reached, the contract will automatically renew with equivalent terms, with no limitation on the number of automatic extensions. The loan balance as at December 31, 2024 is VND 203,675,000,000. This loan is unsecured.

V. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

22. OWNER'S EQUITY

a. Movement in owner's equity

	Owner's contributed capital VND	Retained earnings VND	Total VND
Prior year's opening balance as previously reported	**900,000,000,000**	**(366,326,675,735)**	**533,673,324,265**
Profit for the year	-	6,129,201,309	6,129,201,309
Distribution of bonus and welfare fund	-	(1,000,000,000)	(1,000,000,000)
Opening balance	**900,000,000,000**	**(361,197,474,426)**	**538,802,525,574**
Profit for the year	-	5,328,792,411	5,328,792,411
Closing balance	**900,000,000,000**	**(355,868,682,015)**	**544,131,317,985**

b. Details of owner's equity

	Closing balance		Opening balance	
	Ratio	Value	Ratio	Value
State Capital Investment	40.71%	366,406,910,000	40.71%	366,406,910,000
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	35.00%	315,000,000,000	35.00%	315,000,000,000
Gia Cuong Investement Company Limited	19.24%	173,128,880,000	19.24%	173,128,880,000
Other shareholders	5.05%	45,464,210,000	5.05%	45,464,210,000
Total	**100%**	**900,000,000,000**	**100%**	**900,000,000,000**

c. Shares

	Closing balance Shares	Opening balance Shares
Number of shares registered for issuance	90,000,000	90,000,000
Ordinary shares	*90,000,000*	*90,000,000*
Number of shares outstanding	90,000,000	90,000,000
Ordinary shares	*90,000,000*	*90,000,000*

Par value of outstanding shares: 10,000 VND/share

VI. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET

1. REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year VND	Prior year VND
Sales of merchandise and services	**208,297,078,555**	**306,521,559,494**
Including:		
Sales of goods and construction materials	163,264,315,533	180,618,390,250
Sales of services	1,677,573,680	1,663,550,027
Sales from construction contracts	43,355,189,342	124,239,619,217
Deductions	-	-
Total	**208,297,078,555**	**306,521,559,494**
Revenue with related parties *(Details in Notes VII.1)*	**163,347,704,367**	**82,234,289,490**

2. COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year VND	Prior year VND
Cost of goods, construction materials	162,925,208,278	180,619,472,571
Cost of services provided	1,306,018,563	2,378,473,814
Cost of construction contract	41,591,110,160	138,485,218,968
Total	**205,822,337,001**	**321,483,165,353**

3. FINANCIAL INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Deposit interest, loan interest	34,397,910,266	36,273,569,226
Dividends distributed profit	84,392,035,786	98,439,733,200
Profit from selling shares of Licogi 14 Joint Stock Company	4,565,450,000	38,268,007,270
Profit from selling shares of Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	21,424,000	-
Profit from selling shares of Licogi 18 Joint Stock Company	2,955,780,000	-
Others financial income	2,217,510	-
Total	**126,334,817,562**	**172,981,309,696**
Financial Income with related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**115,654,485,110**	**128,644,975,938**

VI. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

4. FINANCIAL EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Interest expenses	87,320,891,385	100,028,381,433
Provision/Reversal of long-term investment losses	6,294,313,651	12,980,204,936
Loss from selling shares of Licogi 13 Joint Stock Company	4,862,000,000	-
Other financial expenses	10,698,559	87,591,701
Total	**98,487,903,595**	**113,096,178,070**
Financial expenses with related parties *(Details stated in Note VII.1)*	**38,676,382,015**	**39,412,403,752**

5. GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Expense of office supplies	430,644,616	650,512,251
Management staff expense	16,691,962,939	17,261,045,417
Fixed asset depreciation expense	1,174,600,059	1,173,092,946
Taxes, fees, charges	856,818,024	855,771,778
Provision	(2,070,000,000)	1,189,467,766
Expenses of hired services	2,604,443,153	7,070,169,183
Other expenses in cash	1,578,028,977	2,531,894,088
Total	**21,266,497,768**	**30,731,953,429**

6. OTHER INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Sale, disposal of fixed assets	4,908,782,725	2,524,669,598
Other	1,406,009,824	-
Total	**6,314,792,549**	**2,524,669,598**

7. OTHER EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Penalties	116,134,693	282,660,530
Depreciation of assets inactive	9,911,308,960	10,304,380,097
Other	13,714,238	-
Total	**10,041,157,891**	**10,587,040,627**

VI. INFORMATION SUPPLEMENTING THE ITEMS IN THE SEPARATE OF BALANCE SHEET (CONTINUED)

8. CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Current year VND	Prior year VND
Accounting profit before tax	**5,328,792,411**	**6,129,201,309**
Adjustment for taxable income	-	-
Plus: Non-deductible expenses	46,994,317,513	47,149,062,895
- Controlled interest expense due to related party	*30,860,757,386*	*36,562,022,268*
- Other non-deductible expenses	*10,028,178,101*	*10,587,040,627*
- Unpaid salary expenses until yearly tax settlement	*6,105,382,026*	-
Less: Tax-exempt income	84,392,035,786	98,439,733,200
- Profits of Subsidiaries and Associates	*84,392,035,786*	*98,439,733,200*
Carry forward losses incurred in previous years	-	-
Assessable income	**(32,068,925,862)**	**(45,161,468,996)**
Carry forward losses incurred in previous years	-	-
Taxable income	-	-
Tax rate	20%	20%
Current CIT expense for the year	-	-

9. BASIC EARNINGS/(LOSSES) PER SHARE

According to Vietnamese Accounting Standard No. 30 "Earnings per Share," if a company prepares both separate financial statements and consolidated financial statements, it is only required to present earnings per share information in accordance with this standard in the consolidated financial statements.

10. PRODUCTION COST BY NATURE

	Current year VND	Prior year VND
Cost of raw materials, materials	5,029,249,491	3,422,843,507
Labour expenses	17,436,505,861	26,429,858,998
Fixed asset depreciation expenses	11,562,606,904	12,643,048,587
Cost of hired services	38,314,934,783	125,434,113,756
Other expenses in cash	1,700,834,456	3,207,417,585
Total	**74,044,131,495**	**171,137,282,433**

VII. OTHER INFORMATION

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

Related party	Relationship
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	Subsidiary Company
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	Subsidiary Company
Licogi Consulting Joint Stock Company	Subsidiary Company
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No9	Subsidiary Company
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	Subsidiary Company
Licogi 10 Joint Stock Company	Subsidiary Company
Licogi 10.6 One Member Company Limited	Level 02 subsidiary
Licogi 15 Joint Stock Company	Subsidiary Company
Licogi 17 Joint Stock Company	Subsidiary Company
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	Subsidiary Company
Water Electrical System and Machinery Installation	Subsidiary Company
Licogi Housing and Urban Development Company	Subsidiary Company
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	Subsidiary Company
Licogi General Import Export One Member Company Limited	Subsidiary Company
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	Associated Company
Licogi 14 Joint Stock Company	Associated Company
Licogi 19 Joint Stock Company	Associated Company
Viet Nam MIK GROUP Joint Stock Company	Realated Company

During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

	Current year VND	Prior year VND
Sales	**163.347.704.367**	**82.234.289.490**
Mechanized Construction and Installation Joint Stock	68.183.706.580	81.513.732.000
Licogi 10.6 One Member Company Limited	51.005.069.611	50.399.911
Viet Nam MIK GROUP Joint Stock Company	27.178.357.234	-
Licogi General Import Export One Member Company	12.251.589.020	-
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint	4.417.550.644	-
Licogi 15 Joint Stock Company	144.951.960	606.146.342
Licogi 17 Joint Stock Company	166.479.318	64.011.237
Purchases	**103.592.552.011**	**176.372.842.745**
Licogi 17 Joint Stock Company	97.567.046.222	171.416.074.647
Licogi 10 Joint Stock Company	640.867.238	1.525.877.335
Mechanized Construction and Installation Joint Stock	218.181.816	3.430.890.763
Licogi 10.6 One Member Company Limited	5.166.456.735	-

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties (Continued):

	Current year VND	Prior year VND
Loan interest	**33,470,089,574**	**32,483,367,738**
Licogi Housing and Urban Development Company	32,327,832,762	31,344,231,847
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	929,773,476	927,233,111
Licogi 15 Joint Stock Company	212,483,336	211,902,780
Dividends, profits shared	**82,184,395,536**	**96,161,608,200**
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	52,458,430,000	74,546,190,000
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	24,357,284,700	18,945,488,100
Licogi 14 Joint Stock Company	2,853,005,000	-
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	2,141,395,200	2,141,395,200
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	374,280,636	384,534,900
Licogi Consulting Joint Stock Company	-	144,000,000
Interest expenses	**38,676,382,015**	**39,412,403,752**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	23,148,514,186	20,093,070,588
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	5,597,002,132	8,273,888,800
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	4,351,759,604	5,779,028,168
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	3,865,185,541	4,909,486,470
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	928,777,000	173,390,000
Licogi 17 Joint Stock Company	544,486,018	-
Licogi General Import Export One Member Company Limited	240,657,534	183,539,726

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

Significant related party balances as at the balance sheet date were as follows:

	Closing balance VND	Opening balance VND
Short-term trade receivables	**48.480.383.278**	**30.662.102.929**
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock	13.783.807.403	13.783.807.403
Viet Nam MIK GROUP Joint Stock Company	25.971.260.268	8.673.591.895
Bac Ha Hydropower Joint Stock Company	4.804.043.818	4.804.043.818
Licogi 15 Joint Stock Company	1.667.794.557	1.495.849.719
Licogi Housing and Urban Development Company	1.381.840.156	1.381.840.156
Licogi 2 Investment And Construction One Member	427.246.063	427.246.063
Licogi 17 Joint Stock Company	180.561.300	-
Licogi General Import Export One Member Company	105.873.178	-
Mechanized Construction and Installation Joint Stock	95.723.875	95.723.875
Licogi 10.6 One Member Company Limited	62.232.660	-
Short-term advances to suppliers	**66,906,203,325**	**53,047,831,094**
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	38,472,872,158	38,472,872,158
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	13,000,000,000	-
Licogi 15 Joint Stock Company	10,813,710,792	10,813,710,792
Licogi 19 Joint Stock Company	3,695,789,577	3,695,789,577
Mechanized Construction and Installation Joint Stock	65,458,567	65,458,567
Licogi 10.6 One Member Company Limited	858,372,231	-
Short-term loan receivables	**196,903,623,180**	**196,903,623,180**
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	1,600,000,000	1,600,000,000
Licogi Housing and Urban Development Company	195,303,623,180	195,303,623,180
Long-term loan receivables	**14,010,000,000**	**3,860,000,000**
Licogi Housing and Urban Development Company	14,010,000,000	3,860,000,000
Total other receivables	**226,450,729,717**	**195,775,267,043**
Receivable related to equitisation	***3,628,215,586***	***3,628,215,586***
Water Electrical System and Machinery Installation Licogi Joint Stock Company	3,916,293	3,916,293
Licogi 19 Joint Stock Company	3,624,299,293	3,624,299,293
Receivable related to dividends and profits received	-	***2,794,626,900***
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	2,207,520,000	2,207,520,000
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	758,815,536	384,534,900
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 10	202,572,000	202,572,000

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

Significant related party balances as at the balance sheet date were as follows (Continued):

	Closing balance VND	Opening balance VND
Advances receivable from related parties	***10,201,578,445***	***9,059,321,633***
Water Electrical System and Machinery Installation	7,464,190,171	6,534,416,695
Licogi 15 Joint Stock Company	2,015,426,678	1,802,943,342
Licogi 19 Joint Stock Company	713,413,162	713,413,162
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	8,548,434	8,548,434
Other receivables	***212,620,935,686***	***180,293,102,924***
Licogi Housing and Urban Development Company	209,237,674,737	176,909,841,975
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	3,383,260,949	3,383,260,949
Short-term trade payables	**68,376,354,393**	**70,641,437,456**
Licogi 17 Joint Stock Company	32,171,117,082	31,134,314,283
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock Company	14,301,804,379	13,889,964,888
Licogi 10 Joint Stock Company	8,243,192,882	12,476,918,235
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	10,814,210,438	10,294,210,438
Licogi Quang Ngai Joint Stock Company	1,609,145,615	1,609,145,615
Licogi Consulting Joint Stock Company	1,197,675,311	1,197,675,311
Licogi 15 Joint Stock Company	39,208,686	39,208,686
Short-term advances from customers	**175,228,329,104**	**87,053,873,892**
Licogi Housing and Urban Development Company	72,000,000,000	-
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No9	46,162,167,812	47,681,291,600
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	37,081,161,292	39,372,582,292
Licogi 10.6 One Member Company Limited	19,985,000,000	-
Accrued expenses	**176,903,337,435**	**152,981,953,570**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	117,555,987,831	94,407,473,645
Water Electrical System and Machinery Installation	30,541,489,500	30,541,489,500
Foundation Engineering and Construction 20 Joint Stock	14,796,165,969	14,796,165,969
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	-	6,224,471,604
Licogi 17 Joint Stock Company	8,556,734,742	-
Licogi 15 Joint Stock Company	3,384,919,688	3,384,919,688
Licogi 2 Investment And Construction One Member	826,107,961	1,744,634,182
Mechanized Construction and Installation Joint Stock Company No 9	998,613,914	1,639,481,152
Licogi 10 Joint Stock Company	243,317,830	243,317,830

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

Significant related party balances as at the balance sheet date were as follows (Continued):

	Closing balance VND	Opening balance VND
Others payables	**95,242,000,204**	**94,562,630,722**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	60,000,000,000	60,000,000,000
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	24,816,679,766	25,254,016,850
Mechanized Construction and Installation Joint Stock	8,932,093,079	8,995,046,146
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	936,195,000	130,028,000
Licogi General Import Export One Member Company Limited	424,197,260	183,539,726
Licogi 17 Joint Stock Company	132,835,099	-
Short-term loans and obligations under finance leases	**152,874,809,687**	**125,442,607,349**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	109,322,197,156	64,137,197,156
Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company	11,513,085,472	32,164,070,414
Licogi 2 Investment And Construction One Member Company Limited	9,762,588,389	11,641,339,779
Dong Anh Investment and Construction Materials Joint Stock Company	17,681,214,800	12,500,000,000
Licogi General Import Export One Member Company Limited	3,000,000,000	3,000,000,000
Licogi 17 Joint Stock Company	1,595,723,870	2,000,000,000
Long-term loans and obligations under finance leases	**203,675,000,000**	**192,320,000,000**
Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited	203,675,000,000	192,320,000,000

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

1. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES (CONTINUED)

The income, remuneration and allowances of the Board of Directors, the Board of Management, and the Board of Supervision during the year are as follows:

	Current year VND	Prior year VND
Income of the Board of the Directors	**1,381,936,000**	**1,413,848,466**
1. Mr. Đinh Viet Tung	133,000,000	122,000,000
2. Mr. Phan Thanh Hai	376,032,000	430,499,668
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	118,548,000	-
4. Mr. Nguyen Danh Quan	356,028,000	380,864,490
5. Mr. Ung Tien Do	356,028,000	380,864,490
6. Mr. Nguyen Truong Son	42,300,000	99,619,818
Income of the Board of Management	**974,769,067**	**1,011,690,542**
1. Mr. Vu Nguyen Vu	228,948,364	382,499,668
2. Mr. Phan Thanh Hai	139,743,636	-
3. Mr. Nguyen Thanh Hop	263,680,000	363,299,696
4. Mr. Nguyen Anh Dung	342,397,067	265,891,178
Income of The Board of Supervisory	**502,028,000**	**508,473,581**
1. Mr Phan Hai Trieu	356,028,000	358,464,490
2. Mrs. Duong Thi Phuong	73,000,000	75,009,091
3. Mrs. Kieu Bich Hoa	73,000,000	75,000,000
Total	**2,858,733,067**	**2,934,012,589**

2. COMMITMENT TO OPERATIONAL LEASE

The Corporation signed a contract with the Hanoi Department of Land and Housing under land lease contract No. 146-2003/DCND-HDDTTN at G1 building, Nguyen Trai street, Thanh Xuan Bac ward, Thanh Xuan district, Hanoi for the purpose of using it as an office and production management office for 30 years from 01 January, 2003. The leased land area is 1,928 m2. According to this contract, the Corporation must pay land rent until the contract expires according to current regulations of the State.

3. CONTINGENT LIABILITIES

According to the first instance judgment No. 30/2024/KDTM-ST dated July 12, 2024 of the People's Court of Thanh Xuan District, Hanoi City, it is decided that:

- Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) is obliged to repay the debt to the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development under Credit Contract No. 1480 LAV201200441/HDTD dated June 29, 2012 and 10 debt receipts with a total amount of VND 7,583,146,207, of which the principal is VND 4,900,956,630, interest is VND 2,682,189,577. The Company continues to bear interest at the rate of 4.86%/year from the day following the date of the first instance trial (July 12, 2024) until the above debt is fully paid to the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development.

VII. OTHER INFORMATION (CONTINUED)

3. CONTINGENT LIABILITIES (CONTINUED)

- Accept the lawsuit request of the Bank for Agriculture and Rural Development of Vietnam to force LICOGI Corporation - JSC to perform the debt guarantee obligation on behalf of LICOGI Electricity and Water Installation Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) for the entire principal and interest debt under Credit Contract No. 1480 LAV201200441/HDTD dated June 29, 2012 in case Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) fails to fully perform its debt repayment obligation to the Bank under authorization No. 140ª/TCT-KTTC dated April 1, 2012 of LICOGI Corporation - JSC. Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development has the right to request competent enforcement agencies to handle assets under the ownership and legal use rights of LICOGI Corporation - JSC in accordance with the provisions of law to recover debt if the Corporation violates its guarantee obligations.

- Regarding court fees: Water Electrical System and Machinery Installation LICOGI Joint Stock Company must pay VND 115,583,146 in first-instance commercial court fees. Refund to the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development the advance court fee of VND 57,600,000 paid in the receipt of advance court fees and court fees No. 00125387 dated October 23, 2023 of the Thanh Xuan District Civil Judgment Enforcement Office.

According to the appeal judgment No. 01/2025/KDTM-PT dated January 3, 2025 of the People's Court of Hanoi City, it is decided that:

- Uphold the first instance commercial judgment No. 30/2024/KDTM-ST dated July 12, 2024 of the People's Court of Thanh Xuan District, Hanoi City.

- Regarding court fees: LICOGI Corporation - JSC must pay 2,000,000 VND in appeal court fees deducted from the amount paid according to Receipt No. 36313 dated July 30, 2024 at the Thanh Xuan District Civil Judgment Enforcement Office, Hanoi City.

On March 25, 2025, the Corporation submitted a request for review of the cassation procedure for the above judgments of first instance and appeal to the Chief Justice of the High People's Court in Hanoi and the Chief Prosecutor of the High People's Procuracy in Hanoi. Accordingly, the Corporation did not set aside a provision for this potential debt in its separate financial statements because it believed that the Corporation would not incur an obligation to guarantee debt repayment on behalf of LICOGI Electricity and Water Installation Joint Stock Company (Subsidiary).

4. SUBSEQUENT EVENTS

There have been no significant events occurring after 31 December 2024 which would require adjustments or disclosures to be made in the separate financial statements.

Dang Thu Oanh	**Le Thi Thanh Noi**	**Phan Thanh Hai**
Preparer	**Chief Accountant**	**Chief Executive Officer**
		March 31, 2025

LICOGI CORPORATION - JSC
Ballot Counting Committee

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

Date: June 19, 2025

BALLOT COUNTING MINUTES
2025 Annual General Meeting of Shareholders
LICOGI Corporation - JSC

At 08:33 AM on June 19, 2025, at the Hall on the 2nd Floor, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi City, the Ballot Counting Committee, comprising:

Mr Nguyen Trong Thanh	Position: Head of the Committee
Mr Nguyen Cong Nghi	Position: Member
Mr Dinh Hai Ninh	Position: Member

Proceeded to count the ballots on the resolutions voted at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC with the following results:

Number of attending delegates: 14

Number of authorized delegates: 3

Representing: 88,298,579 voting shares

Accounting for: 98.0995% of the total voting shares of all shareholders entitled to vote

Ballot counting results:

Total number of ballots issued: 14, representing 88,289,579 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending the meeting.

Total number of ballots collected: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 99.9880% of the total voting shares of the shareholders attending the meeting.

Total number of ballots not collected: 3, representing 10,600 voting shares, accounting for 0.0120% of the total voting shares of the shareholders attending the meeting

Detailed ballot counting results for each resolution are as follows:

Agenda Item 01: Approval of the Presidium

Total number of valid ballots: **11**, representing **88,278,979** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: **11,** representing **88,278,979** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Resolution 01 was approved with 100.0000% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

Agenda Item 02: Approval of the Vote Counting Committee

Total number of valid ballots: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting at the meeting, of which:

- Total number of ballots in favor: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of ballots against: **0,** representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of ballots with no opinion: **0**, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of invalid ballots: **0,** representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

As such, Agenda Item 02 was approved with a rate of 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

Agenda Item 03: Approval of the Meeting Agenda

Total number of valid ballots: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting at the meeting, of which:

- Total number of ballots in favor: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

- Total number of ballots with no opinion: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

As such, Agenda Item 03 was approved with a rate of 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

Agenda Item 04: Agenda Item 04: Approval of the Regulations on Organizing the General Meeting

Total number of valid ballots: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting at the meeting, of which:

- Total number of ballots in favor: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of ballots with no opinion: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

As such, Agenda Item 04 was approved with a rate of 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Agenda Item 05: Agenda Item 05: Approval of the Regulations on Additional Election of Members of the Board of Directors

Total number of valid ballots: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting at the meeting, of which:

- Total number of ballots in favor: 11, representing 88,278,979 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of ballots with no opinion: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Total number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

As such, Agenda Item 05 was approved with a rate of 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

The minutes were made at 08:33 A.M. on June 19, 2025, and were approved by the Annual General Meeting of Shareholders of Licogi Corporation – JSC in 2025

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE	HEAD OF BALLOT COUNTING COMMITTEE
Nguyen Cong Nghi	Nguyen Trong Thanh

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Dinh Hai Ninh

LICOGI CORPORATION - JSC
Ballot Counting Committee

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

Date: June 19, 2025

BALLOT COUNTING MINUTES
2025 Annual General Meeting of Shareholders
LICOGI Corporation - JSC

At 10:31 AM on June 19, 2025, at the Hall on the 2nd Floor, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi City, the Ballot Counting Committee, comprising:

Mr Nguyen Trong Thanh	Position: Head of the Committee
Mr Nguyen Cong Nghi	Position: Member
Mr Dinh Hai Ninh	Position: Member

Proceeded to count the ballots on the resolutions voted at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC with the following results:

Number of attending delegates: 16
Number of authorized delegates: 3
Representing: **88,291,180 voting shares**
Accounting for: **98.1013%** of the total voting shares of all shareholders entitled to vote

Ballot counting results:

Total number of ballots issued: 16, representing 88,291,180 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending the meeting.

Total number of ballots returned: 12, representing 88,2808,579 voting shares, accounting for 99.9880% of the total voting shares of the shareholders attending the meeting.

Total number of ballots not returned: 4, representing 10,601 voting shares, accounting for 0.0120% of the total voting shares of the shareholders attending the meeting

Detailed ballot counting results for each resolution are as follows:

Agenda Item 01: Approval of the Board of Director's Report

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: **11,** representing **88,278,579** voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1, representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 01 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

Agenda Item 02: Approval of the Supervisory Board's Report

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: **11,** representing **88,278,579** voting shares, accounting for **99.9977%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: **0,** representing **0** voting shares, accounting for **0.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: **1** representing **2,000** voting shares, accounting for **0.0023%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: **0**, representing **0** voting shares, accounting for **0.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 02 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders.

Agenda Item 03: Approval of the Executive Board's Report

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 03 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders.

Agenda Item 04: Approval of 2024 Business Result and 2025 Business Plan

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 04 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders.

Agenda Item 05: Approval of 2024 Audited Financial Reports

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 05 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders.

Agenda Item 06: Approval of the policy on terminating the operation of the Representative Office in Ho Chi Minh City of Licogi Corporation – JSC

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 06 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders.

Agenda Item 07: Approval of the proposal on restructuring Licogi Corporation – JSC's financial investments in other enterprises

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 07 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

Agenda Item 08: Approval of the 2024 profit distribution plan and the proposed dividend rate for 2025

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 08 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

Agenda Item 09: Approval of the proposal on remuneration and salaries for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2024, and the proposed remuneration and salaries for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 09 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

Agenda Item 10: Approval of the selection of Auditing Firm for 2025 Financial Report

Total number of valid ballots: **12**, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.

- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 10 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

Agenda Item 11: Approval of the dismissal and additional election of 01 member of the Board of Directors for the 2021–2026 term

Total number of valid ballots: 12, representing **88,280,579** voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: 11, representing 88,278,579 voting shares, accounting for 99.9977% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: 1 representing 2,000 voting shares, accounting for 0.0023% of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Agenda Item 11 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

The minutes were made at 10:31 A.M. on June 19, 2025, and were approved by the Annual General Meeting of Shareholders of Licogi Corporation – JSC in 2025

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Nguyen Cong Nghi

HEAD OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Nguyen Trong Thanh

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Dinh Hai Ninh

LICOGI CORPORATION - JSC
Ballot Counting Committee

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

---o0o---

Date: June 19, 2025

BALLOT COUNTING MINUTES
2025 Annual General Meeting of Shareholders
LICOGI Corporation - JSC

At 10:52 AM on June 19, 2025, at the Hall on the 2nd Floor, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi City, the Ballot Counting Committee, comprising:

Mr Nguyen Trong Thanh	Position: Head of the Committee
Mr Nguyen Cong Nghi	Position: Member
Mr Dinh Hai Ninh	Position: Member

The vote counting for the election of members of the Board of Directors was conducted at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Licogi Corporation – JSC:

Number of attending delegates: 17

Number of authorized delegates: 3

Representing: 88,331,080 voting shares

Accounting for: 98.1456% of the total voting shares of all shareholders eligible to vote

Election of 01 Additional Member to the Board of Directors for the 2021–2026 Term

Total number of ballots issued:	**17 ballots**, representing **88,331,080 voting shares**, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending the meeting
Total number of ballots returned:	**13 ballots**, representing **88,320,479 voting shares**, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting
Total number of ballots not returned:	**4 ballots**, representing **10,601 voting shares**, accounting for **0.0120%** of the total voting shares of the shareholders attending the meeting
Total number of valid ballots:	**13 ballots**, representing **88,320,479 voting shares**, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting
Total number of invalid ballots not returned:	**0 ballot**, representing 0 **voting shares**, accounting for **0 %** of the total voting shares of the shareholders attending the meeting

Results:

Candidate's Name: Full **Vu Dinh Chien**

Total number of ballots in favor: **13 ballots**, representing **88,320,479 voting shares**, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting

As such, the list of elected members of the Board of Directors includes the following candidate

Candidate's Name: Full **Vu Dinh Chien**

Total number of ballots in favor: **13 ballots**, representing **88,320,479 voting shares**, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting

The minutes were made at 10:52 A.M. on June 19, 2025, and were approved by the Annual General Meeting of Shareholders of Licogi Corporation – JSC in 2025

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Nguyen Cong Nghi

HEAD OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Nguyen Trong Thanh

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Dinh Hai Ninh

LICOGI CORPORATION - JSC
Ballot Counting Committee

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

Date: June 19, 2025

BALLOT COUNTING MINUTES
2025 Annual General Meeting of Shareholders
LICOGI Corporation - JSC

At 11:18 AM on June 19, 2025, at the Hall on the 2nd Floor, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi City, the Ballot Counting Committee, comprising:

Mr Nguyen Trong Thanh	Position: Head of the Committee
Mr Nguyen Cong Nghi	Position: Member
Mr Dinh Hai Ninh	Position: Member

Proceeded to count the ballots on the resolutions voted at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of LICOGI Corporation - JSC with the following results:

Number of attending delegates: 18

Number of authorized delegates: 3

Representing**: 88,331,580** voting shares

Accounting for**: 98.1462%** of the total voting shares of all shareholders entitled to vote

Ballot counting results:

Total number of ballots issued: 18, representing **88,331,580** voting shares, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending the meeting.

Total number of ballots collected: 13, representing **88,320,479** voting shares, accounting for **99.9874%** of the total voting shares of the shareholders attending the meeting.

Total number of ballots not collected: 5, representing **11,101** voting shares, accounting for **0.0126%** of the total voting shares of the shareholders attending the meeting

Detailed ballot counting results for each resolution are as follows:

Agenda Item 01: Approval of the Minutes and Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders

Total number of valid ballots**: 13**, representing **88,320,479** voting shares, accounting for **100.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting, of which:

- Number of ballots in favor: **12,** representing **88,318,479** voting shares, accounting for **99.9977%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots against: **0**, representing 0 voting shares, accounting for **0.0000%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of ballots with no opinion: **1**, representing **2,000** voting shares, accounting for **0.0023%** of the total voting shares of the shareholders attending and voting.
- Number of invalid ballots: 0, representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of the shareholders attending and voting

Thus, Resolution 01 was approved with 99.9977% of the total voting shares represented by attending and voting shareholders

The minutes were made at 18:18 A.M. on June 19, 2025, and were approved by the Annual General Meeting of Shareholders of Licogi Corporation – JSC in 2025

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE	**HEAD OF BALLOT COUNTING COMMITTEE**
Nguyen Cong Nghi	Nguyen Trong Thanh

MEMBER OF BALLOT COUNTING COMMITTEE

Dinh Hai Ninh

VOTER ELIGIBILITY EXAMINATION COMMITTEE

ATTENDANCE LIST OF THE SHAREHOLDER'S MEETING
At: 11:18, June 19th , 2025

The Voter Eligibility Examination Committee reports the Attendance list of Annual General Meeting of Shareholders 2025:

No.	Voter ID	Full name	Attendance form	Number of shares in own possession	Number of shares authorized by other shareholders	Total number of voting shares	The percentage	Time
1	LIC.000112	NGUYEN VAN LINH	Online	3.000	0	3.000	0,0033%	07:30 19/06/2025
2	LIC.000033	VO THI KIEU	Online	13.000	0	13.000	0,0144%	07:45 19/06/2025
3	LIC.000029	NGUYEN HUU HAI	Online	13.900	0	13.900	0,0154%	07:57 19/06/2025
4	LIC.000521	PHAN THANH HAI	Online	0	31.500.000	31.500.000	35,0000%	08:01 19/06/2025
5	LIC.000153	TRINH BA LONG QUAN	Online	2.000	0	2.000	0,0022%	08:04 19/06/2025
6	LIC.000522	NGUYEN THANH HOP	Online	0	2.700.000	2.700.000	3,0000%	08:04 19/06/2025
7	LIC.000520	DINH VIET TUNG	Online	0	85.000	85.000	0,0944%	08:08 19/06/2025
8	LIC.000003	GIA CUONG INVESTMENT COMPANY LIMITED	Online	17.312.888	0	17.312.888	19,2365%	08:08 19/06/2025
9	LIC.000001	STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION - LIMITED LIABILITY COMPANY	Online	36.640.691	0	36.640.691		08:14 19/06/2025

No.	Voter ID	Full name	Attendance form	Number of shares in own possession	Number of shares authorized by other shareholders	Total number of voting shares	The percentage	Time
10	LIC.000074	NGUYEN HUY HOANG	Online	5.000	0	5.000	0,0056%	08:16 19/06/2025
11	LIC.000179	NGUYEN XUAN DINH	Online	1.500	0	1.500	0,0017%	08:19 19/06/2025
12	LIC.000065	HOANG VAN LINH	Online	5.600	0	5.600	0,0062%	08:27 19/06/2025
13	LIC.000078	TRAN HANH DUNG	Online	5.000	0	5.000	0,0056%	08:27 19/06/2025
14	LIC.000148	PHAM THI SUONG	Online	2.000	0	2.000	0,0022%	08:28 19/06/2025
15	LIC.000172	TRAN THI BICH VAN	Online	1.600	0	1.600	0,0018%	08:51 19/06/2025
16	LIC.000513	NGUYEN CONG MINH	Online	1	0	1	0,0000%	09:16 19/06/2025
17	LIC.000012	TRAN THI HONG DIEP	Online	39.900	0	39.900	0,0443%	10:46 19/06/2025
18	LIC.000308	DAO DUC ĐAT	Online	500	0	500	0,0006%	10:55 19/06/2025
TOTAL				**54.046.580**	**34.285.000**	**88.331.580**	**98,1462%**	

ON BEHALF OF VOTER ELIGIBILITY EXAMINATION COMMITTEE
HEAD

NGUYEN TRONG THANH

VOTER ELIGIBILITY EXAMINATION COMMITTEE

M.S.D.N: 0100106440 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP - Q. THANH XUÂN - TP HÀ NỘI

REPORT
LIST OF AUTHORIZED VOTERS ATTENDING THE SHAREHOLDER'S MEETING
At: 11:18, 19th June, 2025

List of authorized voters who participate in Annual General Meeting of Shareholders year 2025:

No.	Date of authorization	Mandarator ID	Full name (Mandarator)	Authorized Party ID	Full name (Authorized party)	Number of authorized shares	Status	Attendance form
1	18/06/2025	LIC.000006	PHAN THO DUC	LIC.000520	DINH VIET TUNG	85.000		Online
2	18/06/2025	LIC.000002	EASTERN REAL ESTATE INVESTMENT AND TRADING COMPANY	LIC.000521	PHAN THANH HAI	31.500.000		Online
3	18/06/2025	LIC.000004	SAIGON ANPHA REAL ESTATE EXCHANGE JOINT STOCK COMPANY	LIC.000522	NGUYEN THANH HOP	2.700.000		Online
TOTAL						**34.285.000**		

ON BEHALF OF VOTER ELIGIBILITY EXAMINATION COMMITTEE
HEAD

NGUYỄN TRỌNG THANH

LICOGI CORPORATION - JSC

Address: Building G1, No. 491 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No: .81../2025/NQ-HĐQT

Ha Noi, June 19, 2025

RESOLUTION FOR 2025 GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS LICOGI CORPORATION – JSC

GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF LICOGI CORPORATION - JSC

Pursuant to:

- Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;
- Charter of LICOGI Corporation - JSC (Amended and supplemented for the second time) approved by the General Meeting of Shareholders on June 24, 2021;
- Minutes of the 2025 General Meeting of Shareholders ("GMS") of LICOGI Corporation - JSC ("LICOGI Corporation") No.80/2025/BB-DHCD dated June 19, 2025,

RESOLUTION:

Article 1. Approval of the Report of the Board of Directors on activities in 2024 and orientation for 2025; the Report of the Board of Supervisors on activities in 2024 and Plan for 2025; the Report of the General Director on the business performance in 2024 and the business plan for 2025.

Approval of the 2024 Financial Report audited by International Auditing Company Limited (ICPA) with some basic indicators as follows:

Unit Million VND

No	Targets	Consolidated financial statements	Separate financial statements
1	Total assets	4,616,642	2,651,274
2	Total revenue	2,432,414	334,631
3	Total (Loss/Profit) Pre-tax Profit	85,023	5,329
4	Total (Loss/Profit) Profit after tax	73,352	5,329

5	Total (Loss/Profit) Profit attributable to Parent Company	59,671	5,328

Article 3. Approval of the business and investment results for 2024; Business and investment plan for 2025.

1. **Business and investment results for 2024:**

1.1. **Business performance results:**

No	Content	Unit of calculation	Plan 2024	Implementation in 2024	Executed rate 2024/ plan 2024
I	**Parent Company**				
1	Charter capital	Billion VND	900.000	900.000	100.0
2	Production value	Billion VND	234.708	210.374	89.6
3	Revenue	Billion VND	346.978	334.631	96.4
4	Profit before tax	Billion VND	11.912	5.329	44.7
5	Profit after tax	Billion VND		5.329	
6	Payment to the budget	Billion VND	1.400	5.734	409.6
7	Dividend (%)	%	0	0	100.0
8	Investment value	Billion VND	0.520	0.100	19.2
II	**Merger of Parent - Subsidiary**				
1	Production value	Billion VND	2,321.591	2,554.130	110.0
2	Revenue	Billion VND	2,558.054	2,432.414	95.1
3	Profit before tax	Billion VND	52.871	85.023	160.8
4	Profit after tax	Billion VND		73.351	
5	Payment to the budget	Billion VND	99.682	153.988	154.5
6	Investment value	Billion VND	335.760	56.597	16.9

1.2. Investment results:

- Value of financial investments as of December 31, 2024: 1,820.004 billion VND

In which: + Investment in subsidiaries: 1,448.580 billion VND;

+ Investment in associated companies: 321.547 billion VND;

+ Other investments: 49.876 billion VND;

(Provision for financial investments: VND 117.400 billion VND*).*

- Total investment value in 2024 is: 0.100 billion VND

In which: + Repair and maintenance of construction equipment: 0.100 billion VND

2. Production and business plan, investment in 2025

2.1. Production and business plan in 2025:

No	Content	Unit of calculation	Implementation in 2024	Plan 2025	% of plan 2025/implementation 2024
I	**Parent Company**				
1	Charter Capital	Billion VND	900.000	900.000	100.0
2	Production Value	Billion VND	210.374	286.960	136.4
3	Revenue	Billion VND	334.631	430.745	128.7
4	Profit Before Tax	Billion VND	5.329	6.699	125.7
5	Payment to the Budget	Billion VND	5.734	348.885	6.084.5
6	Dividend (%)	%	0	0	
7	Investment Value	Billion VND	0.100	0.616	616.0

No	Content	Unit of calculation	Implementation in 2024	Plan 2025	% of plan 2025/implementation 2024
II	**Merger of Parent - Subsidiary**				
1	Production Value	Billion VND	2,554.130	2,178.059	85.3
2	Revenue	Billion VND	2,432.414	2,427.674	99.8
3	Profit Before Tax	Billion VND	85.023	52.107	61.3
4	Payment to the Budget	Billion VND	153.988	513.917	333.7
5	Investment Value	Billion VND	56.597	490.786	867.2

2.2. Investment portfolio of the parent company in 2025:

Investment in machinery, equipment, factories and repairs:

Total expected investment: 0.616 billion VND

In which: + Investment in equipment repair and maintenance is: 0.616 billion VND.

Article 4. Approval of plan for the operation termination of the Representative Office in Ho Chi Minh City of LICOGI Corporation - JSC;

Assigning and authorizing the Board of Directors to organize and implement the termination of the operation of the Representative Office of the Corporation in Ho Chi Minh City in accordance with the provisions of law and the Charter of LICOGI Corporation - JSC.

Article 5. Continuing to implement the divestment of capital at 08 units with capital contributions of LICOGI Corporation as approved in the Resolution of the 2023 Annual General Meeting of Shareholders. Implementation period: From 2025 to 2026.

Assign and authorize the Board of Directors to organize the implementation, including: deciding on the plan and form of divestment of the Corporation's financial investment in the above Enterprises, determining the time of divestment, selling price, ensuring the highest benefit of the Corporation and in accordance with current regulations.

Article 6. Approval of the plan for distributing after-tax profits in 2024 and the expected dividend rate in 2025, specifically as follows:

1. Plan for distributing after-tax profits in 2024:

In 2024, the pre-tax profit of the Parent Company - LICOGI Corporation - JSC earned VND 5,328,792,411, but due to accumulated losses in 2016 and 2017, the Corporation paid dividends in 2024 at a rate of 0% in accordance with the Resolution of the 2024 General Meeting of Shareholders.

2. Expected dividend payment rate in 2025:

In 2025, the expected after-tax profit of the Parent Company is 6.699 billion VND, but not enough to offset accumulated losses, so the planned dividend payment rate in 2025 is 0%.

Article 7. Approval of the final settlement of salary and remuneration payments of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2024 and the Plan for salary and remuneration payments of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025, specifically as follows:

1. Total salary and remuneration paid to the Board of Directors in 2024 is VND 1,381,936,000/VND 1,488,000,000, equal to 92.9% of the Plan approved by the General Meeting of Shareholders. Total salary and remuneration paid to the Board of Supervisors in 2024 is VND 502,028,000/VND 576,000,000, equal to 87.1% of the Plan approved by the General Meeting of Shareholders.

- Other expenses for members of the Board of Directors and Supervisors such as working vehicles, travel, telephone... are in accordance with the Corporation's regulations, ensuring maximum savings. In addition, the Board of Directors and the Board of Supervisors do not have any additional expenses.

2. Plan for salary and remuneration payment of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025 and operating budget of the Board of Directors and the Board of Supervisors:

No	Position	Full-time work (VND/month)	Part-time work (VND/month)
1	Chairman	35,000,000	10,000,000
2	Vice Chairman	30,000,000	9,000,000
3	Members of the Board of Directors	28,000,000	7,000,000
4	Head of the Board of Supervisors	28,000,000	7,000,000
5	Members of the Board of Supervisors	15,000,000	5,000,000

- Total salary and remuneration of the Board of Directors (5 members) is expected to be: VND 1,488,000,000/year (**One billion, four hundred and eighty-eight million VND**).

- Total salary and remuneration of the Board of Supervisors (3 members) is expected to be: VND 576,000,000/year (**Five hundred and seventy-six million VND**).

Other expenses such as telephone, meals, holidays, Tet ... are implemented according to the Corporation's regulations for employees.

The operating budget of the Board of Directors and the Board of Supervisors (travel, accommodation, and other reasonable expenses) is paid according to actual expenses and is within the general operating budget of the Corporation as determined in the 2025 Financial Plan, ensuring savings, reasonableness, and compliance with the Charter of LICOGI Corporation, Financial Regulations, and internal spending regimes and norms of the Corporation.

The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors and the Board of Supervisors to adjust salaries and remuneration levels, if necessary, to suit the actual situation, but not exceeding the total salaries and remuneration levels approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 8. Approval of the list of 03 approved auditing companies to select one unit to audit the 2025 Financial Statements of the Corporation as proposed by the Board of Supervisors, including the review of the Semi-annual Financial Statements of the Parent Company and the Consolidation of the Parent Company - Subsidiary Company including:

- International Auditing Company Limited (ICPA)

- VACO Auditing Company Limited (VACO).

- UHY Auditing and Consulting Company Limited (UHY).

The General Meeting of Shareholders assigns the Board of Directors to decide on the selection of an auditing company for the 2025 Financial Statements from the above list. In case of disagreement with the auditing company on the list on the progress and fees of the auditing service, the General Meeting of Shareholders assigns the Board of Directors to select from the remaining auditing companies in the List of approved auditing companies to conduct audits for public interest entities announced by the State Securities Commission.

Article 9. The General Meeting of Shareholders dismisses Mr. Ung Tien Do, born on October 5, 1958, holding Citizen Identity Card No. 027058000292 issued by the Department of Administrative Management of Social Order on April 18, 2019, from

his position as a member of the Board of Directors, in accordance with Point b, Clause 2, Article 40 of the Charter of LICOGI Corporation – JSC

Article 10. The General Meeting of Shareholders elects additional members of the Board of Directors of LICOGI Corporation - JSC for the 2021-2026 term:

Mr. Vu Dinh Chien, born on April 30, 1973, holding Citizen Identity Card No. 001073033168 issued by the Department of Administrative Management of Social Order on April 24, 2023, a Civil Engineer, Chairman of the Members' Council cum General Director of Gia Cuong Investment Co., Ltd., has been elected as a member of the Board of Directors of LICOGI Corporation – JSC for the 2021–2026 term

Article 11. Implementation provisions

1. This Resolution shall take effect from the date of approval by the General Meeting of Shareholders (June 19, 2025).

2. Members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director and all shareholders of LICOGI Corporation shall be responsible for implementing and organizing the implementation of the Resolution within their authority and functions in accordance with the provisions of law and the Charter of LICOGI Corporation - JSC./.

Recipients:
- As per Article 11;
- State Capital Investment Corporation;
- Khu Dong Real Estate Investment and Trading Company Limited;
- Gia Cuong Investment Company Limited;
- Business Registration Office, Hanoi Department of Planning and Investment;
- State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange;
- Posted on Licogi's Website;
- File: LICOGI Board of Directors Office.

ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN

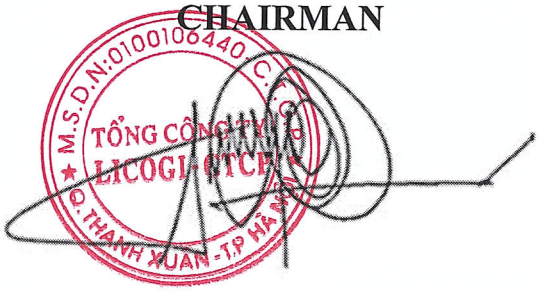

Dinh Viet Tung